

SÁCH THUỐC ĐÔNG Y

NAM KHOA – NỮ KHOA

TRỊ NAM NỮ BÁ CHỨNG

TÁC GIẢ: PHÓ THANH CHỦ

傅青主男女科



DỊCH GIẢ

ĐÔNG Y SĨ

Dịch Ninh LÊ ĐỨC THIẾP

DỊCH GIẢ
ĐINH NINH * LÊ ĐỨC THIẾP

傅青主男女科

PHÓ THANH CHỦ
NAM NỮ KHOA

di ảnh **PHÓ THANH CHỦ**
phóng theo hình bìa nguyên bản

Kính Dâng,

THÂN PHỤ và ĐỆ TAM BÀO HUYNH

Với một lòng bái tạ công ơn trong việc giáo huấn,

Đã tận tụy vì con !

Đã hết lòng với em !

Mà nay đã phiên dịch và ấn hành được quyền

CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN

của Đức Hải Thượng Lãn Ông và quyền sách này.

ĐỊNH NINH — LÊ ĐỨC THIỆP

MẤY LỜI BÀY TỎ

Kính thưa Quý Vị Độc Giả,

*Lý do quyền sách **PHÓ THANH CHỦ NAM NỮ KHOA** này được phiên dịch ra Quốc Văn để cống hiến Quý vị. Vì Dịch giả bao năm kinh trị đã lấy quyền sách này làm « gia bảo truyền kế ». Trong đó, y lý cao minh, bệnh luận tinh tường, được phương xác thực, tất cả các phép chần trị đều áp dụng đạo lý âm dương ngũ hành mà đối chứng lập phương rất tinh kỹ và kỳ diệu. Một quyền sách quý giá thiết ư thực dụng.*

Lại nhận thấy Vị Tác giả quyền sách này, Người chẳng màng tướng công danh, mặc dù mấy triều Vua trọng dụng, cũng chỉ một lòng lui về nghiên tinh y đạo để cứu độ quần sinh. Hoàn cảnh và sự nghiệp cũng in như Đức Y Tồ Hải Thượng Lãn Ông của chúng ta. Dịch giả thêm phần ngưỡng mộ mà phiên dịch ra.

Ôi! Dịch sách thuốc là một việc rất khó, khó hơn tất cả các môn dịch khác, vì lẽ nó liên quan trực tiếp đến mạng sống con người, nếu lỡ sai một ly có thể đi hại muôn ngàn. Thật rất đáng sợ, nên những vấn đề trong phần bệnh lý, những ý nghĩa trong phần y trị, không hề chải chuốt văn hoa để làm mất ý chính mà những phép bảo chế cũng như những công thức của cân lượng trong được phương, nhất nhất đều ghi chú cẩn thận.

— VI —

Tuy nhiên, nếu còn chỗ nào sai lầm mà không biết đến. Kính mong các Bác cao minh chất chính cho, để quyền sách được hoàn mỹ. Ngộ hầu phở biến sâu rộng cho Hậu học hành nghề có thực tài vững chắc mà noi theo con đường cứu nhân độ thế. Tưởng cũng không phải là vô ích.

Vui mừng lắm thay!

Viết tại Saigon ngày 12 tháng 7 năm 1972

DỊCH GIẢ

Đông y Sĩ

ĐỊNH NINH — LÊ ĐỨC THIẾP

TRẦN TRỌNG GHI ƠN

Kính thưa Quý Vị ân nhân

Quyển sách PHÓ THANH GHỬ NAM NỮ KHOA này đã phiên dịch rồi mà lại ấn hành quảng bá được là nhờ vào lòng nhiệt thành xây dựng Đông y (nói chung) và tinh cảm mến sâu đậm (nói riêng) của Quý vị đã tin tưởng, đã ủng hộ, đã dành cho cá nhân Định Ninh này rất là trọng hậu về phương diện tài chánh để hoàn thành sự việc. Bởi vậy, chân thành cảm tạ công ơn của Quý Vị bằng cách xin ghi quý tánh phương danh Quý Vị trên quyển sách này để tên tuổi Quý vị còn mãi mãi với giang sơn tuế nguyệt.

Kính xin Thượng Đê ban ơn cho Quý Vị :

Ô.B.	Vô danh		100.000\$
Ô.	Hai cụ Đỗ Văn Tiếu		10.000\$
Ô.	Trần Văn Hai	<i>Trì khoa danh y</i>	20.000\$
Ô.	Vũ Đức Thắng	<i>Chủ nhà thuốc Hoàn Sinh, Phó Chủ tịch Tổng hội Đông y học Việt Nam</i>	10.000\$
Ô.	Bùi Kiến Tín	<i>Y khoa Bác sĩ Đại học đường Ba Lê</i>	10.000\$
Ô.	Nguyễn Từ Thiện	<i>Chánh Kỹ sư Công Chánh Chăm cứu Chuyên Khoa</i>	10.000\$
B.	Nguyễn Thị Nhung	<i>Giám đốc nhà Bảo sanh Mẫu Tâm</i>	10.000\$
Ô.B.	Vũ Văn Hồ	<i>Hiệu Đức Thành</i>	10.000\$
Ô.	Hiệp Hòa Thái -	<i>Sanh Dược Hàng, Chợ Lớn</i>	20.000\$
Ô.B.	Hoàng Đình Lâm		10.000\$
Ô.	Nguyễn Văn Sùng	<i>Nghiên cứu Đông y gia</i>	5.000\$
Ô.	Dương Quyết Hậu	<i>Chủ nhà thuốc Phúc An Đường, Saigon</i>	5.000\$
Ô.	Lợi Văn Phong	<i>Chủ nhà thuốc Thiên sanh Đường, Chợ Lớn</i>	10.000\$



CHÚ Ý:

Tác giả quyển sách này: **PHÓ SƠN** = họ Phó, tên Sơn, tự là **THANH CHỦ**. Nên gọi **PHÓ THANH CHỦ**. Người đất Thái Nguyên (Trung Hoa) cuối đời Minh. Muốn biết tiểu sử của Ngài, nên đọc 4 bài tựa ở mấy trang đầu quyển sách.

Ngài trứ tác 2 quyển sách thuốc:

1. Quyển **NAM KHOA** trị bệnh đàn ông và trẻ em.

1. Quyển **NỮ KHOA** trị bệnh đàn bà, con gái.
2 quyển hợp lại nên gọi quyển sách này là:

PHÓ THANH CHỦ NAM NỮ KHOA.

Trong **NAM KHOA** có thêm mục **TIỂU NHI KHOA**. Tất cả các bệnh trọng thuộc ngoại cảm lục âm hay nội thương thất tình đều nói rõ cả.

Trong **NỮ KHOA** có thêm bài **PHỤ SINH HÓA BIÊN**. Bài Phụ Sinh hóa biên này tuy nói là « phụ thêm » nhưng trong đó ghi chép rất quảng bác và tinh kỹ, như một quyển **PHỤ KHOA SẢN HẬU BẢ CHỨNG** nữa vậy.

Đọc quyển « Phụ Khoa tạp chứng » của Trần-Tu-Viên chép rằng: « sách của Ông có trích 15 bài thuốc ở quyển Nữ Khoa của Phó Thanh Chủ chép vào ». Như vậy, quyển Nữ Khoa này là một quyển sách giá trị: Đàn bà con gái, khi kinh kỳ, khi thai nghén và khi sanh đẻ, nếu có bệnh mà phải dùng thuốc, không thể bỏ qua quyển sách này.

Trong 2 quyền Nam Khoa và Nữ Khoa :

Những chứng bệnh đều nổi rõ, vì lý do nào mà phát bệnh ấy, vì lý do nào mà dùng thuốc ấy.

Những tên bài thuốc phần nhiều đặt tên mới cho đúng với bệnh với thuốc để dễ nhớ, ít có theo tên bài thuốc cũ.

Những vị thuốc dạy cách bào chế và chuẩn định cân lượng rõ ràng.

Tất cả những bệnh lý, dược phương và trị pháp đều phân môn, phân loại, ghi chú tinh minh để những người đang làm thầy thuốc không phải nhọc lòng suy tư khi đối chứng dụng dược; những người mới học dễ phân biệt, dễ hiểu, dễ nhớ, và những người ở xa nơi thấy thuốc có thể tự mình tìm bệnh, tìm thuốc, đối chiếu với nhau mà điều trị lấy cho mình, cho gia đình mình mà không phải hoài nghi thắc mắc.

Như vậy mỗi gia đình nên có một quyển sách này như sẵn có thầy thuốc trong nhà phòng khi « hữu bệnh khả cầu ».

Trong phần phiên dịch của Dịch giả, quyền Nam Khoa và Nữ Khoa mỗi quyền vào đoạn cuối đều có thêm phần « phụ chú ».

PHỤ CHÚ về NAM KHOA

PHỤ CHÚ về NỮ KHOA để chú thích những câu có những chữ danh từ y học, dược học và bệnh danh. Vì nhận thấy nếu không chú thích rõ ràng mà cứ dịch thẳng theo nguyên văn sẽ làm cho những người mới học phải suy tư và sưu tầm thêm phần khó khăn.

Nên mỗi chữ nào có chú thích đều có đánh số 1, 2, v. v... ở trong dấu ().

Vậy khi đọc thấy những chữ số như (1), (2), (3) v.v... xin xem trong phần phụ chú ở cuối mỗi quyển.

DỊCH GIẢ

DỊCH GIẢ
ĐINH NINH • LÊ ĐỨC THIẾP



傳青主男女科合編

PHÓ THANH CHỦ NAM NỮ KHOA HỢP BIÊN

Khoa chữa bệnh đàn ông ♀ Khoa chữa bệnh đàn bà

Hai quyển hợp làm một
của Tác-giả

PHÓ THANH CHỦ

Xin sửa lại theo PHẦN ĐỊNH CHÍNH trước khi đọc

SỐ TRANG	SỐ HÀNG	CHỮ KHÔNG ĐÚNG	SỬA LẠI ĐÚNG
29	23	香 O	香 蒿
39	5	胡 菜	菜 胡
51	1	Đã	Đó
86	28	ầu	ần
88	14	còu	còn
90	19	香 O	香 蒿
95	7	MÀU	MẤU
96	13	nen	nèn
140	18	白 芍	白 木
154	11	triệu	triệu
157	6	馬 姜	馬 姜
171	22	TRI MAU	TRI MẤU
174	22	mỗ	mỏi
211	12	9	50
231	10	川 芍	川 芍
234	20	5 n	5 đồng
244	3	木	木
274	24	« nguyên khí	« nguyên khí »
282	2	THẦN	THẦN
290	1	kki	khí
—	15	ÍCH THANG	ÍCH KHÍ THANG
292	32	ón	đồng
303	12	nuồn bực	buồn bực
327	3	BỒ HOÀNG	BỒ HOÀNG
331	24	bình dương	bình, dương
342	4	白 芩	白 芩
356	6	26	28
—	23	dung	đùng
383	1	生 姜	丁 香
384	6	67	76
402	8	HOAN	HOÀN
415	29	gà	Ngài
432	12	lý	lý

Những BÀI TỰA và TRUYỆN TÍCH nguyên bản :

I – BÀI TỰA

Của **GIANG ĐÔ – QUÁCH CHUNG NHẠC**
Thời Trùng Quang Đại hoang lạc tháng dương
Năm Quang Tự thứ 7.

THIÊN-NGHÊ-TỬ này cảm nghĩ về câu nói của Mạnh-Tử-Dư : « cùng tác đức thiện kỳ thân, đạt tác kiêm thiện thiên hạ », nghĩa là con người ta ở đời, khi gặp lúc « vận cùng » là lúc bất đắc chí thì đem đức nghĩa mà làm hay cho mình, khi được lúc « vận đạt » là lúc đắc chí thì đem đức nghĩa mà làm hay cho cả thiên hạ. Như vậy thì từ xưa tới nay, những kẻ sĩ có tâm chí làm việc thiện, kẻ ra « kẻ cùng » có tới hàng ngàn hàng vạn, mà « kẻ đạt » chỉ được hàng chục hàng trăm là cái kẻ có lòng kiêm thiện thiên hạ. Trong số đó kẻ có cái chí kiêm thiện thiên hạ chẳng biết là bao ! Nhưng tuy rằng không có cái quyền kiêm thiện thiên hạ mà lại thực hành được cái chí kiêm thiện thiên hạ ấy chẳng có ai bằng người hành nghề « y trị » vậy.

Trong ngành y trị có kẻ lương y, có người dung y :

Kẻ lương y noi theo tâm nguyện của các bậc Tiên Thánh mà làm chủ tề mạng sống của nhân dân bằng công việc bồi dưỡng nguyên khí thì cũng như là một vị Lương tướng có tài trị nước.

Người dung y suy xét nghĩa lý chưa tinh đã dám tới những chợ phố bày bán nghệ thuật để làm hại chúng sinh thì cũng như là một vị Dung thần làm sai việc nước.

Than ôi ! Người có tài trị nước rất hiếm hoi ít ỏi mà kẻ làm hỏng việc nước lại đầy dẫy chừa chan. Thật làm cho con người có tâm chí lấy làm đau lòng xót ruột.

Phó Thanh Chủ tiên sinh sẵn có hoài bão thương trời thương người nên cầm giữ một tâm niệm là yêu người yêu vật. Tiên sinh ra đời gặp lúc thời thế loạn ly mà âm thầm say đắm, chỉ giốc một lòng là đem y đạo truyền lại cho đời. Cảnh ngộ của Tiên sinh thật cũng đáng buồn. Nhưng cái chí kiêm thiện thiên hạ của Tiên sinh thật đã thấy rõ :

Một quyển Nữ Khoa hiện đã được lưu truyền từ lâu. Đến giữa năm Đồng-trị Tiên sinh lại đưa nhà Sùng-văn thư cục ở Hồ-Bắc ấn hành 2 quyển tạp chứng. Lại được nghe, nhân vì đã phát hành quyển Nữ-Khoa, Tiên sinh lại ra một quyển Nam Khoa nữa mà chưa được thấy. Đến mùa Xuân năm nay may được Trương Chính Phủ, Minh Kinh ở Chi giang đem bản cũ cho coi. Thiên-Nghê-Tử này cầm lấy mà đọc. Được biết trong sách này phân tách ra từng ngọn ngành, từng môn mạch, ý nghĩa giản lược mà lời lẽ thật bao gồm, không vì mạch lý thâm sâu mà phải rối mắt tìm tòi, cũng không vì chứng trị mờ rối mà phải nhiều lời khảo luận, mỗi bệnh chứng lập thành một y án, mỗi y án liệt kê ngay một phương dược. Từng ấy việc có thể đề cứu đời, có thể đề truyền lại cho đời sau. Thật là một pho điển hình của vị lương tướng, một nhà mô phạm trong việc trị nước. Bởi vậy, kiểm sát, ấn hành, mong rằng trong làng ngoài nước, nơi thành thị, chốn thôn quê, mỗi nhà dành đề một tập, phòng khi tự trị, khỏi bị những kẻ dung y trị liệu sai lầm cho mình. Đề dân ta cùng lên cõi nhân thọ, rồi vì Tiên sinh mà truyền bá rộng rãi, vì Tiên sinh mà thực hành thiện chí, thì « kẻ cùng » mà có cái quyền kiểm thiện thiên hạ như « kẻ đạt » chẳng cũng là sung sướng lắm sao !

Nay làm bài tựa.

II – LẠI MỘT BÀI TỰA

Trong quyển **PHÓ TRUNG QUÂN NỮ KHOA**

KINH SINH gia rằng : Mỗi khi văn học muốn đòi bỏ nghĩa « thường » mà chỉ một mình nêu ra được nghĩa « mới » là người có tài sáng tác hơn đời. Còn trong y đạo, theo bệnh mà điều trị, tùy chứng mà lập phương, hầu như không có nghĩa « thường » mà cũng không có nghĩa « mới » nó chỉ trong một căn bệnh mà thôi. Nhưng nói về âm dương, hàn nhiệt, biểu lý; hư thực, chân giả thì cái bệnh hầu như không giống nhau mà nguyên nhân thì lại khác nhau xa.

Những người Thễ-y luôn luôn gò bó trong thói quen, say mê trong ý kiến nông cạn, thấy người nói sao thì cũng cứ hay vậy mà điều trị. Nhưng cái bệnh danh mà điều trị đó lại chẳng tìm hiểu nguyên nhân bệnh ấy bởi đâu !

Nay Tiên sinh mỗi khi gặp một bệnh chứng, hẳn là bày giải nghĩa « thường » trước, rồi bày giải nghĩa phi thường sau. Như vậy là tìm nghĩa « mới » mà không quy tụ trong nghĩa « thường », cho nên tự nhiên thành nghĩa « mới » vậy.

Tập Nữ-Khoa này. Sao mà 2 bài nữ khoa, 2 bài sản hậu. Trong thiên Nữ Khoa đã chép riêng một môn sản hậu, mà trong thiên sản hậu lại chép những bệnh danh giống như cuối quyển Nữ Khoa, làm cho một quyển tựa hồ 2 quyển, có khi đã nói rồi lại nói lại, có khi bài này có, bài kia không. Vậy mà Tiên sinh vẫn chép thành 2 thiên, không khỏi làm cho Độc giả choáng mắt.

Nhưng tìm biết ý của Tiên sinh sở dĩ chép riêng « sản hậu trị pháp » ra một thiên là vì chủ ý đem bài **SINH HÓA THANG** của **TIÊN THỊ** đặt ra thành một vấn đề, rồi nhân vậy mà gọi là **SINH HÓA BIÊN** đề tránh sự trùng hợp của 2 thiên mà vẫn không mất ý chính của nguyên bản. Đó là cái chí của Tiên sinh. Cho nên từng nói rằng : Tiên sinh chép sách hết sức tìm nghĩa « mới » mà vẫn thích nghi với nghĩa « thường ». Thật những kẻ hay lập dị hiếu kỳ không thể so sánh được.

— XVI —

MẬU TU này, chăm chăm gìn giữ sách này mà ghi vào lòng đã có hằng năm. Trước còn đến nhà bạn xoay xở mượn mà sao lục, thời gian lâu mới được một bản vừa in ở Hải Sơn Tiên Quán từng thư đem về nghiên ngẫm xem xét.

Mỗi khi mở tập sách này ra được sáng tỏ rõ ràng mà không dám có cái ý sửa đổi hay chấm móc. Còn tất cả những nghĩa tiết lớn, đức hạnh cao của Tiên sinh đều thấy ghi chép man mác trong các sách : Mã-văn dũng nghĩa sỹ truyện. Lý tử ngọc nho lâm truyện, Cô đảng hạc trung kiêm tế đường văn tập và Tiểu trường lộ thi tập. Mong rằng chép lại thành từng pho, hòng làm sáng tỏ thêm cho sách này. Đề cho kẻ Độc giả như được thấy Tiên sinh thật.

Niên hiệu Đông-Trị thứ 3, năm Giáp-Tý
tháng 5 ngày 16, tiết Nguyên hòa

HẬU HỌC LỤC MẬU TU

Kính cần chép bài tựa ở bến đò Thanh phố.

III- TRUYỆN PHÓ SƠN TIÊN SINH

PHÓ TIÊN SINH, tên **SƠN**, tự là **THANH CHỦ**, lại tự là **CÔNG ĐÀ**. Người ở Dương Khúc. Tò là **LÂM**, làm quan Sơn Đông Liên Hải Tham Nghị. Cha là **CHI MÔ** làm Minh Kinh (giáo sư) dạy học trò, hiệu là **LY CỐC** tiên sinh.

PHÓ SƠN sinh ra khôn sáng lạ thường, đọc sách 10 hàng chữ một lượt, nhìn qua là thuộc lòng. Năm ông 14 tuổi, Đốc học **VĂN THÁI THANH** chọn vào Đại Học. Sau **VĂN THÁI THANH** đến Viên Lâm Hầu tiên sinh là **KẾ HÀM** mới một lần thấy Ông đã rất quý chuộng, bèn cấp giấy cho ăn lương đề mà học 3 lần lập Thư viện, Thầy luôn luôn ước mong cho trò cùng đi đến đạo học. Ông thấy vậy càng cảm phần đóng cửa đề học. **KẾ HÀM** thường nói, Văn của **PHÓ SƠN** thật là hay, nhưng chưa thoát được mùi văn sơn lâm.

Năm Bình Tý đời Sùng Trinh. **KẾ HÀM** bị quan Trực chỉ là **TRƯƠNG TÔN CHẤN** vu khống bắt hạ ngục. **PHÓ SƠN** một mình trên con đường bộ xa ngoài ngàn dặm, tìm đến Cung Khuyết kêu oan cho Thầy. **TÔN CHẤN** giận, sai nhiều người lũng bắt **PHÓ SƠN**. **PHÓ SƠN** cải trang ra người áo rách lam lũ, di chuyển hàng trăm ngã đường khác đề lẩn tránh, không quay trở lại.

Đến khi cái oan của **KẾ HÀM** đã được sáng tỏ. Danh nghĩa của **PHÓ SƠN** đồn vang thiên hạ.

Sau **KẾ HÀM** lại được làm quan ở Nam phương, luôn luôn mời **PHÓ SƠN** đến, mà rốt cuộc **PHÓ SƠN** không đến.

Khi Quốc Triều đã phân định chân vạc xong. Từ khi Cửu Giang lại bắt **KẾ HÀM** lên mạn Bắc. **PHÓ SƠN** yên lặng lẩn mò vào Bắc đô, âm thầm kín đáo trông nom sự ăn ở cho **KẾ HÀM**. Khi **KẾ HÀM** bị giết rồi, **PHÓ SƠN** thâu lượm những di cảo của **KẾ HÀM** mà trở về.

PHÓ SƠN tính rất có hiếu. Khi thân phụ Ông là **CHI MÔ** bệnh nặng. Sớm hôm Ông ngửa mặt cầu Trời, xin đem thân

— XVIII —

minh đề thay cha. Như vậy, trong một tuần thân phụ Ông khỏi bệnh. Người ta bảo : Cái sự hiểu của PHỐ SƠN thông cảm đến thân mình chẳng khác gì KIỀM LAU vậy.

Khi thân phụ Ông mất, trong thời gian cư tang, Ông, thương xót và hủy hoại thân mình rất mực, chỉ nằm ở rơm uống nước cháo, không ăn rau quả. Ông yêu quý các em, những di sản của Tiên nhân để lại, em Ông hoang phí phóng dăng quá nửa, mà suốt đời Ông không tỏ vẻ oán giận. Khi em Ông mất, Ông vỗ về nuôi nấng cháu bỏ cô hơn cả con mình. Khi ông 27 tuổi, Bà vợ Ông mất, để lại cho Ông người con là PHỐ MY mới 5 tuổi, chung quanh Ông không một hầu thiếp, Ông thề không tục huyền. Đối với họ hàng làng ngõ, Ông hết sức chăm lo cho khi thông thả, lúc cần kíp. Lại vì người ta cát đặt lẽ phải để nhường nhịn nhau, hòa thuận nhau, thẳng ngay kính mến người trên. Nói chuyện với người thì noi theo đường trung hiếu, bàn tính công việc thì cốt yếu là thành thật, bởi vì tính đôn hậu, lòng đi luân là căn bản tự nhiên sẵn có, chứ không hề miễn cưỡng vậy.

Từ khi Lý tự Thành xâm phạm kinh sư, làm cho Minh Trang Liệt Hoàng Đế phải tuân tiết vì nước. PHỐ SƠN bèn bỏ ý tiến thủ, bỏ áo xanh, mũ vàng làm Thạch Đạo Nhân áo toi giẻ cỏ, ngày ngày ngao du trong khoảng Bình định và Kỳ phần, đi đến đâu cũng có nét bút, ngấn mực, giỏi thi phú, hay văn cò. Khi đọc sách được 2 vị Vương thần phù trợ, tất cả cò kim thư tịch và bách gia chư tử đều bao gồm thông suốt, nói nghĩa lớn thì biết nghĩa lớn, nói chữ nhỏ thì biết chữ nhỏ. Lại nhờ có tự giới về hội họa đề tả nên hết thảy ý nghĩa khúc chiết rất là thần diệu. Tinh thông y thuật của Huỳnh đế, Kỳ bá, sâu rộng mạch lý, thường đem nghĩa lý Nho thư mà thông hoạt, chứ không bo bo trong câu nói của Thúc Hòa, Đan Khê. Những người tới xin chữa bệnh chờ chực đầy cửa nhà, vậy mà kẻ sang người hèn coi như một cả ; công việc bộn rộn đến thế, vậy mà tiền của thiếu thốn cũng vẫn bình tình trong cảnh an bản lạc đạo : Nhà cửa ruộng vườn phần nhiều bị kẻ tiểu nhân trộm cắp, vậy mà vẫn đại khái đặt vào sự bất vấn.

— XIX —

Năm Mậu Ngọ đời Khang Hy. Đinh thần là Giao Chương tiến cử PHỐ SƠN. Được chiếu chỉ ban ra cử Ông làm Bác học hoành từ. PHỐ SƠN vẫn kiên trì lấy cớ là lão bệnh xin từ cáo. Nhưng những người đương hành sự đó bức bách Ông phải lên đường lập tức. Khi đi đường Ông kêu đau về đùi không thể đi, họ liền ghé vai đẩy xe đến Kinh đô. Khi đến Kinh đô Ông nằm ở quán trọ không đến dự thi. Vậy mà biết bao người, trên từ vương công, khanh tướng, hiền sỹ, đại phụ, dưới đến những người mĩ y (thứ y), kẻ hạ huê (người cày ruộng chiêm, và những kẻ bình dân nơi phố chợ, hết thầy đều kính trọng việc làm có nghĩa của PHỐ SƠN, tới yết kiến Ông đầy cả nhà cửa, con là PHỐ MY mời đón, tiền đưa không xuê. Ông chỉ ngồi tựa lưng trên giường mà rằng, vì bệnh già không thể giữ lễ được. Vì vậy các bậc quý nhân lại càng quý trọng thêm, chứ không lấy làm lạ.

Tháng 3 năm sau, trong Lại bộ xét biết Ông có bệnh, bèn vào tâu Vua xin phụng chỉ cho PHỐ SƠN chép sách văn học, nhưng nghĩ là tuổi Ông đã nhiều, đặc cách cho Ông làm quan trong nội các trung thư để ghi lại những lời các quan địa phương tới hỏi. Sau đó, bèn được cho về.

Khi về quê rồi, Ông vẫn tự cam chịu sự đạu bạc, lánh ở nơi đôn xa, không vào chốn thành thị, thế mà kẻ khâm mộ danh Ông càng nhiều người noi theo con đường quanh co khúc khúc mà đến, chỉ mong được gặp mặt Ông một lần là sung sướng. Rồi 6 năm sau Ông mất, xa gần hội đến làm lễ táng. Ông có đến vài trăm ngàn người.

Những sách của PHỐ SƠN chép đề lại có : Tính sử thập tam kinh tự khu, Chu dịch ngẫu thích, Chu lễ âm biện điều, Xuân thu nhân danh vận, địa danh vận và Lương hán nhân danh vận.

Khê Lê Trai rằng : Trước kia ta từng lấy làm quái lạ, Tiên sinh đâu có gặp đời Nghiêu Thuấn mà giốc một lòng cao thượng, lại từ chối sự Vua vời gọi quả quyết đến như vậy. Đến khi đọc Hán sử, thấy Chu đảng vương bá là người từng không chịu nhục dưới thời Tân Mãng (Vương Mãn, nước

Tân). Đến năm Kiến Vũ (Đông Hán, Quang Vũ Đế) lại lần tránh, mấy lần nhà Vua liên tiếp trưng triệu không chịu ra. Bấy giờ mới biết những nhân sỹ đều có chí riêng. Bởi Tiên sinh là người hữu đạo mà đi ẩn cư vậy. Kia thấy rõ cuối đời nhà Minh, trên dưới giao tranh nhau lấy lợi, rốt cuộc bị diệt vong bởi tay quân đạo khấu. Thật vậy, Tiên sinh đã gởi lòng mình vào nơi cỏ rậm rừng sâu, còn hơn là lấy mũ áo xanh đỏ của Triều đình làm vinh. Đến như việc Tiên sinh lấy nghĩa mà mình oan cho người tri kỷ, còn hơn nhiều kẻ ở đời, lúc bình cư thì thầy bạn thân mến nhau, mà khi lâm nạn thì trở mặt đi, không thêm cứu giúp lấy một tay, lờ đi như là xa xăm chẳng quen biết nhau vậy.

Cổ ngữ rằng : « Dân sinh ư tam, sự chi như nhất » lẽ sống của người ở đời là nhờ có 3 đấng, (quân, sư, phụ) thì ta phụng sự như một. Như vậy thì chỉ giữ nghĩa với 3 đấng ấy cho đến chết vậy. Tiên sinh thật là người không phải xấu hổ vậy thay !

Nên tán thưởng rằng :
 Ôi ! chỉ có Tiên sinh
 Bạc Thánh chí thanh
 Xông pha vì chính nghĩa
 Kêu cứu giúp oan tình
 Gặp cơn hoạn nạn
 Chẳng hề sợ Kinh
 Không màng trưng triệu
 Từ chối tôn vinh
 Mở đường lối trước
 Cho kẻ dân sinh
 Bao công giáo hóa
 Xiết kẻ thanh danh
 Trám đời kẻ tiếp
 Noi gương thực hành

IV – TRUYỆN TRUNG QUÂN (1) PHÓ SƠN

Phụ chép ở Trì bắc ngẫu đàm.

TRUNG QUÂN PHÓ SƠN, tự là **THANH CHỦ** lại tự là **CÔNG ĐÀ**, người phủ Thái Nguyên. Bà Thân mẫu Ông nằm mộng thấy một Vị lão Tỳ Khâu (tu sỹ khát thực) mà sinh ra Ông. Khi sinh ra, Ông không khóc. Khi ấy có một vị Sư Tăng lòa đến cửa bảo : « đã sinh ra hà tất không khóc », Ông bèn khóc. Khi ông đã 6 tuổi, chỉ ăn hoàng tinh, không thích ăn cơm gạo nhưng gượng ép Ông lại ăn. Ông đọc 13 kinh và các sách Tử, sách Sử như đã thông thuộc từ trước.

Năm Sùng Trinh thứ 10. Viên lâm hầu **KẾ HÀM** làm Đốc học Sơn Tây, bị Tuần án ngự sử **TRƯƠNG TÔN CHẤN** vu khống hạch sách bắt tội. Ông mang túi lương ăn trên người đi khắp đó đây tả hữu, tìm đến cung khuyết rập đầu dâng thư kêu oan cho **KẾ HÀM**.

Dự đức Mã quân **THƯỜNG THẾ KỶ** làm truyện « Sơn hữu nhị nghĩa sỹ » (Phó Sơn và Phần dương, Tiết tôn Chu) đề so sánh cùng Bùi Du, Ngụy Thiệu.

Khi hết loạn, Ông mộng thấy Thiên đế cho Ông bộ áo nhà chùa và mũ vàng, Ông bèn trang phục ra người Đạo Sỹ. Y thuật Ông nhập thần, những người có chức sự tới yết kiến Ông về vấn đề y được thì Ông xuất hiện. Nếu không thì Ông không xuất hiện.

Năm Mậu Ngọ đời Khang Hy. Ông được Vua vời đến Kinh sư đề phóng vấn. Ông lấy cớ là bệnh già xin từ chối.

Năm Kỷ Mùi, Ông cùng Phạm Dương và Đỗ Việt cùng làm quan Xá Nhân trong Nội các trung thư.

Khi về làng, Ông viết 8 phần kiểu chữ lệ và chạm khắc chữ triện vào vàng đá được 8 dật phẩm tài tình. Con Ông là PHỐ MY tự THỌ MAO cũng giỏi về chạm khắc và thơ phú cò hàng mấy chục bài. Ngày thường cùng con cái kéo xe thuốc đi bán khắp tứ phương, tối về nghỉ ở quán trọ, đốt đèn dạy học kinh sử và những sách văn chương thi phú, đến sớm mai phải thuộc lòng mới lại đi bán thuốc. Nếu không sẽ đánh đòn.

TẾ NAM VƯƠNG SĨ CHÍNH (chép lại)

(1) **TRUNG QUÂN** : Những nhân sĩ có tài ba được nhà Vua vời gọi là Trung Sĩ. Đời tôn trọng gọi là Trung quân, không phải chức vị.

DỊCH GIẢ
ĐINH NINH * LÊ ĐỨC THIẾP

傅青主男科

PHÓ THANH CHỦ NAM KHOA

KHOA CHỮA BỆNH ĐÀN ÔNG

của

Tác giả PHÓ THANH CHỦ

DỊCH GIẢ: ĐINH MINH — LÊ ĐỨC THIẾP

PHÓ THANH CHỦ • NAM KHOA



傷寒

1. THƯƠNG HÀN

(Mục nói về bệnh thương hàn)



初病說

SƠ BỆNH THUYẾT

(Nói về khi mới phát bệnh)

Nói chung : Những chứng bệnh về ngoại cảm, khi mới bắt đầu phát bệnh mà dùng thuốc cho đúng vẫn thu công được dễ dàng. Không như người đời xem bệnh chưa rành đã dùng thuốc chữa bệnh lầm lẫn rồi beng dề thường thường đến nỗi biến ra hàng bao chứng bệnh nữa, khác nào như ong vỡ tổ thật là nguy. Nếu xem bệnh cho rành, dùng thuốc cho đúng làm sao có thể biến chứng được.

傷風

THƯƠNG PHONG

(Vì gió làm đau)

Phàm người ta khi mới bị thương phong (cảm gió) Về chứng bệnh tất nhiên nhức đầu, đau mình, ho lắm đàm, mũi chảy nước trong. Về mạch tất nhiên phải mạch PHỦ.

Dùng ngay những vị :

防	風	PHÒNG PHONG
柴	胡	SÀI HỒ
半	夏	BÁN HẠ
荆	芥	KINH GIỚI
黄	芩	HOÀNG CẨM
甘	草	CAM THẢO

Cả vị cân lượng bằng nhau (1 hay 2 hay 3 đồng cân tùy bệnh). Lấy nước sắc uống, uống 1 thang hết liền, bất tất phải uống 2 thang.

Xét rằng : Trong các cò thư đều nói trúng phong, mà đây nói thương phong. 2 nghĩa khác nhau, trúng phong bệnh nặng, thương phong bệnh nhẹ. (Trong quyển Nam Khoa này, những bài có chữ « xét rằng » đều của Hậu học LỤC MẬU TU là người đã viết bài tựa thứ 2 ở trên).

傷 寒

THƯƠNG HÀN

(Vi lạnh làm đau)

Phạm khi mới phát bệnh thương hàn (cảm lạnh). Về chứng bệnh tất nhiên nghẹt mũi khó thở, nước mắt dấp dính, nhưc đầu, cứng gân cổ. Về mạch tất nhiên phải là mạch PHỦ mà KHẨN.

Dùng ngay những vị :

桂	枝	QUẾ NGẠNH (quế nhỏ cành)
乾	葛	CAN CÁT
陳	皮	TRẦN BÌ
甘	草	CAM THẢO

Các vị cân lượng bằng nhau (nhiều ít tùy theo bệnh nặng nhẹ). Lấy nước sắc uống, uống 1 thang hết bệnh.

- 27 -

外感

NGOẠI CẢM

(*Bệnh ngoại cảm*)

Phạm người ta bị ngoại cảm, tất nhiên phát nóng.

Dùng ngay những vị :

柴	胡	SÀI HỒ
黄	芩	HOÀNG CẦM
荆	芥	KINH GIỚI
半	夏	BÁN HẠ
甘	草	CAM THẢO

Các vị cân lượng bằng nhau, lấy nước sắc uống.

Những không khí bất chính (tà khí) trong 4 mùa, xâm phạm vào thân thể người ta, tất nhiên cảm vào bị phu trước rồi thấm vào vinh vệ khí huyết sau, cho nên dùng :

SÀI HỒ, KINH GIỚI để phát tán cái tà ở ngoài bị phu trước. Khi mà cái tà ấy đã phát tán rồi thì làm sao còn nhập nội được.

BÁN HẠ để khứ đàm, thì cái tà ấy không hiệp với đàm mà làm dữ được.

HOÀNG CẦM để thanh hỏa, thì cái tà ấy không hiệp với hỏa mà làm hại được.

CAM THẢO điều dẫn các vị thuốc để hòa trung khí, thì tà khí tán mà không phương hại đến chính khí. Đó là trị bệnh ngoại cảm phát nóng, còn như « nội thương phát nóng » thì không uống thuốc này được.

Xét rằng : Ngoại cảm mà phát nóng thì vệ khí ở bên ngoài bế tắc lại. Nội thương mà phát nóng thì vinh huyết ở bên trong hao tổn đi. Ngoại cảm mà nóng thì nóng ở bì mao. Nội thương mà nóng thì nóng ở xương tủy. Phép trị khác nhau. Đây nói ngoại cảm phát nhiệt, còn nội thương phát nhiệt chép ở phần dưới.

— 28 —

傷 食
THƯƠNG THỰC
(Vi ăn làm đau)

Phạm bệnh thương thực tất nhiên trong bụng no đầy buồn bực, làm cho thấy cơm mà sợ, vì ăn vào lại chuyển động làm đau. Dùng phương thuốc :

白 朮	BẠCH TRUẬT	1 đồng cân sao vàng
白 苓	BẠCH LINH	1 đồng
枳 壳	CHỈ XÁC	1 đồng
穀 芽	CỐC NHA (mộng thóc)	2 đồng sao vàng
麥 芽	MẠCH NHA	2 đồng sao vàng
山 查	SƠN TRÁ	2 đồng sao
神 曲	THẦN KHÚC (1)	5 đồng nướng chín
半 夏	BÁN HẠ	1 đồng chế
甘 草	CAM THẢO	5 phân nướng thơm
砂 仁 肉	SA NHÂN NHỤC	5 phân

Lấy nước sắc uống 1 thang khoan khoái, uống 2 thang khỏe.

瘧 疾
NGƯỢC TẬT
(Bệnh sốt rét)

Dùng phương thuốc NGỘ TIÊN ĐƠN : 遇 仙 丹

生 軍	SINH QUÂN 6 lạng tức ĐẠI HOÀNG
檳 榔	BINH LANG 3 lạng
三 棱	TAM LĂNG 3 lạng cắt nhỏ tầm giấm sao, khô
莪 朮	NGA TRUẬT 3 lạng cắt nhỏ tầm giấm sao, khô
黑 丑	HẮC SỬU 3 lạng sao vàng
白 丑	BẠCH SỬU 3 lạng sao vàng
木 香	MỘC HƯƠNG 2 lạng
甘 草	CAM THẢO 1 lạng

Tất cả cùng tán nhỏ, lấy nước lã luyện làm hoàn. Mỗi khi gặp ngày lên cơn, cứ sáng sớm lấy 3 hay 4 hoàn uống với nước nóng, rồi ăn luôn một chút cháo nóng để cho đỡ. Cứ ăn đồ sống đồ lạnh, cá tanh, củ kiệu và miến.

— Đàn bà có thai chớ uống.

Xét rằng : Phương thuốc này làm hoàn, mà hoàn lớn hay nhỏ chưa định phân lượng. Kẻ này nghĩ rằng nên làm mỗi hoàn 1 đồng cân làm mức. Thuốc này người phương Nam và những người già yếu mà sốt rét đã lâu, chỉ nên uống mỗi lần 1 hay 2 hoàn.

傷 暑

THƯƠNG THỦ

(Cảm nắng)

Người cảm nắng tất nhiên vàng đầu, khát nước, sợ nóng, nặng hơn thì nóng mình, lên cơn, thờ, lảm đăm. Dùng phương :

人 參	NHÂN SÂM	1 đồng cân (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng cân
茯 苓	PHỤC LINH	2 đồng cân
甘 草	CAM THẢO	1 đồng cân
青 蒿	THANH CAO (2)	1 lượng
香	HƯƠNG NHU	3 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khô.

大 滿

ĐẠI MÃN

(Bụng đầy trướng)

Đó là tà khí ủng trệ bế tắc ở Thượng tiêu (3) mà không tiêu tán đi được. Nên dùng :

瓜 萹	QUA LẬU	2 đồng, bỏ vỏ, sao khô, giã nát
枳 壳	CHỈ XÁC	3 đồng
花 粉	THIÊN HOA PHẤN	3 đồng
氈 子	CHI TỬ	1 đồng, sao cháy
陳 皮	TRẦN BÌ	3 đồng
厚 朴	HẬU PHÁC	1 đồng 5 phân
半 夏	BÁN HẠ	1 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 đồng

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này rất hay, hoàn toàn bởi dùng QUA LẬU để trừ khử những chất ăn dính trệ ở hung cách mà tiêu cái đàm ở Thượng tiêu (3), dùng CHI TỬ để giải trừ cái buồn phiền ở dưới Tim, hướng chi lại nhờ CHỈ XÁC, THIÊN HOA PHẤN cũng là vị thuốc thánh trong việc tiêu hóa, lại còn có HẬU PHÁC, BÁN HẠ để tiêu cái đàm ở đầu-cuống dạ dày, lại càng hay ở chỗ có CAM THẢO làm cho những chất thuốc đó hãy còn lưu lại ở trong, chứ không thông hạ mau chóng thì tà khí không thể ở lại lâu được mà phải tiêu tán đi.

發 汗

PHÁT HÃN

(Cho ra mồ hôi)

Phàm người ta bị ngoại cảm mà tà khí còn ở trong khoảng làn da thờ thịt thì hẳn là phải dùng thuốc phát hãn để sơ tiết. Nên dùng:

荆 芥	KINH GIỚI	1 đồng cân
防 風	PHÒNG PHONG	1 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 đồng
桔 梗	CÁT CẢNH	1 đồng
蘇 葉	TÔ DIỆP	1 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng
雲 苓	VÂN LINH	3 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phân

Lấy nước sắc uống. Phương này hay ở chỗ dùng BẠCH TRUẬT làm quân. Bởi vì tỳ vị người ta mà nó mạnh thì rồi chân lỏng, làn da, thờ thịt nó mới thờ ra, co lại được tự nhiên. BẠCH TRUẬT đã kiện tỳ khứ thấp thì tà khí khó mà ở lại được, phương chi lại có KINH GIỚI, PHÒNG PHONG, TÔ DIỆP, CÁT CẢNH để phát tán tà khí ở biểu phận nữa.

寒 熱 真 假 辨

HÀN NHIỆT CHÂN GIẢ BIỆN

(Phân tách chân hàn giả hàn, chân nhiệt giả nhiệt)

BỆNH CHÂN NHIỆT : Cả miệng lưỡi suốt tới cổ họng khô ráo nứt nẻ, mọc những mầm trắng đỏ như gai lông rậm rạp mà kêu gào đòi nước, sờ tay vào da thịt nóng gần như rát bàn tay mà lại không có mồ hôi, như vậy liên miên ngày đêm. **Bệnh GIẢ NHIỆT** : miệng tuy có khát mà không khát lắm, lưỡi tuy có khô mà không khô quá đến nỗi nứt nẻ mọc mầm gai.

Bệnh CHÂN HÀN : Người rét run không lúc nào ngớt, tay chân lạnh mãi không ấm lại được, da mặt xanh thâm, miệng không nói được mà cứ có tiếng kêu kho kho không thể hãm lại được. **Bệnh GIẢ HÀN** : Người rét run, khí đưa ngược nhưng không quá lắm, tay chân lạnh giá mà cũng có lúc ôn hòa, có lúc nằm yên, có lúc gân xương co giựt.

乍 寒 乍 熱 辨

SẠ HÀN, SẠ NHIỆT BIỆN

(Biện luận về bệnh một thoáng lại nóng, một thoáng lại lạnh)

Những chứng bệnh có khi chỉ ớn ớn sợ lạnh mà rồi phát nóng ấy là bởi âm mạch đã bắt túc thì dương khí cũng thuận mà đi theo. Dương mạch đã bắt túc thì âm khí đi ngược lại xâm lấn.

Tại sao « dương bất túc » ? — bởi vì Thốn mạch thuộc dương mà thốn mạch nhược là dương bất túc, dương khi đã bất túc thì âm khi đi ngược lên vào trong dương, sinh ra sợ lạnh.

Tại sao « âm bất túc » ? — bởi vì xích mạch thuộc âm, mà xích mạch nhược là âm bất túc, âm khi đã bất túc thì dương khi đi xuống hãm vào trong âm, sinh ra phát nóng.

Phạm trị những bệnh hàn nhiệt : Nên dùng SÀI HỒ vì SÀI HỒ thăng dương khí, không để cho dương khí đi xuống hãm vào trong âm thì không phát nóng : Dùng HOÀNG CẨM, vì HOÀNG CẨM giáng âm khí, không để cho âm khí đi lên vào trong dương thì không sợ lạnh.

Xét nghĩa câu đó có thể biết rằng : Trị bệnh sốt rét có thể dùng « Tiêu sài hồ thang » (15).

真 热

CHÂN NHIỆT

(Bệnh thật nhiệt)

Bệnh thật nhiệt nên dùng :

麻 黄	MA HOÀNG	3 đồng cân
黄 连	HOÀNG LIÊN	3 đồng
黄 芩	HOÀNG CẨM	3 đồng
石 羔	THẠCH CAO	3 đồng
知 母	TRI MẪU	3 đồng
半 夏	BÁN HẠ	3 đồng
常 路	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
枳 壳	CHỈ XÁC	2 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang bột, 2 thang hết bệnh.

— 33 —

真 寒

CHÂN HÀN*(Bệnh thật hàn)*

Bệnh thật hàn nên dùng :

附 子	PHỤ TỬ	3	đồng cân
肉 桂	NHỤC QUẾ	1	—
乾 姜	CÀN KHƯƠNG	1	—
白 朮	BẠCH TRUẬT	5	—
人 参	NHÂN SÂM	1	lượng

Lấy nước sắc uống ngay để cấp cứu.

Đây là bệnh « chân » trùng hàn tà làm cho THẬN HÒA phải tránh xa ra ngoài thân thể mà cái tà khí của âm trực phạm vào TÂM CUNG. Âm tà đã trực phạm vào Tâm, thì Tâm quản không giữ được tự chủ, mà Can khí cũng không nơi nương tựa, bèn phát ra bệnh lạnh run làm cho cảm khẩu, tay chân xanh ngắt. Thế thì dùng QUẾ PHỤ CÀN KHƯƠNG để trực hàn tà là đủ rồi, hà tất phải dùng SÂM TRUẬT, mà dùng SÂM TRUẬT lại nhiều đến thế. Tại sao? Bởi vì cái khí nguyên dương đã phi viêt ra ngoài, chỉ còn một mây may là chưa tuyết hết. Nếu chỉ dùng QUẾ, PHỤ, CÀN KHƯƠNG là một loại thuốc cay nóng để trực hàn tà, thì tuy rằng có trực được hàn tà ra ngoài, nhưng cái chân khí sẽ đến chỗ hết. Vậy nếu đã dùng QUẾ, PHỤ, CÀN KHƯƠNG mà không dùng nhiều SÂM TRUẬT thì làm sao lấy lại được cái chính khí ở trong cái khoảng một còn một mất kia.

假 热

GIẢ NHIỆT*(Bệnh giả nhiệt)*

Bệnh giả nhiệt (bệnh thì nhiệt mà lại không phải là nhiệt) nên dùng :

— 34 —

黄 连	HOÀNG LIÊN	3	đồng cân
黄 芩	ĐƯƠNG QUY	3	—
白 芍	BẠCH THUỘC	3	—
半 夏	BÁN HẠ	3	—
茯 苓	PHỤC LINH	2	—
禁 胡	SÀI HỒ	2	—
枳 实	CHỈ TỬ	2	—
枳 壳	CHỈ XÁC	1	—
葛 蒲	XƯƠNG BỒ	3	phân

Lấy nước sắc uống nóng.

Phương thuốc này hay ở chỗ : Đã đưa HOÀNG LIÊN vào Tâm cung, lại nhờ có CHI TỬ cầm dao đi thẳng vào trừ tà thì không có cái tà nào mà không tiêu tán; lại có SÀI HỒ, BẠCH THUỘC chẹt đường vận lương của địch; BÁN HẠ, CHỈ XÁC thì chém giết những kẻ dư đảng. Như vậy một khi trung nguyên đã bình định được rồi thì không phải chiến nữa mà 4 phương quy phục. Tuy nhiên ! nếu trị cái hỏa ở trong mà không đúng phép thì cái thể bành trướng của địch lại trở lại như cũ, cho nên lại gia XƯƠNG BỒ là chất cay nóng rồi nhân cái lúc phát nóng mà uống vào, thì cái nóng gặp nóng nó ưa nhau, nó sẽ giúp cho nhau mà hạ xuống, chứ không đi đến phân nhau.

假 寒

. GIẢ HÀN

(Bệnh giả hàn)

Bệnh giả hàn (bệnh thì hàn mà lại không phải là hàn) nên dùng :

肉 桂	NHỤC QUẾ	1	đồng cân
附 子	PHỤ TỬ	1	—
人 参	NHÂN SÂM (4)	3	—

白木 BẠCH TRUẬT 5 đồng cân
 猪胆汁 TRU ĐÀM TRẮP (nước mật heo) nửa cái.
 苦菜汁 KHỔ THÁI TRẮP (rau đắng giã lấy nước) 13 muống.

Đồ 3 chén nước, sắc lấy 1 chén, uống nguội.

Nghĩa là bỏ 4 vị thuốc trên vào siêu, rồi đồ nước vào sắc, khi sắc đã được, đem cả siêu thuốc ấy thả vào chậu nước lạnh, chờ cho thật nguội, rót ra chén, bảy giờ đem nước mật heo, nước rau đắng, đồ vào chén thuốc, khuấy đảo cho thật đều, rồi uống một hơi cho hết.

Trong phương thuốc này hoàn toàn là thuốc nhiệt, nếu uống không đúng phép, tất nhiên hư hỏa nó xung ngược lên làm cho thuốc đã uống phải ói ra. Vậy thuốc nóng tất nhiên phải uống nguội để thuận theo cái tính của nó. Đã thuận theo tính, lại còn có 2 vị thuốc đắng đi xuống rất nhanh phòng giữ cái đường giả đạo của bệnh hàn.

真 热 假 寒

CHÂN NHIỆT, GIẢ HÀN

(Bệnh chân nhiệt mà có giả hàn)

Bệnh này ngoài thân mình thì lạnh giả mà trong mình thì nóng như lửa đốt, phát nóng phát lạnh run cầm cập cả người liên miên không dứt. Đó là bệnh « chân nhiệt » mà lại xuất hiện ra những bệnh tượng « giả hàn » để lừa người ta.

Phép trị nên dùng TAM HOÀNG THANG (6) gia THẠCH CAO, SINH KHƯƠNG, lấy nước sắc uống, uống ngay khi thuốc nóng. Lại lấy nước giếng mà vả vào tim nơi trước ngực vài ba chục lần. Như vậy thì bệnh nội nhiệt tự nhiên hết mà bệnh ngoại hàn cũng chẳng còn vậy. Sau đó dùng HUYỀN SÂM, MẠCH ĐÔNG, BẠCH THUỐC mỗi thứ 2 lạng, lấy nước sắc uống, uống giãn mãi vào, sẽ không tái phát.

— 36 —

真 寒 假 熱
CHÂN HÀN, GIẢ NHIỆT
 (Bệnh thật hàn mà có giả nhiệt)

Bệnh này hạ bộ hàn lãnh, thượng bộ đại nhiệt. miệng khát muốn uống nước. nhưng uống vào khỏi cổ lại thò ra. Đó là bệnh « chân hàn » mà lại xuất hiện ra những bệnh tượng « giả nhiệt » để dối người ta.

Phép trị nên dùng BÁT VỊ THANG (7) đại tễ, lấy nước sắc, để thật nguội sẽ uống. Lại nhờ người ta lấy tay xát vào 2 lòng bàn chân của bệnh nhân, xát mãi, xát đến bao giờ 2 lòng bàn chân nóng như lửa mới thôi. Nếu chưa nóng thì chưa được. Khi đã nóng rồi, đặt 2 miếng « bánh thuốc Ngô thù » vào 2 lòng bàn chân, lấy khăn buộc chặt lại, một lát sau ắt nằm ngủ được, đến khi thức dậy hạ bộ sẽ nóng mà cái hỏa ở thượng bộ cũng hết.

Bánh thuốc Ngô thù : Ngô thù 1 lượng, Phụ tử một đồng cân, 2 vị tán nhỏ, trộn vào 3 phần Xạ hương, lấy một chút bột mì nấu hồ, luyện thuốc ấy lại thành 2 miếng bánh dẹt mà rịt vào hai lòng bàn chân.

上 熱 下 寒
THƯỢNG NHIỆT, HẠ HÀN
 (Trên nóng dưới lạnh)

Bệnh này hỏa ở Thượng tiêu (3) mạnh quá làm cho mặt đỏ, cổ họng đau, thò ra đàm óng ọc như nước suối chảy vọt, nửa người trên không muốn mặc áo, mà nửa người dưới thì lạnh ngắt. Đó là trên giả nhiệt mà dưới chân hàn : Nên dùng :

附	子	生	PHỤ TỬ SỐNG	1 củ
	熟	地	THỰC ĐỊA	4 lượng
	山	茱	SƠN THỦ	2 lượng
	麥	冬	MẠCH ĐÔNG	5 chỉ khỉ tằm
	茯	苓	PHỤC LINH	1 lượng 5 chỉ, bỏ vỏ.

— 37 —

五味子	NGŨ VỊ TỬ	5 chỉ
丹皮	ĐƠN BÌ	1 lạng 5 chỉ
澤左	TRẠCH TẢ	1 lạng 5 chỉ
肉桂	NHỤC QUẾ	5 chỉ

Đồ 10 chén nước vào cái nồi lớn mà sắc (Nếu nước chưa ngập các vị thuốc thì phải đồ thêm) sắc khi còn lại độ 3 chén, để thật nguội lạnh sẽ uống. Rồi lại đồ thêm mấy chén nước nữa vào mà sắc, sắc còn lại độ 1 chén, lại để nguội, uống một hơi nữa, lập tức được yên tĩnh. Đó là phép « thượng bệnh hạ trị » nghĩa là bệnh ở trên mà trị ở dưới.

循衣撮空
TUẦN Y TOÁT KHÔNG
(2 tay lăn áo, nắm bưng không)

Bệnh này nếu không phải là đại thực chứng thì là đại hư chứng. Sự hư thực đó nên tìm kỹ nguyên nhân, xét mạch xem bệnh cho rõ ràng trắng đen mới có thể cho thuốc.

Thực chứng mà đại tiện bí thì uống **ĐẠI THỪA KHÍ THANG** (8).

Hư chứng mà đại tiện hoạt thì uống **ĐỘC SÂM THANG** (chỉ sắc 1 vị SÂM mà uống) Nếu quyết nghịch (5) thì gia **PHỤ TỬ**.

陰虛雙蛾
ÂM HƯ SÔNG NGÀ

Âm huyết hư, mọc 2 con kén trong cổ họng (bệnh đau yết hầu)

Nên dùng **PHỤ TỬ** 1 đồng cân, tầm nước muối sao, mỗi lần lấy một miếng mà ngâm trong miệng. Rồi cần **LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG** (9) đại tễ mà uống.

Phép ngoại trị : Bệnh này phải dẫn hỏa đi xuống. Lấy PHỤ TỬ 1 củ, giã nát ra, trộn vào chút giấm, nắn thành cái bánh, rịt vào huyết Dũng Tuyền (10) hay là NGÔ THỦ 1 lạng tán nhỏ, bột mì 5 đồng cân, 2 thứ trộn lẫn, cho vào chút nước luyện thật dẻo, nắn thành bánh, rịt vào huyết Dũng Tuyền rồi mau mau lấy cây kim châm vào huyết Thiếu Thương (11) vì huyết Thiếu Thương có một đường giây đi đến yết hầu.

胸 結

KẾT HUNG

(Bệnh kết ở bụng)

Bệnh kết hung vì biến chứng thương hàn mà phát, nghĩa là trong lúc tà hỏa của thương hàn đang đốt cháy mạnh, không thể vội cho ăn uống, mà lại cho ăn uống dễ thành bệnh kết hung. Nên dùng :

瓜 萸 QUA LÂU 2 đồng cân, bỏ vỏ, giã nát.

甘 草 CAM THẢO 1 đồng

Lấy nước sắc uống ngay, dùng thông thả.

QUA LÂU là một thành dược trị bệnh kết hung. Người thường vô bệnh mà uống vào, ắt làm cho như thể rơi rụng quả tim. Người có bệnh kết hung mà uống vào thì chẳng sợ hư hại gì cả. Vì bệnh kết hung là bởi cái ăn kết ở trong bụng, không thể dùng ĐẠI HOÀNG CHỈ XÁC, HẬU PHÁC, BINH LANG mà khu trục được, hẳn là phải có QUA LÂU khai khoát cho tỳ vị mới đun đầy quét sạch đi được. Khi uống gia một chút CAM THẢO để hòa dược thì chẳng có mãnh liệt phần nào cả.

扶 正 散 邪 湯

PHÙ CHÍNH TÁN TÀ THANG

人 參 NHÂN SÂM (4) 1 đồng cân

半	夏	BÁN HÀ	1	đồng cân
甘	草	CAM THẢO	1	—
白	朮	BẠCH TRUẬT	3	—
白	苓	BẠCH LINH	3	—
胡	荜	SÀI HỒ	3	—

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này chuyên trị người chính khí đã bị hư mà tà khí còn xâm nhập vào

Nếu người nhưc đầu phát nóng, mạch Thốn tay hữu lớn hơn mạch Thốn tay tả, là chính khí còn mạnh, mà vội cho uống phương thuốc này thì không thể hết bệnh.



火 症

2. HỎA CHỨNG

(Các loại bệnh thuộc hỏa)



瀉 火 湯 總 方

TẢ HỎA THANG TÓNG PHƯƠNG

梔 子	CHI TỬ	3 đồng cân
丹 皮	ĐƠN BÌ	3 —
白 芍	BẠCH THUỘC	5 —
元 參	NGUYÊN SÂM	2 —
甘 草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. Nếu :

Tâm hỏa gia HOÀNG LIÊN 1 đồng.

Vị hỏa gia SINH THẠCH CAO 3 đồng.

Thận hỏa gia TRI MẪU, HOÀNG BÁ mỗi thứ 1 đồng.

Phế hỏa gia HOÀNG CẨM 1 đồng.

Đại trường hỏa gia ĐỊA DU 1 đồng.

Tiểu trường hỏa gia THIÊN MÔN ĐÔNG, MẠCH MÔN ĐÔNG mỗi thứ 1 đồng.

Bàng quang hỏa gia TRẠCH TẢ 3 đồng.

Trị bệnh hỏa như phương thuốc TẢ HỎA THANG này làm sao lại chỉ trị một Can kinh? — Bởi Can thuộc mộc, mộc rất dễ sinh hỏa. Can hỏa mà tán thì hỏa ở các kinh khác cũng đều tán cả. Nhưng tán hỏa ắt phải dùng những thuốc có tính chất tiết hạ để cho hỏa có đường ra thì mới được.

火 症

HỎA CHỨNG

(Bệnh thuộc hỏa)

Bệnh thuộc về thực hỏa, Khi mới phát tất nhiên khát nước lắm phải uống rất nhiều, khắp mình có những chấm ban ở ngoài da, hay là mình nóng như lửa đốt, hay là phát cuồng nói nhảm. Nên dùng :

石 羔	THẠCH CAO	3 đồng cân
知 母	TRỊ MẪU	3 —
升 麻	THĂNG MA	3 —
半 夏	BÁN HẠ	3 —
甘 草	CAM THẢO	3 —
元 参	NGUYỄN SÂM	1 lượng
麦 冬	MẠCH ĐÔNG	1 lượng, khứ tâm
竹 葉	TRÚC DIỆP	100 lá

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang bột, 3 thang khô.

Xét rằng : Đây nói thực hỏa phát ban mà đại hàn cũng có phát ban. Nhưng phải xem có khát nước hay không khát. Nếu phát ban mà không khát nước, hay có khát mà uống một chút vào liền thò ra, hay uống nước rõ thật sôi mà không biết nóng. Đó là bệnh « đại hàn phát ban », không thể uống phương thuốc trị bệnh « thực hỏa phát ban » này được.

大 越

HỎA VIỆT

(Bệnh hỏa vượt lên)

Đó là Vị hỏa và CAN hỏa cùng bốc lên mà vượt ra ngoài. Nếu chẳng làm ra « đơn độc » (13) tức làm ra « sa chẩn » (14) chứ chẳng phải hỏa gì khác. Nên dùng :

元 参	NGUYỄN SÂM	1 lượng
乾 葛	CAN CÁT	3 lượng
升 麻	THĂNG MA	3 đồng
青 蒿	THANH CAO (2)	3 —
黄 芪	HOÀNG KỶ	3 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng THANH CAO, mà Can hỏa Vị hỏa đều hạ xuống, lại nhờ có mấy vị thuốc kia nữa mà dùng trọng tễ thì làm sao mà không diệt hết hỏa.

(Bài thuốc này trị bệnh Ban Sởi cho trẻ em cũng hay).

— 42 —

燥 症

TÁO CHỨNG

(Bệnh nóng ráo)

Bệnh này lúc mới phát, cổ họng khô, miệng khát nóng ráo, ăn vào không bị thổ ra, ho luôn miệng, sát đàm, hàng ngày sắc mặt đỏ, không sợ gió. Nên dùng :

麥	冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng cân	
元	參	NGUYỄN SÂM	5 —	
桔	梗	CÁT CẢNH	3 —	
天	花	粉	THIÊN HOA PHẤN	1 —
甘	草	CAM THẢO	1 —	
陳	皮	TRẦN BÌ	3 phân	
百	部	BÁCH BỘ	6 phân	

Lấy nước sắc uống.

治 火 丹 神 方

TRỊ HỎA ĐAN THẦN PHƯƠNG

(Phương thuốc thần trị bệnh ban nóng)

絲	瓜	子	TY QUA TỬ (hạt mướp)	1 lượng
元	參		NGUYỄN SÂM	1 lượng
柴	胡		SÀI HỒ	1 đồng
升	麻		THĂNG MA	1 —
當	歸		ĐƯƠNG QUY	1 —

Lấy nước sắc uống.

消 食 病

TIÊU THỰC BỆNH

(Bệnh ăn mau tiêu)

Bệnh này là bởi hỏa thịnh làm cho khát nước quá, bất uống, uống không chững, ngày ăn vào đói ngay, đêm tối lại phải ăn. Nên dùng :

- 43 -

元	参	NGUYỄN SÂM	1 lượng
参	冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng
生	地	SINH ĐỊA	3 đồng
竹	葉	TRÚC DIỆP	30 lá
菊	花	CÚC HOA	2 đồng
白	芥子	BẠCH GIỚI TỬ	2 —
升	皮	ĐƠN BÌ	2 —
陳	皮	TRẦN BÌ	5 phân

Lấy nước sắc uống.

痲 症

NUY CHỨNG

(Bệnh gân thịt co rúm)

Gân thịt co rúm không thể đứng dậy rời khỏi giường nằm, đã thành phế nhân. Đó là hỏa mạnh quá, đốt cháy nội tạng làm cho Thận thủy khô cạn, phép trị nên giáng Vị hỏa mà bổ Thận thủy.

Nên dùng GIÁNG BỔ THANG 降補湯

熟	地	THỰC ĐỊA	1 lượng
元	参	NGUYỄN SÂM	1 lượng
参	冬	MẠCH ĐÔNG	1 lượng
甘	菊	CAM CÚC HOA	5 đồng
生	地	SINH ĐỊA	5 —
沙	参	SA SÂM	5 —
地	骨	ĐỊA CỐT BÌ	5 —
車	前	XA TIỀN	2 —
人	参	NHÂN SÂM	3 —

Lấy nước sắc uống.

LẠI MỘT LOẠI BỆNH NUY

Có người 2 chân suy yếu không tài sức nào nhấc lên đứng dậy được mà miệng lại hay ăn, nếu hơi đói đói một chút tức thì trên mặt đều nóng lại làm ho luôn miệng. Đó cũng là một bệnh « nuy » nên dùng :

起痿至神湯
KHÔI NUY CHÍ THẦN THANG

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng
元参	NGUYỄN SÂM	1 —
山药	SƠN DƯỢC	1 —
菊花	CÚC HOA	1 lượng
当归	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
白芍	BẠCH THƯỢC	5 —
人参	NHÂN SÂM (4)	5 —
神曲	THẦN KHÚC (1)	2 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —

Lấy nước sắc uống. uống 30 thang khỏi.



閉 結

3. UẤT KẾT

(Khí nóng uất kết lại)



開 閉

KHAI UẤT

(Khai thông khí nóng uất)

Người bị bệnh vì khí nóng uất ở trong bụng, nếu có nhưc đầu phát nóng, sợ gió, ho, hay là bởi nặng ngực, tim không được khoan khoái mà uất khí uẩn tích ở trong bụng; hay là bởi thở không được nhẹ nhàng mà khí uất gián đình trệ ở dưới hốc bụng, thì « hẳn là không thể cho uống thuốc bổ được » vì bổ nó bế lại. Nên dùng:

當 歸	DUONG QUY	3 đồng cân
白 芍	BACH THUỘC	5 —
半 夏	BÁN HẠ	2 —
枳 壳	CHỈ XÁC	1 —
薄 荷	BẠC HÀ	1 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 —
丹 皮	ĐAN BÌ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. Nếu nhưc đầu gia XUYÊN KHUNG 1 đồng.

Đau mắt gia TẬT LỄ 1 đồng, CÚC HOA 1 đồng
Nghẹt mũi gia TÒ DIỆP 1 đồng.

Đau cổ họng gia CÁT CẢNH 2 đồng.

Mỗi lưng mỗi vai bội CHỈ XÁC, gia KHƯƠNG HOẠT 1 đồng.

Nhưc 2 tay gia KHƯƠNG HOÀNG 1 đồng hay QUẾ CHÌ 1 đồng.

Đau bụng không cho nắn bóp gia ĐAI HOÀNG 2 đồng.

Đau bụng cho nắn bóp vì bóp thấy đỡ, gia NHỤC QUẾ 1 đồng.

Ngoài ra bắt tất phải gia vị gì nữa.

關 格

QUAN, CÁCH

(Bệnh quan, cách) (16)

Vì khí uất giện làm thương CAN, CAN khí xung ngược lên cuống dạ dày mà THẬN khí không đi lên được, PHẾ khí không đi xuống được thành ra bệnh, phải lấy « khai uất » làm chủ. Nên dùng :

荆	芥	KINH GIỚI	
柴	胡	SÀI HỒ	
柴	金	UẤT KIM	
茯	苓	PHỤC LINH	
蘇	子	TÔ TỬ	
白	芥	TRẮNG GIỚI TỬ	
天	花	PHẤN	mỗi thứ 1 đồng
白	芍	BẠCH THUỘC	3 đồng
甘	草	CAM THẢO	5 phân

Lấy nước sắc uống.

Lại một cách trị : Lấy nước âm dương thủy (một nửa nước sôi, một nửa nước lạnh) mỗi thứ 1 chén đồ chung, cho vào một nắm muối, lấy muồm đánh mãi, đánh mãi cho đến khi nổi thật nhiều bọt lên, uống ngay vào sẽ thở ra tức khắc là khỏi. Phàm những người có bệnh đàm ở Thượng tiêu làm cho muốn thở, không thở được, nên uống cho nó thở ngay ra.

虛勞

4. HƯ, LAO

(Hư tổn và lao)



癆症虛損辨

LAO CHỨNG, HƯ TỔN BIỆT

(Phân biệt bệnh hư tổn và bệnh lao)

Bệnh hư tổn và bệnh lao, 2 bệnh này bề ngoài coi tương tự mà cách trị khác nhau:

Bệnh hư tổn thì âm huyết và dương khí đều suy yếu; bệnh lao thì âm huyết suy yếu mà dương khí lại nóng khan. Cho nên hư tổn có thể dùng thuốc ôn bổ, còn bệnh lao thì chỉ dùng thuốc thanh bổ mà kỵ dùng thuốc ôn bổ. Phân biệt hai bệnh này bất tất phải bằng cứ vào MẠCH chỉ xem hễ người khỏe mặc áo kép mà người bệnh mặc áo đơn là lao; hễ người khỏe mặc áo đơn mà người bệnh mặc áo kép là hư tổn. 2 bệnh cùng phát nóng, nhưng lao thì từ trong xương mà phát nóng, hư tổn thì vinh huyết vệ khí suy hư mà phát nóng.

內傷發熱

NỘI THƯƠNG PHÁT NHIỆT

(Bệnh nội thương phát nóng)

Bệnh nội thương phát nóng. Nên dùng:

當歸	ĐƯƠNG QUY	
柴胡	SÀI HỒ	
陳皮	TRẦN BÌ	
梔子	CHI TỬ	
甘草	CAM THẢO	mỗi thứ 1 đồng cân
白芍	BẠCH THƯỢC	2 đồng
天花粉	THIÊN HOA PHẤN	2 đồng

Lấy nước sắc uống. Phàm những người vì Can uất mà phát nóng, thuốc này uống một thang dễ chịu ngay.

Bệnh phát nóng có phân ra nội thương và ngoại cảm, nhưng đều phải phát tán hết tà khí trước, khi tà

khí đã hết rồi, nhiên hậu mới bổ chính khí thì chính khí không bị tà khí làm tổn thương. Nhưng phương thuốc này là thuốc trị nội thương phát nhiệt, còn thuốc trị ngoại cảm phát nhiệt đã nói ở mục thương hàn trên. Nghĩa là 2 bệnh này không thể dùng chung 1 phương thuốc được.

未 成 勞 而 將 成 勞

VỊ THÀNH LAO NHI TƯƠNG THÀNH LAO

(Chưa thành bệnh lao, mới sắp thành bệnh lao)

Bệnh thì chưa hẳn đã là lao mà triệu chứng sắp thành lao. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
地 骨 皮	ĐỊA CỐT BÌ	5 đồng
人 參	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng khí tâm
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 đồng, sao
懷 山	HOÀI SƠN	3 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 đồng
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	3 phân

Lấy nước sắc uống.

Phạm những người mạch Thốn tay hữu mà to hơn mạch Thốn tay tả tức là bệnh thuộc nội thương — bắt tất phải hỏi đến mạch Quan và mạch Xích tay tả tay hữu như thế nào? Cứ lấy phương thuốc này mà uống rất có hiệu nghiệm.

陽 虛 下 陷

DƯƠNG HƯ HẠ HÃM

(Dương khí hư bị hãm ở dưới)

Phạm những người khí đỏi quá, khí no quá, làm việc khó nhọc quá làm cho chính khí bị nội thương đến nỗi dương khí đi xuống bị hãm ở dưới mà Tỷ Vị

kém tiêu hóa, ăn uống kém vận động, như vậy thường thường biến ra bệnh « lao sái » (17). Cứ lấy thuốc có khí chất thăng đề mà uống trước đề trị thì làm sao có thể thành lao được. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng cân (4)
禁 胡	SÀI HỒ	1 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
升 麻	THĂNG MA	3 phân
黄 芪	HOÀNG KỶ	3 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 —

Lấy nước sắc uống. Nếu lại nghĩ rằng cái bệnh kém ăn kém uống là bởi Tỳ Vị không mấy tiêu hóa mà cơm thịt đình tích lại. Nhẹ thì cho uống những SA NHÂN, CHỈ XÁC, SƠN TRÀ, MẠCH NHA. Nặng thì cho uống những MANG TIÊU, ĐẠI HOÀNG, KHIÊN NGƯU, BẢ ĐẬU quanh đi quanh lại cứ uống như thế, tất nhiên làm cho trong bụng buồn bực bành trướng mà dần dần sẽ thành lao vậy.

陰 虛 下 陷
ÂM HƯ HẠ HÃM
 (Âm huyết hư bị hãm ở dưới)

Phạm những người âm huyết hư hàn làm cho Tỳ Vị tiết tả, lâu ngày hàng năm không hết, hay là ăn vào không tiêu hóa, hay là có tiêu hóa mà lại ỉa chảy. Nên dùng :

熟 地	THỤC ĐỊA	1 lượng (12)
山 药	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao
山 茱	SƠN THỦ	5 đồng, sao gần cháy

— 50 —

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
白 苓	BẠCH LINH	3 đồng
升 麻	THĂNG MA	3 phân
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 đồng, sao
車 前	XA TIỀN	1 đồng, sao

Lấy nước sắc uống vào mỗi buổi chiều.

Phương thuốc này thuần là thuốc bổ âm, tương như nó trệ, nhưng đã có THĂNG MA để nâng cái khí ở trong âm lên, lại có những chất thuốc ôn mà thấm thấp để cho ấm Mạnh môn mà kiện Tỳ Vị thì làm sao mà tiết tả được.

Xét rằng : Bệnh này thường làm cho chân và đùi phát thũng hơi nhiều, hễ ăn uống vào bên đi đại tiện ra những « hồi trùng » (con giun đỏ đầu, mình dài rất dũ) Đó là âm khí của tỳ vị hư hãm ở dưới đã quá độ thì mới nên gia Ô MAI, CÀN KHƯƠNG vào phương thuốc này cùng sắc mà uống.

Xét 2 phương thuốc, trên và dưới này tựa như LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG (9) và BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG (7) mà phương trên làm SAI HỒ, phương dưới làm BẠCH GIỚI TỬ, TANG DIỆP thì công dụng còn hay hơn những chất ở 2 bài ĐỊA HOÀNG THANG. Vậy kẻ Dụng Giả không thể lấy ý riêng của mình mà gia hay giảm trong 2 phương thuốc trên và dưới đó).

陰 虛 火 動, 夜 熱 晝 寒
ÂM HƯ HÒA ĐỘNG, ĐẠ NHIỆT TRÚ HÀN
 (Âm hư hỏa động, đêm nóng ngày lạnh)

Bệnh chân âm hư mà hỏa động lên làm cho đêm nóng ngày lạnh là bởi Thận thủy đã hư lại hiệp với cảm

hàn mà Thận thủy suy kiệt quá. Đã là bởi âm hư thủy pháp, nếu nhận là dương chứng mà trị thì sinh ra khát nước mà bệnh nhiệt càng tăng, tất nhiên tiêu hết âm thủy, mà ho luôn miệng, thổ ra đàm trắng như bông, tiếng nói rè rè gần như cảm, biến thành bệnh « lao sai » (17).

Phép trị nên bổ âm cho thật mạnh để âm thủy đầy đủ thì hỏa tự nhiên tắt hết mà xương tủy mát mẻ khoan hòa. Nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
元参	NGUYỄN SÂM	1 lượng
山茱	SƠN THỦ	5 đồng
地骨皮	ĐỊA CỐT BÌ	5 —
芡实	KHIẾM THỰC	5 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	5 —
麦冬	MẠCH ĐÔNG	3 đồng, khứ tâm
沙参	SẢ SÂM	3 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
桑叶	TANG DIỆP	14 lá

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này trị bệnh « âm hư hỏa động » rất thần hiệu.

陰寒無火
ÂM HẠN VÔ HỎA

Lại như bệnh chân âm rất lạnh là hoàn toàn không có hỏa. Nên dùng:

肉桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
柴胡	SÀI HỒ	1 —
熟地	THỰC ĐỊA	5 lượng (12)
附子	PHỤ TỬ	3 đồng
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
人参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)

Lấy nước sắc uống.

Nói về 2 phương thuốc trị âm hư này. Trong phần trị âm tức có cả phần trị dương, trong phần trị dương, tức lưu ý phần bổ âm.

過勞

QUÁ LAO

(Khó nhọc quá)

Phàm những người khó nhọc quá, tất nhiên có mạch PHÙ ĐẠI mà không có nhịp độ. Người ấy nếu chẳng an nhàn ngơi nghỉ, chắc sẽ phát bệnh thổ huyết. Phép trị phải tư âm, bổ khí. Nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	5 lượng (12)
黄芪	HOÀNG KỶ	5 lượng
白芍	BẠCH THƯỢC	5 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
山茱	SƠN THỦ	4 —
人參	NHÂN SÂM	3 lượng (4)
茯苓	PHỤC LINH	3 lượng
五味子	NGŨ VỊ TỬ	3 —
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 lượng khứ tâm
神曲	THẦN KHÚC	1 lượng (1)
砂仁	SA NHÂN	8 lượng
陳皮	TRẦN BÌ	8 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	8 —

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày sớm chiều 2 lần uống, mỗi lần uống 5 đồng cân, uống với nước lã đun sôi.

日重, 夜輕

VHẬT TRỌNG, ĐẠ KHINH

(Bệnh ngày nặng mà đêm nhẹ)

Bệnh phát nóng lạnh cả ngày đêm mà so ra thì ngày nặng hơn đêm. Bệnh này ắt nên uống thuốc

ngay từ lúc trời chưa sáng rõ — mỗi ngày — để ngăn chặn nó trước đi. Nên dùng:

人參	NHÂN SÂM	1 đồng cân (4)
枳壳	CHỈ XÁC	1 đồng
青皮	THANH BÌ	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	1 —
半夏	BÁN HẠ	1 —
甘草	CAM THẢO	1 —
黃芪	HOÀNG KỶ	5 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
柴胡	SÀI HỒ	3 —
乾姜	CÀN KHƯƠNG	5 phân

Lấy nước sắc uống. Hay là dùng:

熟地	THỤC ĐỊA	1 lượng (12)
人參	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
陳皮	TRẦN BÌ	1 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	1 —
甘草	CAM THẢO	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
柴胡	SÀI HỒ	2 —

Lấy nước sắc uống,

夜重, 日輕 ĐẠ TRỌNG, NHẬT KHINH

(Bệnh đêm nặng mà ngày nhẹ)

Bệnh phát nóng phát lạnh về ban đêm nặng hơn ban ngày — có khi lạnh ít nóng nhiều, có khi nóng ít lạnh nhiều — mỗi đêm cứ đến lúc trời gần sáng mới thấy mát dịu dễ chịu, mỗi ngày cứ đến lúc xế chiều đã thấy trầm trọng khó chịu.

Đó là âm khi đã suy hư quá. Nên dùng :

熟	地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
山	茱	SƠN THỦ	4 đồng
當	歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
白	芍	BẠCH THƯỢC	3 —
柴	胡	SÀI HỒ	3 —
何	首	HÀ THỦ Ô	3 — dùng sống.
麥	冬	MẠCH ĐÔNG	3 —
白	芥	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
蟹	甲	BIẾT GIÁP	5 — cạo rửa sạch, tẩm giấm, sao
五	味	NGŨ VỊ TỬ	1 —
陳	皮	TRẦN BÌ	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này thần diệu ở chỗ dùng BIẾT GIÁP là vật rất thuộc âm, khi uống vào, hệ gặp âm khi thì nó dẫn vào mà gặp dương khí thì nó chuyển đi. HÀ THỦ Ô dùng sống để nó đi thẳng vào âm kinh mà nó cũng trục tà khí. BẠCH GIỚI TỬ có công khử đàm mà lại không làm hao tổn cái khí của chân âm. Như vậy có lẽ nào mà chẳng thu công, nhưng khi uống thuốc nên uống vào lúc sắp xế chiều thì âm khí mới được yên định mà tà khí mới không dám xâm nhập nữa.

陰邪兼陽邪
ÂM TÀ KIÊM DƯƠNG TÀ
(Âm tà và dương tà)

Bệnh này cũng phát về ban đêm, cũng phát nóng phát lạnh, không khác gì chứng bệnh chỉ có một khí âm tà, nhưng nó lại có phiền táo chút ít (dương tà) chứ không thường thường yên tĩnh như âm tà. Phép trị nên bổ âm, nhưng trong thuốc bổ âm nên gia một vài

vị dương được, mỗi thứ chút ít, dễ dương khi mạnh mà âm khí tiêu, tự nhiên thu công trong nhanh chóng. Nên dùng:

熟地	THỤC ĐỊA	1 lượng (12)
山茱	SƠN THỦ	4 đồng, sao
鳖甲	BIẾT GIÁP	5 — cạo rửa sạch, tẩm giấm, sao
茯苓	PHỤC LINH	5 —
当归	ĐƯƠNG QUY	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	3 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
麦冬	MẠCH ĐÔNG	3 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	3 — sao
何首乌	HÀ THỦ Ô	3 — dùng sống
人参	NHÂN SÂM	2 — (1)
柴胡	SÀI HỒ	2 — sao
陈皮	TRẦN BÌ	1 —

Lấy nước sắc uống.

氣血兩虛
KHÍ HUYẾT LƯƠNG HƯ
(Khí huyết đều hư)

Bệnh này ăn uống ít không tiến lên được là khí hư ; sắc mặt và hình thể khô khan là huyết hư. Nếu bổ khí cho ăn được thì huyết càng bị khô ráo, mà bổ huyết cho tươi nhuận thì khí càng bị tiêu hao. Nghĩa là bổ khí để trợ Tỳ Vị thì khó cầm được bệnh đao hãn (bổ hơi trộm) mà bổ huyết để bồi Tâm Thận thì càng làm tri trệ trong bụng.

Phép trị phải « khí huyết đồng trị ». Nên dùng:

人参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao

白 苓	BẠCH LINH	2 đồng cân
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
川 芎	XUYỀN KHUNG	1 —
當 歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
熟 地	THỰC ĐỊA	3 — (12)
白 芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
藜 蘆	CỐC NHA	1 — sao
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khử tâm
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phân
神 曲	THẦN KHÚC	5 phân (1)

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này «khi huyết lưỡng bổ», kể về công hiệu thì cũng như BÁT TRẦN THANG (18) nhưng thần diệu hơn BÁT TRẦN ở chỗ trong thuốc bổ có phương pháp điều hòa.

氣 虛 胃 虛

KHÍ HƯ, VỊ HƯ

(*Khi hư và vị hư*)

Những người bệnh lâu ngày mà dương khí hư, tất nhiên thân thể gầy yếu, ăn uống ít ỏi, đó là Vị hư, có khi còn làm cho đại tiện thì đường tiết, tiểu tiện thì khó khăn. Nên dùng:

人 參	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
車 前	XA TIỀN	1 — sao
澤 瀉	TRẠCH TẢ	1 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM làm quai, để khai Vị khí. Bởi vì con Vị là cái cửa của Thận, nếu cái cửa đóng lại thì trên ăn

uống không được, dưới bã rả không tiêu, tất nhiên phải dùng NHÂN SÂM để dưỡng Vị thổ; XA TIỄN, PHỤC LINH để phân tiêu thủy khí. Nếu uống như thế mà không thấy công hiệu lắm, thì mỗi lần uống nên uống thêm mấy viên BÁT VỊ HOÀN (7) rất mau làm cho đại trường thực mà Bàng quang thông lợi.

氣 虛 飲 食 不 消
KHÍ HƯ, ẨM THỰC BÁT TIÊU
(*Khí hư, ăn uống không tiêu*)

Người ta ăn uống vào dạ dày, tất nhiên cái «khí» có sung túc mới hay tiêu hóa mà sinh ra tân dịch, Nay ăn uống vào không tiêu thì là «khí» hư. Nên dùng:

人 參	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
黃 芪	HOÀNG KỶ	3 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
神 曲	THẦN KHÚC	5 phân (1)
麥 芽	MẠCH NHA	5 phân, sao
陳 皮	TRẦN BÌ	1 phân
山 查	SƠN TRƯA	5 phân, sao

Lấy nước sắc uống. Nếu thương thực vi bành khúc thì gia LA BẮC TỬ 1 đồng.

Có đàm thì gia BẮN HẠ, BẠCH GIỚI TỬ mỗi thứ 1 đồng.

Ho thì gia TÔ TỬ 1 đồng, CÁT CẢNH 2 đồng.

Thương phong thì gia SÀI HỒ 2 đồng.

Đêm ngủ không yên thì gia TÁO NHIÊN sao cháy 3 đồng.

Trong bụng hơi đau thì gia CHỈ XÁC 5 phân.

Trong phương thuốc này đã thuần là những dược phẩm để khai vị, lại còn sợ rằng ăn uống khó tiêu mà gia những dược vị để tiêu dẫn cho ăn uống dễ tiêu hóa mà tán dịch sinh ra.

血 虛 面 色 黃 瘦

HUYẾT HƯ, DIỆN SẮC HOÀNG SÁU

(Huyết hư, sắc mặt vàng ốm)

Bệnh ra mồ hôi nhiều mà lại ra mồ hôi trộm, đêm nằm ngủ thường dễ thức tỉnh, làm cho huyết hư, không tươi nhuận sắc mặt và không dưỡng gân.

Theo lẽ tự nhiên, huyết hư thì nên bổ huyết, mà bổ huyết thì dùng TỬ VẬT THANG (19). Nhưng nếu muốn bỏ TỬ VẬT THANG lại phải tìm phương khác để thay. Vậy nay không dùng TỬ VẬT thì nên dùng:

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	3 đồng, khứ tâm
枸 杞 子	CÁU KỶ TỬ	3 —
當 歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
茜 草	TÊ THẢO	1 —
桑 葉	TANG DIỆP	10 lá

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bởi dùng TANG DIỆP để bổ âm mà sinh huyết, lại hay bởi gia TÊ THẢO để hoạt huyết mà sinh thêm huyết, hướng chi lại giúp sức vào với đại tể QUY, THỰC, MẠCH ĐÔNG để cùng sinh huyết.

肺 脾 雙 虧

PHẾ TỶ SONG KHUY

(Phế tỳ cả hai khuy tổn)

Khi ho khan, khi ho đàm, luôn miệng không ngừng là Phế hư, khi thở khi tả không cầm là Tỳ

hư. Thế là Tý và Phế, cả hai đều bị tổn thương. Người ta bảo: ho nên trị Phế, thổ tả nên trị Tý. Nhưng lại chưa biết: bệnh ho bởi Phế hư, nhưng Phế hư là bởi Tý khí suy mà cái lệnh xoay vần cốt cán không hành thì trên mới làm ra ho; bệnh thổ tả tuy bởi Tý hư, nhưng Tý hư là bởi hế khí nhược mà cái lệnh thanh hòa nghiên mật không hành thì trên thổ dưới tả. Như vậy là Tý thổ, Phế kim cùng có bệnh tức là « kim thủy tương liên », Nên dùng :

人 參	NHÂN SÂM	1 đồng 5 phân (4)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	2 — khử tâm
茯 苓	PHỤC LINH	2 —
卓 前	XA TIỀN	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
柴 胡	SÀI HỒ	5 phân
神 曲	THẦN KHÚC	5 phân (1)
蒼 朮 仁	Ý DỊ NHÂN	5 phân, sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hợp lại mà dùng để trị cả Tý và Phế để cho bệnh ho và bệnh thổ tả nhất tề cùng khỏi. Đó là « nhất phương nhi lưỡng dụng » nghĩa là một phương thuốc mà dùng trị cả 2 bệnh vậy.

肝 腎 兩 虛
CAN, THẬN LƯƠNG HƯ
(Can, thận cả hai hư nhược)

Thận thủy thiếu không đủ để tưới mát cho Can mộc, thì Can mộc bị nóng uất không được thư thái, ắt sinh ra chứng đầy tức 2 bên hốc bụng.

Can mộc suy không đủ để sinh Mạnh môn hỏa (mạnh-môn là hữu-thận thuộc hỏa) thì Thận thủy mỗi ngày một lạnh, ắt sinh ra chứng đau lưng như gãy.

Bệnh này ắt phải « Can Thận đồng bổ », Nên dùng :

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
山茱	SƠN THỦ	5 đồng, sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — sao
柴胡	SÀI HỒ	2 —
肉桂	NHỤC QUẾ	1 phân

Lấy nước sắc uống.

THỰC ĐỊA, SƠN THỦ là thuốc bổ Thận, QUY THƯỢC, SÀI là thuốc bổ Can. Như vậy là bổ Can, bổ Thận quân bình. Đã bảo rằng, bổ được quân bình thì sự dùng thuốc hầu như không cần phải phân khinh trọng. Vậy mà nay thuốc bổ Can lại nhiều hơn thuốc bổ Thận là tại sao ? Bởi vì Thận thủy là mẹ của Can mộc (thủy sinh mộc) mà Can mộc lại là mẹ của Mạnh môn hỏa (mộc sinh hỏa). Như vậy là Thận nuôi Can mà Can cũng có phần nuôi Thận. Nay nhìn về thuốc thì Can được tuy có phần nhiều hơn Thận được, nhưng cái ý nghĩa thì làm cho Can mộc vượng hơn, để Can mộc lại sinh nuôi Mạnh môn hỏa. Thế là bổ Can bổ Thận bằng nhau.

心 腎 不 交

TÂM THẬN BẤT GIAO

(Tâm thận không giao với nhau)

Thận thuộc « thủy » tạng, Tâm thuộc « hỏa » tạng, 2 tạng Tâm và Thận coi nhau như cừu địch, tựa hồ không thể giết liền với nhau mà hợp trị được. Nhưng không biết : Tâm và Thận tuy là thủy hỏa tương khắc với nhau mà thật ra lại nương nhờ nhau. Bởi vì : Thận thủy mà không có Tâm hỏa giao liên thì Thận thủy phát hàn, cho nên Thận thủy phải nhờ có Tâm hỏa để ấm áp. Tâm hỏa mà không có Thận thủy giao liên thì Tâm

hỏa phát cháy, cho nên Tâm hỏa phải nhờ có Thận thủy để tưới mát. Như vậy là Tâm và Thận phải giao liên với nhau.

Kia như bệnh run sợ không yên (tâm bệnh), di tinh mộng tinh (thận bệnh), 2 bệnh ấy đều bởi « Tâm Thận bất giao ».

Người bảo bệnh run sợ là Tâm bệnh mà ta (Tác giả) lại cho là Thận bệnh; Người bảo bệnh di mộng là Thận bệnh mà ta (Tác giả) lại cho là Tâm bệnh. Thật là chi lý, chứ chẳng phải ta muốn đảo ngược. Nếu ai không tin cứ thật lòng suy nghĩ cặn kẽ, tự nhiên sẽ thấy rõ ràng. Nên dùng:

熟地	·THỰC ĐỊA	5 lạng (12)
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
山茱	SƠN THỦ	sao
人參	NHÂN SÂM	(4)
茯神	PHỤC THẦN	
棗仁	TÁO NHÂN	sao đen
麥冬	MẠCH ĐÔNG	khử tâm, sao
柏子仁	BÁI TỬ NHÂN	sao, mỗi thứ 3 lạng
遠志	VIỄN CHÍ	1 lạng chế
菖蒲	XƯƠNG BỒ	1 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao
山藥	SƠN DƯỢC	3 đồng, sao
芡實	KHIẾM THỰC	5 — sao

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày sớm chiều 2 lần uống, mỗi lần uống 5 đồng cân với nước nóng.

Phương thuốc này trị cả Tâm và Thận, mà rất khéo là dùng thuốc trị Thận ít hơn thuốc trị Tâm. Bởi Tâm là chủ, Tâm quân mà yên tĩnh thì Thận khí tự nhiên yên. Thân khi đã yên, Tâm hỏa làm sao còn động được. Như

vậy, trị Thận tức là đề trị Tâm, mà trị Tâm tức là đề trị Thận. Cho nên nói rằng : « Tâm Thận tương y » nghĩa là Tâm và Thận cùng nương nhờ nhau.

精 滑 夢 遺

TINH HOẠT MỘNG DI

(Hoạt tinh, mộng tinh, di tinh)

Bệnh này người ta bảo là bệnh Thận hư. Nhưng không chỉ có một Thận bệnh mà cả Tâm bệnh nữa. Vậy phải « tâm thận kiêm trị ». Nên dùng :

	熟地	THỰC ĐỊA	8 lạng (12)
	山药	SƠN DUỘC	cắt nhỏ, sao vàng
	肉桂	NHỤC QUẾ	cạo sạch vỏ
	鹿茸	LỘC NHUNG	sấy khô
	棗仁	TẢO NHÂN	sao cháy
	遠志	VIỄN CHÍ	chế nước cam thảo.
	杜仲	ĐỔ TRỌNG	sao cháy đứt tơ.
柏	子仁	BÁ TỬ NHÂN	sao khô hết dầu.
破	故紙	PHÁ CỔ CHỈ	tầm nước muối, sao.
五	味子	NGŨ VỊ TỬ	sao khô, mỗi thứ 1 lạng
	山茱	SƠN THỦ	4 lạng sao khô
	白朮	BẠCH TRUẬT	4 — sao vàng
	人參	NHÂN SÂM (4)	
	茯苓	PHỤC LINH	
	麥冬	MẠCH ĐÔNG	khử tâm
	白芍	BẠCH THUỘC	tầm rượu, sao
	巴戟	BÀ KÍCH	bỏ lõi
肉	苧蓉	NHỤC THUNG DUNG	sao khô, mỗi thứ 3 lạng
	砂仁	SẢ NHÂN	5 đồng, sao bỏ vỏ.
	附子	PHỤ TỬ	1 —
紫	河車	TỬ HÀ XA	1 cái, rửa thật sạch, sấy khô.

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày sớm chiều 2 lần uống, mỗi lần uống 5 đồng cân, uống với nước lã sôi.

Phương thuốc này dùng THỰC ĐỊA, SƠN DƯỢC, SƠN THỦ đề bổ Thận ; BA KÍCH, NHỤC THUNG DUNG, PHỤ TỬ, LỘC NHUNG đề bổ hỏa ở trong Thận. Như vậy có thể đã là đủ, mà lại còn phải gia NHÂN SÂM, PHỤC LINH, BẠ TỬ NHÂN, MẠCH ĐÔNG, VIỄN CHÍ, TÁO NHÂN đề bổ Tâm là sao vậy ? Bởi Thận hỏa mà hư là vì Tâm hỏa hư, nếu chỉ bổ Thận hỏa mà không bổ Tâm hỏa thì Thương tiêu (3) khô kiệt thêm, cho nên muốn bổ Thận hỏa, hẳn là phải bổ cả Tâm hỏa thì « thủy hỏa tương tế » nghĩa là thủy và hỏa giúp cho nhau.

夜夢遺精

ĐẠ MỘNG DI TINH

(Đêm nằm mộng d. tinh)

• Bệnh di tinh. Ban đêm có nằm mộng mới di tinh là Tâm hỏa vọng động rời tư tưởng mà đi thì Thận thủy chưa đến nổi suy tổn lắm. Nhưng đêm không nằm mộng mà cũng di tinh là bởi Thận thủy hao tán suy kiệt quá, trên không thể thông với Tim, giữa không thể nhuận cho Can, dưới không thể sinh Tý khí, rồi « ngọc quan » (cửa ngọc hành) không đóng lại được mà cứ đi ra hoài, bất luận cả ngày đêm.

Phép trị phải bổ Thận mà thêm chút ít dược phẩm đề bổ Tâm, Can, Tý. Nên dùng :

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
山茱	SƠN THỦ	4 đồng
茯苓	PHỤC LINH	
白芍	BẠCH THUỘC, sao	
生	棗仁	SINH TÁO NHÂN
當歸	ĐƯƠNG QUY	
菴	苡仁	Ý DĨ NHÂN
白	木	BẠCH TRUẬT
		sao, mỗi thứ 3 đồng
		5 đồng sao vàng

	茯	神	PHỤC THẦN	2 đồng
五	味	子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
白	芥	子	BẠCH GIỚI TỬ	1 —
	肉	桂	NHỤC QUẾ	5 phân
	黄	連	HOÀNG LIÊN	5 —

Lấy nước sắc uống, uống một thang hết, uống 10 thang không tái phát.

遺 精 健 忘

DI TINH, KIẾN VONG

(Di tinh và hay quên)

Di tinh là bệnh ở dưới (thận), hay quên là bệnh ở trên (tâm), trên dưới cách xa nhau tại sao có thể « hợp trị » mà đều được thỏa đáng cả ? Vì di tinh tuy là bởi Thận thủy hư mà thực ra gốc bởi Tâm hỏa suy nhược nên mới hay quên. Nay cho bổ Tâm quân để trị bệnh hay quên thì cửa « ngọc quan » không phải đóng mà tự nhiên đóng lại, đã đóng lại thì làm gì còn có di tinh. Cho nên nói rằng : « nhất cử lưỡng đắc ». Nên dùng :

	人	参	NHÂN SÂM	3 lượng (4)
	芡	实	KHIẾM THỰC	3 — sao vàng
	麦	冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm, sao khô
生	棗	仁	SINH TÁO NHÂN	3 —
	党	参	ĐƯƠNG QUÝ	3 — sấy khô
	山	茱	SƠN THỦ	3 — sao khô
	莲	肉	LIÊN TỬ	2 —
	熟	地	THỤC ĐỊA	5 — sấy khô (12).
	山	茱	SƠN DƯỢC	4 — sao vàng
柏	子	仁	BÁ TỬ NHÂN	1 — sao hết dầu
	远	志	VIỄN CHÍ	1 lượng, tâm nước cam thảo sao khô.
	萹	蓄	XUÔNG BỒ	1 lượng
五	味	子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao khô

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày uống 5 đồng chén với nước lã sôi.

倒飽中滿

ĐÀO BẢO TRUNG MÃN

(Trong bụng no đầy đưa ngược lên)

Chân khí hư nhược, không ăn được, hễ ăn vào thì đầy trướng đưa ngược lên. Nên dùng :

人參	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
蘿蔔子	LA BẮC TỬ	1 — sao
甘草	CAM THẢO	1 — chích
白朮	BẠCH THUẬT	2 — sao vàng
茯苓	PHỤC LINH	3 —
山藥	SƠN DƯỢC	3 — sao vàng
芡實	KHIẾM THỰC	5 — sao
薏苡仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao chín
陳皮	TRẦN BÌ	3 phân

Lấy nước sắc uống, uống vào một lát tuy thấy hơi đầy đầy, nhưng rồi thấm vào bụng thấy khoan khoái dần dần.

久虛緩補

CỬU HƯ, HOÃN BỔ

(Yếu đã lâu nên bổ dần dần)

Những người hư nhược đã lâu ngày, hơi thở mệt nhọc thiếu thốn, ai chẳng bảo rằng, nên « cấp bổ ». Nhưng không biết, khí huyết đã đại hư mà vội dùng những thuốc đại bổ, thì sức yếu khó đương nổi trọng lượng, mà cứ uống vào, tất nhiên dạ dày không tiêu hóa kịp lại sinh ra bành trướng, không bằng cứ cho thanh bổ dần dần là hơn. Nên dùng :

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 đồng
茯苓	PHỤC LINH	1 —
山藥	SƠN DƯỢC	1 — sao
白芍	BẠCH THƯỢC	2 — sao

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 phân, sao
棗 仁	TẢO NHÂN	5 — sao cháy
人 參	NHÂN SÂM	3 — (4)
陳 皮	TRẦN BÌ	3 —
麥 芽	MẠCH NHA	3 — sao
泡 姜	BÀO KHƯƠNG	3 —
甘 草	CAM THẢO	3 — chích.

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng BẠCH THUỘC làm quân để dẫn SÂM, LINH cùng nhập Can làm tá mà điều khiển nhẹ nhẹ, thu công từ từ, chờ cho khai Vị dần dần và Tý khí cũng sung thực dần dần, nhiên hậu sẽ dùng thuốc thuần bổ. Tóm lại bệnh « cửu hư » trước nên « hoãn bổ » sau hãy « thuần bổ ».

Xét như người bị đói đã lâu, nếu vội vàng cho ăn cơm ngay sẽ bị chết no, chỉ nên cho uống cháo lỏng dần dần trước. sẽ cho ăn cơm sau. Đó là « Đồng nhất lý.

補 氣
BỔ KHÍ

(Thuốc bổ khí)

Tay hữu mà có mạch ĐẠI (lớn), (mạch ĐẠI, khi xem đề nhẹ ngón tay thì nó nổi đầy, mà ấn nặng ngón tay thì nó vô lực) là khí phận bị lao thương. Nên dùng :

補 氣 丸
BỔ KHÍ HOÀN

人 參	NHÂN SÂM	3 lượng (4)
黃 芪	HOÀNG KỶ	3 —
白 芍	BẠCH THUỘC	3 — sao vàng
茯 苓	PHỤC LINH	4 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	8 — sao vàng

陳皮	TRẦN BÌ	1 lượng, sao
五味子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao khô
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
遠志	VIỄN CHÍ	1 lượng, tằm nước cam thảo, sao khô.
麥冬	MẠCH ĐÔNG	2 lượng, khử tâm sao khô.
甘草	CAM THẢO	8 đồng, chích

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi buổi sáng uống 5 đồng cân, uống với nước lã sôi.

補血

BỔ HUYẾT

(Thuốc bổ huyết)

Tay tả mà có mạch ĐẠI (lớn) là huyết phận bị lao thương. Nên dùng :

補血丸

BỔ HUYẾT HOÀN

熟地	THỰC ĐỊA	8 lượng (12)
白芍	BẠCH THƯỢC	8 — sao vàng
山茱	SƠN THỦ	4 — sao khô
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 — cắt nhỏ, sấy khô.
棗仁	TÁO NHÂN	5 đồng, sao cháy
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khử tâm, sao khô
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	5 — sao
五味子	NGŨ VỊ TỬ	5 — sao khô
砂仁	SA NHÂN	5 — bỏ vỏ, lấy nhân, sao.
肉桂	NHỤC QUẾ	5 — cạo sạch vỏ

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi tối uống một lượng, uống với nước lã sôi. Nếu thấy nóng mình thì bỏ NHỤC QUẾ, gia ĐỊA CỐT BÌ 5 đồng.

出汗

XUẤT HÂN

(Bệnh ra mồ hôi)

Người ta khi có bệnh, không nên để cho ra mồ hôi nhiều quá. Nếu ra nhiều quá, sợ thành « vong dương » (20), vậy cần phải thu liễm lại. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
黄 芪	HOÀNG KỶ	1 — tâm mật, sao
当 归	ĐƯƠNG QUY	1 —
桑 叶	TANG DIỆP	5 lá
麦 仁	TẢO NHÂN	1 đồng, sao cháy
麦 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm

Lấy nước sắc uống.

癆 症

LAO CHỨNG

(Bệnh lao)

Khi đã thành bệnh lao rồi, thì rất là khó trị, vì hẳn là có một loại trùng nó sinh sản ở trong người để nó ăn hút khí huyết của người, làm cho khí huyết con người ngày một hao mòn.

Cách trị : Nếu chỉ bổ khí huyết mà không thêm thuốc sát trùng vào, thì những chất ăn uống vào dạ dày, chỉ nuôi sống con trùng mà không sinh khí huyết. Nếu lại chỉ dùng thuốc sát trùng mà không có thuốc bổ khí huyết thì ngũ tạng cũng phải bị thương vì thuốc sát trùng. Như vậy làm sao có sinh lý. Nên chỉ trong thuốc đại bổ mà gia

It thuốc sát trùng vào thì nguyên khí đã hoàn toàn, chân dương lại không bị hao tán thì trùng sẽ chết mà thân thể an bình. Nên dùng :

熟地	THỤC ĐỊA	8 lạng (12)
地栗粉	ĐỊA LẬT PHẤN	8 — tức Bột Tề Phấn (59).
何首烏	HÀ THỦ Ô	8 —
蟹甲	BIẾT GIÁP	1 cân, cạo rửa sạch, tẩm giấm, sao.
山藥	SƠN DƯỢC	1 cân, sao vàng
神曲	THẦN KHÚC	5 lạng (1)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 ● khú tâm, sao khô.
桑葉	TANG DIỆP	8 —
人參	NHÂN SÂM	3 — (4)
白薇	BẠCH VI	3 — sao

Tất cả tán nhỏ, lấy nước lã luyện làm hoàn, sấy khô.

Mỗi ngày uống 5 đồng cân với nước lã sôi. Trong thời gian uống độ 6 tháng, trùng sẽ theo đại tiện mà ra hết.



痰 嗽

5. ĐÀM THẤU

(Ho Đàm)

Cổ nhân lập ra phương-pháp trị bệnh đàm, đều là trị cái bệnh ngọn (tiêu) của đàm mà không hay trị đến cái bệnh gốc (bản) của đàm. Như bài NHỊ TRẦN THANG (21) đều là đề trị các bệnh đàm : Thượng tiêu đàm, Trung tiêu đàm, Hạ tiêu (3) đàm, Cứu bệnh đàm, Tạm thời đàm, nhưng thật ra không có thực hiệu.

Nay lập ra 3 phương (sơ bệnh đàm, dĩ thành bệnh đàm, cứu bệnh đàm) đề trị đàm, tất cả các bệnh đàm đều không thể ra ngoài phạm vi ấy.

初 病 之 痰

SƠ BỆNH CHI ĐÀM

(Bệnh đàm mới phát)

Cảm gió, ho, thờ ra đàm. Nên dùng

陳	皮	TRẦN BÌ	
半	夏	BÁN HẠ	
天	花	粉	THIÊN HOA PHẤN
茯	苓	PHỤC LINH	
蘇	子	TÔ TỬ	
甘	草	CAM THẢO	mỗi vị 1 đồng cân.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang có thể tiêu hết đàm.

Phương thuốc này trị bệnh đàm ở Thượng tiêu (3). Vì cái đàm ở Thượng tiêu gốc ở trong Dạ dày chứ không ở Phổi. Khi đã khừ được cái đàm ở trong Dạ dày rồi thì Phổi tự nhiên thanh hòa yên tĩnh. Phổi đã thanh hóa thì làm sao cái hỏa lại có thể thượng thăng được.

己病之痰
DĨ BỆNH CHI ĐÀM
(Bệnh đàm đã hiện thành)

Khi đã thành bệnh đàm rồi, hẳn phải xem đàm mà phân biệt đàm trắng hay đàm vàng. Đàm trắng là lúc hỏa đang đốt cháy, đàm vàng là lúc hỏa đã hạ. Lúc đàm đang đốt cháy thì dùng thuốc hàn lương, đàm đang hạ bớt thì dùng thuốc khử trọc. Nay dùng 1 phương này mà trị được cả hai. Nên dùng :

白	朮	BẠCH TRUẬT	3 đồng, sao
白	芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao
茯	苓	PHỤC LINH	5 — bỏ vỏ
陳	皮	TRẦN BÌ	1 —
甘	草	CAM THẢO	1 —
枳	壳	CHỈ XÁC	5 phân

Lấy nước sắc uống. Nếu có hỏa thì gia CHI TỬ, không có hỏa thì bất tất phải gia. Phương thuốc này khử thấp, kiện Tỳ, trị bệnh đàm ở Trung tiêu (3).

Lại có 1 phương :

白	朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
白	苓	BẠCH LINH	5 —
蒼	朮	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
人	參	NHÂN SÂM	5 phân (4)
陳	皮	TRẦN BÌ	1 đồng
天	花	THIÊN HOA PHẤN	2 —
益	智	ÍCH TRÍ NHÂN	3 — bỏ vỏ

Lấy nước sắc uống, có hỏa thì gia HOÀNG CẨM 1 đồng, không có hỏa thì gia CÀN KHƯƠNG 1 đồng, CAM THẢO 2 phân. Phương thuốc này khử thấp kiện Tỳ mà không hao khí, uống 2 thang, đàm tự nhiên tiêu hết.

久病之痰
CỬU BỆNH CHI ĐÀM
(Bệnh đàm đã lâu)

Những người bệnh đã lâu mà lắm đàm, nhất thiết không thể bảo là «Tỳ thấp sinh đàm» mà nói truyen được. Bởi những bệnh đã lâu mà không khỏi, chưa có bệnh nào mà không vì «Thận thủy khuỵ tồn» cả. Nếu không phải Thận thủy rẫy lên làm đàm thì tức là Thận hỏa bốc lên làm đàm. Vậy phải bổ Thận để khứ trực đàm. Nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
蒼朮仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
山藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao
山茱	SƠN THỦ	5 — sao
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khứ tâm, sao
芡實	KHẾM THỰC	5 — sao
五味	NGŨ VỊ	3 — sao
茯苓	PHỤC LINH	3 —
益智仁	ÍCH TRÍ NHÂN	2 — bỏ vỏ
車前子	XA TIỀN TỬ	1 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là thánh dược trị bệnh Thận thủy rẫy lên làm đàm. Nếu Thận hỏa bốc lên làm đàm thì gia NHỤC QUẾ 1 đồng để bổ Thận khứ thấp mà hóa đàm. Đã dẫn nước vào được Thận cung thì nước ấy biến làm chân tinh mà chẳng sinh đàm. Đó là trị đàm ở Hạ tiêu.

Lại 1 phương: LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia MẠCH ĐÔNG, NGŨ VỊ TỬ, thật cũng rất hay, nếu không có hỏa gia QUẾ, PHỤ.

Xét rằng: bệnh đàm. Nếu Thày thuốc mà không khéo trị, rất dễ thành bệnh lao. Bởi hễ ho đều trách cứ vào Phổi, cảm gió mà họ là phong thương phế.

Nếu dùng thuốc phát tán để khô ráo cái đàm thái quá thì Phổi không thu liễm được, ắt ho càng nặng thêm mà đàm còn có những đường máu như sợi tơ, lâu ngày sẽ hại Phổi mà nóng Thận.

Nếu dùng thuốc hàn lương để tư nhuận cái đàm thái quá thì Phổi không thư thái, ắt đàm càng nhiều mà hơi thở suyễn, tiếng nói run run, lâu ngày sẽ lạnh Phổi và lạnh Thận.

Phương thuốc này không có 2 cái tệ hại ấy, muốn rằng những người bệnh ho đàm chớ nghĩ là bệnh nhỏ mà sơ sài điều trị.

滯 痰

TRỆ ĐÀM

(Bệnh trệ đàm)

Trệ đàm : đàm dính sin sít ở cổ họng, khạc mãi khó ra. Ồi ! đàm mà trệ là bởi khí trệ, nếu không bỏ khí mà chỉ khử đàm thật chưa thấy khi nào hết đàm mà hết được bệnh. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
天 花 粉	THIÊN HOA PHẤN	1 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
白 朮	BẠCH TRUẬT	2 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
蘇 子	TÔ TỬ	8 phân, sao
白 豆 冠	BẠCH ĐẬU KHẤU	2 quả, bỏ vỏ

Lấy nước sắc uống.

濕 痰

THẤP ĐÀM

(Bệnh thấp đàm)

Thấp đàm : ho ra nhớt dài nhiều hơn đàm. Phép trị đàm, không thể chỉ khử thấp, hẳn phải bỏ khí trước

mà thêm được phẩm để hòa đàm thì mới có công hiệu.
Nên dùng :

人	參	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
茯	苓	PHỤC LINH	3 đồng
半	夏	BÁN HẠ	3 —
神	曲	THẦN KHÚC	3 — (1)
共	苈	Ý DĨ NHẬN	5 — sao
陳	皮	TRẦN BÌ	1 —
甘	草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này dùng THẦN KHÚC, nhiều người không biết, bảo rằng : THẦN KHÚC là vị thuốc tiêu thực, tuyệt nhiên không có chất hòa đàm. Bởi không hiểu đàm mà đã tích tụ dính chặt lại thì rất khó tiêu hóa đi. Bởi vậy dùng THẦN KHÚC để phát động thì cái đàm tích tụ dính sát kia mới khai khoát, tiếp đó có TRẦN BÌ, BÁN HẠ hợp vào thì có thể thu công. Nhưng nếu chỉ dùng TRẦN BÌ, BÁN HẠ để tiêu đàm mà không dùng nhiều NHÂN SÂM để bổ khí thì đàm cũng khó tiêu. Nay đã có NHÂN SÂM trợ khí, lại có Ý DĨ, BẠCH LINH để kiện Tỳ khử thấp thì đàm sao có thể không tiêu.

寒 痰

HÀN ĐAM

(Bệnh hàn đàm)

Hàn đàm : ho ra ít đàm, nhiều nhớt dãi mà tanh gớm. Những người Tỳ Vị hư hàn là khí hư mà ho ra đàm nhớt tanh và lạnh, nên dùng phương thuốc trị bệnh « thấp đàm » kể trên mà gia NHIỆC QUẾ 3 đồng, CÁN KHƯƠNG 5 phân là đủ lắm rồi.

热 痰

NHIỆT ĐÀM

(Bệnh nhiệt đàm)

Lại có người dương khí hư mà đàm lại nóng ráo.
Nên dùng :

當 歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng
白 芍	BẠCH THƯỢC	2 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	2 — khứ tâm
茯 苓	PHỤC LINH	2 —
甘 草	CAM THẢO	1 — sao
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 —
天 花 粉	THIÊN HOA PHẤN	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
神 曲	THẦN KHÚC (1)	3 phân

Lấy nước sắc uống.

老 痰

LÃO ĐÀM

(Bệnh lão đàm)

Phàm những đàm tích kết ở trong bụng lâu ngày
nhiều năm mà không tiêu hóa đi được, gọi là lão đàm.
Nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
丹 皮	ĐƠN BÌ	1 —
天 花 粉	THIÊN HOA PHẤN	1 —
白 芍	BẠCH THƯỢC	1 — sao
蒸 苡 仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	5 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay tại dùng BẠCH GIỚI TỬ làm quân, Ý DĨ, BẠCH THUỘC làm thần, SÀI HỒ, THIÊN HOA làm tá sử, để trị lão đàm. Đã nói là lão đàm, vì lão đàm là một thứ đàm tàng tích thì trong con người chỗ nào cũng có đàm, nên thuốc này phải uống tới 10 thang mới có thể tiêu đi được.

頑痰

NGOAN ĐÀM

(Bệnh ngoan đàm)

Ngoan đàm : Một thứ đàm thường sẵn có mà đặc khô như keo làm vit đầy cả cổ họng. Nên dùng :

川	貝	母	XUYỀN BỐI MẪU	3	đồng
	半	夏	BÁN HẠ	3	—
	白	苓	BẠCH LINH	3	—
	白	朮	BẠCH TRUẬT	5	— sao
	神	曲	THẦN KHÚC	2	— (1)
	甘	草	CAM THẢO	1	—
	桔	梗	CÁT CẢNH	1	—
	白	蒙	BẠCH PHÀN	1	—
	紫	苑	TỬ UYÊN	1	— sao.

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bởi BÁN HẠ, BỐI MẪU dùng chung, một BÁN HẠ thì tảo đàm, một BỐI MẪU thì nhuận đàm, để cho đàm dễ nong ra mà không còn chỗ nào có thể ở lại ẩn trốn, lại có BẠCH PHÀN để tiêu những đàm đã kết thành cục, CÁT CẢNH, TỬ UYÊN để khỉ tà, CAM THẢO để điều trung, thì có lẽ nào mà chẳng thu công.

水泛為痰

THỦY PHIẾM VI ĐÀM

(Nước ở Thận rẫy lên làm đàm)

(Nước đây là nước ở thận) « Thủy » ở trong Thận, hễ có « hỏa » tương liên thì thủy bình, nếu không có hỏa

tương liên thì thủy rẫy lên, đó là lẽ thường. Những người ít phòng dục thì gìn giữ được thủy hỏa. Còn những người phòng dục quá độ thì thủy tiết di, hỏa cũng tiết di, lâu ngày thủy hư, hỏa cũng hư. Hỏa đã hư thì thủy không có chỗ tàng tích, ắt phải lan tràn đầy dẫy lên làm đàm.

Vậy cái đàm nói đây là Thận hỏa hư, mà Thận thủy rẫy lên làm đàm.

Phép trị ; muốn đè nén cái thủy xuống, trước phải làm cho cái hỏa ở dưới được ấm áp để hỏa giữ thủy lại. Vậy nên trong thuốc bổ Thận thủy phải gia thêm thuốc đại nhiệt để bổ Thận hỏa, thì thủy đủ để chế hỏa, hỏa đủ để ôn thủy mà thủy hỏa có cái đạo « ký tế » (22) tự nhiên thủy bình không rẫy lên làm đàm. Nên dùng :

熟地	THỰC ĐỊA	8 lượng (12)
山茱	SƠN THỦ	5 đồng, sao
肉桂	NHỤC QUẾ	2 —
五味	NGŨ VỊ	1 —
牛膝	NGŨU TẤT	3 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang đàm dẫn xuống, uống 2 thang đàm tự nhiên tan biến.

中氣又中痰
TRÚNG KHÍ HỮU TRÚNG ĐÀM
(Trúng khí và trúng đàm)

Bệnh trúng khí, bệnh trúng đàm, tuy nói 2 bệnh trúng khác nhau, nhưng thực ra chỉ là một bệnh trúng khí. Vì khí mà hư tự nhiên nhiều đàm, đàm mà nhiều tất nhiên hao khí. Tuy phân chia ra 2 mà thật là hợp nhất. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
甘 草	CAM THẢO	1 —
半 夏	BÁN HẠ	3 đồng
南 星	NAM TINH	3 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
附 子	PHỤ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống, NHÂN SÂM vẫn đã là thần dược để bổ khí mà lại là diệu dược để tiêu đàm; BÁN HẠ, NAM TINH tuy là thánh dược để trừ đàm mà lại là chính dược để trợ khí; PHỤ TỬ, CAM THẢO một vị nhân, một vị đĩnh giúp nhau mà thành công.

濕 嗽

THẤP THÁU

(Bệnh ho thuộc thấp)

Mùa thu cảm thấp khi mà làm ho, nếu dùng những loại Ô MAI; TÚC XÁC để thấp liễm, hẳn là không có công hiệu. Nên dùng :

陳 皮	TRẦN BÌ	
當 歸	ĐƯƠNG QUY	
甘 草	CAM THẢO	
枳 壳	CHỈ XÁC	
桔 梗	CÁT CẢNH	mỗi vị 1 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	2 đồng.

Lấy nước sắc uống. Uống 3 thang an mạnh. Nếu mùa đông cảm hàn khí mà ho, cũng đều bởi đã cảm thấp khi từ mùa thu, há tất phải cầu chấp là đông nguyệt thụ hàn.

久 嗽

CỬU THÁU

(Bệnh ho đã lâu)

Bệnh ho đã lâu này, nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
益 智 仁	ÍCH TRÍ NHÂN	5 phân, bỏ vỏ
白 芍	BẠCH THƯỢC	2 đồng, sao
菓 仁	TÁO NHÂN	3 — sao đen
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao.

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang rồi uống LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN (9).

♣ Lại một phương trị bệnh ho lâu ngày.

瓜 萸 仁	QUA LAU NHÂN	5 đồng, bỏ vỏ, sao hết dầu
烏 梅	Ô MAI	5 — bỏ hạt, sao khô
薄 荷	BẠC HÀ	5 phân
甘 草	CAM THẢO	5 —
人 参	NHÂN SÂM (4)	1 đồng, tẩm nước đồng tiền, sấy khô.
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — tẩm rượu, sao khô
寒 水 石	HÀN THỦY THẠCH	1 đồng, lấy lửa đốt chín.
杏 仁	HẠNH NHÂN	1 đồng, bỏ vỏ, sao khô
硼 砂	BẰNG SA	1 — lấy lửa phi chín
川 貝 母	XUYỀN BỐI MẪU	3 lượng
胡 桃 仁	HỒ ĐÀO NHÂN	2 đồng sao hết dầu.

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, to bằng hạt đào, mỗi lần lấy vãi mỏng sạch bọc một viên ngậm trong miệng để hóa dần xuống dần dần. Người hư lao chưa bị ho ra máu, mạch sắc đều nên dùng.

Thuốc này bất luận già trẻ đều dùng được cả, rất có công hiệu, uống 10 viên đã thấy hay, uống 20 viên hết ho.

♣ Lại một phương trị bệnh ho lâu ngày.

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
當 歸	ĐƯƠNG QUY	2 —

如 米 TẾ TRÀ 1 đồng

Lấy nước sắc uống, rồi dần dần ăn cả bã cho hết, uống như vậy một vài thang hết bệnh.

肺 嗽 兼 補 腎
PHẾ THÁU KIÊM BỔ THẬN
(Trị Phòi ho nên kiêm bổ Thận suy)

Phế mà ho, vốn là bởi Phế hư thì phải bổ Phế là sự đã rõ ràng, làm sao lại nói kiêm bổ Thận? Bởi Phế kim nay bị Tâm hỏa làm tổn thương (hỏa khắc kim) ắt phải cầu cứu ở con là Thận thủy, nếu con không đủ lực lượng thì lấy gì mà nuôi mẹ là Phế kim. Bởi vậy phải kiêm bổ Thận, có nghĩa là bổ sức cho con để cứu mẹ. Nên dùng:

熟 地	THỤC ĐỊA	1 đồng
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
紫 苑	TỬ UYỀN	5 phân, rửa sạch đất.
山 茱 萸	SƠN THỦ	4 đồng, sao
元 參	NGUYÊN SÂM	5 —
蘇 子	TÔ TỬ	1 —
牛 膝	NGƯU TẤT	1 —
沙 參	SA SÂM	2 —
天 門 冬	THIÊN MÔN ĐÔNG	2 — khứ tâm

Lấy nước sắc uống.



喘 症

G. SUYỄN CHỨNG

(Bệnh Suyễn)



氣 治 法

KHÍ TRỊ PHÁP

(Phép trị bệnh Khí)

Bệnh Khí hư (suy yếu mà hàn), bệnh Khí thực (dầy chắc mà nhiệt) phép trị dù hư hay thực cũng đều phải bình trị.

Bệnh Khí hư là chính khí hư mà tà khí thực, mà bệnh Khí thực cũng là chính khí hư mà tà khí thực, chứ không phải chính khí thực. Vậy dù chính khí hư hay thực cũng đều bới tà khí thực.

- Phép trị đều nên dùng thuốc bổ chính khí mà thêm được phẩm khứ trọc tà khí thì chính khí đầy đủ mà tà khí tiêu tan. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM (4)	
白 朮	BẠCH TRUẬT	
麻 黄	MA HOÀNG	
半 夏	BÁN HẠ	
甘 草	CAM THẢO	mỗi thứ đều 1 đồng
柴 胡	SÀI HỒ	2 —
白 芍	BẠCH THƯỢC	3 —

Lấy nước sắc uống.

Suy xét rộng ra thì trị bệnh « Khí » chẳng phải chỉ có một chiều mà phân ra nhiều loại :

Khí hãm, nên dùng BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23)

Khí suy, nên dùng LỤC QUẢN TỬ THANG (24).

Khí hàn, nên dùng NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT, PHỤ TỬ THANG (25).

Khi hư, nên dùng TỬ QUÂN THANG (26).
Khi uất, nên dùng QUY TỶ THANG (27).
Khi nhiệt, nên dùng SINH MẠCH TÁN (28).
Khi suyễn, nên dùng ĐỘC SÂM THANG (29).
Khi động, nên dùng NHỊ TRẦN THANG (21). gia
NHÂN SÂM.

Khi ùng tắc, nên dùng XA CAN THANG (30).
Khi nghịch, nên dùng TIÊU ĐAO TÁN (31).

Khi hư thì người gầy yếu ; Khi thực thì người
manh khỏe. Bệnh khi hư dùng phương thuốc trên, bệnh
khi thực dùng phương thuốc sau đây :

白 朮	BACH TRUẬT	1 đồng
柴 胡	SÀI HỒ	2 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
枳 子	CHI TỬ	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
白 芍	BẠCH THƯỢC	2 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phân
枳 壳	CHI XÁC	5 phân
山 查	SƠN TRÁ	1 đồng

Lấy nước sắc uống.

氣 喘

KHÍ SUYỄN

(Bệnh Suyễn thuộc Khí)

Phàm những bệnh hơi thở rút gò cổ lại rồi rướn
ngực mà thở ngược lên ấy, người ta nảo là « Khí hữu dư ».

Đó là không biết, thực ra « Khí hữu dư » kia nên xem là
« khi bất túc » mới phải. Nếu nhận hơi thở kia là Phế khí thịnh

mà dùng những loại TÔ DIỆP, CÁT CẢNH, BÁCH BỘ, SƠN ĐẬU CĂN để phát tán và thông khí thì càng chóng nguy vong. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 lượng (4)
牛 膝	NGƯU TẤT	3 đồng
熟 地	THỤC ĐỊA	5 — (12)
冬 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khư tâm
山 菜	SƠN THỦ	4 —
胡 桃 肉	HỒ ĐÀO NHỤC	3 —
枸 杞 子	CÂU KỶ TỬ	1 —
五 味 子	NGŨ VỊ	1 —
生 姜	SINH KHƯƠNG	3 phiến

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này thật không có trị Phế mà đúng là để trị Phế, vì phương thuốc này bỏ Thận thủy để cứu nguy cho Phế kim.

Nếu nghĩ rằng, đã bỏ Thận thì không nên dùng nhiều NHÂN SÂM, vì NHÂN SÂM là thuốc kiện Tỳ thổ,

Bởi không biết rằng, Thận thủy đã đại hư thì sự khó sống chỉ còn ở trong thời gian ngắn, nếu không đem NHÂN SÂM mà cấp bổ cho chân khí thì còn một đường nhỏ của khí nguyên dương cũng đi đến đoạn tuyệt. Hưởng chi NHÂN SÂM dùng ít thì bốc lên mà dùng nhiều thì đi xuống mau chóng. Vậy thì hay ở chỗ dùng NHÂN SÂM đến 3 lượng, khiến cho thông xuống gốc bệnh để bổ khí và sinh Thận thủy. Trong phương thuốc lại có THỤC ĐỊA, SƠN THỦ là những loại « đồng khí tương cứu » dẫn thẳng vào MẠNH MÔN, thì sao lại lo là dùng nhiều ! Nếu người bệnh nặng còn phải dùng nhiều hơn nữa.

Bệnh suyễn phân ra, có bệnh mới phát, có bệnh đã lâu. Bệnh suyễn mới phát phần nhiều là thực tà, bệnh

suyễn đã lâu phần nhiều là khí hư. Vì thực tà mà suyễn thì hẳn là ưỡn ngực gò vai mà thở (Thực suyễn); Vì khí hư mà suyễn thì thở lên đều đều nhẹ nhẹ (hư suyễn).

Phương thuốc này là trị bệnh suyễn phát đã lâu thuộc hư suyễn, còn bệnh suyễn mới phát thuộc thực suyễn thì uống TỬ MA THANG (32) hay TỬ THẮT THANG (33) một thang là hết suyễn.

Như vậy biết rằng, bệnh suyễn chẳng những bởi Phế khí hư mà còn bởi Thận thủy suy kiệt nữa.

實 喘

THỰC SUYỄN

(Bệnh Suyễn thuộc loại thực)

Phàm những bệnh « thực suyễn » hơi thở rất gấp làm cho cổ họng có tiếng khò khò, mà 2 vai gò lại, tựa hồ rất nặng mà thật ra lại là nhẹ. Nên dùng ;

黃 芩	HOÀNG CẨM	2 đồng sao
柴 胡	SÀI HỒ	5 phân
甘 草	CAM THẢO	5 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	3 đồng, khư tâm
蘇 葉	TÔ DIỆP	1 —
烏 藥	Ô DƯỢC	1 —
半 夏	BẢN HẠ	1 —
山 豆 根	SƠN ĐẬU CĂN	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang bệnh suyễn yên định. hất tất phải 2 thang.

虛 喘

HƯ SUYỄN

(Bệnh Suyễn thuộc loại hư)

Đại khái những bệnh này, hơi thở tuy mạnh, nhưng cổ họng không có tiếng kêu, hai vai không gò lên. Đó là

Thận khí đại hư và Tý khí cũng sắp muốn tuyệt mà chưa tuyệt cho nên chạy ngược lên mà thở.

Nên dùng : CỨU TUYỆT THANG : 救 絕 湯

人 參	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
熟 地	THỤC ĐỊA	1 — (12)
山 茱	SƠN THỦ	3 đồng
牛 膝	NGŨU TẤT	1 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 đồng, sao
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng, khử tâm

Lấy nước sắc uống.

氣 短 似 喘

KHÍ ĐOẢN TỰ SUYỄN

(Hơi thở ngắn tựa như suyễn)

Bệnh này tựa như suyễn mà thật không phải là suyễn. Nếu không phải suyễn mà lại lấy thuốc suyễn để trị, sẽ nguy ngay. Bởi hơi thở ngắn là vì Thận khí hư hao, khí xung lên Thượng tiêu (3) ứng tắc ở Phế kinh làm cho Phế kinh không đủ để thở. Nên dùng :

人 參	NHÂN SÂM	2 lượng (4)
熟 地	THỤC ĐỊA	1 lượng (12)
山 茱	SƠN THỦ	3 đồng
牛 膝	NGŨU TẤT	3 —
威 靈 紙	PHÁ CỔ CHỈ	3 —
杞 子	KỶ TỬ	3 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khử tâm
胡 桃 肉	HỒ ĐÀO NHỤC	3 — bỏ vỏ
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 3 thang, hơi thở điều hòa hết suyễn. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng NHÂN

SÂM nhiều dễ dẫn xuống mau mà thu những khí ở những nơi không chủ đích trở về. Lại có những dược phẩm bổ Phế và bổ Thận dễ mẩu tử tương sinh mà thủy tự nhiên vượng thì hỏa khí tự nhiên yên, không xông lên cổ họng nữa.

樓 肩 大 喘
ĐÀI KIÊN ĐÀI SUYỄN
(Suyễn mạnh quá gò vai lại)

Người ta hốt nhiên cảm gió lạnh lọt vào phổi, làm cho khí nghịch lên, hơi thở suyễn gò cả 2 vai lại, chỉ bắt ngời, không nằm được mà đàm thì khạc nhỏ không ra. Nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	2 đồng
茯苓	PHỤC LINH	2 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	2 — khứ tâm
桔 梗	CÁT CẢNH	2 —
黃 芩	HOÀNG CẨM	1 — sao
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
半 夏	BẢN HẠ	1 —
射 干	XẠ CAN (cây rế quạt)	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng SÀI HỒ, XẠ CAN, CÁT CẢNH để khai khoát và thư thái cho Phế khí ; BẢN HẠ để khử đàm ; HOÀNG CẨM để khứ hỏa. Bởi ngoài cảm gió lạnh, tất nhiên bên trong biến thành nóng, cho nên dùng HOÀNG CẨM để thanh giải phong hỏa. Nhưng chỉ dùng một VỊ HOÀNG CẨM thì tuy có thanh hỏa cũng chỉ đủ để đè nén cái hỏa mà vị tất cái hỏa đã chịu ầu phục, nên có một loạt XẠ CAN, CÁT CẢNH. SÀI HỒ là những thuốc tân tâu mới đủ để tiêu hỏa, diệt tà.

腎寒氣喘
THẬN HÀN KHÍ SUYỄN
(Thận lạnh làm suyễn)

Những người hơi thở suyễn lên, chỉ ngồi, không nằm xuống được, mà hễ nằm xuống thì suyễn lên ngay. đàm cứ thổ ra òng ọc, miệng lưỡi tươi nhuận không bị khô mà suyễn không ngừng. Đó không phải là «ngoại cảm hàn tà» mà là «Thận trung hàn khí». Bởi trong Thận mà hàn thì Thận không có hỏa, Thận không có hỏa thì thủy không được hóa dưỡng, thủy rẫy lên làm đàm. Nên dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THƯƠNG (9) gia NHỤC QUẾ. PHỤ TỬ làm đại tễ mà uống sẽ nằm nghỉ yên được. Khi người ta nằm nghỉ được thì hẳn là Thận khí và Phế khí đã cùng được yên mà đường thủy lộ cũng bình yên không chạy vượt lên.

腎火扶肝上冲
THẬN HÒA PHÙ CAN THƯỢNG XUNG
(Thận hỏa giúp cho Can hỏa xung lên)

Người ta hễ Thận hỏa nghịch lên là giúp cho Can hỏa xung lên mà làm ra suyễn. Nếu nặng quá mà thổ ra đàm hơi hồng hồng thì đó lại là Thận hỏa bốc lên đốt Phế kim, Phế kim bị nóng, không khắc chế được Can mà cái Long lồi hỏa (âm hỏa) của Can vượt lên làm suyễn. Nên dùng:

砂	參	SA SÂM	1 lượng
地	骨	ĐỊA CỐT BÌ	1 —
麥	冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng khứ tâm
丹	皮	ĐAN BÌ	3 —
甘	草	CAM THẢO	3 phân
桔	梗	CÁT CẢNH	5 —
白	芍	BẠCH THƯỢC	5 đồng, sao
白	芥	BẠCH GIỚI TỬ	2 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng ĐẠ CỐT BÌ để thanh cái hỏa trong xương; SA SÂM, ĐAN BÌ để dưỡng âm; BẠCH THƯỢC để bình Can; MẠCH ĐÔNG để thanh Phế; CAM THẢO, CÁT CẢNH dẫn thuốc vào Phế kinh thì đàm tiêu mà suyễn yên.

假熱氣喘吐痰

GIẢ NHIỆT KHÍ SUYỄN THỞ ĐÀM

(Giả nhiệt, hơi thở suyễn lên thở ra đàm)

Bệnh phát nóng, thở suyễn, thở ra đàm, người ta bảo là nhiệt mà không phải là nhiệt đầu! Đó là hạ nguyên hàn cực, rồi bức bách cái hỏa nó bốc lên mà làm suyễn. Bệnh ấy rất nguy cấp. Nếu không cấp bổ Thận thủy và bổ Mạnh môn hỏa thì cái đường nhỏ của nguyên dương còn lại, tất nhiên cũng đoạn tuyệt. Nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	4 lượng (12)
山藥	SON DƯỢC	3 —
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
五味子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
牛膝	NGŨU TẤT	1 —
附子	PHỤ TỬ	1 đồng
肉桂	NHỤC QUẾ	1 —

Lấy nước sắc để nguội sẽ uống, uống một thang khỏi.

喘嗽

SUYỄN THÁU

(Ho suyễn)

Những bệnh suyễn mà lại có ho. Người ta bảo là bởi khí hư và có phong đàm. Ai biết đó là khí hư không quy nguyên về với Thận, mà Can mộc hiệp với khí, làm dữ.

Phép trị đại bổ cho Thận mà trong đó có những vị thuốc dẫn hỏa đề trợ tá thì khi tự nhiên quy nguyên về với Thận mà ho suyễn đều hết. Nên dùng:

人 參	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
熟 地	THỤC ĐỊA	2 — (12)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng, khứ tâm,
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
牛 膝	NGŨU TẤT	1 —
杞 子	KỠ TỬ	1 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
克 絲 子	THỎ TY TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống luôn mấy thang, chắc là hay lắm. Nên cho uống TỬ MA THANG (32) TỬ THẮT THANG (33) thì chẳng có công hiệu.

Lại như bệnh suyễn mà mạch vi sắc, nên uống :

TRINH NGUYỄN ÂM 貞元飲

熟 地	THỤC ĐỊA	3 lượng (12)
當 歸	ĐƯƠNG QUY	7 —
甘 草	CAM THẢO	1 đồng, chích

Lấy nước sắc uống. Phần nhiều đàn bà hay có bệnh này.



吐血

7. THỔ HUYẾT

(Thổ huyết)



陽症吐血

DƯƠNG CHỨNG THỔ HUYẾT

(Bệnh thổ huyết thuộc dương)

Người ta khi có cảm thử (nặng) làm hao thương chân khí, hốt nhiên thổ ra huyết đầy chậu. Người ta bảo thể là vì âm hư mà thổ huyết.

Bởi không biết rằng : âm hư thổ huyết với dương hư thổ huyết khác nhau : Người âm hư thổ huyết thì yền tĩnh. Người dương hư thổ huyết thì táo động. Dương hư thì đại nhiệt khát nước, muốn uống nước lạnh mà hẳn là lưỡi khô mọc gai. Âm hư thì không khát nước mà miệng lưỡi hoat nhuận. Phép trị nên thanh vị hòa bất tất phải chỉ huyết. Nên dùng :

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
香	HƯƠNG NHU	3 —
石羔	THẠCH CAO	3 —
荆芥花	KINH GIỚI HOA	1 —
青蒿	THANH CAO (2)	3 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là thần dược trị bệnh thổ huyết thuộc dương. Phương thuốc này tuy có vị đề giải thử, nhưng phần bổ chính nhiều hơn phần giải thử, nếu bỏ HƯƠNG NHU là chất giải thử đi thì thật ra cũng có thể đồng trị. Tuy nhiên, phương thuốc này chỉ có thể uống 2 thang, rồi đổi sang LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) mà uống.

大怒吐血
ĐẠI NỘ THỔ HUYẾT
(Giận quá thò ra huyết)

Bệnh thò huyết này, khi thò hoặc như nghiêng chậu mà đổ ra, hoặc vọt lên miệng mà tràn ra, làm cho quay cuồng xày xầm, nhất thời có thể chết ngay trong giây lát. Nên lấy thuốc chỉ huyết mà trị thì làm cho cái khí buồn bực không yên. Nếu lấy thuốc bổ huyết mà trị thì làm cho bụng đầy không chịu, lại còn có thể biến sinh ra nhiều chứng bệnh, khác nào như ong vỡ tổ mà đến chết. Vậy phải trị cho đúng phép. Nên dùng:

GIẢI UẤT BÌNH KHÍ THANG 解鬱平氣湯

白芍	BACH THUỘC	2 lượng, sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
荆芥	KINH GIỚI	3 đồng, sao đen
山梔	SƠN CHI	3 — sao đen
红花	HỒNG HOA	2 —
柴胡	SÀI HỒ	8 phân
甘草	CAM THẢO	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khí bình hòa thư thái, uống 2 thang huyết ngưng, uống 3 thang bệnh khỏi hết.

Bệnh này bởi giận quá thương Can, Can bị thương không bình được khí, nên đến nổi thò huyết. Vậy trị nó nếu không làm cho cái khí được thư thái trước mà vội chỉ huyết ngay thì càng làm cho cái khí của Can hỏa kích động thêm, hẳn là cái khí càng vượng thì huyết càng thò ra.

Trong phương này BACH THUỘC đã bình Can lại thư khí; KINH GIỚI, SÀI HỒ dẫn huyết về kinh của

nó : ĐƯƠNG QUY, HỒNG HOA thay máu cũ, sinh máu mới, làm sao có thể không khỏi được.

吐血
THỔ HUYẾT
(Thổ ra huyết)

Bệnh thổ huyết, người ta không cho là hỏa thịnh mà lại cho là chân âm khuy tổn, rồi dùng lương dược để tả hỏa, hỏa càng bị tả đi thì huyết càng ra nhiều, mà dùng thuốc tư âm, thuốc chỉ huyết cũng chẳng thấy công hiệu. Nào ai biết đó là « huyết bất quy kinh » !

Phép trị phải dùng thuốc bổ khí mà thêm vào những vị để dẫn huyết quy kinh, thì không phải chỉ huyết mà huyết tự nhiên chỉ. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng
丹 皮	ĐƠN BÌ	3 đồng
荆 芥 穗	KINH GIỚI TUỆ	3 — sao đen

Lấy nước sắc uống. uống một thang mà huyết chỉ.

Phương thuốc này hay, bởi không chuyên về bổ huyết mà lại bổ khí để chỉ huyết ; lại càng hay bởi không cần phải chỉ huyết mà lại hành huyết để chỉ huyết. Bởi lẽ huyết mà gặp chất lạnh thì đọng lại, gặp chất tâu tán thì về ở, thật là cứu nguy trong khoảng một hơi thở, rất có thần công.

Xét rằng : Nói chung tất cả bệnh thổ huyết phần nhiều bởi huyết không về với kinh mạch tạng phủ của nó, nên nó theo tạng nào phủ nào đó mà nó thổ ra. Huyết ở tạng phủ mà thổ ra thì có thể chết ngay, đó là lẽ tự nhiên. Kẻ rằng bởi « hỏa thịnh », kẻ rằng bởi « âm khuy » vịn vào 2 lẽ đó, thế gian ngộ sát thường thương quá số ngàn số trăm vì

dùng thuốc hàn lương đề tả hỏa, dùng thuốc tư âm đề bổ âm. Như vậy, nhẹ thì ngưng kết lại thành cố bệnh, nặng thì tác trở lại thành can (khô) huyết. Đây bàn về phương pháp trị bệnh thổ huyết mà bảo là « huyết bất quy kinh » này của PHÓ TIÊN SINH. thật Người đã mở lòng BỒ ĐỀ, chúng ta nên đem đầu lại xin yết kiến Người vậy.

吐 白 血

THỔ BẠCH HUYẾT

(Thổ ra huyết trắng)

Huyết bao giờ cũng màu đỏ, sao nay lại bảo là huyết trắng? Bởi không biết người mà họ đàm đã lâu ngày tất nhiên thổ ra đàm đều trắng như nước bọt, đó là huyết trắng.

Nước bọt trắng sao lại bảo là huyết trắng? Bởi nhờ ra trong nước bọt tựa như dải cua, không có tý đàm thổi nao lẫn vào, dải ấy thật là huyết chứ không phải đàm. Nếu đem bọt trắng đã nhờ ra ấy phơi sương một đêm chắc biến thành sắc đỏ. Bởi bọt ấy ở Thận mà ra, Thận hỏa đã đưa bọt ấy lên cổ thì phải thổ ra, tuy rằng thổ ra bọt trắng, nhưng trắng đó là tinh ở trong Thận, chẳng những là huyết mà thôi đâu. Nếu không trị gấp thì bọt trắng sẽ biến ra đàm màu lục. Lúc đó không sao trị được nữa. Nên dùng:

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
山 藥	SƠN DƯỢC	5 đồng. sao
山 茱 萸	SƠN THỦ	5 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	5 —
升 皮	ĐƠN BÌ	2 —
澤 瀉	TRẠCH TẢ	2 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống hàng ngày.

血 不 歸 經
HUYẾT BẤT QUY KINH
(Huyết không về với kinh)

Phạm huyết mà không về với đường kinh mạch của nó, thì nó chảy ra, hoặc nó đi lên hay đi xuống, hoặc nó ra các lỗ chân lông bốn tay chân, và tất cả các nơi ngoài thân thể đều có thể ra huyết.

Bởi vì huyết đi vòng quanh các kinh lạc trong thân thể người ta, bên ngoài đi ra lòng da, giữa đi trong các tạng phủ, trong đi các gân xương, trên đi lên đầu mặt và hai tay, dưới đi xuống 2 đường tiện, toàn thể châu thân đầu đầu cũng là huyết lộ. Nếu một đường máu mà không đi với mạch của nó thì các đường khác đều đi tìm bậy, hề gặp lỗ nào thuận tiện thì nó chảy ra, hề gặp chỗ nào thông thì nó tiết ra, nếu nhiều thì nó vọt lên miệng mũi hoặc thấy ra ở lòng da, hoặc thấy ra ở chân răng, hoặc thắm vào rốn bụng, hoặc chảy ra 2 đường tiện. Như vậy đều phải thuận theo tính của nó mà dẫn nó về đúng đường kinh. Nên dùng :

生 地	SINH ĐỊA	5 đồng
熟 地	THỤC ĐỊA	5 — (12)
當 歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
白 芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
木 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm
荆 芥	KINH GIỚI	1 — sao đen
川 芎	XUYÊN KHUNG	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
葛 草 根	TÊ THẢO CĂN	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này tức là **TỪ VẬT THANG** (19) gia giảm, mà công hiệu là bởi có **TÊ THẢO CĂN** để dẫn huyết quy kinh.

三 黑 神 奇 飲
TAM HẮC THẦN KỶ ÁM

丹 皮	ĐAN BÌ	7 phân, sao đen
山 梔	SƠN CHI	5 — sao đen,
蒲 黃	BỒ HOÀNG	1 đồng, 2 phân, sao đen
川 芎	XUYỀN KHUNG	1 — lấy rượu rửa
川 貝 母	XUYỀN BỐI MẪU	1 —
生 地	SINH ĐỊA	1 — lấy rượu rửa.

Đồ 2 chén nước lã, nửa chén đồng tiện, nửa chén nước ngô sen, sắc uống.

Phương thuốc này trị bệnh thổ huyết rất thần hiệu không gì hay hơn, chỉ uống 2 thang khối.

Lại như LỤC VI ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia Mạch đông, Ngũ Vị Tử, rất hay bổ Thận, tư Can. Can mộc mà được Thận thủy nuôi dưỡng thì huyết có nơi chứa đựng không tiết ra ngoài. Nói chung : Huyết chứng, dùng bài này cũng nên lắm.



嘔吐

8. 嘔吐

(Ưa mửa)



脾胃症辨

TỠ VỊ CHỨNG BIỆN

(Biện luận chứng bệnh bởi Tỳ hay Vị)

Những người ăn uống được mà tiêu hóa chậm là bệnh tại Tỳ không phải bệnh tại Vị. Bệnh tại Tỳ thì nên bổ Tỳ, mà bổ Tỳ càng nên bổ Thận hỏa. Bởi Thận hỏa sanh ra Tỳ thổ.

Những người không ăn được mà ăn vào thì cũng êm chẳng có sao là bệnh tại Vị, không phải bệnh tại Tỳ. Bệnh tại Vị thì nên bổ Tâm hỏa không nên bổ Thận hỏa. Bởi Tâm hỏa sinh ra Vị thổ.

Người đời hễ thấy nói « không ăn uống được » liền bảo ngay là « Tỳ Vị hư ». Thật không biết « Vị chi hư hàn, trách chi Tâm, Tỳ chi hư hàn, trách chi Thận » nghĩa là Vị mà hư hàn thì trách cứ vào Tâm hỏa, Tỳ mà hư hàn thì trách cứ vào Thận hỏa. Vậy không thể không phân biệt cho rõ ràng được.

反胃大吐

PHIÊN VỊ ĐẠI THỔ

(Dạ dày đồ ngược, thổ rất mạnh)

Bệnh đại thổ (thổ vọt vòng cầu từ miệng mà ra rất mạnh) lưỡi khô mọc lông, 2 mắt đỏ sưng. Người ta bảo là « nhiệt ». Ai biết đó là « Thận thủy khuy tổn ». Bởi Tỳ Vị bốc ngược mà đưa lên làm cho mắt đỏ, lưỡi mọc gai.

Nhưng bệnh này, khi thì táo động, khi thì yên tĩnh, có khi muốn uống nước, mà đưa nước tới lại không muốn uống nữa, có miễn cưỡng uống vào cũng không lấy gì làm thích. Đó là « thương giả nhiệt mà hạ chân hàn ». Nên dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia QUẾ, PHỤ, lấy nước sắc mà uống.

Phép NGOẠI TRỊ. Lấy một củ PHỤ TỬ, cắt nhỏ, đổ nước vào đun sôi kỹ, để yên trên bếp cho nóng, rồi lấy tay sát mạnh vào 2 lòng bàn chân, sát mãi cho tới khi thật nóng. Lấy bông gòn chấm vào nước PHỤ TỬ nóng, phết vào 2 lòng bàn chân, để khô lại phết, phết mãi, một lát sau không thở nữa.

Sau cần LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) đại tễ mà uống, tất nhiên an bình, hay là uống TIÊU DAO TÁN (31) gia HOÀNG LIÊN cũng chu thở ngay. Đừng làm như các Vị Thế y đem những tạp dược cho uống mà rồi thành bệnh nghẹn, bệnh cách. Nên dùng :

熟地	THỰC ĐỊA	2 lượng (12)
山茱	SƠN THỦ	1 — sao
玄参	HUYỀN SÂM	1 —
当归	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
五味子	NGŨ VỊ TỬ	2 —
牛膝	NGŨU TẤT	3 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao

Lấy nước sắc uống. Bởi Thận thủy không đủ thì đại trường khô mà thu nhỏ lại, cho nên ăn uống vào dạ dày khó phần dẫn xuống, phải đổ ngược lên mà thở ra.

寒邪犯腎大吐

HÀN TÀ PHẠM THẬN ĐẠI THỔ

(Gió lạnh cảm vào Thận làm thở mạnh)

Cảm lạnh vào Thận, đem nước ở Tỳ Vị, hiệp lại thở ra bằng hết, làm cho tay chân lạnh, khi đưa ngược,

bụng dưới đau không thể nhìn được, lấy vật gì nóng mà chườm thì thấy hơi dễ chịu, nếu không thì lạnh buốt khó chịu. Nhiều người bảo là Vị bệnh, thực ra là Thận bệnh. Nên dùng :

附子	PHỤ TỬ	1 củ
白朮	BẠCH TRUẬT	4 lạng, sao
肉桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
乾姜	CAN KHƯƠNG	3 —
人參	NHÂN SÂM	3 lạng (4)

Lấy nước sắc uống. Thuốc này uống khỏi cở liền thấy không buồn thở nữa. Lại đem bã thuốc sắc lần nữa mà uống, sẽ được an nhiên như cũ.

嘔吐

ÁU THỔ

(Ưa mưa)

Người đời đều bảo bệnh ưa mưa là bởi « Vị hư », ai biết đó là bởi « Thận hư ». Bảo rằng bởi Vị hư mà trị ưa mưa tại Vị không công hiệu là vì chưa tìm thấy bệnh căn. Nên dùng.

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
芡實	KHIẾM THỰC	3 — sao
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
薏苡仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
砂仁	SA NHÂN	1 — bỏ vỏ
吳茱萸	NGÔ THỤ	5 phân

Lấy nước sắc uống.

大吐

HỎA THỔ

(Bệnh thổ thuộc hỏa)

Bệnh thổ thuộc hỏa này nếu giáng hỏa, thì hỏa

vào Tý rồi xuống đại trường mà biến ra chứng tiện huyết. Phép trị phải thanh hỏa, chỉ thổ. Nên dùng:

茯苓	PHỤC LINH	1 lượng, bỏ vỏ
人參	NHÂN SÂM	2 đồng, (4)
砂仁	SA NHÂN	1 — bỏ vỏ
黃連	HOÀNG LIÊN	3 —

Lấy nước sắc uống.

寒 吐

HÀN THỔ

(Bệnh thổ thuộc hàn)

Bệnh thổ thuộc hàn này nếu giáng hàn thì lại dẫn hàn vào Thận rồi thấm vào Bàng quang mà biến ra chứng di tử (đái són). Phép trị phải tán hàn, chỉ thổ. Nên dùng:

白朮	BẠCH TRUẬT	2 lượng, sao
人參	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
附子	PHỤ TỬ	1 —
乾姜	CÀN KHƯƠNG	1 —
丁香	ĐINH HƯƠNG	5 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này tán hàn mà dùng được phẩm bổ Tý thì « hàn » không vượt lên mà cũng không đi xuống, thế tất nhiên ở giữa rồi theo đường rốn mà tiết ra.

胃 吐

VỊ THỔ

(Bệnh thổ bởi dạ dày)

Bệnh này bởi Tý khí hư. Tý khí hư không dẫn xuống được, tất nhiên đầy ngược lên mà thổ ra, vậy phải bổ Tý thì Vị được yên. Nên dùng:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
白朮	BẠCH LINH	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
甘草	CAM THẢO	1 — chích
肉桂	NHỤC QUẾ	1 —
神曲	THẦN KHÚC	1 — (1)
半夏	BÁN HẠ	1 —
砂仁	SA NHÂN	1 — bỏ vỏ.

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này trị bệnh thổ tại Vị mà lại dùng thuốc bổ Tỳ, tại sao? Bởi Vị là cái cửa của Tỳ, mà cái cửa ấy sởi vọt lên là vì bên trong cửa hỗn loạn. Nay muốn cho ngoài cửa được yên tĩnh thì phải làm cho trong cửa lạnh mạnh trước. Hướng chi trong phương thuốc có những vị SA NHÂN, BÁN HẠ, THẦN KHÚC, toàn là những chất dễ chỉ thổ, thì có lẽ nào mà chẳng thu công. Đó là phép trị «Tỳ Vị lưỡng bổ» nghĩa là một phương thuốc mà bổ cả Tỳ và Vị.

反胃

PHIÊN VỊ

(Ăn vào dạ dày, thổ ngược ra ngay)

Những người ăn vào mà thổ ngược ra ngay, là bởi «Thận thủy thiếu» không đủ để thấm ướt cổ họng, cho nên cổ họng khô mà bắt thổ ra tức khắc. Nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	2 lượng (12)
山萸	SƠN THÙ	5 đồng, sao
茯苓	PHỤC LINH	5 —
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khử tâm
山藥	SƠN DƯỢC	1 lượng, sao
澤瀉	TRẠCH TÁ	3 đồng

丹皮 ĐAN BÌ 3 đồng
五味子 NGŨ VỊ TỬ 2 —

Lấy nước sắc uống.

Lại còn có người ăn vào, lâu lâu rồi mới bắt thổ ra, là bởi «Thận hỏa hư không đủ để ôn Tỳ, cho nên Tỳ hàn mà thổ ra. Nên dùng :

熟地 THỰC ĐỊA 2 lượng (12)
山茱 SƠN THỦ 1 — sao
山萸 SƠN DƯỢC 6 đồng, sao
泽泻 TRẠCH TÁ 2 —
茯苓 PHỤC LINH 3 —
丹皮 ĐAN BÌ 3 —
附子 PHỤ TỬ 3 —
肉桂 NHỤC QUẾ 5 — cạo sạch vỏ

Lấy nước sắc uống.

Xét rằng: Bài thuốc này tức là bài BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG THANG, nhưng bệnh này THỰC ĐỊA có thể đổi làm SINH ĐỊA, NHỤC QUẾ có thể đổi làm QUẾ CHI.

胃寒

VỊ HẠN

(Bệnh dạ dày lạnh)

Tỳ và Vị cả 2 đều hư hàn thì «Tâm Thận kiêm bổ» (bổ Tâm hỏa để trị Vị hàn, bổ Thận hỏa để trị Tỳ hàn) là hay lắm rồi. Nhưng nay có một mình con Vị bị hư hàn thì chỉ nên bổ Tâm là lẽ tự nhiên. Nên dùng :

人参 NHÂN SAM 1 lượng (4)
通志 VIÊN CHÍ 1 lượng, tâm nước cam thảo, sao.

白 木	BẠCH TRUẬT	3 lượng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
蓮 肉	LIÊN NHỤC	3 — sao
白 芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
葛 蒲	XƯƠNG BỒ	5 đồng
良 姜	LƯƠNG KHƯƠNG	5 —
棗 仁	TÁO NHÂN	5 — sao đen
半 夏	BÁN HẠ	3 — chế
附 子	PHỤ TỬ	3 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao
山 藥	SƠN DƯỢC	4 — sao

Tất cả tán nhỏ, luyên mật làm hoàn, mỗi ngày uống 5 đồng cân với nước lã sôi.

腎 寒 吐 瀉, 心 寒 胃 弱
THẬN HÀN THỔ TẢ, TÂM HÀN VỊ NHƯỢC
(*Thận hàn làm thổ tả, tâm hàn làm vị nhược*)

Bệnh này bởi Tâm hỏa nguội lạnh làm cho con Vị hư nhược mà trên thì ọa mửa hoải, hề ăn vào một lúc lâu lại thổ ra, dưới thì đi lỵ không ngừng, lại mỗi đầu canh năm thì đau bụng đi tả năm, ba lần. Người ta bảo bởi Tý Vị hàn, thế mà uống thuốc ôn Tý Vị không khỏi, tại sao ?

Bởi Vị là cửa của THẬN, mà Vị khí nhược, nếu không bổ Mạnh môn hỏa thì Tâm bảo lạnh quá lấy hỏa đầu mà sinh Vị thổ đề tiêu cơm nước.

Bởi Tý là biên của Thận, mà Tý khí nhược, nếu không bổ Mạnh môn hỏa thì Hạ tiêu hàn lãnh lấy hỏa đầu mà hóa cơm nước đề sinh tinh hoa.

Cho nên muốn bỏ Tỷ Vị phải cấp bỏ Thận.
Nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	3 lượng (12)
茯苓	PHỤC LINH	3 —
人参	NHÂN SÂM	3 — (4)
山茱	SƠN THỦ	2 — sao
山萸	SƠN DƯỢC	4 — sao
附子	PHỤ TỬ	1 —
肉桂	NHỤC QUẾ	1 — sao
五味子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao
吴茱	NGÔ THỦ	5 đồng

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày
lúc lòng không, uống 5 đồng cân với nước lã sôi.

鼓 症

9. CỔ CHỨNG

(Bệnh Cổ, bụng to như cái trống)

Xét rằng: Những thuốc trị các loại bệnh cổ, rất kỵ dùng thuốc khoan trung. Những người bán thuốc chợ phần nhiều dùng NGŨ BÌ ẨM (35) cho uống, thật là chữa mò, trăm bệnh không một bệnh nào khỏi.



水 鼓

THỦY CỔ

(Bệnh Cổ thuộc nước)

Bệnh này toàn thân sưng đầy những nước, lấy tay ấn xuống da thịt, chỗ nào cũng như ấn xuống bùn. Nếu không cấp trị, nước ấy chảy ra tứ chi, không xuống Bàng quang theo đường tiểu tiện mà ra được nữa, thì là tử chứng. Nên dùng :

QUYẾT LƯU THANG 决流汤

黑 丑 HẮC SỬU 2 đồng

甘 遂 CAM TOẠI 2 —

肉 桂 NHỰC QUẾ 3 phân

半 前 子 XA TIỀN TỬ 1 lạng

Lấy nước sắc uống, uống một thang đái ra hàng chậu, uống 2 thang khỏi hoàn toàn, cấm không được uống tới 3 thang, nếu uống 3 thang lai sinh ra sát hại. Bởi vì HẮC SỬU, CAM TOẠI rất hay lợi thủy, lại có thêm NHỰC QUẾ, XA TIỀN dẫn hỏa vào Bàng quang để lợi thủy mà không tẩu khí thì không làm cho HẮC SỬU, CAM TOẠI quá mạnh.

Uống 2 thang rồi nên đổi uống NGŨ LINH TÁN (36) 2 thang để điều chỉnh lại. Sau đó cứ uống LỤC QUẢN TỬ THANG (21) (bỏ cam thảo) để bổ Tỳ là được. Cữ ăn muối, nếu ăn vào không cứu được.

氣 鼓
KHÍ CỐ

(Bệnh Cờ thuộc khí)

Bệnh này bởi khí hư làm sưng phù, tựa như phù nước mà thực không phải phù nước, chính là phù hơi (khí), vì lấy tay ấn xuống da thịt nó rắn chắc không trũng xuống, mà cõ trũng xuống thì khi nhấc tay ra nó lại bằng phẳng ngay. Khi phát phù, phù 2 mu bàn chân trước rồi dần dần phù lên mình và đầu mặt, chỗ nào cũng phù cả gọi là « khí cõ ».

Phép trị nên kiện Tỳ hành khí, trong đó thêm thuốc dẫn thủy. Nếu lấy thuốc trị « thủy cõ » kê trên mà trị thì sự nguy vong càng mau chóng. Nên dùng :

	白	朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, sao
	茯	苓	PHỤC LINH	1 —
蒼	朮	仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
	甘	草	CAM THẢO	1 phân
	肉	桂	NHỤC QUẾ	1 —
	枳	壳	CHỈ XÁC	5 —
	人	參	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
	神	曲	THẦN KHÚC	1 — (1)
車	前	子	XA TIỀN TỬ	1 — sao
羅	蔔	子	LA BẶC TỬ	1 — sao
山	藥		SƠN DƯỢC	5 — sao

Lấy nước sắc uống. Khi mới uống, nếu thấy có phần hơi no no, cũng cứ ráng chịu, lâu lâu sẽ thấy hay lạ lùng. Uống 30 thang khỏi hết. Cũng cứ ăn muối và THU THẠCH ĐƠN. (THU THẠCH ĐƠN là thứ thuốc nấu bằng ĐỒNG TIỆN, trong đó có phần « âm luyện pháp, dương luyện pháp » đều đề trị âm hư và dương hư. Nhưng nay ít dùng).

蟲 鼓

TRÙNG CỒ

(Bệnh Cồ có trùng)

Bệnh này bốn chân tay phù thũng mà chưa đến nổi nặng lắm, sắc mặt đỏ mà có những chấm trắng tựa như trùng nó ăn và bụng dưới đau. Đó là bệnh « trùng cồ »

消 蟲 神 奇 丹

Nên dùng TIÊU TRÙNG THẦN KỶ ĐƠN :

- | | | |
|-------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 當 歸 | DUƠNG QUY | 1 lượng |
| 螢 甲 | BIẾT GIÁP | 1 — cạo sạch, tầm giấm sao. |
| 地 栗 粉 | ĐỊA LẬT PHẤN | tức (BỘT TỀ PHẤN) 1 — (59) |
| 雷 丸 | LÔI HOÀN | 3 đồng. Lấy nước cam thảo ngâm, gọt sạch vỏ đen tới chỗ thịt nó trắng, cắt nhỏ, tầm rượu phơi khô, sẽ dùng. Nếu thịt nó đỏ, bỏ đi chớ dùng. |
| 神 曲 | THẦN KHÚC | 5 đồng (1) |
| 茯 苓 | PHỤC LINH | 3 — |
| 白 朮 | BẠCH PHẢN | 3 — |
| 車 前 子 | XA TIỀN TỬ | 5 — sao |

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hạ trùng vô số, uống 2 thang ra hết trùng mà bệnh cồ dẹp xuống, bắt tất phải uống đến 3 thang. Nhưng khi bệnh đã khá rồi, hẳn phải uống LỤC QUẢN TỬ THANG (21) — phải bỏ cam thảo đi — để điều lý cho hoàn hảo. (Thuốc uống mà đã phải bỏ Cam thảo thì biết rằng sự ăn uống phải cứ các chất ngọt).

血 鼓

HUYẾT CỒ

(Bệnh Cồ thuộc huyết)

Bệnh này hoặc bởi té ngã hay bị đánh đòn mà huyết ứ lại không tan ; hoặc bởi lo buồn uất giận mà huyết kết lại không hành ; hoặc bởi phong hàn mà huyết đình lại không khai. Rồi vì đó, lưu lại ở trong bụng lâu biến thành « huyết cồ » dù có ăn uống vào cũng không biến thành tinh huyết mà lại giúp thêm cho bệnh, lâu ngày trướng lên, trướng mãi lên, thành bệnh cồ.

Phép trị, nếu không phải « thủy cồ » mà lấy thuốc trị thủy đề trị sẽ chỉ làm hại nguyên khí, nếu không phải « khí cồ » mà lấy thuốc trị khí đề trị sẽ chỉ no đầy thêm, Nên dùng TRỤC Ứ THANG 逐瘀湯 :

雷 丸	LÔI HOÀN	3 đồng, theo cách chế ở bài trên
紅 花	HỒNG HOA	3 — tâm rượu sao
枳 壳	CHỈ XÁC	3 — sao
白 芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
牛 膝	NGŨU TẤT	3 — sao
當 歸	ĐƯƠNG QUY	2 lạng
桃 仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang ứ huyết tan hết và bệnh khỏi, nhất thiết chớ uống 2 thang. Sau nên uống TỬ VẬT THANG (19) là thuốc bổ huyết để điều lý. Nhưng trong thuốc bổ huyết đó nên gia NHÂN SAM, BẠCH TRUẬT, BẠCH LINH (không có cam thảo) để bổ nguyên khí và lợi thủy, tự nhiên khỏi hoàn toàn. Nếu không uống sợ lại thành bệnh « huyết khô ».

Nhận định bệnh « huyết cồ » khác với những bệnh thủy cồ, khí cồ và trùng cồ. Vì huyết cồ chỉ có bụng trướng lên như cái trống, còn 4 tay chân như thường không có phù trướng.

水 症

10. THỦY CHỨNG

(*Những bệnh thuộc nước*)



水 腫

THỦY THŨNG

(*Bệnh phù nước*)

Bệnh này bởi Tỳ thổ hư hàn không thể khắc chế được thủy, cho nên nước đầy rẫy ra làm toàn thân sưng phù. Nên dùng :

牽 牛 KHIÊN NGUU tức (HẮC SỬU) 3 đồng

甘 遂 CAM TOẠI 3 —

Lấy nước sắc uống, chỉ nên uống đến 2 thang là nhiều. Sau khi phù sẹp rồi nên uống thuốc kiện Tỳ để điều lý. Nói về phép trị bệnh phù nước, tuy rất nhiều phương thuốc, nhưng phương thuốc này hay nhất.

呃 逆

ÁCH NGHỊCH

(*Bệnh Nấc ngược*)

Bệnh này bởi thủy khí xâm lấn cái hỏa ở Tâm bào.

Khi Tâm bào đã bị thủy khí xâm lấn thì làm cho khí đưa ngược lên mà nấc suốt miệng, Tâm bào phải đi kêu gọi những khí của ngũ tạng đến để cứu nguy cho Tâm bào vì thủy khí xâm lấn.

Phép trị phải thông lợi cái thấp, phân tiêu đường thủy. Nên dùng :

葶	神	PHỤC THẦN	1 lượng
薤	仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
蒼	朮	THƯƠNG TRUẬT	3 đồng, sao

白	朮	BẠCH TRUẬT	3 đồng, sao
人	參	NHÂN SÂM	3 — (4)
芡	實	KHIẾM THỰC	5 — sao
丁	香	ĐINH HƯƠNG	1 —
半	夏	BÁN HẠ	1 — chế sao
陳	皮	TRẦN BÌ	1 —
吳	茱	NGÔ THỦ	3 phân

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang khô.

水 結 膀 胱

THỦY KẾT BÀNG QUANG

(Nước kết ở Bàng quang)

Bệnh này 2 chân sưng phù, hơi thở suyễn ngược, mắt lồi, miệng há hốc. Người ta bảo là bệnh bất trị. Bởi không biết BÀNG QUANG với THẬN cùng là biểu lý (37). THẬN giữ độc quyền về việc khi mở, khi đóng cái cửa của BÀNG QUANG. Vậy chỉ thông Thận khí thì Bàng quang tự nhiên thông lợi. Nên dùng:

THÔNG THẬN TIÊU THỦY THANG 通 腎 消 水 湯

熟	地	THỰC ĐỊA	1 lượng, (12)
山	藥	SƠN DƯỢC	1 — sao
薏	苡	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
山	茱	SƠN THỦ	1 đồng, 5 phân, sao
茯	苓	PHỤC THẦN	5 —
肉	桂	NHỤC QUẾ	1 —
牛	膝	NGŨU TẤT	1 —
車	前	XA TIỀN TỬ	3 — sao

Lấy nước sắc uống.

濕 症

11. THẤP CHỨNG

(Bệnh thấp)



黃 症

HOÀNG CHỨNG

(Bệnh phát vàng)

Bệnh này phát vàng (hoàng dân) vàng cả đầu mặt tay chân khắp mình, cho đến móng tay móng chân, và nước bọt, nước tiểu cũng vàng. Bệnh này thuộc thấp, nhưng phân ra ngoại cảm thấp dễ trị, nội thương thấp khó trị.

Thấp thuộc ngoại cảm chỉ lợi thủy là khỏi. Nhưng thấp thuộc nội thương nếu tả thủy thì tiêu mất cả chân khí, mà phát hãn thì tiết mất cả chân tinh. Vậy hẳn phải kiện Tỳ hành khí mới được. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, sao
白 苓	BẠCH LINH	1 —
蒼 朮 仁	Ý DĨ NHAN	1 — sao
茵 陳	NHÂN TRẦN	3 đồng
山 梔	SƠN CHI	3 — sao đen
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là phương trị « nội thương thấp » chứ không trị ngoại cảm thấp, nếu muốn uống nhiều thì bỏ CHI - TỬ.

瘧 症

ĐƠN CHỨNG

(Bệnh đơn)

Bệnh này tuy bởi PHONG, HÀN, THẤP, 3 khí ấy mà sinh ra, nhưng cũng bởi nguyên khí con người có

suy hư, thì phong hàn thấp mới nhận cái chỗ suy hư ấy mà xâm nhập. Phép trị nếu chỉ công cái tà khí ấy mà không bổ chính khí thì khó mà khỏi được.

Nay trong phương thuốc bổ chính thêm vào những Vị đề trị phong hàn thấp thì người khỏe mà bệnh đơn tự nhiên như mất đi. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
人 參	NHÂN SÂM	3 — (4)
猪 苓	TRƯ LINH	1 lượng
柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
附 子	PHỤ TỬ	1 —
半 夏	BÁN HẠ	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phân

Lấy nước sắc uống.

Xét trong Nội Kinh nói rằng : Phong, hàn, thấp 3 khí hợp lại mà thành bệnh « TÝ ». Nay nguyên bản in chữ « ĐƠN », vậy tý nghĩa là đơn.

傷 濕

THƯƠNG THẤP

(Bệnh cảm thấp)

Bệnh cảm thấp này rất sợ ẩm ướt (không dám mở nước, hay ra sương gió) làm nặng mình, sưng chân, nước tiểu sền và đỏ. Nên dùng :

澤 瀉	TRẠCH TẢ	3 đồng
猪 苓	TRƯ LINH	3 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	5 phân
茯 苓	PHỤC LINH	5 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao

柴	胡	SÀI HỒ	1 đồng
半	夏	BÁN HẠ	1 —
車	前	XA TIỀN	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khỏi.

脚 氣

CƯỚC KHÍ

(Bệnh nặng nhưc 2 chân)

Bệnh cước khí làm 2 chân sưng phù, ẩm ướt, nhưc đau nặng nề có khi còn phát ngứa, đó là bệnh thuộc thấp. Nay người ta cho uống NGŨ LINH TÁN (36) để khử thấp là đúng lý lắm rồi. Nhưng nếu chỉ khử thấp mà không thăng để cái khí lên thì vị tất đã khử hết được thấp, vậy phải thăng để cái khí lên thì thủy thấp mới tiêu tán. Nên dùng :

黄	芪	HOÀNG KỶ	1 lượng, sao khô, không tằm mật.
人	参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
白	朮	BẠCH TRUẬT	3 —
防	風	PHÒNG PHONG	1 —
肉	桂	NHỤC QUẾ	1 —
柴	胡	SÀI HỒ	1 —
薏	苡	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
芡	實	KHIẾM THỰC	5 — sao
白	芍	BẠCH THƯỢC	5 — sao
半	夏	BÁN HẠ	2 —
陳	皮	TRẦN BÌ	5 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là thánh dược để khử thấp. Bởi một vị PHÒNG PHONG mà dùng chung với HOÀNG KỶ đã đủ để thăng khí khử thấp, lại nhờ có SÀI HỒ khoan hòa cái khí thì khí dễ thăng để, khí đã thăng thì thủy tán. Lại có BẠCH TRUẬT, BẠCH LINH, Ý DĨ, KHIẾM THỰC, đều là những vị khử thấp cả, làm sao mà không thần hiệu.

泄瀉

12. TIẾT TẢ

(Bệnh tiết tả)

Xét rằng : Bệnh tiết tả đều bởi cái khí ở Bàng quang không phân hóa, cho nên cơm nước ăn vào dạ dày, không phân tiêu được, đưa thẳng xuống đại trường mà tả ra. Vậy phải lợi tiêu tiện làm chủ. Bệnh tiết tả so với bệnh hạ lợi hay tự lợi trong khi thương hàn rất khác nhau xa, nên xem xét kỹ mà điều trị.

瀉甚

TẢ THÂM

(Bệnh tả rất nặng)

Bệnh tiết tả một ngày 50 hay 60 lần, như rót ở trong ruột ra, cơm cháo còn nguyên không tiêu hóa, chỗ Giang môn sưng đau và nóng như lửa. Nếu không cấp cứu, có thể chết ngay. Nên dùng :

TIẾT TẢ THANG 截瀉湯

薏苡仁	Ý DĨ NHÀN	2 đồng, sao
白芍	BẠCH THUỘC	2 — sao
山藥	SƠN DƯỢC	1 lượng, sao
車前	XA TIỀN	1 — sao
黃連	HOÀNG LIÊN	5 đồng, tầm nước gừng, sao.
茯苓	PHỤC LINH	5 đồng
澤瀉	TRẠCH TẢ	2 —
甘草	CAM THẢO	2 —
肉桂	NHỤC QUẾ	3 phân
人參	NHÂN SÂM	3 đồng, (4)

Lấy nước sắc uống.

THỦY TẢ ; tả thuần nước. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, sao
車 前 子	XA TIỀN TỬ	5 đồng

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hồ Thận kiện Tỳ, lợi thủy, khứ thấp, trị bệnh thủy tả rất thần hiệu.

火 瀉

HỎA TẢ

(Bệnh tả thực hỏa)

Bệnh « HỎA TẢ » này (tức nhiệt tả) khi tả ra, hạt cơm còn nguyên không tiêu hóa, hễ ăn uống vào khỏi cổ liền bắt tả ra, ngày đêm vài chục lần, quá lắm có thể đến trăm lần. Người ta đều biết bệnh này là nhiệt tả. Nhưng « nhiệt » ấy sinh ra bởi đâu? Nhiệt ấy sinh ra bởi « thủy » trong Thận thiếu, không đủ để chế cái hỏa, làm cho cái cửa của Vị thò (Vị là cửa của Thận) không giữ được trên dưới, bởi vậy trên ăn vào mà dưới ra luôn.

Phép trị, luận về cái thể cấp bách (cấp tắc trị kỳ tiêu) thì tựa hồ nên trị kỳ tiêu. Nhưng trị kỳ tiêu thì không thể bắt cái hỏa ấy nó xuống mau được, vậy hẳn là cấp bổ thủy cho Thận (cấp nhi trị kỳ bản) để cho thủy đủ để chế hỏa thì hỏa có cái chỗ ở yên định mà không thăng đảng nữa. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	3 lượng, (12)
白 芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
山 茱	SƠN THỦ	1 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
車 前 子	XA TIỀN TỬ	1 — sao
肉 桂	NHỤC QUẾ	3 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này, là phương thuốc hồ Thận, không phải thuốc chỉ tả, vậy mà uống để chỉ tả có sự thần diệu rất nhanh như đánh trống trống vậy (dùi đập vào trống có tiếng kêu ngay). Người đời sao biết được.

水瀉

THỦY TẢ

(Bệnh tả thuộc thủy)

Bệnh thủy tả này, hạ tả ra thuần nước trong, cần phải cho chỉ gấp. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
茯苓	PHỤC LINH	3 —
吳 茱	NGÔ THỦ	5 phân
車 前 子	XA TIỀN TỬ	1 đồng.
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống.

泄瀉, 吞酸

TIẾT TẢ, THÔN TOAN

(Bệnh dưới tả chảy, trên ợ ngược lên rồi nuốt xuống có mùi chua)

Bệnh tiết tả thuộc hàn, bệnh thôn toan thuộc hỏa, tựa hồ dưới hàn trên nhiệt khác nhau thì phép trị cũng phải khác nhau. Nhưng chẳng biết : Bệnh tiết tả tuy là nhiệt mà là bởi Can khí uất kết. Nếu phân ra mà trị, rồi dùng một phương để trị Can mộc uất, không nói đến Tỳ thổ thì thổ hẳn đồ nát. Hay dùng một phương để bởi Tỳ thổ, không nói đến Can mộc thì mộc hẳn điều tàn. Không bằng chỉ dùng một phương mà trị được cả 2 bệnh là hơn. Nên dùng :

白芍	芍	BẠCH THƯỢC	5 đồng, sao
柴胡	胡	SÀI HỒ	1 —
車前子	子	XA TIỀN TỬ	1 — sao
茯苓	苓	PHỤC LINH	3 —
神曲	曲	THẦN KHÚC	5 phân (1)
陳皮	皮	TRẦN BÌ	2 —
甘草	草	CAM THẢO	5 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bởi có BẠCH THƯỢC để thư uất cho Can mộc, một khi Can mộc đã được thư uất thì trên không khắc Vị, dưới không khắc Tỳ. Lại có PHỤC LINH, XA TIỀN để phân tiêu thấp khí, lợi thủy, thì thủy theo đường tiêu mà ra hết, làm gì còn có thủy hữu dư để mà ợ ngược rồi nuốt xuống, làm gì còn có nước dồn xuống để mà tiết tả.

痢疾

13. LY TẬT

(Bệnh lý)

Xét rằng: Trị bệnh lý thì điều hòa thông đạt khí huyết làm chủ, mà môn thuốc trị lý thì lấy THƯỢC DƯỢC THANG làm tông phương, nhưng THƯỢC DƯỢC thì lại thiên về lương dược, mà dùng thì thường không công hiệu. Mấy phương thuốc sau đây, tuy dùng QUY, THƯỢC, MỘC HUƠNG nhưng phân loại mà dùng CẨM, LIÊN, không dùng ĐẠI HOÀNG. Thật là tận thiện, tận mỹ.

火邪内、傷辨

HỎA TÀ NỘI THƯƠNG BIỆN

(Phân biện hỏa tà lý, nội thương lý)

Bệnh lý bởi ngoại cảm nhiệt tà (hỏa tà) mà lý ra máu, thì máu hãn là đỏ tươi; mạch hãn là hồng mà hoãn; miệng hãn là khát mà muốn uống nước lạnh; tiểu tiện hãn là buốt mà đỏ đục.

Bệnh lý bởi nội thương mà lý ra máu thì máu không đỏ tươi mà tím bầm hay là hơi đỏ và trắng lạt; mạch hãn là tế mà tri hay phù sắc mà không; miệng hãn là không khát, mà có khát thì muốn uống nước nóng; tiểu tiện hãn là không đỏ, không buốt mà có đỏ thì không đục không nóng.

Đó là một bí quyết phân tách rõ ràng.

痢疾

LY TẬT

(Bệnh lý)

Bệnh lý bởi cảm «thấp nhiệt» (âm ướt mà lại nóng) mà sinh ra, khi lý ra thấy vừa đỏ vừa trắng, như

mù như máu, cũng là rất nguy rất cấp Phép trị nếu dùng thuốc mát để trị huyết, thuốc nóng để công tà, đều không phải là khéo trị. Nên dùng:

白芍	BẠCH THUỘC	2 lạng, sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
枳壳	CHỈ XÁC	2 đồng
枳榔	BÌNH LANG	2 —
活石	HOẠT THẠCH	3 — nướng chín
廣木香	QUẢNG MỘC HƯƠNG	1 —
雞菊子	LA BẶC TỬ	1 — sao
甘草	CAM THẢO	1 — nướng

Lấy nước sắc uống, 1 hay 2 thang kiến hiệu.

Phương thuốc này hay bởi dùng QUY, THUỘC mỗi thứ nhiều đến 2 lạng để thư Can, hòa huyết thì Can huyết hữu dư, không đi khắc Tý thổ nữa, tự nhiên Đại trường có cái sức truyền tống, lại thêm có CHỈ XÁC, BÌNH LANG đều là thuốc trục uế, khứ tích, thế là trong phép bổ có phép công, mà HOẠT THẠCH, CAM THẢO, MỘC HƯƠNG đều đặt trong khoảng chậm không phải chậm, mau không phải mau, cứ từ từ để những chất ứ trệ xuống hết.

Ngoài ra những bệnh lý nhẹ hơn, uống phân nửa phương thuốc này, không bệnh nào là không khỏi.

Phương thuốc trị lý này bất luận lý đỏ, lý trắng, có đau bụng hay không, đều dùng rất thần hiệu.

♣ Lại một phương trị lý:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
黃芩	HOÀNG CẨM	7 phân, tẩm rượu sao.
香木	THƯƠNG TRUẬT	
厚朴	HẬU PHÁC	
大腹皮	ĐẠI PHỨC BÌ	
陳皮	TRẦN BÌ	mỗi thứ 1 đồng

Đồ 2 chén, sắc lấy lại 1 chén, uống hai lần.

血 痢

HUYẾT LY

(*Bệnh lý thuộc nhiệt*)

Phân bệnh lý ra máu đỏ tươi mà đau bụng là thuộc hỏa. Nên dùng :

歸 尾	QUY VĨ	1 lượng
白 芍	BẠCH THUỘC	1 — sao
黃 連	HOÀNG LIÊN	3 đồng, tằm nước gừng sao
枳 壳	CHỈ XÁC	2 —
木 香	MỘC HƯƠNG	2 —
雞 菊 子	LA BẶC TỬ	2 — sao

Lấy nước sắc uống.

寒 痢

HÀN LY

(*Bệnh lý thuộc hàn*)

Phân bệnh lý ra máu lợt lạt mà không đau bụng là thuộc hàn. Nên dùng :

白 芍	BẠCH THUỘC	3 — sao
當 歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
枳 壳	CHỈ XÁC	1 —
檳 榔	BÌNH LANG	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 — nướng
雞 菊 子	LA BẶC TỬ	1 — sao.

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc trị huyết lý kể trên là trị bệnh lý cho những người mạnh khỏe mà cảm hỏa tà và thấp.

Phương thuốc này trị hàn lý, không đau bụng. Còn những người nội thương lao quỵện và trung khí hư nhược bởi Tỳ không giữ huyết mà sanh ra huyết lý, nên uống LÝ TRUNG THANG (25) gia MỘC HƯƠNG, NHỤC QUẾ hay là uống BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) gia THỰC ĐỊA, SAO CÀN KHƯƠNG mà trị thì mới khỏi.

大 小 便

14. ĐẠI TIỂU TIỆN

(Bệnh về đại tiện và tiểu tiện)



大 便 不 通

ĐẠI TIỆN BẤT THÔNG

(Đại tiện không thông)

Bệnh đại tiện bất thông, người ta cho là bởi « Đại trường nóng ráo ». Ai biết là bởi « Phế khí nóng ráo » chẳng ? Bởi Phế khí nóng ráo thì cái khí thanh hòa của Phế, không đi xuống đến Đại trường mà nước ở Thận kinh cũng chỉ vừa tự túc thì lấy đâu mà chảy đi khắp để thấm nhuận được. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	3 lượng (12)
元 参	NGUYÊN SÂM	3 —
升 麻	THĂNG MA	3 đồng
大 麻 仁	HỎA MA NHÂN	1 —

Đồ 2 chén nước, đun còn 6 phân, hòa vào 1 chén sữa bò tươi, quấy đều với thuốc mà uống, uống vài thang ắt thông đại tiện.

Phương thuốc này không chú ý nhuận Đại trường mà chú ý bổ Thận và thanh Phế.

Ồi ! Đại trường ở mãi dưới đường cùng, rất khó điều trị riêng biệt, nên hẳn phải theo Thận để mà nhuận, theo Phế để mà thanh, nghĩa là mở khiếu trên, thì khiếu dưới tự nhiên lưu động mà thông lợi.

Đó là phép « hạ bệnh thượng trị » = bệnh ở dưới mà trị ở trên vậy.

Xét ra phương thuốc này hay bởi THĂNG MA, vì khi vị nó hay biến hóa linh động, mở khiếu trên thì khiếu dưới tự nhiên chảy ra, thí dụ lấy ống nhỏ hút nước đầy ống, roi lấy ngón tay bịt chặt trên đầu ống thì giữ được nước, buông ngón tay thì nước chảy xuống hết. Thật rất dễ hiểu.

實 症 大 便 不 通
THỰC CHỨNG ĐẠI TIỆN BẤT THÔNG
(Đại tiện bất thông thuộc thực chứng)

大 黃	ĐẠI HOÀNG	5 đồng
歸 尾	QUY VĨ	1 lạng
升 麻	THĂNG MA	5 phân

Lấy nước sắc, khi được, hòa vào thuốc nửa chén mật ong, quấy đều uống.

Phương thuốc này, ĐẠI HOÀNG chủ đề tiết lợi, còn ĐƯƠNG QUY chỉ để nhuận tràng mà lại dùng làm quân thì tuy có tiết lợi cũng không đến quá mãnh liệt và cũng không có cái sợ nguy hiểm, huống chi lại có THĂNG MA để thăng đề thì trong sức tiết lại có sức lưu, hà tất phải quá lo.

Xét rằng : Bệnh thương hàn thuộc Dương Minh kinh có táo phẩn, nếu không dùng chính ĐẠI THỪA KHÍ THANG (8) thì không thể hạ được. Nhưng trị « thực chứng đại tiện bất thông » mà dùng phương thuốc này thì cũng noi theo ĐẠI THỪA KHÍ nhưng tính chất hòa bình mà ôn nhuận chứ không quá mạnh.

虛 症 大 便 不 通
HƯ CHỨNG ĐẠI TIỆN BẤT THÔNG
(Đại tiện bất thông thuộc hư chứng)

Những người sau khi đại bệnh đã khỏi rồi, khi huyết còn hư nhược, mà đại tiện bí. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng, (12)
元 參	NGUYỄN SÂM	1 —
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
川 芎	XUYỀN KHUNG	5 đồng

桃仁	ĐÀO NHẠN	10 hạt, sao, bỏ vỏ
红花	HỒNG HOA	3 đồng
大黄	ĐẠI HOÀNG	3 — sao
大麻仁	HỒA MA NHÂN	1 —

Lấy nước sắc, khi được hòa vào thuốc nửa chén mặt ong, quấy đều uống.

小便不通

TIỂU TIỆN BẤT THÔNG

(Bệnh tiểu tiện không thông)

Khi hỏa ở Bàng quang không lưu hành, tức thì tiểu tiện không thông. Phép trị tự hồ phải trị Bàng quang mà hoàn toàn không có trị Bàng quang. Nên dùng :

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
茯苓	PHỤC LINH	3 —
蓮肉	LIÊN NHỤC	3 —
白果	BẠCH QUẢ	2 — bỏ vỏ, màng
甘草	CAM THẢO	1 —
肉桂	NHỤC QUẾ	1 —
車前子	XA TIỀN TỬ	1 —
王不流	VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay tại dùng NHÂN SÂM, NHỤC QUẾ, bởi Bàng quang hẳn phải được khi hỏa thì mới bài tiết ra — Khi hỏa là gì? là khí ở Tâm bào lạc — đã dùng SÂM QUẾ mà khi hỏa đã hành. Lại còn hay tại dùng BẠCH QUẢ để thông mạch Nhâm (38) mạch Đốc (39) chạy vào Bàng quang mà dẫn những chất thuốc kia — nhiều người không biết ý đó — Hướng chi XA TIỀN, VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH hết thấy là chất tiết hạ. Uống như thế, dường âm đảng trước có lý nào không thông lợi.

◆ Lại có một phương:

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng
山茱	SƠN THỦ	4 đồng
丹皮	ĐƠN BÌ	2 —
泽泻	TRẠCH TẢ	3 —
肉桂	NHỤC QUẾ	1 —
★ 前子	XA TIỀN TỬ	1 —
山萸	SƠN DƯỢC	2 —
茯苓	PHỤC LINH	3 —

Phương thuốc này không cần thông tiểu tiện mà chuyên bổ Thận thủy, hễ trong Thận có nước thì cái khí ở Bàng quang tự nhiên nó hành, khí hành thì tiểu tiện thông. Bởi vì Thận giữ cái quyền khi đóng khi mở của Bàng quang.

Xét rằng : phương thuốc này theo ý nghĩa bài **BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG (7)** mà diễn xuất ra.

大小便不通

ĐẠI TIỂU TIỆN BÁT THÔNG

(Đại tiện, tiểu tiện không thông)

Lấy một ít tóc, đốt cháy ra tro, nghiền rất nhỏ, lấy 3 ngón tay dùm lấy một dùm, bỏ vào nửa chén nước nóng, quấy đều, uống cả, thông lợi ngay.

◆ Lại một phương:

Mật một chén, rượu một chén (chén uống trà) BÌ TIỂU 1 lượng, ĐÀI HOÀNG tán nhỏ 1 đồng, đổ chung cả vào, đun nóng, quấy đều, chia 2 lần uống nóng, rất thần hiệu.

15. 厥症, 中風, 痢症

QUYẾT CHỨNG, TRÚNG PHONG, GIẢN CHỨNG

(Bệnh Quyết lãn, trúng phong và bệnh giản)



寒厥

HÀN QUYẾT

(Bệnh Quyết thuộc hàn)

Bệnh quyết thuộc hàn này, tay chân lạnh mà hân phải tái xanh tím bầm, uống nước vào hân phải thò ra, bụng hân là phải đau, người hân muốn gần lửa cho ấm. Nên dùng:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng sao
附子	PHỤ TỬ	1 đồng
肉桂	NHỤC QUẾ	1 —
吳茱	NGÔ THỦ	1 —

Lấy nước sắc uống.

熱厥

NHIỆT QUYẾT

(Bệnh Quyết thuộc nhiệt)

Bệnh quyết thuộc nhiệt này, tay chân tuy lạnh mà không đến nỗi tái xanh bầm tím, uống nước vào không thò ra, hễ gần lửa ấm hân thấy đau bụng. Một khi chân tay đã lạnh thì đau như không thể chịu được. Người ta cho là phong trúng vào tứ chi. Ai biết đó là nóng hun ở trong Tim, không tiết ra ngoài được, cho nên bốn chân tay lạnh mà da bụng lại nóng như lửa. Nên dùng:

柴	胡	SÀI HỒ	3	đồng
當	歸	ĐƯƠNG QUY	2	—
黃	連	HOÀNG LIÊN	2	—
梔	子	CHI TỬ	2	— sao đen
荆	芥	KINH GIỚI	1	— sao
半	夏	BÁN HẠ	1	—
枳	壳	CHỈ XÁC	1	—

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi.

◆ Lại một phương trị nhiệt quyết.

白	芍	BẠCH THƯỢC	1	lượng, sao
山	梔	SƠN CHI	3	đồng, sao đen
陳	皮	TRẦN BÌ	1	—
柴	胡	SÀI HỒ	1	—
天	花	粉	THIÊN HOA PHẤN	2 —

Lấy nước sắc uống. Ý nghĩa dùng BẠCH THƯỢC nhập Can để bình mộc.

Xét rằng: Phương trên dùng SÀI HỒ, ĐƯƠNG QUY. Phương này dùng BẠCH THƯỢC đều là Can được đề trị bệnh Can nhiệt.

尸 厥

THI QUYẾT

(Bệnh lạnh như thây ma)

Bệnh người lạnh như thây chết này, trong một lúc hết nhiên ngã lãn kêng, rồi không còn biết nhân sự là gì, đó là chân khí hư mà đàm làm mê Tâm, phép trị chỉ bổ khí hóa đàm. Nên dùng :

人	參	NHÂN SÂM	3	đồng (4)
半	夏	BÁN HẠ	3	— chế

南 星	NAM TINH	3 đồng, chế
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
附 子	PHỤ TỬ	5 phân
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 đồng

Lấy nước sắc uống.

♣ Lại một phương trị bệnh thi quyết :

THƯƠNG TRUẬT 3 đồng, lấy nước sắc, đồ dần vào miệng 'tất nhiên thở ra, mà hãy thở ra được rồi là tỉnh. Bởi THƯƠNG TRUẬT là dương dược, rất hay khur phong, cho nên dùng có công hiệu.

Phạm những bệnh mê thấy ma quỷ mà dùng nó càng thấy hay.

厥 症

QUYẾT CHỨNG

(Bệnh Quyết lãn)

Những người hốt nhiên phát quyết, nhắm mắt, dan tay, trong cồ họng có tiếng thở khò khè. Bệnh ấy có khi một ngày chết, hay vài ba ngày mới chết.

Bệnh quyết này phần nhiều phạm đến Tâm quân nhưng cũng vẫn bởi đàm mà phát. Phép trị phải công đàm mà khai Tâm khiếu. Nên dùng :

KHỞI MÊ ĐƠN 起 迷 丹

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
半 夏	BÁN HẠ	5 — chế
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	2 —
免 絲 子	THỎ TY TỬ	1 lượng
茯 苓	PHỤC LINH	3 đồng

皂 荚	TAO GIÁP	3 đồng, nướng chín
生 姜	SINH KHƯƠNG	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 phân

Lấy nước sắc uống.

氣 虛 猝 倒

KHÍ HƯ THÓT ĐÀO

(*Khi hư tự nhiên ngã lãn*)

Những người hốt nhiên tối xầm dầu mắt ngã lãn kèng, hôn mê chẳng biết gì, trong cổ họng có đàm Người ta cho là « phong ». Ai biết đó là bởi « khi hư ». Nếu đem thuốc phong mà trị sẽ chết ngay.

Bệnh này bởi lúc bình nhật không gìn giữ sắc dục, tinh huyết hao tổn đi làm cho chân khí suy kém. Lại thêm phần không cẩn thận sự ăn ở, khi phát bệnh có thể tựa như phong mà thực không phải là phong. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
黄 芪	HOÀNG KỶ	1 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	5 đồng
葛 蒲	XƯƠNG BỒ	1 —
附 子	PHỤ TỬ	1 —
半 夏	BÁN HẠ	2 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hồ khi mà không trị phong, tiêu đàm mà không hao khí. Uống 1 thang tỉnh thần yên định, uống 2 thang đàm tiêu xuống, uống 3 thang mạnh khỏe hoàn toàn.

陰 虛 碎 倒

ÂM HƯ THỐT ĐÀO

(Âm hư tự nhiên ngã lãn)

Bệnh này bởi «Thận thủy» ở dưới suy hư mà không thượng giao với «Tâm hỏa» (Tâm Thận bất giao). Lại có khi bởi Can khí nóng ráo không sinh Tâm hỏa. Đó đều bởi âm hư mà làm cho người ta ngã lãn đùng. Nên dùng: TÀI TÔ ĐƠN 再 蘇 丹

熟 地	THỰC ĐỊA	2 lạng (12)
山 茱	SƠN THỦ	1 — sao
元 參	NGUYÊN SÂM	1 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao
柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
葛 蒲	XƯƠNG BỒ	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	5 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này, bổ Thận thủy, mát Phế khí, an Tâm, thông khiếu, tả hỏa, tiêu đàm, thật rất thần hiệu. Uống 10 thang khỏi hoàn toàn.

Xét rằng: Bệnh này nếu nói chắc là bởi âm hư, thì cốt người ấy vốn gầy, mà bộ mặt xanh thâm, khi ngã lãn kèng, hơi thở gần như suyễn, mắt không dám mở ra mới phải.

陽 虛 碎 倒

DƯƠNG HƯ THỐT ĐÀO

(Dương hư tự nhiên ngã lãn)

Bệnh này bởi «Tâm hỏa» ở trên hư suy; không hạ giao với «Thận thủy» ở dưới mà tự nhiên ngã lãn đùng là bởi dương hư. Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
生 棗 仁	SINH TÁO NHÂN	1 —
茯 神	PHỤC THẦN	5 đồng
附 子	PHỤ TỬ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
生 半 夏	SINH BÁN HẠ	3 —

Lấy nước sắc uống. Thuốc uống xuống khỏi cổ thì đàm yên tĩnh mà hơi thở đều hòa. Uống liên tiếp mấy thang thì thân thể an nhiên như cũ.

Bệnh này lại còn có người vì « Vị nhiệt » không thể an được « Tâm hỏa » mà ngã lăn kèng cũng là bởi dương hư. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
元 参	NGUYÊN SÂM	1 —
石 羔	THẠCH CAO	5 đồng
天 花 粉	THIÊN HOA PHẤN	5 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khú tâm
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang yên định con Tâm, uống 2 thang thanh giải Vị hỏa, uống 3 thang khỏi hoàn toàn.

Xét rằng : Bệnh này nếu nói chắc là bởi dương hư thì người ấy vẫn có chứng huyền vặng (đầu mặt xây xảm quay cuồng) mà sắc mặt đỏ tươi. Khi ngã lăn kèng ra, trán và mũi có râm rấp bờ hơi, mà âm hộ muốn cường lên. Nếu vì Vị nhiệt thì hẳn là miệng hơi, chân rặng khô. (So sánh bệnh này với bệnh trên mà nhận định âm hư, dương hư cho rõ ràng.

腎 虛 猝 倒

THẬN HƯ THỐT ĐÀO

(Thận hư tự nhiên ngã lãn)

Những người khi ngã lãn kèng mà miệng khát đòi nước, hơi thở suyễn, mạch Tâm thì hồng đại, lưỡi ngọng không nói được Đó là «Thận hư cực độ» không thể lấy thuốc «khi hư» mà trị được. Thận thủy đã hư cực thì trên không thể làm mát cho Tâm hỏa. Tâm hỏa nóng quá, sinh ra buồn loạn rồi tự nhiên ngã lãn đùng, có thể tựa như trăng phong.

Phép trị phải bổ Thận mà lấy những vị có tính chất thanh hỏa làm tá sử. Nên dùng :

THỦY HÒA LƯƠNG TRỊ THANG 水火兩治湯

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
元參	NGUYÊN SÂM	1 —
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng, khứ tâm
生地	SINH ĐỊA	5 —
山茱	SƠN THỦ	5 —
茯苓	PHỤC LINH	5 —
黃連	HOÀNG LIÊN	3 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống liên tiếp mấy thang là khỏi.

大 怒 猝 倒

ĐẠI NỘ THỐT ĐÀO

(Giận quá tự nhiên ngã lãn)

Những người nóng giận quá, chạy nhảy mạnh, hốt nhiên té nằm xuống đất, 2 tay co giựt, môi miệng méo

xéch, mắt bên trái nhắm điu lại. Đó là « Can hỏa mạnh làm cho huyết hư mà nội nhiệt sinh phong ». Nên uống **BÁT TRẦN THANG** (18) gia **ĐƠN BÌ, CẦU ĐĂNG, SƠN CHI**.

Nếu bệnh chứng như trên mà lại dài vải ra quần và mạch bộ **QUAN** tay tả huyền, hồng mà sắc thì đó lại là « Can hỏa làm cho huyết táo » nên uống **LỤC VỊ THANG** (9) gia **CẦU ĐĂNG, NGŨ VỊ TỬ, MẠCH ĐÔNG, XUYÊN KHUNG, ĐƯƠNG QUY**. Khi đã khỏi rồi nên đổi uống **BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG** (23) gia **SƠN CHI, ĐƠN BÌ, CẦU ĐĂNG** mà uống nhiều nhiều.

Nếu đàn bà mà mắc bệnh này thì uống **TIÊU ĐAO TÁN** (31) gia **CẦU ĐĂNG**, và uống **LỤC VỊ THANG** (9). Đó là đúng phép.

中 風 不 語
TRÚNG PHONG BẤT NGŨ
(Trúng gió không nói được)

Những người trúng gió té ngã hôn mê, cắn khẩu hay là tự nhiên nằm xuống rồi mà nằm liệt trên giường ấy, đều bởi « khí hư mà đàm làm bệnh ». Nên dùng:

TAM SINH DẪN 三 生 引

人 參	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
半 夏	BÁN HẠ	3 đồng, dùng sống
南 星	NAM TINH	3 — dùng sống
附 子	PHỤ TỬ	5 — dùng sống.

Lấy nước sắc mà đồ cho nuốt xuống.

Bệnh trúng phong này còn có người vì « Thân hư » mà bị.

Ôi ! « Thân » giữ việc chưa tỉnh, chủ sự sống cho con người ở phần hạ tiêu huyết đạo, và 2 mạch Xung (38)

Nhâm (38) liên hệ vào đấy. Xung, Nhâm 2 mạch và giầy lớn của Thận cùng từ dưới Thận đi lên mà khởi vào trong Bào lạc. Mạch Xung theo cùng Bào lạc làm cái bề của kinh mạch, nên gọi Xung là huyết hải. Mạch Xung đi lên thấm vào mọi đường dương, rót vào mọi đường tinh; đi xuống thấm vào mọi đường âm, rót vào mọi đường lạc mà làm ấm da thịt, còn những giầy khác liên kết ở bắp chân. Nay nhân vì Thận hư mà giầy Thận và trong Bào lạc tuyệt nhiên không thông lên với nhau thì làm cảm; mạch Thận không đi lên cuống họng hiệp với cuống lưỡi thì không nói được; 2 giầy Xung Nhâm không thông xuống dưới thì quyết lãnh tê bại. Nên dùng:

		地 黄 飲 子	
	熟 地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
	巴 戟	BA KÍCH	1 —
	山 茱	SƠN THỦ	1 —
	茯 苓	PHỤC LINH	1 —
	麦 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
肉	菟 丝	NHỤC THUNG DUNG	1 —
	附 子	PHỤ TỬ	5 đồng
	苁 蓉	XƯƠNG BỒ	5 —
五	味 子	NGŨ VỊ TỬ	5 —
	石 斛	THẠCH HỘC	6 —
肉	桂	NHỤC QUẾ	5 —

Thêm bạc hà, gừng, táo, lấy nước sắc uống.

口 眼 喎 斜

KHÁU NHÃN OA TÀ

(Trúng gió miệng mắt méo xếch)

Bệnh trúng phong làm méo miệng, xếch mắt này, nhiều người trị «Can mộc» và trị «Phế kim» là rất phải rồi, nhưng lại không biết trị «Vị thổ» là cần thiết hơn. Sở dĩ nên trị «Vị thổ» bởi Vị thổ phân chia đường kinh mạch:

Nội kinh (35) ở Nữ khoa) nói rằng : « Túc dương minh Vị kinh, nếu bị phong thì làm miệng mắt lệch lạc, khoe mắt diu lại không trông thấy », đó là bởi Vị thổ làm méo xéch.

Nội kinh lại nói rằng ; « mạch ở Túc dương minh Vị, hiệp với miệng quanh ra môi », nay môi miệng xéch là bởi mạch ở Vị thổ làm méo xéch vậy.

Nhận xét 2 câu ấy, phép trị nên dùng : HOÀNG KỶ, ĐƯƠNG QUY, NHÂN SÂM, BẠCH THƯỢC, CAM THẢO, QUẾ CHI, THĂNG MA, CÁT CẢNH, TẦN GIAO, BẠCH CHỈ, PHÒNG PHONG, HOÀNG BÁ, TÔ MỘC, HỒNG HOA. Lấy một nửa nước, một nửa rượu hòa chung mà sắc, uống hơi nóng.

Nếu lúc mới phát mà có thêm phần ngoại cảm thì thêm 3 củ hành cùng sắc, để uống cho hơi dầm dấp mồ hôi là khỏi.

Bệnh này còn có người bởi Tâm yếu quá không thể liên lạc với tai miệng mà làm bệnh, nhẹ thì méo xéch, nặng thì cấm khẩu. Nên dùng :

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
茯苓	PHỤC LINH	3 —
菖蒲	XƯƠNG BỒ	3 —
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
甘草	CAM THẢO	1 —
半夏	BÁN HẠ	2 —
肉桂	NHỤC QUẾ	2 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi.

Lại một phép trị : Nhờ một người óm giữ lấy người bệnh, lại nhờ một người giữ chặt lấy vành tai mà kéo thẳng ra (miệng méo sang tả thì kéo tai bên hữu,

méo sang hữu thì kéo tai bên tả), rồi một người nữa lấy tay xát mạnh vào chỗ méo xéch, xát mãi, xát vài trăm lần, hể trên mặt người bệnh nóng như lửa thì thôi. Như vậy một lát sau miệng mắt yên nhiên như cũ. Thiệt rất thần hiệu.

半 身 不 遂
BÁN THÂN BẤT TOẠI
(Một bên người bất toại)

Bệnh bán thân bất toại, méo mồm, xéch mắt này, nên nhắm vào « Tâm » và « Vị » mà điều lý. Bởi Tâm chủ về khí thiên chân là gốc (BẢN) của thần cơ khai phát, Vị chủ về phủ kho chứa cơm là việc ngọn (TIÊU) chứa đầy khí thiên chân. Tiêu với Bản mà cùng được cả thì Đản trung Khí hải ở trước ngực lưu giữ chân khí được tràn đầy mà phân bố đi ngũ tạng, tam tiêu, trên dưới trong ngoài đầu đầu cũng rộng khắp cả. Nếu tiêu với bản mà cùng mất cả thì không thể đem chân khí đến huyết Khí hải, chân khí sẽ tan biến làm cho sự phân bố không rộng tới kinh mạch sinh ra thiên khô; (khô héo lếch lác) không tới ngũ tạng sinh ra cảm.

Như thế biết ngay rằng, chỉ bởi « chân khí không đủ » mà làm ra bán thân bất toại.

Phép trị nên dùng HOÀNG KỶ, làm quán, SÂM, QUY, THUỘC DƯỢC làm thần, PHÒNG PHONG, QUẾ CHI, CẦU ĐĂNG, TRÚC LỊCH, gừng, hẹ, sắn, lê, nước sữa làm tá sứ, mà trị sẽ khỏi.

Nếu dùng những loại thường như XUYỀN Ô, PHỤ TỬ, KHƯƠNG HOẠT cho uống chỉ làm khô vinh quyết, hao vệ khí, bệnh nhân sẽ chết, mà cái chết ấy là Thầy Thuốc giết người vậy.

Bất toại nửa người, méo miệng, xéch mắt. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
當 歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
白 朮	BẠCH THUẬT	5 — sao
黃 芪	HOÀNG KỶ	1 lượng, dùng sống
半 夏	BẢN HẠ	3 đồng, dùng sống
乾 葛	CAN CÁT	3 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
紅 花	HỒNG HOA	2 —
桂 枝	QUẾ CHI	1 — 5 phân.

Thêm 2 trái táo, 3 phiến gừng, đồ 4 chén nước sắc uống. Bệnh này nhiều người dùng phong dược đề trị đều không công hiệu, không bằng thuốc này điều lý khí huyết, bệnh nào cũng khỏi.

Xét rằng : Bệnh này bởi huyết không hành sinh ra, lại như trúng phong mà dùng thuốc khu phong đề trị thì sinh ra thiện khô mà kết quả cũng không khỏi, chỉ nên « dưỡng huyết, hòa huyết » làm chủ. Cờ nhân dạy rằng « trị phong tiên trị huyết, huyết hành phong tự diệt », nghĩa là trị bệnh phong nên trị huyết trước, hễ huyết hành thì phong tự nhiên hết. Đó là lời bàn đích xác.

癩 症

GIẢN CHỨNG

(Bệnh kinh giản)

Bệnh kinh giản này hốt nhiên ngã lẩn ra đất, miệng kêu hú hú như tiếng trâu beo dè rồi xùi đàm dãi ra như suối chảy vọt, đó là đàm làm mê tâm khiếu. Nguyên do bởi khí huyết hàn mà sinh ra, rồi lại cảm hàn mà phát. Nên dùng !

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
山 藥	SƠN DUỐC	3 —

半	夏	BÁN HẠ	3 đồng, dùng sống
白	木	BẠCH TRUẬT	1 lượng, sao
茯	神	PHỤC THẦN	5 đồng
著	苡	Ý DĨ NHÂN	5 —
肉	桂	NHỤC QUẾ	1 —
附	子	PHỤ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống.

◆ Lại một phương trị bệnh cường :

人	参	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
茯	苓	PHỤC LINH	1 —
白	木	BẠCH TRUẬT	5 đồng
半	夏	BÁN HẠ	1 —
南	星	NAM TINH	1 —
附	子	PHỤ TỬ	1 —
禁	胡	SÀI HỒ	1 —
菖	蒲	XƯƠNG BỒ	3 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này vẫn là thuốc trị bệnh cường thuộc hàn, nhưng trị bệnh giãn cũng hay.



癲狂

16. ĐIÊN CUỒNG



癲狂

ĐIÊN CUỒNG

(Bệnh điên cuồng)

Bệnh điên cuồng phần nhiều sinh ra bởi «Tỳ Vị hư hàn» ăn uống vào dạ dày không biến thành tinh huyết mà biến ra đàm. Đàm làm mê tâm khiếu, nên thành điên cuồng. Nếu chỉ trị đàm mà không bổ Tỳ Vị khí, chưa thấy bệnh nhân nào mà không đi đến chỗ chết. Nên dùng :

人參	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	5 — sao
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, sao
半夏	BÁN HẠ	3 đồng, chế
陳皮	TRẦN BÌ	1 —
乾姜	CÀN KHƯƠNG	1 —
肉桂	NHỤC QUẾ	1 —
甘草	CAM THẢO	5 phân
葛蒲	XƯƠNG BỒ	5 —

☉ Lấy nước sắc uống. Nếu nữ giới mà mắc bệnh này bỏ NHỤC QUẾ, gia BẠCH THUỘC, SÀI HỒ, SƠN CHI sao đen, mà trị cũng rất thần hiệu.

Xét rằng : Bệnh này người Nam nên bổ khí, người Nữ nên bổ huyết.

發 狂 見 鬼

PHÁT CUỒNG KIẾN QUỶ

(Phát cuồng thấy ma quỷ)

Bệnh lên cơn điên cuồng mà thấy ma quỷ này là bởi «Tỳ Vị khí hư» mà trúng đàm. Phải bồi bổ chính khí mà thêm những vị để hóa đàm. Nên dùng :

人 參	NIÊN SÂM	1 lượng, (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
半 夏	BẢN HẠ	3 đồng, chế
南 星	NAM TINH	3 — chế
附 子	PHỤ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống

發 狂 不 見 鬼

PHÁT CUỒNG BẤT KIẾN QUỶ

(Phát cuồng không thấy ma quỷ)

Bệnh lên cơn điên cuồng mà không thấy ma quỷ này là bởi «nội nhiệt». Nên dùng :

人 參	NHAN SÂM	3 đồng (4)
白 芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
半 夏	BẢN HẠ	3 — chế
南 星	NAM TINH	2 —
黃 連	HOÀNG LIÊN	2 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao

Lấy nước sắc uống.

狂 症
CUỒNG CHỨNG
(Bệnh cuồng)

Bệnh cuồng có người bởi lạnh mà sinh ra, nếu tự nhiên mà phát, nên uống BẠCH HỒ THANG (40) để tả hỏa.

Lại có người phát cuồng hàng năm không khỏi, có khi vác dao chém người, có khi mắng chửi cả bà con thân thuộc, không nhận con cái, thấy nước rất mừng, thấy ăn rất ghét. Đó là bởi « Tâm khí hư mà nhiệt tà lẫn át, đàm khí xâm phạm. » Nên dùng :

HÓA CUỒNG ĐƠN 化狂丹

人 参	NHÂN SÂM	1 lượng (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
茯 神	PHỤC THẦN	1 —
附 子	PHỤ TỬ	1 phân
半 夏	BÁN HẠ	3 đồng, chế
无 絳 子	THỎ TY TỬ	3 — sao
葛 蒲	XƯƠNG BỒ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. uống 1 thang yên bình.

Phương thuốc này hay bởi bỏ cả 3 kinh TÂM, TỠ, VỊ mà hóa đàm, không cần phải tả hỏa. Bởi càng tả hỏa thì Tâm khí càng hư mà đàm càng thịnh, làm sao chỉ được bệnh cuồng ! Lại càng hay bởi PHỤ TỬ chỉ dùng 1 phân để dẫn thuốc bỏ Tâm tiêu đàm đi thẳng vào trong Tâm thì khí càng dễ bỏ mà đàm càng dễ tiêu. Như vậy hà tất phải dùng đến việc tả hỏa cho nhiều !

Xét rằng: Bệnh này bởi « hàn » mà mắc làm sao lại dùng BẠCH HỒ THANG cũng là thuốc hàn? Bởi vì huyết bị hàn tà bức bách ở bên ngoài, làm nhiệt tà ở trong không phát tiết ra được mà nhiều loạn Tâm Vị, cũng như mùa đông bị cảm hàn đến mùa xuân mới phát bệnh mà lại là bệnh ôn.

寒 狂

HÀN CUỒNG

(Bệnh cuồng bởi hàn)

Phàm những bệnh phát cuồng mà cứ hay mắng người ta, lại khi không khát mà cũng đòi nước, đến khi cho nước thì lại không uống ấy là bệnh cuồng bởi « hàn ». Đó là vì khí nóng uất không thư thái, khi bức giận chưa tiết ra thì hẳn là người ấy tinh tinh quá nhu nhược, không thể tự trấn an được, vậy phải bổ khí tiêu đàm, Nền dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
茯 神	PHỤC THẦN	1 đồng
白 芍	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	3 đồng
半 夏	BÁN HẠ	1 đồng, chế
南 星	NAM TINH	1 đồng, chế
附 子	PHỤ TỬ	1 đồng
柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống khỏi cở, sẽ ngủ yên một giấc thật ngon, khi tỉnh dậy thấy bệnh như không còn nữa.



怔 忡 驚 悸

17. CHINH XUNG KINH QUÝ

(Sợ hãi hồi hộp)



怔 忡 不 寐

CHINH XUNG BẤT MỊ

(Run sợ không ngủ)

Bệnh run sợ hồi hộp không yên làm mất ngủ này bởi « Tâm kinh huyết thiếu, tinh thần không đủ ». Nên dùng :

人 參	NIÊN SÂM	3 đồng (4)
當 歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
丹 皮	ĐƠN BÌ	2 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	2 — khừ tâm
甘 草	CAM THẢO	1 —
葛 蒲	XƯƠNG BỒ	1 —
生 棗 仁	SINH TÁO NHÂN	5 — đề sống
熟 棗 仁	THỰC TÁO NHÂN	5 — sao đen
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này khéo ở chỗ dùng cả TÁO NHÂN sống và TÁO NHÂN sao, dùng sống là đề cho ban ngày không muốn đi nằm, dùng chín là đề cho ban đêm không tỉnh thức, đã vậy lại lấy thuốc bồ Tâm làm tá sư thì bệnh chinh xung yên định.

心驚不安, 夜臥不睡

TÂM KINH BẤT AN, ĐẠ NGỌ BẤT THỤY

(Trong Tâm kinh sợ không yên, đêm nằm không ngủ)

Bệnh tâm thần run sợ không yên mà đêm nằm không ngủ. Đó là «Tâm bệnh» mà thực ra là «Thận bệnh» phải kiêm trị cả Tâm, Thận. Nên dùng :

人參	NHÂN SÂM	3 lạng (4)
茯苓	PHỤC LINH	3 — bỏ vỏ
茯神	PHỤC THẦN	3 — bỏ vỏ, bỏ lõi
熟地	THỰC ĐỊA	3 — sao thật khô
山茱	SƠN THỪ	3 — sao thật khô
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 — sao thật khô
遠志	VIỄN CHÍ	2 — tầm nước cam thảo, sao khô
菖蒲	XƯƠNG BỒ	3 đồng
黃連	HOÀNG LIÊN	5 —
肉桂	NHỤC QUẾ	5 —
砂仁肉	SA NHÂN NHỤC	5 —
棗仁	TÁO NHÂN	1 lạng, đề sống
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm, sao thật khô

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày uống 5 đồng, uống với nước sôi hay rượu cũng được.

Phương thuốc này trị bệnh tâm thần kinh sợ không yên và không ngủ mà dùng NHÂN SÂM, ĐƯƠNG QUY, PHỤC THẦN, MẠCH ĐÔNG là đủ lắm rồi, còn nếu vì hỏa bốc lên mà không ngủ, cũng chẳng qua dùng HOÀNG LIÊN nữa là đủ, hà tất lại phải dùng THỰC ĐỊA, SƠN THỪ là thuốc bổ Thận và còn gia NHỤC QUẾ để trợ hỏa, tại sao? — Bởi chẳng biết: Tâm thần sợ hãi là Thận

khí không nhập Tâm ; mắt ngủ là Tâm khi không quy Thận. Nay dùng THỰC ĐỊA, SƠN THỦ để bổ Thận thì Thận khí thông với Tâm ; dùng NHỤC QUẾ để bổ Mạnh môn hỏa thì Thận khí ôn.

Thận khí đã ôn thì tương hỏa (Mạnh môn hỏa) có quyền. Tương hỏa đã có quyền thì tương hỏa và quân hỏa (Tâm hỏa) tương đắc với nhau, tự nhiên « Thương hạ đồng tâm, quân thần hợp đức » nghĩa là trên dưới cùng một lòng, vua tôi cùng một đức.

Muốn bổ Thận thật phải như vậy, nhưng nếu xét lại có thêm « Can khí không thông lên Tâm » nữa mà thành bệnh này, thì phương thuốc trên thêm BẠCH THUỘC 2 lạng để kiêm bổ cả Can mộc, thì Tâm kia được an hòa thư thái.

Xét rằng : Muốn biết thế nào là « Can khí không thông lên Tâm », thì xem người ấy sắc mặt xanh, có khi lên cơn trào nhiệt hay là tay chân nóng, hay là mặt quay cuồng tối tăm mà hốc bụng bên trái tức trướng là đúng.

恐 怕

KHỦNG PHẠ

(Sợ sệt)

Những người thường đêm khi đi nằm, hễ cứ vừa nhắm mắt ngủ là mộng thấy những sự tranh đấu hơn thua với người làm cho sợ sệt. Người ta cho đó là « Tâm bệnh ». Ai biết đó là « Can bệnh » ! = Bởi Can tàng hồn, Can huyết mà hư thì hồn mất sự nuôi dưỡng, cho nên hễ cứ chợp mắt ngủ là mơ màng thấy như có ma quỷ đè nén, đó là vì Can Đâm nhút nhát, cho nên sợ hãi rất

hiều. Nếu không đại bổ, không thể thu công mà đại bổ lại dùng những dược phẩm hằng chất thảo mộc để trị cũng không thể đảm đương việc lớn. Nên lấy LỘC GIÁC GIAO (cao lộc) hòa với rượu mà uống hằng ngày vào lúc đói có thể khôi. Bởi LỘC GIÁC GIAO đại bổ tinh huyết, huyết vượng tự nhiên thần trí yên tĩnh.

神 氣 不 寧

THẦN KHÍ BẤT NINH

(Thần khí không yên)

Những người thường thường mỗi đêm khi ngủ thì hồn bay bổng du dương, khi đó cảm biết mình vẫn nằm ở giường mà hồn thì xa lìa thân thể, lại mơ màng ma quỷ đề nên nhiều làm cho sợ hãi suốt đêm không ngủ. Người ta cho đó là « Tâm bệnh ». Ai biết đó là « Can kinh thụ tà » (kinh mạch lá gan bị cảm ngoại tà). Bởi Can khí một khi bị hư thì tà khí xâm nhập. Việc của Can là tàng hồn, Can đã thụ tà thì hồn không nơi nương tựa, bởi vậy hồn du dương bay bổng tựa như nó xa lìa thân thể.

Phép trị nên dùng TRẦN CHÂU MẪU lâm quán, đề nhập Can là việc thứ nhất.

LONG XỈ, HỒ TÌNH 2 thứ này người đời chỉ biết quen dùng làm thuốc trấn Tâm, biết đâu rằng : LONG XỈ có tính chất yên định thần hồn, thuộc Can (đông phương thanh long, mộc) mà tàng hồn ; HỒ TÌNH có tính chất yên định thể phách, thuộc PHẾ (tây phương bạch hổ, kim) mà tàng phách. Lại rằng : Long có tính hay biến hóa, cho nên hợp với thần hồn du dương không định ; HỒ có tính hay yên tĩnh, cho nên hợp với

thể phách yên cư cố định. Bởi vậy trị bệnh thần hồn du dương nên dùng LONG XỈ ; trị bệnh thể phách không yên, nên dùng HỒ TÌNH. Dùng thuốc như thế đều có lẽ phải.

(TRẦN CHÂU nên chọn những hạt còn mới nguyên vẹn, không sứt vỡ, LONG XỈ (răng rồng) một vị thuốc mua ở tiệm thuốc bắc. HỒ TÌNH (mắt cọp) mua ở những người săn cọp).

Xét ra NHẠC này thường dùng ÔN ĐẢM THANG (42) để trị bệnh thần khí bất ninh cũng rất hay.



18. 腰 腿 肩 臂 手 足 疼 痛

YÊU THOẠI KIÊN TÝ THỦ TỨC ĐÔNG THỐNG

(Lưng, Đùi, Vai, Cánh, Tay, Chân đau nhức)



滿 身 皆 痛

MÀN THÂN GIAI THỐNG

(Khắp mình đều đau)

Tay chân lưng bụng toàn thân đau nhức, vậy trị đau tay trước chăng? hay trị đau chân trước chăng? Không được, phải trị gan làm chủ cho tất cả. Bởi một khi Can khí đã được thư thái thì các chứng đau các nơi đều tự nhiên khỏi hết, chứ không thể «đầu thống cứu đầu, tức thống cứu túc» được. Nghĩa là thấy nói đau đầu thì trị đầu, đau chân thì trị chân, đau đầu thì trị đầu, mà không tìm nguyên nhân. Nên dùng:

柴	胡	SÀI HỒ	
甘	草	CAM THẢO	
陳	皮	TRẦN BÌ	mỗi thứ 1 đồng
梔	子	CHI TỬ	1 — sao
白	芍	BẠCH THUỘC	5 —
薏	苡	Ý DĨ NHÂN	5 —
苳	苓	PHỤC LINH	5 —
當	歸	ĐƯƠNG QUY	
蒼	朮	THƯƠNG TRUẬT	mỗi thứ 2 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này biến hóa trong phương TIÊU ĐAO TÁN (31) mà ra, chủ để thư Can mà lại khứ thấp, khứ hỏa. Nghĩa là chỉ trị một kinh mà bệnh ở các kinh khác đều khỏi cả.

腰 痛

YÊU THỐNG

(Đau lưng vì thấp)

Lưng đau mà không thể cúi xuống được là vì thấp khí. Nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
澤 瀉	TRẠCH TẢ	1 —
豬 苓	TRƯ LINH	1 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
防 己	PHÒNG KỶ	2 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
甘 草	CAM THẢO	5 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	3 phân
山 藥	SƠN DƯỢC	3 đồng

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này rất khéo bởi dùng thuốc nhập Thận để khử thấp, chứ không phải nhập Thận để bổ thủy. Người mới đau chỉ uống vài thang là hết, người bị đau đã lâu phải uống nhiều mới khỏi.

腰 痛

YÊU THỐNG

(Đau lưng vì phong hàn)

Lưng đau mà không thể đứng thẳng lên được là vì phong hàn. Nên dùng TIÊU DAO TÁN (31) gia PHÒNG KỶ 1 đồng, uống 1 thang khỏi. Nếu đau đã lâu gia ĐỖ TRỌNG 1 lượng, BẠCH TRUẬT bớt đi chỉ dùng 2 đồng thôi. Lấy rượu sắc uống, uống 10 thang khỏi hoàn toàn.

◆ Lại một phương :

杜 仲	ĐỔ TRỌNG	1 lượng, tầm nước muối, sao
破 故 紙	PHÁ CỒ CHỈ	5 đồng, tầm nước muối, sao
熟 地	THỰC ĐỊA	3 lượng (12)
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
杞 仁	ĐÀO NHÂN	2 đồng, sao, bỏ vỏ.

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày lúc đói uống 5 đồng, uống với nước lã sôi. Uống hết thuốc là khỏi. Nếu chưa khỏi hoàn toàn, uống thêm một tế nữa, ắt khỏi hẳn.

腰 痛

YÊU THỐNG

(Đau lưng lâu ngày)

Phạm những người bị đau lưng lâu ngày mà không hết, đó là bệnh ở « Thận ». mà bệnh ở Thận là nguyên do bởi « Tý thấp ». Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	4 lượng, sao
蒼 朮 仁	Ý DĨ NHÂN	3 — sao
芡 實	KHIẾM THỰC	2 — sao

Đồ 10 chén nước, sắc lấy lại 3 chén, sắc được uống 2 lần, uống hết là khỏi. Phương thuốc này dùng để trị bệnh mộng tinh, di tinh cũng rất thần hiệu.

腰 腿 筋 骨 痛

YÊU THOẠI CÂN CỐT THỐNG

(Lưng, Đùi, Gân, Xương đau)

Lưng đùi gân xương đau nhức. Nên dùng :

DUỠNG HUYẾT THANG 養血湯

當歸	ĐƯƠNG QUY		
生地	SINH ĐỊA		
肉桂	NHỤC QUẾ		
牛膝	NGƯU TẤT		
杜仲	ĐỔ TRỌNG		
破故紙	PHÁ CỔ CHỈ		
茯苓	PHỤC LINH		
防風	PHÒNG PHONG	mỗi thứ	1 đồng
川芎	XUYẾN KHUNG		5 phân
甘草	CAM THẢO		3 —
核桃	HẠCH ĐÀO		2 cái
山茱	SƠN THỦ		2 đồng
土茯苓	THÒ PHỤC LINH		2 —

Lấy rượu và nước bằng nhau sắc uống.

腰痛足亦痛

YÊU THỐNG, TÚC DIỆC THỐNG

(Lưng đau, Chân cũng đau)

Lưng đau mà chân cũng đau. Nên dùng :

黃芪	HOÀNG KỶ		8 lượng
防風	PHÒNG PHONG		5 đồng
茯苓	PHỤC LINH		5 —
薏苡仁	Ý DĨ NHÂN		5 lượng
杜仲	ĐỔ TRỌNG		1 —
肉桂	NHỤC QUẾ		1 đồng
車前子	XA TIỀN TỬ		3 —

Đồ 10 chén nước, sắc còn lại 2 chén, hòa rượu vào uống, uống đến say. Khi tỉnh rượu, thấy khỏi.

Bệnh đau lưng đau chân, rõ ràng bởi Thận hư mà khí suy, lại thêm có thấp, nên nó làm cho khô sỏ. Phương thuốc này hay bởi không bỏ Thận mà chỉ thiên về bổ khí. Bởi khí mà đủ thì huyết sinh, huyết sinh thì tà thoái, lại dùng những loại Ý DĨ, PHỤC LINH, XA TIỀN tương trợ để khử thấp, thấp mà khử thì huyết thông hoạt, hưởng chi lại có ĐỔ TRỌNG để kiện Thận; NHỤC QUẾ để ôn Thận; PHÒNG PHONG để khu phong nữa, nên rất hoàn hảo.

腿 痛

THOẠI THỐNG

(Đau nhức bắp đùi)

Hai bắp đùi đau nhức làm cho thân thể không rời bỏ giường nệm mà dậy được, tình trạng khúm núm đó cứ phải nâng đỡ, đó là cái « khí hàn thấp » xâm nhập. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
芡 實	KHIẾM THỰC	2 — sao
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	1 lượng
虎 骨	TỠ GIẢI	1 —
杜 仲	ĐỔ TRỌNG	3 đồng
薏 苡 仁	Ý DĨ NHÂN	2 lượng, sao

Lấy nước sắc uống, uống liên tiếp hàng ngày bắt tất phải đổi phương thuốc khác, uống mãi tự nhiên thu công lớn.

兩 臂 肩 膊 痛

LƯƠNG TỠ KIÊN CHUYÊN THỐNG

(Hai cánh tay bả vai đau)

Bệnh đau nhức 2 cánh tay bả vai này là vì Can khí uất lên. Nên dùng :

當歸	DUƠNG QUY	3 lượng
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
柴胡	SÀI HỒ	5 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	5 —
羌活	KHƯƠNG HOẠT	3 —
秦艸	TẦN GIAO	3 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao
半夏	BÁN HẠ	3 —
附子	PHỤ TỬ	1 —

Đồ 6 chén nước, đun sôi 3 sấp, rót lấy 1 chén hòa rượu vàng vào mà uống, uống đến say là khỏi.

Phương thuốc này hay bởi dùng BẠCH THƯỢC làm quân để bình Can mộc thì Can mộc không xâm lấn Vị thổ. mà KHƯƠNG HOẠT, SÀI HỒ chạy thẳng lên tay để khứ phong, TẦN GIAO cũng là phong được hợp sức với PHỤ TỬ để công tà, tà tự nhiên phải thoái khứ, phong tà đã thoái khứ thì đàm không thể ở lại vì đã có BÁN HẠ, TRẦN BÌ, BẠCH GIỚI TỬ là thành được để khứ đàm, lại nhờ có PHỤ TỬ dẫn chạy đi các kinh, không đâu là không tới, thế thì bệnh đau đó như biến mất đi

手足痛

THỦ TÚC THÓNG

(Chân tay đau nhức)

Chân tay đau nhức mà người ta bảo là bởi « Tý nhiệt », chứ không biết rằng : Chân tay do khi huyết ở Can kinh phân phối, chân tay đau nhức bởi Can kinh uất nhiệt không phân phối. Vậy giải uất nhiệt ở Can kinh thì chân tay tự nhiên hết đau. Nên dùng TIÊU ĐAO TÁN (31) gia :

梔子	CHI TỬ	3 đồng, sao đen.
半夏	BÁN HẠ	2 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang, cái đau nó như mất đi. Bệnh này bởi Can mộc đã làm dữ mà Tỳ kinh không dám đương đầu, tại Can khí phân tán đi tứ chi, rồi kết lại mà làm đau nhức khô sô. Nay đã bình hòa Can khí thì Tỳ khí tự nhiên thư thái.

胸背手足頸項腰膝痛

HUNG BỐI THỦ TÚC CÁNH HẠNG·YÊU TÁT THỐNG

(Bụng, Sườn, Tay Chân, Cò, Gáy, Lưng đau nhức)

Gân xương tay chân đầu cổ lưng gối giắt giùm nhau đau nhức, nằm ngồi không được, luôn luôn đi lại xê dịch không yên. Đó là « đàm dãi ần phục ở trên dưới tim và Hoành cách mô » hoặc làm cho người ta nhức đầu, đêm nằm trong cổ nghe như có tiếng kéo cưa, miệng chảy dãi, tay chân nặng, đùi lạnh. Phép trị dùng KHỔNG DIỄN ĐƠN (43) mà uống, uống chưa tới 10 thang, bệnh đau nó như mất đi.

背骨痛

BỐI CỐT THỐNG

(Xương lưng đau)

Bệnh đau sống lưng này bởi Thận thủy hao mòn suy tòn, không đủ để đi lên mà nhuận cho óc thì đường sống lưng khô rit khó lưu hành mà làm đau. Nên dùng:

黃芪	HOÀNG KỶ	1 lượng, tằm mặt sao
熟地	THỰC ĐỊA	1 — (12)
山茱	SƠN THỦ	1 đồng, sao

白	木	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
防	風	PHÒNG PHONG	5 —
五	味	子 NGŨ VỊ TỬ	1 —
茯	苓	PHỤC LINH	3 —
附	子	PHỤ TỬ	1 phân
麥	冬	MẠCH ĐÔNG	2 đồng, khử tâm

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này bổ khí, bổ thủy, khử thấp, khử phong, nhuận gân, mát xương thì đau nào mà không khỏi.

腰痛兼頭痛
YÊU THỐNG KIÊM ĐẦU THỐNG
(Đau lưng và đau đầu)

Lưng ở dưới, đầu ở trên, trên dưới khác nhau mà lại cùng đau thì phép trị thế nào, trị bệnh lưng trước chẳng ? hay trị bệnh đầu trước chẳng ? Ai biết rằng tuy trên dưới khác nhau, nhưng đều bởi « thận khí bất thông ». Vì Thận khí thông lên trên óc, thì khí ở óc thông xuống dưới lưng, trên dưới tuy cách nhau nhưng thực ra cái khí vẫn thông với nhau.

Phép trị nên dùng thuốc ôn bổ để đại bổ ích cho Thận thủy đầy đủ thì cái khí trên dưới mới tương thông. Nên dùng :

熟	地	THỰC ĐỊA	1 lượng, (12)
杜	仲	ĐỔ TRỌNG	5 đồng
麥	冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khử tâm
五	味	子 NGŨ VỊ TỬ	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khỏi ngay.

Trong phương thuốc này dùng THỰC ĐỊA. ĐỔ TRỌNG là thuốc bổ Thận, công dụng chỉ chuyên trị đau lưng, nay uống vào cũng khỏi cả bệnh đau đầu. Tại sao ? Bởi đầu bị đau vì Thận khí không đủ để thông lên đầu. Nay bổ Thận thì Thận khí vượng mà thông lên óc, cho nên lưng chẳng đau mà đầu cũng chẳng đau.

心 腹 痛

19. TÂM PHÚC THỐNG

(Đau Tim đau Bụng)



心 痛 辨

TÂM THỐNG BIỆN

(Biện luận về bệnh đau Tim)

Bệnh đau tim phân ra 2 loại :

1. Hàn khí xâm phạm vào Tim mà đau.
1. Hỏa khí đốt Tim mà đau.

Hàn khí xâm phạm vào Tim mà tay chân lại nóng.

Hỏa khí đốt Tim mà tay chân lại lạnh. Lấy 2 triệu chứng ấy tìm hiểu phân tách rất đúng.

寒 痛

HÀN THỐNG : Đau Tim vì lạnh. Nên dùng ;

良 姜	LƯƠNG KHƯƠNG	3 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
草 烏	THẢO Ô	3 — gọt sạch vỏ đen tâm giấm, sao
青 朮	QUAN CHUNG	3 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống.

热 痛

NHIỆT THỐNG : Đau Tim vì nóng. Nên dùng :

山 梔	SƠN CHỈ	3 đồng, sao đen
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
甘 草	CAM THẢO	1 —

半 夏 BÀN HẠ 3 — chế
柴 胡 SÀI HỒ 1. —

Lấy nước sắc uống.

Chính con Tim không bao giờ có thể làm đau, hoặc vi hàn, hoặc vi hỏa mà đau đều chỉ xông vào TÂM BÀO (màng tim) vậy.

久 病 心 痛
CỬU BỆNH TÂM THỐNG
(*Bệnh đau Tim lâu ngày*)

Tim là chủ sự thần minh trong con người, không một mảy may tà khí nào cò thể can phạm vào được mà bảo là đau. Những người bị đau lâu năm nhiều tháng mà bảo là đau tim, không phải, đó chỉ là tà khí xâm phạm vào màng tim (Tâm bào lạc). Nhưng cái tà khí ấy phân tách ra thì có hàn tà và nhiệt tà.

Nếu sợ lạnh mà thấy nước như kẻ thù, thấy lửa nóng thì vui thích. Đó là hàn tà. Nên dùng :

蒼 朮	THƯƠNG TRUẬT	2 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
良 姜	LƯƠNG KHƯƠNG	1 —

Lấy nước sắc uống

Nếu thấy nước thì mừng mà lấy tay ấn vào ngực thì lại chuyển động làm đau. Đó là nhiệt khí xâm phạm vào Tâm bào vậy. Nên dùng :

白 芍	BẠCH THƯỢC	1 lượng, sao
山 梔	SƠN CHI	3 đồng, sao đen

當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng
生地	SINH ĐỊA	3 —
甘草	CAM THẢO	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	1 —

Lấy nước sắc uống.

Hàn khí, nhiệt khí, 2 bệnh làm đau này đều trách cứ vào « Can kinh ». Vì Can thuộc mộc, Tâm thuộc hỏa, mộc năng sinh hỏa, nay mộc suy không thể sinh hỏa thì Bào lạc bị lạnh mà làm đau. Vậy bỏ Can mộc thì hàn tà lui hết.

Nếu Can kinh nhiệt thì Bào lạc nóng mà làm đau, chỉ tả Can hỏa thì nhiệt tà tiêu hết.

腹 痛

PHÚC THỐNG

(Đau Bụng)

Bụng đau không thể nhìn được, lấy tay nắn bóp vào lại càng đau, khát nước uống miếng nước lạnh vào thì thấy đỡ đau, nhưng một lát sau lại đau mạnh như trước. Đó là « hỏa kết ở đại tiểu trường ». Nếu không cấp trị, một hồi lâu sẽ bị tuyệt khí. Nên dùng :

ĐỊNH THỐNG NHƯ THẦN THANG 定痛如神湯

山 梔	SƠN CHỈ	3 đồng, sao đen
蒼 朮	THƯƠNG TRUẬT	3 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
厚 朴	HẬU PHÁC	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	1 lượng
白 芍	BẠCH THƯỢC	5 đồng, sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này thư hòa khí ở Can kinh, lợi thủy ở Bàng quang. Nếu cần phải tả thủy trực ứ thì thêm ĐẠI HOÀNG 1 đồng, cùng sắc uống ngay dùng chậm.

♣ Đau bụng mà trong bụng có hòn có khối, tự nhiên trong một lúc phát đau mà đau không thể lấy tay nắn bóp được. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, sao
枳 實	CHỈ THỰC	1 — cát nhỏ, sao
馬 糞	MÃ PHẤN (phân ngựa)	3 đồng, sao cháy.

Lấy rượu ngon sắc uống.

♣ Bị cảm khí lạnh mà đau tim, đau bụng. Nên dùng :

HỎA LONG THANG 火 龍 湯

硫 黃	LƯU HOÀNG	1 lượng, lấy giấm chế
胡 椒	HỒ TIÊU	1 đồng
白 蘘	BẠCH PHÀN	4 —

Tán nhỏ, lấy giấm đánh vào bột kiêu và miếng nấu hồ làm hoàn, hoàn to bằng hạt ngô, mỗi lần nong 25 hoàn, uống với nước cháo.

胃 氣 痛

VỊ KHÍ THỐNG

(Đau hơi trong dạ dày)

Người bị đau hơi trong dạ dày, có khi không ăn uống được, hoặc ăn được mà không tiêu, làm đau, làm đầy, hoặc làm thổ làm tả. Đó là « Can mộc khắc Tỳ thổ ». Nên dùng :

白 芍	BẠCH THUỘC	2 đồng, sao
當 歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
柴 胡	SÀI HỒ	2 —
茯 苓	PHỤC LINH	2 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao

甘草 CAM THẢO 1 —
白芥子 BẠCH GIỚI TỬ 1 — sao

Lấy nước sắc uống. Nếu có hỏa gia CHI TỬ sao 2 đồng.

Không có hỏa, gia NHỤC QUẾ 1 đồng.

Thương thực, gia SƠN TRA 3 đồng.

Thương thực vì miễn, gia CHỈ XÁC 1 đồng, MẠCH NHA 1 đồng.

Có đàm, gia BÀN HẠ 1 đồng. Phương thuốc này có hỏa thì hay tán hỏa, có hàn thì hay khu hàn, rõ thật bệnh đau tay mặt (tỳ) mà là trị bệnh đau tay trái (can). Tức là trị tỳ mà là trị can.

Xét rằng : Bệnh đau tim đau bụng cả thảy có 9 loại, nhưng thực ra đều bởi Tâm bào lạc (màng tim). Vị hoản (lòng dạ dày), Đản trung (trước giữa lồng ngực) và bụng làm đau, chứ không có bệnh đau đúng con tim (chân tâm thống), nếu thật đau đúng con tim, chỉ một lúc là chết.

Cửu chủng tâm đông = bệnh đau tim có 9 loại :

- 1 — Trùng thống = đau vì trùng cắn.
- 2 — Chú thống = khi đau chỗ này, khi đau chỗ khác.
- 3 — Khí thống = đau vì hơi trong bụng nóng lạnh không đều.
- 4 — Huyết thống = đau vì máu ứ lại.
- 5 — Quý thống = đau vì run sợ.
- 6 — Thực thống = đau vì ăn phải chất độc hay tích lại.
- 7 — Âm thống = đau vì chất uống.
- 8 — Lãn thống = đau vì trong bụng lạnh.
- 9 — Nhiệt thống = đau vì trong bụng nóng.

Phân tách ra các chứng đau đều có khác nhau thì dùng thuốc đề trị cũng khác nhau,

Ví dụ :

Trùng thống thì môi trên có lở mà trong bụng khi đau khi ngọt, nên uống Ô MAI HOÀN (44).

Chú thống thì đau chạy vòng quanh trong bụng lại kèm cả nhức đầu, hoặc co rút người lại, hoặc nói nhảm, nên dùng TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN (45).

Khí thống thì hoặc đau bụng trên, đau bụng dưới, hoặc đau trước ngực, đau sau lưng, có khi vì gan, vì dạ dày, vì phổi, nên uống TẢ KIM HOÀN (46), hay BÌNH VỊ TÁN (47).

Huyết thống thì có hòn có cục trong bụng, nên uống ĐÀO NHÂN THANG (48), hay THẤT TIÊU TÁN (49).

Quý thống thì khi đau cho nắn bóp vào bụng, nên uống LÝ TRUNG THANG (25), hay DIỆU HƯƠNG TÁN (50).

Thực thống khi đau thì không dám cho nắn bóp vào bụng mà còn phát sốt, nên uống THỪA KHÍ THANG (8), hay BÌNH LANG HOÀN (51).

Âm thống thì khi đau thò ra nước trong, dưới hốc bụng lại nghe có tiếng nước rót ong óc, nên uống NHỊ TRẦN THANG (21), nếu đau nặng uống THẬP TÁO THANG (52).

Còn Lãnh thống và Nhiệt thống thì uống 2 phương thuốc kể trên trong mục Tâm phúc thống ở sách này.

Phó tiên sinh chép sách này, bỏ những câu phiền hà, mà viết những lời giản yếu, có ý vì những người ở làng xa, những xóm nhỏ mà đặt ra những chương mục dễ tìm hiểu hòng dùng trong những khi ốm đau cần cấp khỏi bị những tay Dung y ngộ nhận...



麻木

20. MA MỘC (53)



手麻木

THỦ MA, MỘC

(Da thịt tay tê cứng)

Da thịt tay bị tê tê, cứng cứng, cào cào không
ngừa không đau, bởi khí hư mà hàn thấp xâm nhập. Nếu
không trị, 3 năm sau ắt trúng đại phong. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
黃 芪	HOÀNG KỶ	5 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phân.
桂 枝	QUẾ CHI	5 —
甘 草	CAM THẢO	1 lạng

Lấy nước sắc uống.

手麻

THỦ MA

(Tay bị tê)

Mười ngón tay đều bị tê, mặt mày thất sắc. Đó
cũng là « khí hư ». Phép trị nên dùng BỒ TRUNG ÍCH
KHÍ THANG (23) gia MỘC HƯƠNG, MẠCH ĐÔNG,
KHƯƠNG HOẠT, HƯƠNG PHỤ, Ô DƯỢC, PHÒNG
PHONG, uống 3 thang có thể khỏi.

手足麻木

THỦ TÚC MA MỘC

(Tay và chân tê, cứng)

Cả tay và chân tê, cứng, uống TƯ VẬT THANG
(19) gia NHAN SÂM, BẠCH TRUẬT, PHỤC LINH, TRẦN

BÌ, BẢN HẠ, QUẾ CHI, SÀI HỒ, KHƯƠNG HOẠT,
PHÒNG PHONG, TẦN GIAO, NGƯU TẤT, CHÍCH THẢO.
KHƯƠNG, TÁO, lấy nước sắc uống, uống 4 thang khô.

木

MỘC

(Da thịt cứng như cây)

Mộc là da thịt cứng, cẩu cào không đau, không ngứa, không tê. Phạm những bệnh ấy là «thấp đàm và tử huyết». Nên dùng TỬ VẬT THANG (19) gia TRẦN BÌ, BẢN HẠ, PHỤC LINH, ĐÀO NHAN, HỒNG HOA, BẠCH GIỚI TỬ, CAM THẢO, TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẮP (54). Lấy nước sắc uống.

腿 麻 木

THOÁI MA MỘC

(Đùi bị tê cứng)

Đùi bị tê cứng. Nên dùng :

ĐẠO KHÍ TÁN 導氣散

黄 芪	HOÀNG KỶ	2 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 — 5 phân
青 皮	THANH BÌ	1 —
升 麻	THĂNG MA	5 phân
柴 胡	SÀI HỒ	5 —
歸 尾	QUY VĨ	5 —
澤 瀉	TRẠCH TẢ	5 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	31 hạt
陳 皮	TRẦN BÌ	8 phân
紅 花	HỒNG HOA	3 —

Lấy nước sắc uống nóng rất hay.

兩手麻困倦嗜卧
LƯƠNG THỦ MA KHÓN QUYỆN THỊ NGỌA
(Hai tay tê mỏi mệt muốn nằm)

Hai tay bị tê cả làm cho mỗi mệt chỉ muốn nằm.
Đó là « nhiệt thương nguyên khí » Nên dùng :

ÍCH KHÍ THANG 益氣湯

人參	NHAN SÂM	1 đồng (4)
甘草	CAM THẢO	1 —
黃芪	HOÀNG KỶ	2 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	30 hạt
柴胡	SÀI HỒ	7 phân
白芍	BẠCH THƯỢC	7 —

Sinh khương 3 phiến, đại táo 2 quả, lấy nước sắc uống nóng

浑身麻木
HÒN THÂN MA MỘC
(Khấp mình tê cứng)

Phạm những người toàn thân tê ma mộc bất nhân (53) tê cứng thái quá, 2 mắt đau, sợ nắng sợ sáng, dập dính khó mở, nhìn ra ngoài tối om mà lấp lánh như đom đóm. Nên dùng :

THẦN HIỆU HOÀNG KỶ THANG 神效黃芪湯

黃芪	HOÀNG KỶ	1 đồng
白芍	BẠCH THƯỢC	1 —
陳皮	TRẦN BÍ	5 phân
人參	NHAN SÂM	3 —

炙 草 CHÍCH THẢO 4 phân
蔓 荆 子 MÀN KINH TỬ 2 —

Lấy nước sắc uống. Nếu có nhiệt gia HOÀNG BÀ 3 phân.

麻 木 痛

MA MỘC THỐNG

(Tê cứng đau nhức)

Phong, hàn, thấp 3 khi hợp lại nung nấu ở khoảng lông da thớ thịt hoặc làm đau nhức, hoặc làm tê cứng. Nên dùng :

牛 膝 膠 NGƯU TẤT GIAO 2 lạng

南 星 NAM TINH 5 đồng

薑 汁 KHƯƠNG TRẮP (nước gừng tự nhiên) nửa chén

Cùng nấu thành keo, phết dán vào chỗ đau, hoặc gia KHƯƠNG HOẠT, NHŨ HƯƠNG, MỘT DƯỢC nữa càng hay. Dán cao rồi, lấy đế giầy cũ hơi nóng mà chườm lên trên,

足 弱

TỨC NHƯỢC

(Yếu chân)

Bệnh yếu 2 chân khó thể nhắc bước đi lại. Người ta bảo bởi « thận thủy hư » Ai biết đó bởi « khí hư » mà không thể vận động được. Nên dùng BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) gia :

牛 膝 NGƯU TẤT 3 đồng

金 石 斛 KIM THẠCH HỘC 5 —

人 參 NHÂN SÂM (4) bội dụng lên 3 đồng.

黃芪 HOÀNG KỶ bội dụng lên 1 lượng
Lấy nước sắc uống.

筋 縮
CÂN TÚC
(Gân co rút)

Phần gân và mạch trong thân thể người ta, không thể có bệnh. Nếu có bệnh thì gân co lại mà đau mình, mạch sáp lại mà nặng mình. Nhưng gân mà được thư thái bởi nhờ huyết hòa, mạch được bình hòa bởi nhờ khí đủ. Cho nên trị gân phải trị huyết trước, trị mạch phải trị khí trước.

Nay những người gân bị co rút, khúm lúm không đứng thẳng lên được đều là bệnh tại huyết. Nên dùng :

當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng
白 芍	BẠCH THUỘC	5 đồng, sao
慈 苧 仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
生 地	SINH ĐỊA	5 —
元 參	NGUYỄN SÂM	5 —
柴 胡	SÀI HỒ	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bởi dùng một vị SÀI HỒ vào trong phương thuốc bổ.

Hỏi rằng : gân có bệnh là bởi huyết thiếu/ nay dùng thuốc bổ huyết để trị bệnh gân là phải lắm rồi. Tại sao lại còn dùng SÀI HỒ ? — Bởi gan là chủ của gân, thì gân là huyết dư của gan, gân co lại tuy bởi can huyết mà cũng bởi can khí không thuận nên co lại. Nay dùng SÀI HỒ để thư tán uất khí cho gan. Uất khí đã trừ mà thêm vào đại tể để bổ huyết thì gân được nuôi dưỡng. hẳn là gân thư thái.

Xét rằng : Tay chân bị ma mộc là cái diễm phát trúng phong mà làm cho người khô khao, lệch về bên tả hay lệch về bên hữu, đều bởi đã tê bại từ ngón chân cái hay ngón tay cái trước. Vì rằng :

Kinh mạch ở thủ Thái âm Phế đi ra ngón tay cái, Phế tàng khí mà đi xuống phía tay phải, nay khí phạm bị hư thì bệnh phong lệch về bên phải.

Khi mạch ở túc Quyết âm Can đi ra ngón chân cái, Can tàng huyết mà đi lên phía tay trái, nay huyết phạm bị hư thì bệnh phong lệch về bên trái.

Cho nên tay chân mà bị ma mộc, hẳn là phải bỏ khí, bỏ huyết, mà phải đề phòng có thể « sẽ phát trúng phong mà chưa phát » đó.



腸 痛

21. HIẾP THỐNG

(Đau hốc bụng)



兩 腸 有 塊

LƯƠNG HIẾP HỮU KHỐI

(Hai bên hốc bụng đau có kết hòn)

Hốc bụng bên trái đau có kết hòn là « tử huyết », hốc bụng bên phải đau có kết hòn là « thực tích », khắp mình đau nhức mà gân xương khó phần cơ duỗi, miệng khát, mắt đỏ, đầu vàng. đàm đầy cổ, bụng không thông lợi, tiểu tiện sền mà đỏ, bệnh trạng đêm nặng hơn ngày, mà khắp mình ngứa lẫn tẩn như sâu bò, Người ta cho là « phong », Ai biết đó bởi « Thận khí suy mà nhiệt ». Phép trị nên dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia CHI TỬ, SÀI HỒ mới là phép trị đúng đắn. Uống 3 thang kiến hiệu.

左 腸 痛

TÀ HIẾP THỐNG

(Đau hốc bên trái)

Hốc bụng bên tay trái mà đau là « Can kinh thụ tà »

Nên dùng :

黃 連	HOÀNG LIÊN	2 đồng, nấu nước	NGÔ THƯ
			tâm sao.
柴 胡	SÀI HỒ	1 —	
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 —	
青 皮	THANH BÌ	1 —	
枳 仁	ĐÀO NHÂN	1 —	sao, bỏ vỏ, nghiền nát.

川 芎 XUYỀN KHUNG 8 phân
紅 花 HỒNG HOA 5 —

Lấy nước sắc uống, uống vào lúc đói. Nếu có
đàm gia TRẦN BÌ, BÁN HẠ.

右 脇 痛
HỮU HIẾP THỐNG
(Đau hốc bên phải)

Hốc bụng bên tay phải mà đau là « Phế kinh
thụ tà » Nên dùng :

片 姜 黄	PHIẾN KHƯƠNG HOÀNG	2 đồng
枳 壳	CHỈ XÁC	2 —
桂 心	QUẾ TÂM	2 phân
炙 草	CHÍCH THẢO	5 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 —
半 夏	BÁN HẠ	5 — chế

Lấy nước sắc uống. Nếu muốn uống nhiều thì thêm
số lượng.

左 右 脇 俱 痛
TẢ HỮU HIẾP CÂU THỐNG
(Hai bên tả hữu hốc bụng đều đau)

Hai hốc bụng bên tả bên hữu đều đau. Nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
青 皮	THANH BÌ	1 —
香 附	HƯƠNG PHỤ	1 —
龍 胆 草	LONG ĐÀM THẢO	1 — sao thật cháy.
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
川 芎	XUYỀN KHUNG	8 phân
枳 壳	CHỈ XÁC	8 —

甘草	CAM THẢO	3 phần
砂仁	SA NHÂN	5 —
木香	MỘC HƯƠNG	5 —

Thêm gừng 3 phiến. Lấy nước sắc uống.

兩 脇 走 注

LƯỠNG HIẾP TÁU CHÚ (A)

(Hai hốc bụng chạy thông nhau cùng đau)

Hai bên hốc bụng cùng đau, đau chỗ này chạy chỗ kia, khi chạy có tiếng kêu như nước rót ọc ạch róc rách. Đó là bởi « đàm ». Nên dùng : NHỊ TRẦN THANG (21) bỏ CAM THẢO, gia CHỈ XÁC, SA NHÂN, QUẢNG MỘC HƯƠNG, XUYỀN KHUNG, THANH BÌ, THƯƠNG TRUẬT, HƯƠNG PHỤ, HỒI HƯƠNG. Lấy nước sắc uống.

脇 痛 身 熱

HIẾP THÔNG THÂN NHIỆT (B)

(Hốc bụng đau, mình nóng)

Hốc bụng đau mà thân mình da thịt nóng, đó là » lao » Nên dùng : BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) gia XUYỀN KHUNG, BẠCH THƯỢC, THANH BÌ, SA NHÂN, CHỈ XÁC, HỒI HƯƠNG, bỏ HOÀNG KỶ. Lấy nước sắc uống.

Xét rằng : Thường thường những người đau trường hốc bụng mà lại khạc ra máu, đó là kinh huyết ứ trệ ở dưới hốc bụng. Hai phương thuốc (A và B) này khi dùng nên thêm ĐÀO NHÂN 7 nhân, KINH GIỚI TUỆ sao 8 phần càng hay.

脇 痛

HIẾP THỐNG

(Đau hốc bụng)

Bệnh đau hốc bụng này thuộc bệnh « gan », cho nên trị bệnh đau hốc bụng ắt phải bình Can, mà bình Can ắt phải bổ Thận. Vì Thận thủy có đủ thì Can khí mới được nuôi dưỡng. Như vậy bất tất phải trị hiệp thống mà hiệp thống tự nhiên bình. Nên dùng :

CAN THẬN KIỀM TỬ THANG 肝 腎 兼 資 湯

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lượng (12)
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
白 芍	BẠCH THƯỢC	2 đồng, sao
山 梔	SƠN CHI	1 — sao đen
山 茱	SƠN THỦ	5 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao
甘 草	CAM THẢO	3 —

Lấy nước sắc uống.

脇 痛 咳 嗽

HIẾP THỐNG KHÁI THÁU

(Hốc bụng đau lại ho)

Hốc bụng đau mà lại ho, thở gấp rút, mạch hoạt sắc là « đàm » kết lại làm đau.

瓜 蒌 仁	QUA LẬU NHÂN	2 đồng, bỏ vỏ, sao
枳 壳	CHỈ XÁC	2 —
青 皮	THANH BÌ	1 —
茵 香	HỒI HƯƠNG	5 phân
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 đồng

Lấy nước sắc uống.

濁 淋

22. TRỌC LÂM

(Bệnh đái ra mù, đái rắt)



二 濁 五 淋 辨

NHỊ TRỌC NGŨ LÂM BIỆN

(Phân tách 2 bệnh trọc, 5 bệnh lâm)

TRỌC (55) = đái ra mù. LÂM (56) = đái rắt, trọc và lâm nước đái đều đỏ, nhưng khác nhau bởi, bệnh trọc phần nhiều thuộc hư mà đái không đau buốt, bệnh lâm phần nhiều thuộc thực mà đái thì đau buốt.

Trọc và lâm đều thuộc nhiệt chứng. Trọc đái không đau buốt, đái khái bởi đàm thấp bị hãm ở dưới hiệp với tinh khí thoát ra. Lâm đái đau buốt đái khái bởi đàm đục quá độ, hỏa động lên rồi bại tinh đứng lại mà ra. Lâm và trọc phải trị riêng biệt không thể hỗn hợp mà trị được.

淋 症

LÂM CHỨNG

(Bệnh đái rắt)

Bệnh đái rắt nên dùng: NGŨ LÂM TÁN 五 淋 散

淡	竹	葉	DẠM TRÚC DIỆP	1	đồng
赤	茯苓		XÍCH PHỤC LINH	1	—
荆	芥	穗	KINH GIỚI TUỆ	1	—
	燈	心	ĐĂNG TÂM	1	—
車	前	子	XIA TIỀN TỬ	5	—

Lấy nước sắc uống.

濁 症
TRỌC CHỨNG
(Bệnh đái ra mù)

Bệnh đái ra mù nên dùng :

石 蓮 子	THẠCH LIÊN TỬ	2 đồng, 5 phân
人 參	NHÂN SÂM	2 — 5 phân (4)
炙 草	CHÍCH THẢO	2 —
赤 茯 苓	XÍCH PHỤC LINH	2 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — 5 phân, khứ tâm
黃 芪	HOÀNG KỶ	1 — 5 phân
地 骨 皮	ĐỊA CỐT BÌ	1 — 5 phân
車 前 子	XA THIÊN TỬ	1 — 5 phân
甘 草	CAM THẢO	5 phân

Lấy nước sắc uống.

陽 痿 不 倒
DƯƠNG CƯỜNG BẤT ĐẢO
(Dương vật cường không ngã)

Dương vật cứ cường, không mềm ngã xuống được. Đó là bởi hư hỏa bốc lên mà Phế khí thì không thể hạ hành để sinh thủy được, cho nên không mềm ngã. Nếu dùng TRI MAU, HOÀNG BÁ sắc mà uống thì sự cường đó tiêu tán tức thì. Nhưng từ đó, hàng năm cũng không thể làm sao cường khởi được nữa. Như vậy không phải là phép khéo trị. Nên dùng :

元 參	NGUYỄN SÂM	3 lạng
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
肉 桂	NHỤC QUẾ	3 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này rất khéo bởi dùng NGUYỄN SÂM để tả Thận hỏa mà NHỤC QUẾ dẫn ngay vào, MẠCH ĐÔNG trợ giúp Phế kim dẫn khí thanh hòa đi xuống để sinh Thận thủy. Khi thủy đủ, tự nhiên hỏa tắt, hỏa tắt dương tự nhiên ngã.

陽痿不舉

DƯƠNG NUY BÁT CỬ

(Dương vật yếu không cử)

Dương vật mềm yếu không thể cương được. Đó là bởi lúc bình nhật quá ư phóng táng, hằng ngày thoát tiết cái thủy ở trong Thận mà cái hỏa trong Thận cũng theo đó tiêu vong đi, vì thủy tiết thì hỏa cũng tiết là lẽ tất nhiên. Ví dụ : việc nấu ăn, hẳn rằng nồi soong trong bếp phải có nước rồi mới đem than lửa nấu cơm. Nếu không có nước, cứ đun nấu nồi soong không làm sao nó sôi. Như vậy nên dùng :

	熟地	THỤC ĐỊA	1 lượng (12)
	山茱	SƠN THỦ	4 đồng
	遠志	VIỄN CHÍ	1 —
	巴戟	BA KÍCH	1 — bỏ xương
肉	茯苓	NHỤC THUNG DUNG	1 —
	杜仲	ĐỔ TRỌNG	1 — sao
	肉桂	NHỤC QUẾ	2 —
	茯神	PHỤC THẦN	2 —
	白朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
	人參	NHÂN SÂM	3 — (4)

Lấy nước sắc uống.

尿血又便血
TỠ HUYẾT HỤ TIỆN HUYẾT

(Tiểu ra máu và đại ra máu)

Đại tiện ra máu thì máu ra đường hậu âm, tiểu tiện ra máu thì máu ra đường tiền âm, 2 bệnh cùng phát một lúc rất khó điều trị. Nhưng tóm lại máu đều ra ở phần dưới. Nên dùng ;

生地	SINH ĐỊA	1 lạng
地榆	ĐỊA DƯ	3 đồng

Lấy nước sắc uống. Cả 2 bệnh nhất tề đều khỏi. Bởi đại tiện, tiểu tiện tuy đều có kinh lạc riêng, nhưng chứng bệnh đều bởi Bảng quang nhiệt, SINH ĐỊA, ĐỊA DƯ đều hay thanh nhiệt ở Bảng quang, một phương thuốc mà trị được cả 2 bệnh, vì trong sự phân chia có sự hợp nhất.

疝氣

SÁN KHI (57)

(Thấp khi làm đau hòn dái)

Bệnh cảm thấp khi làm đau nhưc hòn dái kéo lên giây trắng. Nên dùng KHI LINH HOÀN : 去鈴丸

大茴香	ĐẠI HỒI HƯƠNG	1 cân.
生姜自然汁	NƯỚC GỪNG TỰ NHIÊN	1 cân.

Dem nước gừng tằm HỒI HƯƠNG 1 đem phơi khô lấy THANH ĐIÊM 2 lạng, trộn chung cùng sao vàng, tán nhỏ, lấy rượu luyện làm hoàn, to bằng hạt ngô, mỗi lần uống 30 hoàn, uống với rượu hay nước cháo.

腎子痛

THẬN TỬ THỔNG

(Quả ngoài thận đau)

Quả ngoài thận: đau nên dùng :

澤瀉	TRẠCH TẢ	1 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	5 --

赤	苓	XÍCH LINH	1 đồng
丹	皮	ĐƠN BÌ	3 —
小	茴	TIÊU HỒI HƯƠNG	3 —
枳	實	CHÍ THỰC	3 —
吳	茱	NGÔ THỦ	5 phân
蒼	朮	THƯƠNG TRUẬT	5 —
山	查	SƠN TRÁ	4 —
蘇	梗	TÔ NGẠNH	4 —

Thêm SINH KHƯƠNG 3 phiến, lấy nước sắc uống.

♣ Lại một phương trị đau ngoại thận :

ĐẠI HỒI HƯƠNG tẩm rượu sao, TIÊU HỒ HƯƠNG tẩm rượu sao, XÍCH THẠCH CHI đốt chín, QUẢNG MỘC HƯƠNG. Tất cả 4 vị (cân lượng bằng nhau, tùy ý nhiều ít) tán nhỏ. Lấy thịt Ô - MAI nghiền nát trộn thuốc tán làm hoàn, to bằng hạt ngô, mỗi lần uống 15 hoàn, uống vào lúc đói, uống với rượu, rất hay

偏 墜

THIÊN TRỤY

(Một hòn đá sưng to sa xuống)

Bệnh sưng một hòn đá sa xuống, hòn không sưng teo rút lên nên dùng TIÊU HỒI HƯƠNG, TRƯ LINH (cân lượng bằng nhau, tùy ý nhiều ít) tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 đồng, uống với chút nước muối pha loãng, uống lúc đói. Hay lấy muối rang thật nóng, lấy khăn gói lại mà chườm, cũng hay lắm. (Thuốc trị bệnh sưng hòn đá này bất luận sưng bên nào cũng đều hay cả).



雜方

23. TẠP PHƯƠNG

(Những phương thuốc lật vật)



病在上而求諸下

BỆNH TẠI THƯỢNG NHI CẦU CHƯ HẠ

(Bệnh ở trên mà tìm cách trị ở dưới)

Nhức đầu, đau mắt, ã tai, sưng má, nhất thiết những chứng ấy đều thuộc Thượng tiêu (3). Trừ những cách trị đúng phép như thuốc thanh lương, thuốc phát tán ra ngoài, người ta đều thúc thủ không có cách gì để trị, mà không biết còn có 3 phép trị sau đây. Ví dụ:

1. Đại-tiền táo kết, mạch trầm thực dùng ngay ĐẠI HOÀNG 3 đồng cân, tằm rượu sao, lấy nước sắc uống để cho hơi hạ (xổ nhẹ). Đó là phép « vũ để trừu tán » nghĩa là rút củi ra khi nồi nước trên bếp đang sôi mạnh.

2. Tiết tả, mạch trầm, lạnh chân, nên dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia NGƯU TẮT, XA TIỀN NHỤC QUẾ, nếu lạnh chân quá gia PHỤ TỬ. Vì dưới lạnh quá thì thúc bách cho hỏa bốc lên. Đó là phép « Đạo long nhập hải » nghĩa là dẫn rồng xuống biển.

3. Đại tiện như thường mà mạch vô lực, dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia NGƯU TẮT, XA TIỀN, cho uống để dẫn xuống. Đó là phép « dẫn hỏa quy nguyên » nghĩa là dẫn lửa về với nguồn gốc của nó.

病在下而求諸上

BỆNH TẠI HẠ NHI CẦU CHƯ THƯỢNG

(Bệnh ở dưới mà tìm cách trị ở trên)

Phạm trị những bệnh ở Hạ tiêu (3) đã dùng dùng

thuốc trị Hạ tiêu mà trị, không khỏi, nên theo phép trị Thượng tiêu mà trị. Ví dụ :

Chân sưng đau, mềm yếu vô lực, ống chân đau gối phá lở đỏ sưng, đã dùng những MỘC QUA, NGUU TẮT, Ý DĨ, PHÒNG KỶ, THƯƠNG TRUẬT, HOÀNG BÁ, mà không khỏi thì chắc là trung khí bị hạ hãm, thấp nhiệt chảy xuống, nên dùng BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) để thăng đề.

Chân mềm yếu không đi được mà ăn lại vẫn ăn được. Đó là « nuy chứng » (mềm yếu bủn rủn) bởi Thận suy nên thanh Phế nhiệt.

Bệnh tiết tả đã dùng những thuốc thực Tỳ lợi thủy mà không khỏi cũng nên dùng BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) bỏ ĐƯƠNG QUY, gia BẢO KHƯƠNG, THƯƠNG TRUẬT. Mạch tri gia NHỤC ĐẬU KHẤU, PHẢ CỒ CHỈ.

Đại ra máu đã dùng những thuốc lương huyết lợi thủy mà không khỏi. Nên dùng THANH TÂM LIÊN TỬ ẨM (58). Nếu chưa chỉ được gia THĂNG MA, SÀI HỒ.

Đại tiền ra máu đã dùng những thuốc chỉ huyết sáp huyết mà không khỏi. hoặc còn kèm cả tiết tả thì phải nhận xét ở mạch. Nếu mạch quan tay tả nhỏ (vi) hay là sắc đại vô lực, đó là Tỳ hư không nhiếp huyết, nên dùng LỤC QUẢN TỬ THANG (24) gia BẢO KHƯƠNG. Nếu mạch quan tay hữu trầm khẩn, đó là âm thực thương Tỳ mà không nhiếp huyết thì cũng LỤC QUẢN TỬ THANG (24) gia BẢO KHƯƠNG và TRÂM HƯƠNG 2 phân. Nếu mạch tay hữu hồng sắc, đó là thực nhiệt tại Phế nên thanh Phế như mấy vị MẠCH ĐÔNG, THIÊN HOA PHẤN, NGUYỄN SÂM, KHÔ CẨM, CÁT CÁN, NGŨ VỊ, CHỈ XÁC.

瘡毒

THƯƠNG ĐỘC = Bệnh lở ngứa làm độc. Nên dùng NHƯ THẦN THANG: NGÂN HOA, ĐƯƠNG QUY, BỒ CÔNG ANH mỗi thứ một lượng, KINH GIỚI, LIÊN KIỀU, mỗi thứ 1 đồng, CAM THẢO 3 đồng. Lấy nước sắc uống.

頭面上瘡

ĐẦU DIỆN THƯƠNG THƯƠNG = Bệnh lở trên đầu trên mặt. Nên dùng NGÂN HOA 2 lượng, ĐƯƠNG QUY 1 lượng, XUYỀN KHUNG, CAM THẢO mỗi thứ 5 đồng, CÁT CẢNH, BỒ CÔNG ANH mỗi thứ 3 đồng, HOÀNG CẨM 1 đồng, lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi hoàn toàn. Nên nhớ rằng bệnh lở đầu không thể dùng thuốc thang dễ, chỉ nên dùng thuốc giáng hỏa.

身上手足之瘡疽

THÂN THƯƠNG THỦ TỨC CHI THƯƠNG THU = Bệnh phát mụn lở ngứa khắp trên mình và tay chân, nên dùng NGÂN HOA, CAM THẢO, BỒ CÔNG ANH mỗi thứ 3 đồng, ĐƯƠNG QUY 1 lượng, NGƯU BÀNG TỬ 2 đồng, THIÊN HOA PHẤN 5 đồng, PHỦ DUNG DIỆP 7 lá (không có lá dùng gốc rễ), lấy nước sắc uống.

統治諸瘡

THỐNG TRỊ CHƯ THƯƠNG = Thuốc trị tất cả các loại bệnh lở ngứa: THIÊN HOA PHẤN, CAM THẢO, BỒ CÔNG ANH, NGÂN HOA, tùy dùng nhiều ít, lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi. Phương thuốc này là thuốc tiêu độc rất hay, tất cả các chứng ung thư bất luận ở bộ vị nào đều dùng được cả.

黃水瘡

HOÀNG THỦY THƯƠNG = Bệnh lở ngứa chảy nước vàng, nên dùng HÙNG HOÀNG, PHÒNG PHONG, nấu lấy nước mà rửa, mau khỏi.

手汗

THỦ HÃN = Bệnh ra mồ hôi tay, dùng HOÀNG KỶ, CAN CÁT mỗi thứ 1 lạng, KINH GIỚI, PHÒNG PHONG mỗi thứ 3 đồng, lấy nước sắc xông 2 hàn tay, khi gần nguội đổ ra ngâm rửa, vài ba lần khỏi.

飲砒毒

ÂM PHÊ ĐỘC = Ăn uống phải độc NHÂN NGÔN, dùng CAM THẢO SỐNG 3 lạng, sắc lấy 1 chén nước, hòa vào nửa chén tiết dê, quấy đều mà uống, thổ ngay ra được là khỏi. Nếu không thổ phải dùng ngay ĐẠI HOÀNG 2 lạng, CAM THẢO 5 đồng, BẠCH PHẦN 1 lạng, ĐƯƠNG QUY 3 lạng, lấy nước sắc lấy vài chén mà uống, uống vào đại tả ngay ra được là sống.

嚏噴法

XỊ PHỤN PHÁP = Phép dùng thuốc hắt hơi để trị bệnh trúng phong không nói được. Lấy BÁN HẠ sống tán nhỏ, lấy nước làm hoàn, hoàn nhỏ bằng hạt đậu xanh, nhét vào lỗ mũi, sẽ hắt hơi luôn luôn không ngừng là khỏi. Khi không muốn hắt hơi nữa, uống một vài miếng nước, sẽ thôi,

破傷

PHÁ THƯƠNG = Nhân bị thương rách thịt gãy xương chảy máu rồi mà phong hay vi trùng nhân chỗ hở ấy lọt vào làm méo mồm xéch mắt, co giật tay chân, tựa như trúng phong, gọi là phá thương phong. Dùng THUYỀN THOẢI (bỏ đầu, chân, đất, cho thật sạch) 5 đồng, tán nhỏ, lấy 3 chén rượu đun nóng lên, hòa thuốc tán vào, quấy đều mà uống sẽ khỏi.

瘋狗咬傷

PHONG CẦU GIÁO THƯƠNG = Thuốc trị bệnh chó điên cắn, cắt móng tay, sấy vàng, tán nhỏ, hòa với rượu nóng mà uống, ra được mồ hôi, sẽ khỏi. Cấm việc phòng dục 100 ngày.

小兒科
TIỂU NHI KHOA
(*Khoa trị bệnh trẻ em*)



小兒科

24. TIỂU NHI KHOA

(Khoa trị bệnh trẻ em)

Xét rằng : Khoa TIỂU NHI từ xưa không có đặt riêng một khoa. Kể từ đời Đường có Tôn - Chơn - Nhân làm sách Thiên - Kim - Phương tuy lấy việc trị bệnh Phụ - Nhân và Tiểu Nhi làm trọng, mà phương trị bệnh TIỂU NHI vẫn chép ở phần cuối. Đời nay một số người dám chép ẤU KHOA DANH MỤC, hễ động nói bệnh gì cũng rằng kinh phong, rồi bán phân lăm về thuốc khư phong khác phạt, bán phân lăm về cách chườm bóp châm cứu. Nay Phó Tiên Sinh ra đời, so với Tôn - Chơn - Nhân xưa, cách nhau ngàn đời mà sự sắp đặt cùng một đường lối. Sách Nữ - Khoa, Tiên Sinh chép đã đầy đủ, rồi mới chép đến Khoa Tiểu - Nhi. Khoa Tiểu - Nhi này chỉ có mấy phương, tuy ý nghĩa giản lược mà lời nói bao gồm, đủ để gìn giữ sức khỏe trẻ thơ. Chỉ có mỗi một điều nói về cấp kinh và màn kinh thì Ngu này không dám bình luận.

☞ SẮC = XEM SẮC MẶT — Xem sắc mặt tiểu nhi, chỗ trên sống mũi, khoảng giữa 2 con mắt :

Sắc đỏ hồng là Tâm nhiệt.

Gàn đỏ băng ngang hay chạy dọc hiện ra chỗ trên sống mũi cũng đều là Tâm - nhiệt.

Sắc tím tím là Tâm nhiệt cực mà Phế cũng nhiệt.

Sắc xanh là Gan có phong.

Gàn xanh hiện ra ngang dọc là Gan nhiệt (chạy dọc là phong thượng hành, chạy ngang là phong hạ hành).

Sắc đen là phong nhiều mà trong Thận lạnh.

Sắc trắng là Phổi có đàm.

Sắc vàng là Tỳ Vị hư hay làm ỉa chảy.

Nhất nhất cứ xem sắc mặt mà biết được bệnh trẻ em.

脉 **MẠCH** = **XEM MẠCH** — Xem mạch trẻ em khác với xem mạch người lớn.

Mạch người lớn xem 3 bộ : Thối, Quan, Xích. Xem mạch trẻ em thì không thế, chỉ để đọc một ngón trở của mệnh vào « thốn khẩu » (34) của trẻ em, xem tổng quát về sắc hay không sắc mà thôi. Sắc phần nhiều thì nhiệt, không sắc thì hàn. Trong sắc mà phù là thuộc phong, trầm là thuộc hàn, hoãn là thuộc thấp, sáp là thuộc nhiệt tà, hoạt là có đàm, đang chạy mà có cái ngưng là đau bụng. Xem mạch trẻ em chỉ thế mà thôi, ngoài ra bắt tất phải bàn thêm.

三 關 **TAM QUAN** = **XEM BA BẠC CHỈ TAY** — Trẻ em khi có bệnh xem chỉ tay, nhiều người nói xem **HỒ KHẨU**. Xem **HỒ KHẨU** trẻ em ở ngón tay trở 2 tay (nam tả, nữ hữu). Ngón tay trở có đường chỉ nằm trong làn da, đường chỉ ấy trông sang phía ngón tay cái. 3 đốt ngón tay trở gọi là tam quan. Phong quan, Khí quan, Mạnh quan. Trong khi có bệnh, chỉ tay mọc lên tới phong quan (đốt trong) là bệnh thường, chỉ tay mọc lên tới khí quan (đốt giữa) là bệnh nặng, nếu chỉ tay mọc lên tới hết Mạnh quan (đốt ngoài cùng, trên đầu ngón tay) là bệnh nan trị. (xem chỉ tay tựa như xem hàn thử biểu). Nói về màu sắc chỉ tay : tím tím là nhiệt, hồng hồng là hàn, xanh là kinh phong, trắng là Can kinh phong, đen là tử chứng. Nếu không có bệnh gì mà vẫn khỏe mạnh, xem chỉ tay chẳng có gì cả, chỉ như chỗ thịt thường.

不 食 乳 **BÁT THỰC NHŨ** = **BỎ VŨ** — Trẻ em không chịu ăn sữa tức là nó bỏ vú. Bỏ vú là tâm nhiệt, lấy sữa cho vào chút hành đun sôi lên cho uống cũng hay. Nếu không lấy 3 phần **HOÀNG LIÊN** nấu nước cho uống, uống ít chút một, uống vài lần sẽ bú, rất là thần hiệu.

騰 不 乾 TÈ BÁT CAN = RỒN KHÔNG KHÔ
— Trẻ thơ rốn ướt không khô sẽ lâu rụng, lâu rụng
sợ làm bệnh tè phong. Lấy XA TIỀN TỬ sao cháy tán
nhỏ, rắc vào rốn, sẽ mau khô.

山 根 SƠN CĂN = XEM BỘ VỊ SƠN CĂN —
(Bộ vị sơn - căn ở chỗ gãy nơi sống mũi, khoé mắt
bên này chạy sang khoé mắt bên kia).

Xem bộ vị Sơn căn :

Gân xanh nổi lên chạy dọc là « Can-nhiệt » nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	3 phân
半 夏	BÁN HẠ	3 — chế
白 芍	BẠCH THUỘC	1 đồng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	1 — bỏ vỏ
當 歸	ĐƯƠNG QUY	5 phân
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
山 查	SƠN TRÁ	3 miếng, sao
甘 草	CAM THẢO	1 phân

Lấy nước sắc cho uống.

Gân xanh hiện ra chạy ngang, cũng là « Can-nhiệt »
(chạy dọc là phong thượng hành, chạy ngang là phong
hạ hành) nên dùng nguyên phương kể trên, gia MẠCH
NHA sao 1 đồng, CÀN KHƯƠNG 1 phân, SÀI HỒ bội
lên 2 phân. Lấy nước sắc cho uống.

Gân đỏ hiện ra chạy dọc là « Tâm-nhiệt », cũng
dùng nguyên phương kể trên, gia HOÀNG-LIÊN 1 phân,
MẠCH ĐÔNG khừ tâm 5 phân, bỏ BÁN HẠ làm TANG
BẠCH BÍ 2 phân, THIÊN HOA PHẤN 2 phân. Lấy nước
sắc cho uống.

Gân đỏ hiện ra chệnh chéo, cũng là « Tâm-nhiệt »
cũng dùng nguyên phương kể trên, gia HOÀNG-LIÊN 2

phân. Nếu nhận thấy có nhiệt tích ở trong bụng, bỏ BAN HẠ, dùng TANG BẠCH BỈ 2 phân, THIÊN HOA PHIẾN 2 phân. Lấy nước sắc cho uống.

*Gân vàng hiện ra, bất luận ngang dọc, đều là bệnh ở «Tỳ Vị» hoặc làm thổ, hoặc làm tả, đau bụng, không thêm ăn. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 phân, sao
白 苓	BẠCH LINH	5 —
陳 皮	TRẦN BÌ	2 —
人 參	NHÂN SÂM	2 — (4)
麥 芽	MẠCH NHA	2 — sao
神 曲	THẦN KHÚC	1 — (1)
甘 草	CAM THẢO	1 — nướng
淡 竹 葉	ĐẠM TRÚC DIỆP	7 —

Lấy nước sắc cho uống. Có đàm gia BẠN HẠ 1 phân, BẠCH GIỚI TỬ 2 phân. Khát nước mà nóng, gia MẠCH ĐÔNG khứ tâm 3 phân, HOÀNG CẨM sao 1 phân. Bụng lạnh gia CẦN KHƯƠNG 1 phân. Thổ gia BẠCH ĐẬU KHẨU bỏ vỏ, 1 hạt. Tiết tả gia TRƯ LINH 2 phân. Đau bụng, lấy tay ấn vào bụng, khóc to lên là thương thực gia ĐẠI HOÀNG sao 3 phân, CHỈ THỰC 1 phân. Đau bụng lấy tay ấn vào bụng, nằm yên, không kêu khóc là hàn gia CẦN KHƯƠNG 3 phân. Nếu rõ đầu mình có phát sốt nóng, không thể cho uống phương thuốc này.

發 熱 PHÁT NHIỆT = BỆNH PHÁT NÓNG — Trẻ em phát nóng sốt bất luận sớm chiều, đều nên dùng :

VẠN TOÀN THANG : 萬全湯

桑 葉	SÀI HỒ	3 phân
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
黃 芩	HOÀNG CẨM	3 — sao

神 曲	THẦN KHÚC	3 phân (r)
白 芍	BẠCH THUỘC	3 đồng, sao
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khừ tâm
當 歸	ĐƯƠNG QUY	5 phân
白 苓	BẠCH LINH	2 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
蘇 葉	TÔ DIỆP	1 —
山 查	SƠN TRƯA	3 miếng

Lấy nước sắc cho uống. Về mùa đông gia MA HOÀNG 1 phân, mùa hạ gia THẠCH CAO 3 phân, mùa Xuân gia THANH CAO (2) 3 phân, mùa thu gia CÁT CẢNH 3 phân. Thương thực gia CHỈ XÁC 3 phân. Có đàm gia BẠCH GIỚI TỬ 3 phân. Thở gia BẠCH ĐẬU KHẤU bỏ vỏ 1 hạt. Tiết tả gia TRƯ LINH 1 đồng,

Bệnh nóng sốt của trẻ em, chẳng qua chỉ dùng thể mà thôi, không thể lấy thuốc kinh phong mà trị được. Nếu thật có kinh phong, gia NHÂN SÂM 5 phân, rất hay như thần.

Phạm trẻ em nóng sốt có cơn trào, hay là như nóng sốt rét. hay là tích nhiệt ở trong bụng, đều bởi «tỳ tích». Nên dùng SÀI HỒ, NHÂN SÂM, HOÀNG CẨM, TẦN GIAO, CAM HẢO, THANH CAO (2) mỗi thứ 1 phân, SINH ĐỊA 1 miếng nhỏ, tầm nước đồng tiện phơi khô, BẠC HÀ 2 lá, LÊ sống 1 miếng nhỏ, NGÓ SEN một phiến, lấy nước sắc cho uống rất hay.

感 冒 風 寒 CẢM MẠO PHONG HẠN =
CẢM PHẢI GIÓ LẠNH — Trẻ em cảm gió lạnh nên dùng SÀI HỒ 5 phân, BẠCH TRUẬT 1 đồng, sao, BẠCH THUỘC 1 đồng, sao, BẠCH LINH 3 phân, CAM THẢO nướng 3 phân, BẮN HÀ chế 3 phân, TRẦN BÌ 2 phân, ĐƯƠNG QUY 8 phân. Lấy nước sắc cho uống.

驚 風 KINH PHONG

Bệnh kinh sợ lam phong. Người đời hễ động thấy trẻ em máy miệng, máy mắt, co giật tay chân liền bảo ngay là kinh phong. Nào có hay trẻ em chỉ có bệnh kinh, không có bệnh phong. Vì trẻ em là thể chất thuần dương, dương vượng thì nội nhiệt, nội nhiệt thì sinh đàm hỏa, đàm hỏa mạnh quá thì sinh phong (méo miệng, xêch mắt, uốn mình, lắc đầu, co tay giật chân). Cái phong ấy là nội phong, không phải ngoại phong. Bệnh nội phong mà dùng thuốc ngoại phong để trị là mau đến chỗ chết. Nên dùng :

THANH HỎA TÁN PHONG THANG 清火散風湯

白 朮	BẠCH TRUẬT	3 phân, sao
梔 子	CHI TỬ	3 — sao đen
白 苓	BẠCH LINH	2 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	1 phân
甘 草	CAM THẢO	1 —
半 夏	BÁN HẠ	1 — chế
白 芍	BẠCH THUỘC	1 đồng, sao
柴 胡	SÀI HỒ	5 phân

Lấy nước sắc cho uống. Phương thuốc này là thuốc thánh đề bình Can kiện Tỳ. Can mà bình thì hỏa tán, Tỳ mà kiện thì phong diệt. Nhất quyết không thể đem phong dược mà phát tán dược.

Phàm những loại kinh phong đều thuộc khí hư, nên dùng AP PHONG THANG : 壓 風 湯

人 參	NHÂN SÂM	5 phân (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
神 曲	THẦN KHÚC	5 — (1)
甘 草	CAM THẢO	3 —

半	夏	BÁN HẠ	3 phân chế
硃	砂	CHU SA	3 —
茯	神	PHỤC THẦN	1 đồng
砂	仁	SA NHÂN NHỤC	3 phân.
陳	皮	TRẦN BÌ	1 —

Đề CHU SA ra ngoài. Lấy nước sắc, khi được mài CHU SA vào thuốc cho uống. Phương thuốc này nếu trị màn kinh phong thì gia HOÀNG KỶ 5 phân.

痢疾 LY TẬT = BỆNH LY — Trẻ em mắc bệnh ly nên dùng :

當	歸	ĐƯƠNG QUY	1 đồng
白	芍	BẠCH THUỘC	1 — sao
黃	連	HOÀNG LIÊN	2 phân
枳	壳	CHỈ XÁC	5 —
楝	榔	BINH LANG	5 —
甘	草	CAM THẢO	3 —

Lấy nước sắc, để âm ấm cho uống. Nếu hồng ly bội HOÀNG LIÊN Bạch ly gia TRẠCH TỬ 3 phân, đau bụng bội CAM THẢO, BẠCH THUỘC, nước tiểu đỏ gia MỘC THÔNG 3 phân, ly ra như nước đậu gia BẠ H TRUẬT 1 đồng, Thương thực gia SƠN TRÁ 3 phân, MẠCH NHA sao 3 phân, khi hư gia NHÂN SÂM 3 phân.

熱瀉 NHIỆT TẢ = BỆNH TẢ THUỘC NHIỆT — Trẻ em ỉa chảy, mình nóng như lửa, miệng khát lưỡi khô, cho nước lạnh thì uống mà nước nóng thì sợ. Nên dùng :

TẢ HỎA CHỈ TẢ THANG: 瀉火止瀉湯

車	前	子	XÀ TIỀN TỬ	2 đồng, sao
白	苓		BẠCH LINH	1 —

白芍	BẠCH THUỘC	1 đồng, sao
麥芽	MẠCH NHA	1 — sao
黃連	HOÀNG LIÊN	3 phân, sao
豬苓	THƯ LINH	3 —
澤瀉	TRẠCH TÁ	5 —
枳殼	CHỈ XÁC	2 —

Lấy nước sắc uống.

寒瀉 HÀN TÁ = BỆNH TÁ THUỘC HÀN —
 Bệnh tả thuộc hàn lạnh này hẳn là có đau bụng mà muốn nắn bóp vào bụng, miệng không khát, mà lưỡi nhàn, cho nước nóng thì uống mà nước nguội thì sợ. Nên dùng :

TÁN HÀN CHỈ TÁ THANG 散寒止瀉湯

人參	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
白苓	BẠCH LINH	2 —
肉桂	NHỤC QUẾ	2 phân
乾姜	CÀN KHƯƠNG	2 —
甘草	CAM THẢO	1 —
砂仁	SA NHÂN NHỤC	1 —
神肉	THẦN KHÚC	5 — (1)

Lấy nước sắc cho uống.

吐病 THO BỆNH = BỆNH THỒ — Trẻ em mắc bệnh ọạ mửa, tuy bởi « vị khí yếu » nhưng cũng bởi « tý khí hư ». Trẻ em khi ăn chưa biết gìn giữ, gặp thức ăn ngon, ăn đến no quá, không thể tiêu hóa kịp, lâu rồi xung lên thực quản mà thồ ra. Nên dùng :

CHỈ THỒ TỐC HIỆU THANG 止吐速效湯

人參	NHÂN SÂM	1 đồng. (4)
白芍	BẠCH THUỘC	1 — sao

砂仁肉	SA NHÂN NHỤC	1 đồng
白苓	BẠCH LINH	1 — sao
陳皮	TRẦN BÌ	2 phân
麥芽	MẠCH NHA	5 — sao
半夏	BÁN HẠ	1 —
乾姜	CÀN KHƯƠNG	1 —
山查	SƠN TRÁ	1 — sao

Lấy nước sắc cho uống.

咳嗽 KHÁI THẤU = BỆNH HO — (Khái = ho khan, Thấu = ho có đàm) Trẻ em ho, nên dùng TÔ DIỆP 5 phân, CÁT CẢNH 1 đồng, CAM THẢO 1 đồng, lấy nước sắc cho uống. Nếu có đàm gia BẠCH GIỚI TỬ sao 5 phân rất hay.

疳 症 CAM CHỨNG = BỆNH CAM — Trẻ em bị bệnh cam là bởi « Tỳ nhiệt » mà cũng bởi « Tâm nhiệt » làm cho miệng chảy dãi. Phép trị nếu không bình Tâm hỏa thì Tỳ hỏa càng vượng, Tỳ hỏa vượng thì thấp nhiệt càng nung nấu mà bốc lên, nước dãi càng chảy ra không chỉ được. Nên dùng :

桑白皮	TANG BẠCH BÌ	1 đồng
黃連	HOÀNG LIÊN	3 phân
薄荷	BẠC HÀ	3 —
半夏	BÁN HẠ	3 —
茯苓	PHỤC LINH	2 đồng
甘草	CAM THẢO	1 phân

Lấy nước sắc cho uống. Phương thuốc này là thuốc thánh để thanh Tâm thanh Tỳ, Thanh Tâm Tỳ tức là dẫn hỏa hạ hành thì bệnh cam sẽ hết.

口疳流水，口爛神方
KHẨU CAM LƯU THỦY, KHẨU LẠN THẦN
PHƯƠNG = PHƯƠNG THUỐC THẦN TRỊ MIỆNG CHẢY

DÃI, LỠ MIỆNG — Phương thuốc thần trị bệnh trẻ em bị cam miệng chảy dãi, chảy tới đầu, lở tới đó. Dùng **HOÀNG BẢ** 2 đồng, **NHÂN SÂM** (4) 1 đồng, 2 thứ tán nhỏ, bôi trong miệng, mỗi ngày vài lần sẽ khỏi. Phương thuốc này **HOÀNG BẢ** khử hỏa, **NHÂN SÂM** kiện tỳ. Người lớn mắc bệnh này dùng cũng hay.

疳 症 瀉 痢, 眼 障 神 效 方

CAM CHỨNG TẢ LY, NHÃN CHƯỞNG THẦN HIỆU PHƯƠNG = *PHƯƠNG THUỐC THẦN HIỆU TRỊ BỆNH CAM LÀM TẢ LY, CỘM MẮT* — Trẻ em cam làm tả chảy, làm kiết lý, làm cộm mắt. Dùng :

石	决	明	THẠCH QUYẾT MINH	1 lượng, tầm giám, đốt
	炭	會	LÒ HỘI	1 đồng
	川	芩	XUYÊN KHUNG	5 —
白	疾	梨	BẠCH TẬT LÊ	5 — sao, bỏ gai
胡	黄	連	HỒ HOÀNG LIÊN	5 —
五	靈	脂	NGŨ LINH CHI	5 — sao
	細	辛	TỂ TÂN	1 —
殺	精	草	CỐC TINH THẢO	5 —
	甘	草	CAM THẢO	3 —
	菊	花	CÚC HOA	4 —

Tất cả tán nhỏ, dùng một miếng gan heo, lược chín, bỏ gân, giã nát, trộn thuốc làm hoàn, hoàn bằng hạt ngô, sấy khô, mỗi lần uống vài chục hoàn, uống với nước cháo, Uống lúc nào cũng được. Thuốc này trị cam rất thần hiệu.

瘧 疾 **NGƯỢC TẬT** = *BỆNH SỐT RÉT* (làm cũ)

Bệnh sốt rét (lạnh một lúc rồi nóng) nên dùng :

禁	胡	SÀI HỒ	6 phân
白	朮	BẠCH TRUẬT	1 đồng, sao

白 苓	BẠCH LINH	1 đồng
歸 身	QUY THÂN	1 —
白 芍	BẠCH THUỘC	1 — 5 phân, sao
半 夏	BÁN HẠ	5 phân
青 皮	THANH BÌ	5 —
厚 朴	HẬU PHÁC	5 —

Lấy nước sắc, khi được, đem nước thuốc phơi sương một đêm, sớm mai, đun nóng lên, cho uống.

Nếu nóng nhiều hơn lạnh gia NHÂN SÂM, HOÀNG KỶ mỗi thứ 5 phân. Lạnh nhiều hơn nóng gia CÁN KHƯƠNG 3 phân. Lắm đàm gia BẠCH GIỚI TỬ 1 đồng. Nóng về đêm gia HÀ THỦ Ô, THỰC ĐỊA mỗi thứ 2 đồng, đau bụng gia BINH LANG 3 phân.

便 蟲 TIỆN TRÙNG = BỆNH ĐẠI TIỆN RA GIUN — Trẻ em đại tiện ra giun. Dùng PHỈ TỬ 5 quả, bỏ vỏ sao khô, CAM THẢO 3 phân, tán nhỏ, luyện với hồ làm hoàn, hoàn to bằng hạt ngô, ngày uống 2 lần, trẻ em 2 tuổi mỗi lần 3 hoàn, 6 tuổi mỗi lần 10 hoàn. Uống với nước cháo. Uống lâu ngày trùng hóa ra nước theo đại tiện ra hết.

積 蟲 TÍCH TRÙNG = TRONG BỤNG TÍCH GIUN — Trẻ em to bụng có những giun tích tụ ở trong, nên dùng SỬ QUẢN TỬ 10 phân, sao bỏ màng, PHỈ TỬ 10 nhân, sao bỏ vỏ, BINH LANG, CAM THẢO mỗi thứ 1 đồng, tán nhỏ, luyện với hồ làm hoàn, hoàn bằng hạt ngô, sấy khô, mỗi lần uống 10 hoàn, uống 2 ngày, giun ra, uống 5 ngày khỏi hoàn toàn.

痘 症 回 毒 或 疔 腫

ĐẬU CHỨNG HỒI ĐỘC HOẶC ĐINH THŨNG
= BỆNH ĐẬU ĐÃ BAY RỜI, LÊN UNG HAY LÊN ĐINH — Trẻ em mọc trái, trái đã bay rồi, lên ung

độc và sưng đĩnh. Nên dùng NGÂN HOA 5 đồng, NHÂN SÂM 2 đồng, CAM THẢO, NGUYỄN SÂM mỗi thứ 2 đồng, lấy nước sắc cho uống.

痘瘡壞症已黑

ĐẬU THƯƠNG HOẠI CHỨNG DĨ HẮC = MỤN ĐẬU PHÁ LỖ, MỤN LỖ ĐÃ ĐEN — Trẻ em lên trái, lúc trái bay đã hết, có những mụn phá thành mụn lở loét mà đã đen cả lại, còn sinh ra lắm chứng bệnh khá sợ nữa. Người ta đã toan bỏ không dám trị. Vậy mà cho uống phương thuốc sau đây, thuốc xuống khỏi cở lại sống :

人 參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
荆 芥 花	KINH GIỚI HOA	1 —
煅 退	THIÊN THOẠI	5 phân
元 參	NGUYỄN SÂM	2 đồng
當 歸	ĐƯƠNG QUY	2 —

Lấy nước sắc cho uống. Bệnh này bởi nguyên khí suy nhược mà hỏa không thể phát viêt ra được, cho nên dùng NHÂN SÂM để bổ nguyên khí, NGUYỄN SÂM để khử cái hỏa phù du, TRẦN BÌ để khử đàm khai vị thì SÂM không làm trở ngại mà lại tương đắc, KINH GIỚI để phát viêt và dẫn hỏa quy kinh. ĐƯƠNG QUY để tiêu ứ huyết, thay huyết cũ, sinh huyết mới, THIÊN THOẠI để giải độc trừ phong. Người đời sao biết diệu pháp ấy. Thuốc này khi trái mới phát không uống được, chỉ những khi hoại chứng như trên mới uống được.

急慢風 **CẤP, MÀN PHONG = THUỐC TRỊ BỆNH CẤP KINH PHONG, MÀN KINH PHONG** (cấp kinh phong = kinh sợ làm phong cấp kỳ. Màn kinh phong = kinh sợ làm phong chậm chạp). Thuốc này trị cấp kinh, màn kinh đã 3, 6, 9 ngày và nhất thiết các chứng phong đều trị được cả.

陳	膽	星	TRẦN ĐÀM TINH	3 đồng
	雄	黃	HÙNG HOÀNG	3 —
	休	砂	CHU SA	3 —
	人	參	NHÂN SÂM	3 —
	茯	苓	PHỤC LINH	3 —
天	竺	黃	THIÊN TRÚC HOÀNG	3 —
	勾	藤	CÂU ĐÀNG	3 —
	牛	黃	NGƯU HOÀNG	1 —
	麝	香	XẠ HƯƠNG	1 —
	蘇	合	UẤT KIM	3 —
	柴	胡	SÀI HỒ	3 —
	青	皮	THANH BÌ	2 —
	甘	草	CAM THẢO	2 —

Trừ HÙNG HOÀNG, CHU SA, NGƯU HOÀNG, XẠ HƯƠNG 4 vị đều tán riêng, tán nhỏ, xong để riêng. Còn các vị kia cũng tán chung, tán nhỏ, xong, đổ vào xoong, cho chút nước, bắc lên bếp, đun nhỏ lửa, sào cho chín, cho dẻo đều, đem ra trộn 4 vị thuốc tán trên vào, luyến thành keo mà hoàn, hoàn nhỏ hơn hạt đậu xanh, lấy tờ giấy trắng vàng thật làm áo, Phơi trong chỗ hơi có nắng mà không có gió, để khỏi bay hương thuốc. Mỗi khi uống, nấu nước bạc hà, mài 10 hay 15 hoàn cho uống.

治 火 丹 神 方

TRỊ HỎA ĐƠN THẦN PHƯƠNG = PHƯƠNG THUỐC THẦN TRỊ BỆNH ĐƠN NÓNG — Trẻ em phát nóng, phát ban đỏ từng quầng, nóng, khó chịu, gọi là bệnh đơn độc. Nên uống:

TY QUA TỬ, NGUYÊN SÂM mỗi thứ 1 lượng, SÀI HỒ, THĂNG MA mỗi thứ 1 đồng, ĐƯƠNG QUY 5 đồng, lấy nước sắc cho uống.

◆ Lại một phương, cũng trị bệnh trên :

THĂNG MA, THANH CAO (2), HOÀNG KỶ mỗi thứ 3 đồng, NGUYỄN SÂM 1 lượng, CAN CÁT 3 lượng, lấy nước sắc cho uống,

Xét rằng : 2 phương thuốc này trị hỏa đơn cho người lớn, đã chép nơi mục hỏa chứng ở trên. Nay lại chép ở đây vì trẻ em uống cũng hay, nên mới chép nữa. Nhưng trẻ em nên bớt cân lượng.

Phương thuốc này hay bởi dùng THANH CAO để bình cả Can hỏa và Vị hỏa, lại nhờ có mấy vị thuốc kia để thanh nhiệt mà vị nào cũng dùng nhiều thì hỏa làm sao mà không diệt hết.

• HẾT •

附註男科
PHỤ CHÚ NAM KHOA
của
DỊCH GIẢ
⊗

PHỤ CHÚ NAM KHOA

của

DỊCH GIẢ



- 1 — THẦN KHÚC
- 2 — THANH CAO
- 3 — THƯỢNG TIÊU
- 4 — NHÂN SÂM
- 5 — QUYẾT NGHỊCH
- 6 — TAM HOÀNG THANG
- 7 — BÁT VỊ THANG
- 8 — ĐẠI THỪA KHÍ THANG
- 9 — LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG
- 10 — DŨNG TUYỀN HUYỆT
- 11 — THIẾU THƯƠNG HUYỆT
- 12 — THỰC ĐỊA
- 13 — ĐƠN ĐỘC
- 14 — SA CHÀN
- 15 — TIÊU SÀI HỒ THANG
- 16 — QUAN CÁCH
- 17 — LAO SÁI
- 18 — BÁT TRẦN THANG
- 19 — TỬ VẬT THANG
- 20 — VONG DƯƠNG
- 21 — NHỊ TRẦN THANG
- 22 — KÝ TẾ
- 23 — BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG
- 24 — LỤC QUẢN TỬ THANG
- 25 — NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT, PHỤ TỬ THANG
- 26 — TỬ QUẢN TỬ THANG
- 27 — QUY TỶ THANG
- 28 — SINH MẠCH THANG

- 29 — ĐỘC SÂM THANG
- 30 — XẠ CAN THANG
- 31 — TIÊU ĐAO TÁN
- 32 — TỬ MA THANG
- 33 — TỬ THẤT THANG
- 34 — THÓN KHẦU
- 35 — NGŨ BÌ TÁN
- 36 — NGŨ LINH TÁN
- 37 — BIỀU LÝ
- 38 — MẠCH NHÂM, MẠCH XUNG
- 39 — MẠCH ĐỐC
- 40 — BẠCH HỒ THANG
- 41 — CHINH XUNG KINH QUỶ
- 42 — ÔN ĐÀM THANG
- 43 — KHỔNG DIÊN ĐƠN
- 44 — Ô MAI HOÀN
- 45 — TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN
- 46 — TẢ KIM HOÀN
- 47 — BÌNH VỊ TÁN
- 48 — ĐÀO NHÂN THANG
- 49 — THẤT TIỂU TÁN
- 50 — DIỆU HƯƠNG TÁN
- 51 — BINH LANG HOÀN
- 52 — THẬP TÁO THANG
- 53 — MA, MỘC, BÁT NHÂN, BÁT DỤNG
- 54 — TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRÁP
- 55 — TRỌC
- 56 — LÂM
- 57 — SƠN KHÍ
- 58 — THANH TÂM LIÊN TỬ ÂM
- 59 — ĐỊA LẠT PHẤN

PHỤ CHỦ NAM KHOA

CỦA

DỊCH - GIẢ



1. **THẦN KHÚC** — (Xem số 23 ở phụ chú Nữ-Khoa).
2. **THANH CAO** — (Xem số 36 ở phụ chú Nữ -Khoa)
3. **THƯỢNG TIÊU** 上焦 — Thượng tiêu là 1 trong Tam tiêu. Tam tiêu không có hình thể riêng biệt, chỉ là một đường khí đạo vô hình để dẫn thủy đạo cho toàn thân. Tam tiêu có Thượng tiêu, Trung tiêu và Hạ tiêu. Thượng tiêu ở trên vị quản, chỉ có việc thu vào mà không dẫn ra. Trung tiêu ở giữa vị hoản chủ về việc làm chín nát thức ăn. Hạ tiêu ở đầu cuống trên của Bàng quang, chỉ có việc tiết ra mà không thu vào. Tóm lại : Thượng tiêu chủ về dẫn khí ; Trung tiêu chủ về tiêu thực ; Hạ tiêu chủ về lợi tiện.
4. **NHÂN SÂM** — (Xem số 13 ở phụ chú Nữ -Khoa).
5. **QUYẾT NGHỊCH** — (Xem số 50 ở phụ chú Nữ -Khoa).
6. **TAM HOÀNG THANG** 三黄汤 — HOÀNG LIÊN, HOÀNG CẨM, ĐẠI HOÀNG 3 vị cân lượng bằng nhau, (dùng ít, dùng nhiều tùy theo bệnh nặng nhẹ) chủ trị tích nhiệt ở tạng phủ làm cho đại tiện bí kết.
7. **BÁT VỊ THANG** 八味汤 :

THỰC ĐỊA	8 đồng,
HOÀI SƠN	4 đồng,
SƠN THỦ	4 đồng,
PHỤC LINH, KIẾN TÁ, ĐƠN BÌ	3 đồng, mỗi thứ
NHỤC QUẾ	1 đồng,
PHỤ TỬ	1 đồng.

Lấy nước sắc uống (nếu làm hoàn thì mỗi vị đều làm gấp 2 gấp 3 hay nhiều nữa tùy ý). Trị bệnh thủy

hỏa đều thiên, thận hư, thở mệt, hạ bộ hàn lãnh, đau lưng mỗi gối, đái đêm nhiều. Bài thuốc này tức bài LỤC VỊ THANG gia quế, phụ.

8. **ĐẠI THỪA KHÍ THANG** (Xem số 49 ở phụ chú Nữ-Khoa).

9. **LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG** 六味地黄湯:

THỰC ĐỊA 8 đồng

HOÀI SƠN 4 —

SƠN THÙ 4 —

PHỤC LINH, KIẾN TẢ, ĐƠN BỈ 3 — mỗi thứ

Lấy nước sắc uống (nếu làm hoàn thì mỗi vị đều làm gấp 2 gấp 3 lần hay nhiều hơn tùy ý). Trị bệnh những người tuổi còn trẻ mà chân thủy thiếu, chân hỏa vượng làm ra gầy ốm, nóng âm, bờ hời trộm, di tinh tiện huyết và lâm, lậu, bạch trọc.

10. **DŨNG TUYỀN HUYỆT** 湧泉穴 = Huyết Dũng Tuyền ở giữa chỗ trũng trong lòng bàn chân, thuộc kinh Túc thiếu âm, Thận.

11. **THiểu THƯƠNG HUYỆT** 少商穴 = Huyết Thiểu Thương ở phía trong đầu ngón tay cái, chỗ thịt trắng trắng cách móng tay như cái lá hẹ, thuộc kinh Thủ thái âm, Phế.

12. **THỰC ĐỊA** — (Xem số 3 ở phụ chú Nữ-Khoa).

13. **ĐƠN ĐỘC** 升毒 — Đơn độc, đan độc cùng một âm. Cái độc đó còn gọi là thiên hỏa = hỏa độc của trời, lại gọi là xích du = cái phong chạy đến đầu đỏ đến đấy. Bệnh này thuộc loại truyền nhiễm, bởi những khí thấp nhiệt xâm lấn vào người làm cho hỏa ở tim nóng quá rồi hỏa độc và máu chống đối nhau, khi đó gió nhiễm vào làm ra những quầng sưng đỏ, quầng lớn quầng nhỏ, chạy khắp thân thể, đầu mặt, chân tay, lưng mình đều có cả, phát ra chỗ này lại

chạy chỗ khác, không ở yên định một chỗ nào, làm cho người ta phát nóng sốt, đau nhức, buồn phiền đầy chướng. Nếu không trị gấp sẽ nguy.

14. **SA CHẨN** 痧疹 — Sa chẩn cũng như Ma chẩn. Sa là hạt cát, ma là hạt vừng, chẩn là ẩn ẩn hiện hiện ở trong làn da. Nghĩa là nó mọc những mụn nhỏ nhỏ như hạt cát hạt vừng, chỉ hơi nhú như những cái đầu nhọn ra một tý ở những kẽ chân lông khắp mình, mà ẩn hiện ở trong làn da, chớ không lộ hẳn ra ngoài cho lắm. Tục gọi là bệnh « SỞI », có nơi gọi bệnh « BAN ». Bệnh này là loại do độc truyền nhiễm, hay phát vào khoảng tháng 3 và tháng 12 âm lịch. Khi độc ấy đã nhiễm thì vào phổi, da dầy trước, làm cho nóng lạnh, ho, chảy nước mũi, 5, 6 ngày mọc ra những mụn đỏ đỏ ở đầu mặt trước, rồi dần dần 2, 3 ngày mọc xuống mình và chân. Nhưng nó vừa mọc vừa bay, nghĩa là mọc xuống mình thì ở đầu mặt bay, mọc xuống chân thì ở mình bay. Phép trị, cứ trị cái nóng ở phổi, da dầy để cho mọc ra được là hay, nếu không mọc ra được sẽ biến chứng. Nếu lại trị không cho mọc ra sẽ thành bệnh suội bại. Nếu những mụn mọc ra đỏ mà mọc xuôi, từ đầu xuống mình, mình xuống chân là thuận, dễ trị. Nếu đỏ mà mọc ngược, từ chân lên mình, mình lên đầu là nghịch, khó trị. Nếu những mụn mọc biến ra sắc đen, mà người phát nóng dữ lên, da thịt khô, khát nước, nói nhảm, mê man là bệnh nặng lắm.

15. **TIỂU SÀI HỒ THANG** 小 柴 胡 湯 :

SÀI HỒ	3 đồng
HOÀNG CẨM	2 —
NHÂN SÂM	1 —
BÁN HẠ	1 —

CAM THẢO	4 phân
SINH KHƯƠNG	3 phiến
ĐẠI TÁO	2 quả

Lấy nước sắc uống.

Trị bệnh thuộc kinh Thiếu dương trong thời gian bán biểu bán lý làm ra nóng lạnh vãng lai, nhức đầu, đau mình, hoặc có ỏi mưa, khát nước, ho, hoặc có đầy tức trong bụng. Nghĩa là thấy bệnh đáng phải cho hãn, cho thồ, cho hạ mà không dám cho, thì dùng phương này rất khéo hòa giải.

16. **QUAN, CÁCH** 關 格 — Quan là dương khí không đi xuống làm cho hàn khí bế tắc ở trong bụng, muốn đi mà đi không ra. Cách là âm khí không đi lên làm cho nhiệt khí bế tắc ở Hạ tiêu, bắt thồ mà không thồ ra được. Nó ngăn cách chương ngại ở chỗ Hoành cách mô, trên dưới không thông, Tam tiêu (3) rối loạn, âm dương không hòa hợp, nên đã quan lại cách, Nói về mạch: Mạch ở Nhân nghinh lớn hơn Khi khẩu vài ba lần là cách, mạch ở Khi khẩu lớn hơn Nhân nghinh 4 lần là quan. Bệnh quan, cách rất dễ chết, nhưng chỉ trị ở Hạ tiêu mới có thể khỏi.

17. **LAO SÁI** — (Xem số 39 ở phụ chú Nữ-Khoa):.

18. **BÁT TRẦN THANG** — (Xem số 77 ở phụ chú Nữ-Khoa).

19. **TỨ VẬT THANG** — (Xem số 58 ở phụ chú Nữ-Khoa).

20. **VONG DƯƠNG** — (Xem số 38 ở phụ chú Nữ-Khoa).

21. **NHỊ TRẦN THANG** 二陳湯:

TRẦN BÌ	2 đồng
BÁN HẠ	1 —
BẠCH LINH	8 phân
CAM THẢO	4 —
SINH KHƯƠNG	3 phiến

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này trị tất cả các bệnh đàm, chỉ có tửu đàm và táo đàm không nên uống.

22. KÝ TẾ — (Xem số 2 ở phụ chú Nữ-Khoa).
23. BÓ TRUNG ÍCH KHÍ THANG — (Xem số 53 ở phụ chú Nữ-Khoa).
24. LỤC QUÂN TỬ THANG — (Xem số 55 ở phụ chú Nữ-Khoa).
25. NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT PHỤ TỬ THANG
人參白朮附子湯 tức là bài PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG :

NHÂN SÂM	2 đồng
BẠCH TRUẬT	2 —
CÀN KHƯƠNG	2 —
PHỤ TỬ	2 —
CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống, chủ đề ôn trung khí, bổ khí hư, tán hàn tà. (Bài LÝ TRUNG THANG không có PHỤ TỬ).

26. TỬ QUÂN TỬ THANG — (Xem số 55 ở phụ chú Nữ-Khoa).
27. QUY TỶ THANG — (Xem số 54 ở phụ chú Nữ-Khoa).
28. SINH MẠCH THANG — (Xem số 62 ở phụ chú Nữ-Khoa).
29. ĐỘC SÂM THANG 獨參湯 :

NHÂN SÂM	2 lượng
ĐẠI TẢO	2 quả

Lấy nước sắc uống, chủ bổ phế hư, đại bổ nguyên khí.

30. XẠ CAN THANG 射干湯 :

XẠ CAN, THĂNG MA mỗi thứ 2 đồng cân.

MÃ NHA TIÊU, MÃ BỘT mỗi thứ 1 đồng 4 phân.

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh phong nhiệt làm cổ họng sưng đau.

31. **TIÊU DAO TÁN** 逍遙散 = BẠCH TRUẬT, BẠCH THƯỢC, BẠCH LINH, SÀI HỒ, ĐƯƠNG QUY, cân lượng mỗi thứ bằng nhau, nhiều ít tùy ý. CAM THẢO dùng phân nửa, BẠC HÀ 5 phân, gừng nướng 5 phân. Lấy nước sắc uống, Chủ trị huyết hư mà nhiệt.

32. **TỨ MA THANG** 四磨湯 = NHÂN SÂM, BÌNH LANG, TRÂM HƯƠNG, Ô DƯỢC mỗi thứ một ít, bằng nhau, đều mài vào một chén nước, rồi đun sôi lên vài phút, uống lúc đói. Trị bệnh cảm thương đến chình khí làm cho thở suyễn gấp rút, trong bụng buồn bực, không an.

33. **TỨ THẤT THANG** 四七湯 :

HẬU PHÁC	1 đồng, 5 phân
BÁN HÀ	2 — 5 phân
TRẦN BÌ	2 —
TÔ TỬ	1 — thêm gừng, táo,

Lấy nước sắc uống.

Trị bệnh đưa hơi ngược thở suyễn. Bài thuốc này có 4 vị cộng là 7 đồng cân, nên gọi tứ thất.

34. **THỐN KHẦU** 十口 = Huyết Thốn - khẩu còn gọi là huyết Khí - khẩu và huyết Thủ - thái - âm Phê. Huyết Thốn khẩu là nơi mạch chuyển động của Thủ - thái âm. — Huyết Thốn khẩu ở nơi cổ tay giáp với bàn tay, chỗ cạnh ngón tay cái thẳng xuống tới chỗ mắt cá tay, lệch về phía sau lưng cổ tay, có một đường thẳng chỗ hơi trũng xuống. Đó là huyết Thốn-khẩu, 2 tay đều thế.

35. **NGŨ BÌ TÁN** 五皮散 = ĐẠI PHÚC BÌ, TANG BẠCH BÌ, PHỤC LINH BÌ, QUẤT BÌ, SINH KHƯƠNG BÌ, các vị cân lượng bằng nhau, nhiều ít tùy theo, lấy nước sắc uống nóng. Trị bệnh phong thấp ngưng

trệ ở Tý, làm cho đầu mặt tứ chi phù thũng, trong bụng bành trướng, hơi thở nhọc mệt. Cữ ăn đồ sống lạnh, mỡ dầu và chất đặc, chất rắn v. v. . .

36. **NGŨ LINH TÁN** — (Xem số 56 ở phụ chú Nữ-Khoa)

37. **BIÊU LÝ** 表裏 = Biêu là ngoài, lý là trong. Bệnh ngoài cảm nóng lạnh, nhức đầu, đau mình là **BIÊU CHỨNG** nên phát tán. Bệnh ngoài cảm ấy không trị đề chạy vào trong làm khát nước, đau bụng, tả, lý, nói mê v. v. . là **LÝ CHỨNG** nên thông giải.

Biêu lý là trong ngoài cũng nghĩa như anh em tương quan với nhau, tức là tạng phủ tương quan với nhau. Nghĩa là một tạng với một phủ nào đó tương quan với nhau là biêu lý, khi mạch tương thông, hễ tạng ấy có bệnh thì phủ kia cũng thụ bệnh, hễ trị bệnh tạng ấy thì phủ kia cũng đồng trị, ngược lại cũng vậy. Ví dụ : Phế với đại-trường là biêu lý, tâm với tiểu trường là biêu lý, Thận với Bàng quang là biêu lý v. v. . . Muốn mát đại trường thì thanh phế, muốn lợi Bàng quang thì thông Thận v. v. . .

38. **MẠCH NHÂM MẠCH XUNG** (Xem số 10 ở phụ chú Nữ-Khoa).

39. **MẠCH ĐỐC** (Xem số 24 ở phụ chú Nữ-Khoa).

40. **BẠCH HỔ THANG** 白虎湯 :

TRỊ MẪU	2 đồng
THẠCH CAO	5 — nóng quá dùng 7 đồng
CAM THẢO	6 —
GAO TẼ	nửa chén con.

Lấy nước sắc uống nóng.

Trị bệnh cảm nắng (thử) phiền khát và trị bệnh thương hàn phát nóng, đã cho phát hãn rồi mà mạch còn hồng đại, còn phát khát, trong ngoài đều nóng mà chưa nhập lý, Nếu dùng thuốc này mà hòa giải.

41. **CHINH XUNG, KINH QUÝ** 怔忡驚悸 KINH = sợ, Quý = run. Chinh = bàng hoàng không chủ đích. Xung = lo ngay ngáy không yên.

Trái tim đập mạnh, sợ hãi hồi hộp, đó là kinh quý. Kinh quý lâu ngày sinh ra run run khiếp sợ, thảng thốt nghi ngờ như có người tới bắt, phải đi trốn lủi vào nơi vắng tối, thành ra chinh xung. Bệnh này bởi « Tâm kinh ít máu, thiếu tinh-thần, không đủ thanh khí mà đàm hỏa và trọc khí thượng công ».

42. **ÔN ĐÀM THANG** 溫膽湯 :

BÁN HẠ, CHỈ THỰC	1 đồng, mỗi thứ
TRẦN BÌ	1 —
PHỤC LINH	5 phân rươi
CAM THẢO	4 phân
TRÚC NHỰ	1 nắm nhỏ
SINH KHƯƠNG	7 phiến
ĐẠI TẢO,	1 quả.

Lấy nước sắc uống.

Trị bệnh hư phiền không ngủ, khí mạnh không hòa, tâm đảm sợ hãi.

43. **KHỐNG DIÊN ĐƠN** 控涎丹 :

CAM TOẠI (chọn củ nào da hơi đỏ, thịt trắng mà chắc, lấy cám sao chung, vàng vàng là được, sao rồi bỏ cám đi).

ĐẠI KÍCH (rửa sạch đất, sao qua) :

BẠCH GIỚI TỬ (sao vàng chín) mỗi vị, 1 hay 2 đồng bằng nhau, nhiều ít tùy ý, lấy nước sắc uống, hay tán nhỏ, lấy hồ làm hoàn cũng được, uống với chút nước gừng, uống vào lúc cơm chiều rồi, sắp đi ngủ.

Tri bệnh đau nhưe lưng mình, vai cò, tay chân, gân xương co rút, khi đau chỗ này, lúc chày chỗ khác. Đó là bởi đàm dãi kết ở trên dưới bụng và Hoàn cách mô mà làm khô sờ như thế. — Nếu đau quá gia TOÀN YẾT. Có đàm vi hay rượu gia TOÀN YẾT HÙNG HOÀNG. Đàm khi kết thành khối gia XUYỀN SƠN GIÁP, BIẾT GIÁP, NGA TRUẬT, HUYỀN HỒ SÁCH. Đau cánh tay gia MỘC BIẾT TỬ, QUẾ TAM. Đàm nóng gia PHÁC TIÊU. Đàm lạnh gia BÌNH HƯƠNG, HỒ TIÊU, NHỤC QUẾ. Thuốc này đàn bà có thai không uống được và trong ngày uống thuốc này cấm chỉ không được ăn uống thứ gì có tính chất CAM THẢO.

44. Ô MAI HOÀN 烏梅丸 :

CÀN KHƯƠNG	1 đồng
HOÀNG LIÊN	1 — 5 phân
TẾ TÁN	
PHỤ TỬ,	
QUẾ CHI,	
HOÀNG BÁ	
NHÂN SÂM,	6 phân, mỗi thứ
ĐƯƠNG QUY	
XUYỀN TIÊU	4 phân, mỗi thứ

Tất cả tán nhỏ lấy nửa chén giấm tầm 10 quả Ô MAI nấu chín như đem ra cao lấy thịt Ô MAI (bỏ hạt đi) nghiền nát, hòa thuốc đã tán trên vào làm hoàn, mỗi hoàn to bằng hạt ngô, mỗi ngày 3 lần uống, càng hay. Chủ trị bệnh lạnh bụng. giun bị lạnh bò ngược lên cổ, hễ ăn vào một chút là mửa ra, khi tỉnh, khi phiền. Cữ ăn đồ ngọt, sống, lạnh.

45. TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN 蘇合香丸:

XẠ HƯƠNG	chọn thứ chính
TRẦM HƯƠNG	
ĐINH HƯƠNG	
BẠCH ĐÀN HƯƠNG	
HƯƠNG PHỤ	
TẮT BÁT	
BẠCH TRUẬT	
KHA TỬ	nướng bỏ hạt
CHU SA	lấy nước phi
THANH MỘC HƯƠNG	
TÊ GIÁC	2 lạng mỗi thứ
HUÂN LỤC HƯƠNG	
LONG NẢO	1 lạng mỗi thứ

Tất cả những vị kể trên, đề XẠ HƯƠNG, LONG NẢO ra ngoài, còn đem tán nhỏ. Xong lấy AN TỐC HƯƠNG 2 lạng, trộn vào nước rượu mộng, trộn long lỏng, chưng lên cho chín thành keo, xong hòa vào 2 lạng dầu TÔ HỢP, và thêm chút mật, quấy cho thật đều, đem thuốc đã tán nhỏ và cả XẠ HƯƠNG, LONG NẢO đồ chung vào dầu và mật ấy mà luyện. Cứ mỗi lạng cắt thành 10 hoàn (nếu bao sáp được càng hay) mỗi lần uống 1 hoàn, uống với nước nóng, ngày uống 3 lần cũng được. Chủ trị bệnh trúng khí hay là tự nhiên khí nghịch lên rất mạnh làm đau tim. Thuốc này kỵ thai.

46. TẢ KIM HOÀN 左金丸 — HOÀNG LIÊN 6 lạng, sao, NGÔ THỦ 1 lạng lấy nước đun sôi lên vài ba sôi, đồ ra, sấy khô. 2 vị tán nhỏ, nấu hồ luyện làm hoàn, nhỏ bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống vài chục hoàn, nấu nước BẠCH TRUẬT, TRẦN BÌ mà uống xuống. Chủ trị bệnh vi Can hỏa làm hông hiệp đau sôi, có khi phát nóng lạnh, có khi làm nhưc dầu, đại rất, bí ỉa, hay ỉa chảy, tất cả những chứng bệnh thuộc về can hỏa.

47. BÌNH VỊ TÁN 平胃散 :

THƯƠNG TRUẬT	8 lạng, tằm nước gạo, sao
TRẦN BÌ	5 — sao
HẬU PHÁC	5 — tằm nước gừng, sao
CAM THẢO	3 — nướng than chín,

Tất cả tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, lấy 3 phiến gừng sống, 2 trái táo, nấu nước uống xương.

Chủ trị bệnh Tỳ vị bất hòa, không thiết ăn uống, đau bụng, đầy bụng, ợ chua, ỉa chảy.

48. ĐÀO NHÂN THANG 桃仁湯 :

ĐÀO NHÂN	1 lạng, sao khô bỏ vỏ.
ĐẠI HOÀNG	1 — sao
MANH TRÙNG	5 đồng, sao đen.
PHÁC TIÊU	1 lạng.

Đem 3 vị trên tán nhỏ, để sẵn đấy, lấy 1 chén giấm ngọt đổ vào siêu, đun cạn còn độ 5 phân, đoạn cho 3 vị thuốc đã tán đó vào siêu (siêu vẫn để trên bếp nhỏ lửa) lấy muống quấy mãi, cho dẻo, có thể hoàn được, đem ra, cho PHÁC TIÊU vào lại quấy mãi cho thật đều, rồi hoàn to bằng hạt ngô.

Chủ trị bệnh « huyết hà ». Hôm nào định uống, thì hôm ấy đừng ăn cơm chiều, để cho đói 4, 5 giờ sáng dậy lấy rượu uống xương 5 hoàn, sáng mai cũng đừng ăn chất đặc, nhịn được càng hay. Đến 13, 14 giờ sẽ tả ra những vật ó ể chưa từng thấy. Khi đã sỏ ra được rồi thì uống thuốc bổ để điều hòa khí huyết (phương thuốc này ở mục công trận, trong cỗ phương bát trận, quyển Cảnh-Nhạc).

49. THẤT TIÊU TÁN = (Xem số 79 ở phụ chú Nữ-Khoa).

50. DIỆU HƯƠNG TÁN 妙香散 :

CHÍNH XẠ HƯƠNG	1 đồng
SƠN DƯỢC	1 lượng
PHỤC LINH	1 —
PHỤC THẦN	1 —
HOÀNG KỶ	1 —
VIÊN CHÍ	1 —
NHÂN SÂM	5 đồng
CAM THẢO	5 —
CÁT CẢNH	5 —
MỘC HƯƠNG	2 — rươi
THẦN SA	3 —

Tất cả tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, uống với rượu.

Trị bệnh đàn ông, đàn bà, tâm khí bất túc, tinh thần hoảng hốt, hư phiền, ít ngủ, lảm bở hơi trộm, thường uống đều đều bổ khí huyết, an tâm thần.

51. BINH LANG HOÀN 檳榔丸 :

BINH LANG	1 lượng.
HOÀNG CẨM	1 —
ĐẠI HOÀNG	1 —
BẠCH CHỈ	1 —
CHỈ XÁC	1 —
KHƯƠNG HOẠT	1 —
KHIÊN NGƯU	1 —
MA NHÂN	1 —
HẠNH NHÂN	1 —
NHÂN SÂM	5 đồng,

Tất cả tán nhỏ luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 5 đồng, uống với rượu, vào lúc đói.

Trị bệnh đại trường thấp nhiệt không thông, lòng bụng đầy trướng, đại tiện bí kết.

52. **THẬP TÁO THANG** — 十 果 湯 : NGUYỄN HOA, CAM TOAI, ĐẠI KÍCH mỗi thứ 3 đồng tán nhỏ. Lấy 10 trái táo, đổ 1 chén nước, sắc lấy mấy phân. Lấy nước táo uống với 5 phân thuốc tán (người gầy ốm chỉ uống 2 phân). Uống rồi, sẽ xổ ra thuần nước. Khi xổ rồi, ăn chút cháo lỏng lấy sức lại. Trị bệnh thương phong thuộc Thái dương kinh, ỉa chảy ợ ngược, đàm đấp bề hời, nhức đầu, bụng dưới đầy cứng, ủa khan, hơi thở ngắn, không sợ lạnh, trong bụng những nước, (mình mát mới nên uống). Uống thuốc này cứ ăn những chất có Cam thảo. Thuốc này kỵ thai.
53. **MA, MỘC, BẤT NHÂN BẤT DỤNG** 麻木不仁 不用 — Ma: da thịt tê tê, cào cấu không biết đau, biết ngứa, nhưng còn cảm thấy cái khi nó còn chút hành ở trong, khác nào như chỗ bị trói buộc thật chặt vừa mới cởi ra nó tê tê rần rần. Mạch phủ hoãn là thuộc thấp.
- Mộc: cứng như gỗ, đã chẳng biết đau ngứa, lại không cảm thấy tê tê rần rần Mạch sáp mà không là tử huyết (máu ở chỗ đó như đã chết).
- Bất nhân: ma mộc lâu ngày xâm nhập thân thể làm cho kinh lạc ngưng trệ, khí huyết không lưu thông, không đau, không ngứa, không còn màu da. Tóm lại bởi 3 khí phong, hàn, thấp hợp lại mà xâm nhập làm cho thân thể người ta mất sự tri giác đề vận động, nghĩa là khí hư thành ma, huyết hư thành mộc, ma mộc lâu ngày thành bất nhân, bất nhân lâu ngày thành bất dụng.
54. **TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRÁP** — (Xem số 68 ở phụ chú Nữ-Khoa).
55. **TRỌC** 濁 = Mủ vẩn đục. Vì Tỳ Vị bị thấp nhiệt trung tiêu không thanh sạch, trọc khí thấm vào Bàng quang, rỉ rả theo đường tiểu tiện chảy ra những chất nhựa chất mủ như nhựa cây. Trọc có 2 loại.

Xích và bạch. Xích thuộc huyết, thấp nhiệt, Bạch thuộc khí, hàn thấp (Bệnh này nam nữ cùng một phép trị).

56. **LÂM** 淋 = lâm đàm thành thốt chảy ra. Khi đi đại buốt xót, muốn đại không đại được, không đại được rồi lại bắt đại, khi một vài giọt mà đại không hết. Lâm có 5 loại: 1) Khí lâm: đại buốt, rit, một vài giọt không đại hết. 2) Huyết lâm: đại buốt, xót nóng, 3) Thạch lâm: đại ra có cát có sạn, ngọc hành cứng đau. 4) Cao lâm: đại ra như mù. 5) Lao-lâm: đại khó khăn, đau xóc lên bụng, đau chằng sang cả giang môn.

57. **SÁN KHÍ** 疝 氣 — Nói chung: đau DỊCH HOÀN (hòn đại) có thể gọi là đau giầy trắng. Nói riêng: Sán có thấp nhiệt là gốc (bản), có hàn thấp là ngọn (tiểu). Đại khái: Thấp nhiệt gặp nhiệt khí thì phát, tiểu tiện đỏ buốt, đại tiện táo, bụng dưới và giang môn đều nóng, bầu ngoại thận sa xuống làm đau 2 hòn đại.

Hàn thấp gặp hàn khí thì phát, đại tiểu tiện thông lợi, trong bụng lạnh, ngoại thận săn co lại. Còn có khi cả hàn và nhiệt giao công, làm cho ngoại thận và bụng khi nóng khi lạnh, đại tiểu tiện khi bế khi thông.

Tóm lại bởi ăn uống no say quá, làm việc khó nhọc quá, phòng dục quá độ, bực giận quá mức làm cho hỏa động, hỏa động lâu ngày sinh thấp, thấp biến làm nước làm đàm, ứ kết lại chảy vào Can kinh, Can kinh tính nóng này lại bị khí lạnh bên ngoài bọc giữ lại không chỗ thoát mà làm đau.

58. **THANH TÂM LIÊN TỬ ÁM** = 清心蓮子飲:

LIÊN TỬ	7 phân rươi,
XÍCH PHỤC LINH	7 —

NHÂN SÂM	7 phân rưỡi
HOÀNG KỶ	7 —
HOÀNG CẦM	5 phân
CAM THẢO	5 —
XA TIỀN,	5 —
MẠCH ĐÔNG,	5 —
ĐỊA CỐT BÌ	5 —

Lấy nước sắc uống nóng.

Trị bệnh Hạ tiêu hư, Thượng tiêu thịnh, Tâm hỏa bốc lên làm đắng miệng khó cở, phiền khát, nước đái đỏ, muốn làm bệnh lâm.

59. **ĐỊA LẬT PHẤN** = Củ cây địa lật, giã lọc lấy bột. Cây **ĐỊA LẬT** 地栗 — Theo Tự điển Tứ Hải : thuộc loại thảo, hay mọc nơi bờ ao, bờ ruộng, cây có ống cao lên độ 6, 70 phân tấc, không có cành lá, hằng năm về mùa thu chở bông (mỗi cây chỉ có một bông ở giữa) bông xù ra như đầu ngọn bút, rễ chùm, có củ, hình củ **TỪ CÔ**, sắc đen, chất ngọt dùng để ăn. Cây này chép trong Bản Thảo Cương Mục ; **ĐỊA LẬT** tức là cây **BỘT TỀ**, cây **Ô VU**. Trong sách Thực Vật của Nhật-Bản cũng chép như vậy.

Theo Y học nhập môn : Cây xanh, bông xù ra như cây Long-Tu, củ đen to bằng ngón tay cái, vỏ dày có lông, mùi vị ngọt, ăn ngon, có công năng giải độc. Nhưng nếu làm ra bột mà ăn lâu ngày đầy ruột không biết đói mà sinh bệnh lở ngứa, trẻ em ăn vào đau bụng. đàn bà có thai ăn vào động thai.



MỤC LỤC NAM KHOA

1 MỤC THƯƠNG HÀN

	<i>Số Trang</i>
• Nói về khi mới phát bệnh	25
• Thương phong	25
• Thương hàn	26
• Ngoại cảm	27
• Thương thực	28
• Bệnh sốt rét	28
• Bệnh cảm nắng	29
• Bệnh đầy trướng	29
• Thuốc cho ra mồ hôi	30
• Phân tách, chân hàn, giả hàn, chân nhiệt, giả nhiệt	31
• Biện luận về bệnh, 1 thoáng lại nóng, 1 thoáng lại lạnh	31
• Bệnh thật nhiệt	32
• Bệnh thật hàn	33
• Bệnh giả nhiệt	33
• Bệnh giả hàn	34
• Bệnh thật nhiệt mà có giả hàn	35
• Bệnh thật hàn mà có giả nhiệt	36
• Bệnh trên nóng dưới lạnh	36
• Bệnh 2 tay lạnh, 2 tay ấm, 2 tay không	37
• Âm huyết hư, mọc 2 con kén trong cổ họng	37
• Bệnh kết ở bụng	38
• Phù chính tán tả thang	38

2. MỤC HỎA CHỨNG

• Tả hỏa thang tổng phương	40
• Bệnh thuộc hỏa	40

● Bệnh hỏa vượt lên	41
● Bệnh nóng ráo	42
● Phương thuốc thần trị bệnh ban nóng	42
● Bệnh ăn mau tiêu	42
● Bệnh gân thịt co rúm	43

3. MỤC UẤT KẾT

● Khai thông khí nóng uất	45
● Bệnh quan, cách	46

4. MỤC HƯ LAO

● Phân biệt bệnh hư tổn và bệnh lao	47
● Bệnh nội thương phát nóng	47
● Chưa thành bệnh lao mới sắp thành bệnh lao	48
● Dương khí hư, bị hãm ở dưới	48
● Âm huyết hư, bị hãm ở dưới	49
● Âm hư, hỏa động, đêm nóng ngày lạnh	50
● Khó nhọc quá	52
● Bệnh ngày nặng đêm nhẹ	52
● Bệnh đêm nặng ngày nhẹ	53
● Âm tà và dương tà	54
● Khí huyết đều hư	55
● Khí hư và vị hư	56
● Khí hư, ăn uống không tiêu	57
● Huyết hư, sắc mặt vàng ốm	58
● Phế, tỳ cả hai khuy tổn	58
● Can, thận cả hai hư nhược	59
● Tâm, thận không giao với nhau	60
● Hoạt tinh, mộng tinh, di tinh	62
● Đêm nằm mộng di tinh	63
● Di tinh và hay quên	64
● Bụng no đầy đưa ngược lên	65

• Yếu đã lâu nên bỏ dần dần	65
• Thuốc bổ khí	66
• Thuốc bổ huyết	67
• Bệnh ra mồ hôi	68
• Bệnh lao	68

5. MỤC ĐÀM THÁU

• Bệnh đàm mới phát	70
• Bệnh đàm đã hiện thành	71
• Bệnh đàm đã lâu	72
• Bệnh trệ đàm	73
• Bệnh thấp đàm	73
• Bệnh hàn đàm	74
• Bệnh nhiệt đàm	75
• Bệnh lão đàm	75
• Bệnh ngoạn đàm	76
• Nước ở thận rẫy lên làm đàm	76
• Trúng khí và trúng đàm	77
• Bệnh ho thuộc thấp	78
• Bệnh ho đã lâu	78
• Trị phồi ho và bổ thận suy	80

6. MỤC SUYỄN CHỨNG

• Phép trị khí	81
• Khí suyễn	82
• Thực suyễn	84
• Hư suyễn	84
• Hơi thở ngắn tựa như suyễn	85
• Suyễn nặng quá, gò vai lại	86
• Thận lạnh làm suyễn	87
• Thận hỏa giúp cho can hỏa xung lên	87
• Giảm nhiệt, hơi thở suyễn lên thở ra đàm	88

- Ho suyễn 88
- Trình nguyên âm 89

7. MỤC THỞ HUYẾT

- Bệnh thở huyết thuộc dương 90
- Giận quá thở ra huyết 91
- Bệnh thổ huyết 92
- Bệnh thổ ra huyết trắng 93
- Huyết không về với kinh 94
- Tam hắc thần kỳ âm 95

8. MỤC ẦU THỞ

- Biện chứng bệnh ầu thở bởi tý hay vị 96
- Dạ dày đồ ngược thở rất mạnh 96
- Gió lạnh cảm vào thận, thở rất mạnh 97
- Ưa mưa 98
- Bệnh thổ thuộc hỏa 98
- Bệnh thổ thuộc hàn 99
- Bệnh thổ bởi dạ dày 99
- Ăn vào dạ dày thở ngược ngay ra 100
- Bệnh dạ dày lạnh 101
- Thận hàn làm thở tả, tâm hàn làm vị nhược 102

9. MỤC CỒ CHỨNG

- Bệnh thủy cồ 104
- Bệnh khí cồ 105
- Bệnh trùng cồ 106
- Bệnh huyết cồ 107

10. MỤC THỦY CHỨNG

- Bệnh phù nước 108
- Bệnh nấc ngược 108
- Bệnh nước kết ở Bàng quang 109

11. MỤC THẤP CHỨNG

- Bệnh phát vàng 110
- Bệnh đơn 110
- Bệnh cảm thấp 111
- Bệnh cước khí 112

12. MỤC TIẾT TẢ

- Bệnh tả rất nặng 113
- Bệnh tả thuộc hỏa 114
- Bệnh tả thuộc thủy 115
- Bệnh tiết tả và ợ chua 116

13. MỤC LÝ TẬT

- Phân biệt hỏa tả lý, nội thương lý 117
- Bệnh lý 117
- Bệnh lý thuộc huyết 119
- Bệnh lý thuộc hàn 119

14. MỤC ĐẠI TIỂU TIỆN

- Đại tiện không thông 120
- Đại tiện không thông thuộc thực chứng 121
- Đại tiện không thông thuộc hư chứng 121
- Tiểu tiện không thông 122
- Đại tiểu tiện không thông 123

15. MỤC QUYẾT CHỨNG, TRÚNG PHONG, GIẢN CHỨNG.

● Bệnh Quyết thuộc hàn	124
● Bệnh Quyết thuộc nhiệt	124
● Bệnh quyết như thấy ma	125
● Bệnh quyết lãnh	126
● Khí hư tự nhiên ngã lãn	127
● Âm hư tự nhiên ngã lãn	128
● Dương hư tự nhiên ngã lãn	128
● Thận hư tự nhiên ngã lãn	130
● Giản quá tự nhiên ngã lãn	130
● Trúng phong không nói được	131
● Méo mồm xéch mắt	132
● Bán thân bất toại	134
● Bệnh kinh giản	135

16. MỤC ĐIÊN CUỒNG

● Bệnh điên cuồng	137
● Phát cuồng thấy ma quỷ	138
● Phát cuồng không thấy ma quỷ	138
● Bệnh cuồng	139
● Bệnh cuồng bởi hàn	140

17. MỤC CHINH XUNG KINH QUÝ

● Run sợ không ngủ	141
● Trong tâm kinh sợ không yên, đêm nằm không ngủ	142
● Sợ sệt	143
● Thân khi không yên	144

18. MỤC YÊU THOẠI KIÊN TÝ, THỦ TỨC ĐÔNG THỐNG

● Khắp mình đều đau	146
● Lưng đau vì thấp	147
● Lưng đau vì phong hàn	147
● Lưng đau lâu ngày	148
● Lưng ùi gân xương đau	148
● Lưng đau, chân cũng đau	149
● Đau nhưc bắp ùi	150
● Hai cánh tay bả vai đau	150
● Chân tay đau nhưc	151
● Bụng sườn chân tay cồ gáy lưng gối đau nhưc	152
● Xương lưng đau	152
● Đau lưng và đau đầu	153

19. MỤC TÂM PHỨC THỐNG

● Biện luận về bệnh đau tim. Hàn thống, nhiệt thống	154
● Bệnh đau tim lâu ngày, Hàn tà nhiệt tà	155
● Bệnh đau bụng	156
● Đau hơi trong dạ dày	157

20 MỤC MA MỘC

● Tay tê, cứng	160
● Tay bì tê	160
● Tay và chân tê, cứng	160
● Da thịt cứng	161
● ùi bì tê cứng	161
● 2 tay tê mỗi mệc muốn nắ.n	162
● Khắp mình tê, cứng	162
● Tê cứng đau nhưc	163

- Yếu chân 163
- Gân co rút 164

21. MỤC HIẾP THỐNG

- Hai bên hốc bụng đau có kết hôn 166
- Đau hốc bên trái 166
- Đau hốc bên phải 167
- 2 bên tả hữu hốc bụng đều đau 167
- 2 hốc bụng chạy thông nhau cùng đau 168
- Hốc bụng đau, mình nóng 168
- Đau hốc bụng 169
- Hốc bụng đau lại ho 169

22. MỤC TRỌC, LÂM

- Phân tách 2 bệnh trọc, 5 bệnh lâm 170
- Bệnh đái rắt 170
- Bệnh đái ra mù 171
- Dương vật cứng không ngã 171
- Dương vật yếu không cứng 172
- Tiểu ra máu và đái ra máu 173
- Thấp khí lâm đau hôn đái 173
- Quả ngoại thận đau 173
- Thiên trụ 174

23. MỤC TẬP PHƯƠNG

- Bệnh ở trên tìm cách trị ở dưới 175
- Bệnh ở dưới tìm cách trị ở trên 175
- Bệnh lở ngứa 177
- Bệnh lở trên đầu, trên mặt 177
- Bệnh lở khắp mình và tay chân 177
- Thuốc trị tất cả các bệnh lở 177
- Bệnh lở ngứa chảy nước vàng 177

● Bệnh ra mồ hôi tay	178
● Bệnh uống lầm phải độc Nhân ngón	178
● Thuốc hắt hơi trị trùng phong	177
● Bệnh phá thương phong	188
● Thuốc chó điên cắn	178

24. MỤC TIÊU NHI KHOA

● Xem sắc mặt	180
● Xem mạch	181
● Xem 3 bậc chỉ tay	181
● Bệnh bỏ vú	181
● Rốn không khô	182
● Xem bộ vị sơn căn	182
● Bệnh phát nóng	183
● Bệnh cảm gió lạnh	184
● Bệnh kinh phong	185
● Bệnh ly	186
● Bệnh tả thuộc nhiệt	186
● Bệnh tả thuộc hàn	187
● Bệnh thổ	187
● Bệnh lo	188
● Bệnh cam	188
● Miệng chảy dãi lở miệng	188
● Bệnh cam làm tả, ly, cộm mắt	189
● Bệnh sốt rét	189
● Bệnh đại tiện ra giun	190
● Trong bụng tích giun	190
● Bệnh đậu đã bay rồi, lên ung độc và đinh	190
● Bệnh đậu phá lở đã đen	191
● Thuốc trị bệnh, cấp kinh phong, mãn kinh phong	191
● Trị hỏa đơn thần phương	192

25. MỤC PHỤ CHÚ NAM KHOA của Dịch giả 194

DỊCH GIẢ
ĐỊNH NINH * LÊ ĐỨC THIẾP

傅青主女科

PHÓ THANH CHỦ NỮ' KHOA

KHOA CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ

của

Tác giả PHÓ THANH CHỦ

TRẦN-TU-VIÊN nói rằng : « Ông có trích 15 bài thuốc ở quyển
NỮ KHOA này chép vào quyển PHỤ KHOA TẬP CHỨNG của ông ».

DỊCH GIẢ
ĐỊNH NINH * LÊ ĐỨC THIẾP

傳青主女科

PHÓ THANH CHỦ NỮ KHOA

KHOA CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ

của

Tác giả PHÓ THANH CHỦ

TRẦN-TU-VIÊN nói rằng : « Ông có trích 15 bài thuốc ở quyển
NỮ KHOA này chép vào quyển PHỤ KHOA TẬP CHỨNG của ông ».

Lời dặn

Trong phần phiên dịch của Dịch-giả : Quyền NAM KHOA và NỮ KHOA, mọi quyền vào đoạn cuối đều có thêm phần :

PHỤ CHÚ về { **NAM KHOA**
NỮ KHOA

đề chú thích những câu có chữ về danh từ Y-học, Dược-học và Bệnh danh. Mỗi câu đều có đánh số 1, 2, 3, v. v. . .

Vậy khi đọc thấy những chữ số ở trong dấu ngoặc đơn như (1), (2), (3), v.v... xin xem trong bài phụ chú.

Dịch - giả

DỊCH GIẢ: ĐINH NINH - LÊ ĐỨC THIẾP

PHÓ THANH CHỦ • NỮ' KHOA



調 經

1. ĐIỀU KINH



經 水 先 期

KINH THỦY TIÊN KỲ

(Hành kinh trước ngày định kỳ)

Đàn bà có người hành kinh trước ngày định kỳ mà lại ra rất nhiều. Người ta cho là bởi chân huyết thiên về phần nhiệt (chỉ có huyết nóng, khí không nóng) mà ra trước kỳ và ra nhiều. Ôi, ai biết đó là bởi cả thủy và hỏa ở trong Thận đều vượng cả đầu !

Hỏa mà vượng quá thì huyết nhiệt, thủy mà vượng quá thì huyết nhiều, thế là bởi « thủy hỏa hữu dư » chứ không phải « bất túc ». Như thế có thể không phải uống thuốc. Nhưng nếu quá ư hữu dư, thì tử-cung nóng quá, cũng khó phân thụ thai. Cho nên cái sự quá ấy ta phải bớt đi, mới là cái đạo « ký tế » (2).

Vậy thì hỏa không có thể chịu được sự hữu dư, mà hẳn rằng thủy cũng không có thể để cho bất túc.

Phép trị bệnh này chỉ nên cho thanh nhiệt nhẹ, chứ bất tất phải bài tiết cả chân thủy.

Phương thuốc (1) này gọi là :

THANH KINH THANG 清經湯

青蒿 THANH CAO 2 đồng cân (bông, lá, gốc, rễ.
4 thứ đó dùng thứ nào chỉ dùng 1 thứ, đừng dùng lẫn lộn).

黄 柏	HOÀNG BÁ	5 phân, tằm nước muối sao.
地 骨 皮	ĐỊA CỐT BÌ	(bỏ xương) 2 đồng cân.
白 芍	BẠCH THUỘC	3 đồng cân, tằm rượu sao.
熟 地	THỰC ĐỊA (3)	3 đồng cân.
升 皮	ĐƠN BÌ	3 đồng cân.
白 苓	BẠCH LINH	1 đồng cân.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang, hòa tự nhiên bình.

Bài thuốc này tuy là những phẩm vật thanh hòa, nhưng mà là những vị có tính chất thêm Thủy. Như thế thì Hỏa tiết đi, mà Thủy không phải tiết đi cùng với Hỏa. Đó là tồn Hỏa mà ích Thủy.

oOo

Lại có người hành kinh trước ngày định kỳ mà chỉ có một, hai giọt, nghĩa là thấy ít. Người ta cho là huyết nhiệt cực, chứ ai biết rằng: hỏa trong Thận vượng mà làm cho âm thủy phải thiếu đi.

Ôi, cũng là thấy trước định kỳ, phải làm sao phân biệt được kẻ hư, người thực, mà lại chứng nghiệm được rằng: thấy trước định kỳ là bởi hỏa khí, mà kẻ nhiều người ít là bởi thủy khí.

Nghĩa là thấy trước kỳ mà thấy nhiều là hỏa nhiệt mà thủy hữu dư, thấy trước kỳ mà thấy ít là hỏa nhiệt mà thủy thì bất túc. Nếu đều cho là bởi hỏa nhiệt hữu dư, rồi chỉ tiết hỏa mà không bổ thủy, hay là lại tiết cả thủy và hỏa, thì cái bệnh lại càng nặng thêm mà thôi!

Phép trị đều không nên tiết hỏa, mà chỉ nên chuyên bổ thủy. Khi thủy đã đủ thì hỏa tự nhiên tiêu. Ấy cũng là cái đạo « ký tế » (2).

Phương thuốc (1) này gọi là :

LƯƠNG ĐỊA THANG — 兩地湯

生地	SINH ĐỊA	1 lượng, tằm rượu sao.
地骨皮	ĐỊA CỐT BÌ	3 đồng cân.
白芍	BẠCH THUỘC	5 đồng cân, tằm rượu sao.
玄參	HUYỀN SÂM	1 lượng.
麥門	MẠCH MÔN	5 đồng cân (khử tằm).
阿膠	A GIAO	3 đồng cân, sao chín.

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang thì kinh nguyệt điều.

Bài thuốc này dùng ĐỊA CỐT, SINH ĐỊA là vì 2 vị này hay thanh được cái nhiệt ở trong xương. Xương nóng là bởi Thận nhiệt. Khi đã thanh được cái nhiệt, ở xương tủy thì Thận khí tự nhiên cũng được thanh, mà lại không thương tổn đến Vị khí. Thế là khéo trị. Vả chẳng những vị thuốc dùng ở đây lại thuần là những vị bổ thủy, thủy mà thịnh thì hỏa tự nhiên bình.

Nên tham khảo với bài trên mà phân biệt một bệnh là thực, một bệnh là hư, thì trị bệnh ắt không bị lầm.

oOo

經水後期

KINH THỦY HẬU KỲ

(Hành kinh sau ngày định kỳ)

Có người hành kinh sau ngày định kỳ mà lại thấy nhiều. Người ta cho là bệnh huyết hư. Ôi, ai biết rằng không phải bệnh huyết hư mà là huyết hữu dư! Bởi vì thấy kinh sau ngày định kỳ thì cố nhiên là thuộc hư, nhưng kẻ thấy nhiều, kẻ thấy ít rất khác nhau: kẻ thấy ít là huyết hàn mà bất túc; kẻ thấy nhiều cũng là huyết hàn mà lại hữu dư.

Nghĩa là kinh thủy gốc từ Thận, mà sự lưu thông thì huyết ở ngũ tạng, lục phủ đều quy cả về đây. Cho nên đương cái lúc kinh nó hành, cái bào môn đã mở ra rồi, không đóng ngay lại được, thì các đường kinh huyết đều

chảy đến mà phụ thêm vào, rồi cứ nhân cái chỗ hở ấy mà chảy ra, thành ra huyết hữu dư. Nhưng huyết đã đều chảy ra thì cái sự hữu dư ấy cũng thành ra bất túc. Thế là huyết hư.

Nếu tìm phép trị thì chỉ nên bổ, mà trong phần bổ đó có thêm phần ôn huyết, tán hàn, chứ không thể bảo rằng: « những người thấy kinh quá ngày định kỳ, hết thấy là bởi huyết bất túc được ».

Phương thuốc (1) này gọi là :

ÔN KINH NHIẾP HUYẾT THANG 溫經攝血湯

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3)
白芍	BẠCH THƯỢC	1 lượng, tẩm rượu sao.
五味子	NGŨ VỊ TỬ	3 phân.
續斷	TỤC ĐOẠN	1 đồng cân.
川芎	XUYÊN KHUNG	5 đồng cân, tẩm rượu.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng cân, tẩm hoàng thổ sao (4).
肉桂	NHỤC QUẾ	5 phân, cạo sạch vỏ.
柴胡	SÀI HỒ	5 phân.

Lấy nước sắc uống, uống ba thang, kinh nguyệt được đều.

Bài thuốc này đại bổ tinh và huyết ở Can, Tỳ. Thân mà gia NHỤC QUẾ để khứ hàn, SÀI HỒ để giải uất. Thế là trong bổ có tán, mà tán không bị hao khí; trong bổ có tiết, mà tiết không bị tổn âm.

Thật là điều kinh diệu dược, nhiếp huyết tiên đơn.

Phàm những người « kinh lai hậu kỳ » ấy đều có thể dùng, nếu nguyên khí bất túc thì dùng thêm SÂM.

Bệnh này nếu bảo là vi huyết nhiệt mà nó chảy ra nhiều rồi dùng ngay thuốc hạn lượng cho uống thì lầm lẫn rất lớn.

經水先後無定期

KINH THỦY TIÊN HẬU VÔ ĐỊNH KỲ

(Kinh nguyệt trời sứt không đúng kỳ)

Lại có người kinh nguyệt khi hết rồi lại có, hay là khi trời, khi sứt không đúng kỳ. Người ta cho là bởi khí huyết đều hư. Ôi, ai biết là bởi uất khí ở CAN, THẬN.

Bởi vì kinh thủy phát xuất từ Thận mà Can là con của Thận (Thận thuộc thủy, Can thuộc mộc. Thủy sinh mộc). Can bị uất thì Thận cũng bị uất.

Nay khi trời, khi sứt, khi hết, khi có, chính là bởi cái khí ở Can khi bế, khi thông vậy.

Can Khí đã khi bế, khi thông, bất thường thì Thân Khí cũng không thông. Đó là cái lý đương nhiên. Con với mẹ là chỗ tương quan. Khi con có bệnh thì mẹ cũng có bệnh, chứ lại còn ngờ gì nữa.

Phép trị phải thư cái uất ở Can, tức là khai được cái uất ở Thận.

Ất với Quý (5) đồng trị tức là Can với Thận đồng trị, mà rồi kinh nguyệt được đúng kỳ. Cho nên sự sơ thông Can Khí càng nên gấp vậy.

Phương thuốc (1) này gọi là :

ĐỊNH KINH THANG 定經湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	1 lượng tầm rượu sao.
熟地	THỰC ĐỊA	5 đồng cân (3)
无絳子	THỎ TY TỬ	1 lượng, tầm rượu sao.
懷山	HOÀI SƠN	5 đồng cân, sao vàng.
茯苓	PHỤC LINH	3 đồng cân
荆芥穗	KINH GIỚI TUỆ	2 đồng, sao cháy
柴胡	SÀI HỒ	5 phân

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang thì kinh thủy sạch, uống 4 thang thì kinh đúng kỳ.

Bài thuốc này cho thư cái khí ở Can Thận không phải là thuốc thông kinh; cho bổ cái tinh ở Can Thận, không phải là thuốc lợi thủy. Bởi vì cái khí ở Can Thận mà được thư thì tự nhiên cái tinh được thông; cái tinh ở Can Thận mà được vượng thì tự nhiên chân thủy được lợi. Thế là không phải trị bệnh mà là trị bệnh mới là khéo trị bệnh.

oOo

經水忽斷, 忽來, 寒熱往來
KINH THỦY HỐT ĐOẠN, HỐT LAI,
HÀN NHIỆT VĂNG LAI

*(Kinh thủy đang có, một thoáng đã hết, một thoáng lại có,
và còn có cơn nóng cơn lạnh văng lai)*

Có người kinh thủy đang có, một thoáng lại hết, đã hết một thoáng lại có, lại còn làm cho trong bụng lúc đau lúc không (đau từng cơn) và cơn nóng cơn lạnh văng lai. Người ta cho thế là bệnh huyết ngưng. Ôi, ai biết bởi CAN KHÍ không được thư thái.

Bởi vì Can thuộc mộc mà tàng huyết, rất sợ gió lạnh. Đản bá dương cái lúc hành kinh, ở máu mở rộng, chợt gặp cơn gió thổi, khí lạnh tấp vào, thì Can Khí vì vậy bế tắc, mà đường kinh nguyệt cũng theo đấy bế tắc luôn, rồi lâu ngày làm cho làn da, thờ thịch và các kinh lạc cũng đều bế tắc. Bởi vậy sinh ra cái bệnh « hàn nhiệt văng lai ». Hễ cái Can Khí ấy hành ở dương phận thì phát nóng, mà hành ở âm phận thì phát lạnh, cái nóng lạnh quanh quẩn văng lai như thế là còn cảm nhẹ đó.

• Nếu cái cảm gió lạnh bên ngoài đã nhiều, lại tiếp ứng với cái nhiệt khí bên trong cũng không ít, thì cái sức nóng ấy thấm nhiễm vào ở máu (Nhiệt nhập huyết thất) có thể biến ra bệnh như điên như cuồng.

Phép trị nên nhắm ngay cái lúc nội nhiệt chưa tăng, ngoại hàn còn nhẹ, mà tức thời bổ huyết cho Can và thông uất nhiệt mà tán phong hàn. Như thế là « huyết hành, phong tự diệt » nghĩa là hệ huyết mà hành thì phong tự nhiên tiêu diệt. Đó là hay đệ nhất.

Phương thuốc (1) này dùng :

TỨ VẬT THANG GIA VỊ 四物湯加味 :

熟地	THỤC ĐỊA	1 lang (3).
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng tâm rượu sao.
川芎	XUYÊN KHUNG	3 — lấy rượu rửa.
柴胡	SÀI HỒ	1 —
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — tâm rượu sao.
粉丹皮	PHẤN ĐƠN BÌ	3 —
甘草	CAM THẢO	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tâm hoàng thổ sao (4)
延胡索	DIÊN HỒ SÁCH	1 — tâm giấm sao.

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này dùng TỨ VẬT để thêm âm huyết cho Tỳ Thận; dùng SÀI HỒ, BẠCH THƯỢC, ĐƠN BÌ để thông hòa cái phong uất ở Can Kinh; dùng CAM THẢO, BẠCH TRUẬT, DIÊN HỒ, để thuận lợi cho lưng với rốn mà thông hòa bệnh đau bụng. Tất cả dẫn vào cái khoảng giữa biểu với lý và thông hoạt vào trong các kinh lạc. Dùng thuốc mà đúng lúc và phải lẽ như thế thì tự nhiên thu được công hiệu nhanh như tiếng vang.

oOo

經水行後復行

KINH THỦY HÀNH HẬU PHỤC HÀNH

(Kinh thủy trong một tháng đã hành rồi lại hành nữa)

Đàn bà có người khi hành kinh ra quá nhiều mà có tháng hành kinh rồi lại hành nữa (một tháng 2 lần),

làm cho thân thể mỗi mệt, sắc mặt vàng ốm. Người ta cho là bởi huyết nhiệt hữu dư, chứ ai biết đó là huyết hư (ít mà lạnh) nó chẳng quy kinh (chẳng trở về chỗ thường của nó).

Hoặc có người bảo rằng : « huyết vượng thì kinh nhiều. huyết hư thì kinh ít ». Nay kinh ra nhiều mà lại bảo là huyết hư, thì phải có lý do chính đáng vậy.

Bởi chữ « Kinh » nghĩa là thường. thì việc của Kinh thường là giữ huyết. Kinh đã giữ huyết thì dù huyết vượng, huyết cũng chỉ ra có chừng. Nếu huyết không về với kinh để kinh giữ thì dù huyết hư, huyết cũng vẫn ra nhiều. Chứ không như người đời hễ thấy nói « huyết ra nhiều » thì liền bảo ngay là bệnh huyết vượng mà trị bệnh vượng. Như thế là lầm lẫn rất nhiều.

Ồi ! nếu nói hẳn rằng : kinh ra nhiều là huyết vượng thì con người phải khoẻ mạnh, mà đã hành kinh rồi thì tinh thần khí sức phải như thường. sao đến nỗi thấy kinh rồi lại thấy nữa mà còn lan man không thu giữ lại được. Thế không phải một bằng chứng rõ ràng là bởi huyết hư sao :

Huyết hư thì khí nhược, âm hư thì hại đến dương, bởi vậy cái sự mỗi mệt nó đem đến cho cơ thể ; huyết thiếu thì tinh bị tán, tinh tán thì xương không có tủy, bởi vậy cái vẻ đẹp không đem lên mặt.

Phép trị nên đại bổ huyết mà dẫn huyết về kinh.

Phương này dùng TỬ VẬT THANG GIA VỊ :

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3).
当归	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THUỘC	3 — tầm rượu sao.
川芎	XUYỀN KHUNG	2 — lấy rượu rửa.
白朮	BẠCH THUẬT	5 — tầm hoàng thổ sao (4)
山茱萸	SƠN THỦ NHỤC	3 — sao.
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	3 —
炒断	TỤC ĐOẠN	1 —
甘草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 4 thang, huyết dẫn về kinh uống 10 thang nữa, rồi lại uống 10 thang nữa, mỗi thang thêm SÂM 3 đồng cân, tháng sau hành kinh tự nhiên thấy vừa phải mà rồi dứt vậy.

Bài này dùng TỨ VẬT là một thân được đề bổ huyết; BẠCH TRUẬT, KINH GIỚI là đề bổ huyết mà trong đó có phần thông huyết; SƠN THỦ, TỤC ĐOẠN là đề chỉ huyết mà trong đó có phần hành huyết; gia CAM THẢO đề điều hòa mọi thứ cho đều được đúng độ. Như thế là huyết được đủ đề dẫn huyết về kinh, dẫn về kinh thì huyết được yên tĩnh.

oOo

經水數月一行

KINH THỦY SỐ NGUYỆT NHẤT HÀNH

(*Kinh thủy vài ba tháng một lần hành*)

Đàn bà có người vài ba tháng một lần hành kinh, sức khoẻ vẫn như thường, vì tuy có cái bệnh khi trời, khi sụt, nhưng không có cái nạn tháng nhiều, tháng ít, chính người đó chẳng lấy gì là lạ trong người mà sao mình lại lấy làm lạ. Bởi vì con người mà vô bệnh thì khí và huyết cả hai đều đầy đủ, không bị hao tổn, nên vẫn như thường.

Khí và huyết cả hai đều không bị suy kém mà kinh thủy lại vài tháng mới một lần hành là tại sao? Thật bởi cái chân khí của âm huyết đã được ấp ủ bên trong, lại cái chân dương của thận thủy không bị hao tổn. Còn người ấy ở trong giới phụ nữ là người có cái tiên cốt (xương tiên) trời cho, nên kinh thủy cứ mỗi tháng quý (một năm có 4 tháng quý: xuân quý, hạ quý, thu quý, đông quý) một lần hành. Bởi đã lấy tháng quý làm chuẩn đích thì tháng thừa, tháng thiếu cũng như trăng đầy, trăng khuyết bất luận nữa. Nếu con người ấy mà lại được thêm phép luyện hình (6) thì trong một năm có thể bay lên cao một cách dễ dàng.

Biết như thế, chứ không như người đời không biết hề thấy trong một tháng mà không có kinh thủy, nhân định ngay là có bệnh rồi bèn cho uống thuốc. Thật vốn là vô bệnh mà lại trị bệnh để thành có bệnh. Trị bệnh như thế, trái lại không bằng chẳng trị.

Điều đó, SƠN (tên tác-giả Phó-Thanh-Chủ) này được nghe bậc Dị Nhân truyền dạy rất là mở rộng mà rõ ràng, đề bảo cho người đời, hề thấy những người hành kinh như vậy thì bắt tất phải suy nghĩ hồ đồ đề trị liệu, tin chắc cả vạn phần chứ không ngờ là khí huyết bất túc mà bảo là phải thông kinh cho nó xa vời.

Tuy nhiên, cái người mà có cái tiên cốt trời cho đó rất là ít, chứ những người vì nhân sự, hoàn cảnh riêng mà làm cho khí huyết bị hao tổn thì lại rất nhiều. Nên không thể không lập một phép trị liệu để cứu giúp. Phép trị bệnh đó, rõ ràng là trị bệnh mà thông trị cho cả những người vô bệnh.

Phương thuốc (1) ấy đặc biệt gọi là :

TRỢ TIÊN ĐƠN 助 先 丹 :

白 茯 苓	BẠCH PHỤC LINH	5	n
陳 皮	TRẦN BÌ	5	-
白 朮	BẠCH TRUẬT	3	- tâm hoàng thổ sao (4).
白 芍	BẠCH THƯỢC	3	- tâm rượu, sao.
山 藥	SƠN DƯỢC	3	- sao.
羌 活	THỎ LY TỬ	2	- tâm rượu, sao
杜 仲	ĐỒ TRỌNG	1	- sao đứt tơ.
甘 草	CAM THẢO	1	-

Lấy nước sắc uống 4 thang mà kinh nguyệt trở lại bình thường.

Bài thuốc này trong phần bình bổ, thật có cái lý thần diệu, kiện Tỳ, ích Thận mà không trị trệ, giải uất thanh đàm mà không lợi tiết, chẳng làm hao tổn cái khí huyết thiên nhiên. Thật là một đại pháp để điều kinh, hà tất phải dùng những thuốc khác để thông kinh.

經未來, 腹先疼

KINH VI LAI, PHÚC TIÊN ĐÔNG

(Kinh chưa hành, đã đau bụng)

Có người trước khi hành kinh, đau bụng vài ba ngày rồi mới hành kinh, mà kinh ra nhiều những cục đen đen tím tím. Người ta cho là hàn cục mà thế. Ôi, ai biết đó là nhiệt cục mà hỏa bất hỏa. Bởi Can thuộc Mộc, mà trong Mộc có hỏa, cho nên Can Mộc có thư thái thì hỏa mới tuyên thông. Nếu Can Mộc mà uất kết thì hỏa chẳng bồng lên được. Nay kinh thủy muốn hành mà Can Mộc bị uất kết không tiếp ứng được thì hỏa khí bị ngăn, bị ép mà làm ra đau bụng. Đến khi kinh thủy đã đầy rồi, không thể chứa đựng được ở trong nữa phải tiết ra thì uất hỏa cũng theo cơn bức bội ấy mà tiết ra, cho nên khi tiết ra thì kinh thủy đã kết thành hòn cục đen tím. Vậy những màu sắc đen tím ấy là cái hình tượng « thủy hỏa lưỡng chiến ; » cái hòn cục ấy là trạng thái bị hỏa un đúc mà ứ kết lại, thì hẳn là cái sự đau bụng vài ngày rồi mới hành kinh chính là bởi cái hỏa uất ở trong đoạt mất cái quyền chỉ đạo của Can Mộc.

Phép trị nên sơ tiết cái hỏa ở Can Mộc cho thật mạnh. Nhưng nếu tiết hỏa mà không giải uất trước thì chỉ mới khử được cái hư nhiệt mà chưa trừ được cái thực nhiệt, cũng chẳng ích gì !

Phương thuốc (1) này gọi là :

TUYÊN UẤT THÔNG KINH THANG 宜散通經湯 ;

當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — tầm rượu, sao.
柴胡	SÀI HỒ	1 —
丹皮	ĐƠN BÌ	5 —
山梔	SƠN CHI	1 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	2 — sao, giã nát
香附	HƯƠNG PHỤ	1 — lấy rượu rửa
鬱金	UẤT KIM	1 — tầm giấm, sao.
黃芩	HOÀNG CẨM	1 — tầm rượu, sao.
甘草	CAM THẢO	1 — dùng sống.

Lấy nước sắc uống, uống liền 4 thang, tháng sau hành kinh hẳn là không bị đau bụng trước khi hành.

Phương thuốc này bỏ can huyết mà giải can uất ; lợi can khí mà giáng can hỏa, có như thể mới thu công được mau chóng.

oOo

經後小腹疼痛

KINH HẬU, TIỂU PHÚC ĐÔNG THỐNG

(Sau khi hành kinh rồi, đau bụng dưới)

Lại có người sau khi hành kinh rồi, mà đau bụng dưới. Người ta vẫn biết đó là bởi khí huyết hư. Ôi, ai biết đó là bởi Thận Khí bị khô khan.

Kinh thủy là thứ nước gốc của Thiên Nhất (Thận) (7), hễ mà đầy thì nó tràn ra mà vơi thì nó đóng lại, đó là lệ thường. Sao nay kinh thủy đã hành là đã vơi đi rồi mà còn có thể làm đau bụng ? Bởi Thận Khí một khi đã hư rồi thì Thận Thủy không còn đủ tưới bón cho Can Mộc, tất nhiên Can Mộc phải đòi hỏi ở Tỳ Thổ. Bụng dưới là bộ vị của THAI ÂM (8) (Tỳ thổ) tranh nhau với Can Mộc thì cái khí nó nghịch lên rồi nó khua động, nó thúc đầy mà làm đau.

Phép trị : chủ yếu là Thư Can và thêm vị để bổ Thận, Thận Thủy đủ thì Can Mộc được Thận Thủy tư dưỡng, Can Mộc đã bình thì Tỳ Thổ không bị Can Mộc bách hại nữa. Như vậy « nghịch mà đã cho thuận » thì làm sao còn có thể đau bụng được.

Phương thuốc (1) này dùng :

ĐIỀU CAN THANG 調肝湯 :

當歸	DUONG QUY	3 đồng, lấy rượu rửa.
白芍	BACH THUỘC	3 — tằm rượu, sao.
阿膠	A GIAO	3 — sao chín.
山藥	SƠN DƯỢC	5 — sao.

山 茱 肉 SƠN DU NHỤC 3 đồng
巴 戟 肉 BA KÍCH NHỤC 1 — tằm nước muối, sao
甘 草 CAM THẢO 1 —

Lấy nước sắc uống. Bài thuốc này bình hòa Can Khí, đã hay chuyển xuôi được cái nghịch khí, lại hay khai thông được cái uất thống. Những chứng bệnh sau khi hành kinh dùng phương thuốc này mà điều lý rất tốt, bắt tất phải trị đến bệnh đau bụng.

oOo

經 水 將 來 臍 下 先 疼 痛

KINH THỦY TƯƠNG LAI, TÊ HẠ TIÊN ĐÔNG THỐNG

(Trước ngày sắp hành kinh, dưới rốn quặn đau)

Lại có người trước ngày sắp hành kinh năm, ba ngày, dưới rốn quặn đau như dao cắt, có khi còn làm cho nóng lạnh rồi nó mới hành kinh mà ra như nước đậu đen. Người ta ai biết đó là Hàn Thấp nó lẫn lộn trong máu làm cho tri trệ.

Đàn bà có mạch Xung và mạch Nhâm ở Hạ tiêu, rất sợ hàn thấp. Mạch Xung (10) là huyết hải (bể máu), mạch Nhâm (10) là huyết thất (bào thai), kinh thủy theo 2 đường mạch ấy mà chảy ra ngoài.

Nay hàn và thấp đầy cả 2 kinh mạch ấy, cả 2 tranh nhau làm loạn ở bên trong cho nên phát đau. Hàn quá thì sinh ra vẩn đục mà chảy ra như nước đậu đen. Cái nước đen ấy rõ là màu sắc của « bắc phương hàn thủy » (9) (Thận), thề là bệnh thuộc hàn.

Như thế là tà khí càng thịnh, thì chính khí càng suy.

Phép trị nên lợi thấp, ôn hàn để cho 2 mạch Xung Nhâm không bị tà khí xâm lấn thì tự nhiên dưới rốn không bị quặn đau.

Phương thuốc (1) này gọi là :

ÔN HÓA TRỊ THẤP THANG 溫 大 治 濕 滯

白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tằm hoàng thổ, sao(4)
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	5 đồng, tằm nước muối, sao.
白朮	BẠCH QUẢ	10 quả, bỏ vỏ sao, giã nát.
扁豆	BIỀN ĐẬU	3 đồng, sao giã nát, bỏ vỏ.
建蓮子	KIỆN LIỀN TỬ	30 hạt, không bỏ tằm.
山藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao.
白茯苓	BẠCH PHỤC LINH	3 đồng.

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang khứ được tà khí, kinh thủy điều, mà lại có thể sanh đẻ. Thuốc này nên uống khoảng 10 ngày trước khi có kinh.

Bài thuốc này dùng BẠCH TRUẬT làm quân là để hoạt lợi cái khí ở lưng và rốn; dùng BA KÍCH, BẠCH QUẢ, làm tá là để thông cái khí ở mạch Nhâm, BIỀN ĐẬU, SƠN DƯỢC, LIỀN TỬ là để bảo vệ cái khí ở mạch Xung; PHỤC LINH làm sứ để trợ khí mà thãm thấp. Bởi vậy bệnh Hàn Thấp được tảo trừ mà điều kinh mà thụ thai. Nếu chỉ nhận định đại khái mà bảo ở Xung và Nhâm bị lạnh. Khi Xung, Nhâm đã bị lạnh thì Huyết hải biến thành băng hải, Huyết thất biến thành băng thất, đã vậy còn nói gì đến chuyện sanh sản và trị bệnh đau bụng cho hết được

oOo

經前吐血

KINH TIỀN THỔ HUYẾT

(Trước ngày hành kinh, thổ ra huyết)

Trước ngày hành kinh một, hai ngày. Có người hốt nhiên đau bụng mà rồi thổ ra huyết. Ôi! huyết không hạ mà lại nghịch thượng, làm sao đảo lộn đường kinh như thế? Người ta cho là bởi hỏa nhiệt cực, ai biết đó là cái khí ở Can nó nghịch lên.

Bảo rằng tại Can Khí nó ngược lên. Bởi vì tính của Can là cái tính rất gấp, chỉ ưa thuận mà không ưa nghịch. Hễ thuận thì Can Khí yên, mà nghịch thì Can Khí động.

Như vậy kinh mà thuận hành là bởi huyết chứ không phải bởi Can Khí. Nay kinh mà nghịch hành thì tại Can Khí chứ không phải tại huyết.

Hay là bảo rằng: « Kinh nghịch hành là tại Thận không phải tại Can ». Vậy nay huyết nghịch hành theo đường miệng mà ra thì cái lỗi ấy bởi Can không chịu chứa đựng huyết hay là bởi Thận không thấu nạp khí để dẫn xuống mà đến thế chẳng ?

Ồi ! cái hỏa ở THIẾU ẤM (11) (Thận) nó gấp như ngựa chạy, lại được Can Hỏa trực xung lên thì cái thế nghịch của nó càng nhanh chóng, nó xoay đường kinh làm cho huyết nghịch thượng rất dễ dàng.

Tóm lại, tuy bởi Can không giữ huyết, thực bởi Thận không nạp khí. Nhưng cái sự khiến nó vọt lên như thế thì bởi Can Khí làm chủ động.

Cho nên phép trị nên thuận khí để bình Can, bắt tất phải thêm tinh để bổ Thận. Nhưng kinh huyết mà diên đảo, phản phúc như thế, thì Thận khí cũng không tránh khỏi cái sự tổn thương, cho nên trong cái phần thuận khí cho Can cũng nên thêm phần nạp khí cho Thận.

Phương thuốc (1) này gọi là

THUẬN NẠP THANG 順納湯 :

當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rửa.
熟地	THỤC ĐỊA	5 — (3).
白芍	BẠCH THƯỢC	2 — tâm rượu sao.
丹皮	ĐƠN BÌ	5 —
白茯苓	BẠCH PHỤC LINH	3 —
沙參	SA SÂM	3 —
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	3 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang mà bệnh thổ huyết chỉ; uống 2 thang mà đường kinh thuận, uống 10 thang không tái phát.

Bài thuốc này trong phần điều kinh hòa huyết, có ngụ ý dẫn huyết từ ngược về xuôi. Khi Can Khí đã không nghịch mà Thận Khí đã thuận, thì làm sao lại còn có cái thể « Kinh nghịch hành » được.

oOo

經前大便下血

KINH TIÊN, ĐẠI TIỆN HẠ HUYẾT

(Trước ngày hành kinh, đại tiện ra máu)

Lại có người trước khi hành kinh một, hai ngày, kinh chưa hành mà đại tiện đã ra máu. Người ta cho rằng dần dần sẽ thành bệnh băng huyết (12). Nhưng ai biết đó là kinh thủy chảy vào Đại trường chẳng ?

Ồi ! Đại trường là cái đờng đi đại tiện với cái đường hành kinh, hai đường đều khác biệt nhau, thì làm sao huyết có thể vào cái khoảng hồi-trường (khúc ruột già bao quanh) mà chạy thẳng xuống hậu-âm (lỗ ỉa) được.

Há chẳng biết cái giầy của bào thai, trên thông lên Tâm, dưới thông xuống Thận — Tâm thuộc hỏa, Thận thuộc thủy, thủy hỏa phải giao với nhau thì kinh thủy mới hành đúng đường của nó — Nếu Tâm Hỏa, Thận Thủy mà bất giao, thì cái huyết ở bào thai không có gì kiểm soát, không có gì kim giữ lại được. Không kiểm soát, kim giữ lại được thì nó chẳng chảy xuống Tiểu trường (ruột non), nó chảy xuống Đại trường (ruột già) mà đại tiện ra huyết.

Xem người bị bệnh tiết tả kia. Khi mà đi tả thì tuyệt nhiên không có đi tiểu tiện. Một khi đã phân lợi được rồi thì tiểu tiện mới đi theo đường cũ của nó. Vậy có thể biết rằng : huyết đã chảy sang Đại trường mà đại tiện ra thì không có thể cũng theo đường ấy hay đồng thời bởi tiền âm (âm hộ) ra mà làm băng được.

Phép trị: Nếu chỉ cầm cái huyết ở Đại trường mà không hề khiến cho thủy hỏa tương tế (tâm hỏa, thận thủy giúp sức cho nhau) thì huyết làm sao tuần hành cho không sai đường được.

Phương thuốc (1) này gọi là

THUẬN KINH LƯƠNG AN THANG 順經兩安湯:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khử tâm.
熟地	THỰC ĐỊA	5 — (3).
山萸肉	SƠN DU NHỤC	3 — sao.
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	1 — lấy nước muối rửa.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 — lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — tẩm rượu, sao
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tẩm hoàng thổ, sao.(4)
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	2 —
升麻	THĂNG MA	4 phân.

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang chỉ được cái huyết chảy sang Đại trường mà kinh thủy nó hành theo đường cũ. Uống 3 thang kinh thủy sạch mà lại có thể thụ thai.

Phương thuốc này là thuốc đại bổ Tâm, Can, Thận, 3 kinh, hoàn toàn không phải hỏi gì đến bào thai, mà tự nhiên có huyết về với bào thai. Bởi cái khí của Tâm, Thận nó đã giao với nhau.

Nếu Tâm Thận mà hư thì cái khí nó phân chia nhau chứ không tương giao, nay Tâm Thận đã đủ thì cái khí hợp lại mà tương giao, thế thì cái khí ở bào thai cũng phải nghe theo cái quyền kim giữ của 2 kinh Tâm và Thận.

Như vậy, bệnh này chỉ bởi Tâm Thận bất giao, thì cứ cho thuốc bổ Tâm Thận được rồi, hà tất phải bổ cả Can. Ôi! không biết Can là con Thận (thủy sinh mộc) mà cũng là mẹ của Tâm (mộc sinh hỏa). Nay bổ Can thì cái Can Khí vãng lai ở cái khoảng Tâm và Thận, tự nhiên Can dẫn khí lên Tâm mà lại xuống Thận, dẫn khí xuống Thận mà lại lên Tâm, như có sự giới thiệu giúp nhau. Đó là một đại môn pháp để giao thông giữa Tâm và Thận, bất tất phải đặt ra vấn đề điều kinh.

經前洩水

KINH TIỀN, TIẾT THỦY

(Trước ngày hành kinh, ỉa chảy)

Đàn bà có người trước ngày hành kinh, cứ bị ỉa chảy ra như nước, một, hai ngày rồi mới hành kinh. Người ta cho đó là bởi huyết vượng. Nhưng ai biết đó là bởi Tỳ Khí hư.

Bởi vì công việc của Tỳ là giữ huyết, Tỳ mà hư thì không thể cầm giữ được huyết. Trục thuộc của Tỳ là thổ Tỳ mà hư thì tất nhiên thổ không thực (khô ráo, chần rẫn) thổ không thực thì bệnh thấp càng nặng. (thổ thuộc thấp).

Khi kinh thủy sắp chuyển động để hành, Tỳ đã không được khoẻ rồi, nên cái huyết mà Tỳ giữ đó muốn đem rót xuống huyết hải (14) để hành kinh đã bị cái « thấp » nó xâm lấn tới. Bởi vậy ỉa chảy cho hết cái thấp trước rồi mới hành kinh.

Phép điều kinh : muốn trị thấp thủy phải điều huyết trước, muốn điều huyết phải bổ khí trước. Khí đã vượng thì thấp tự nhiên trừ, huyết tự nhiên đầy đủ, kinh tự nhiên điều.

Phương thuốc (1) này gọi là

KIỆN CỔ THANG 健固湯 :

人參 NHÂM SÂM 5 đồng (13)

白朮 BẠCH TRUẬT 1 lạng, tầm hoàng thổ, sao (4).

蒼朮仁 Ý DĨ NHÂN 3 đồng sao.

茯苓 PHỤC LINH 3 —

巴戟肉 BA KÍCH NHỤC 3 — tầm nước muối.

Lấy nước sắc uống. Uống 10 thang hết bệnh ỉa chảy trước ngày hành kinh.

Bài thuốc này kiện Tỳ Khí để cố Tỳ Huyết thì huyết yên ở trong khí. Tỳ Khí ngày ngày mạnh thì thấp tự nhiên tiêu; thấp khi đã tiêu tan hết thì kinh tự nhiên điều. Như thế thì làm sao lại còn có cái bệnh « kinh tiền, tiết thủy » nữa.

年老, 經水復行
NIÊN LÃO, KINH THỦY PHỤC HÀNH
(Tuổi đã già, còn hành kinh trở lại)

Đàn bà có người năm, sáu mươi tuổi, kinh thủy hết đã lâu, hốt nhiên lại hành kinh, người thì ra những hòn cục đen đen, tím tím, người thì ra huyết đỏ mà giầm giề, rỉ rả. Có kẻ bảo thể là cái triệu chứng dần dần sẽ băng huyết (12)

Đàn bà, ngoài cái tuổi 7 tuần 7 ($7 \times 7 = 49$) nước Thiên Quý (15) (Thận) đã hết, lại không có thêm phép luyện hình (6), thì làm sao có thể đầy đủ tinh huyết mà hành kinh như người thiếu phụ được. Như vậy nếu không phải bởi Can không tàng huyết, hẳn là bởi Tỳ không nhiếp huyết.

Huyết không nhiếp, tinh không tàng thì tinh huyết tiết ra mà cái hỏa ở Mạch Môn nó động lên, rồi cái khí uất lên mà sức nóng ở Long Lôi (16) phát ra. Hai cái hỏa ấy giao nhau hun đốt thì huyết bốn tâu rồi chảy ra, tựa hồ như hành kinh mà thật không phải là hành kinh.

Những chứng ấy nếu không đại bổ khí huyết cho Can Tỳ, thì làm sao mà cầm ngay được cái huyết. Nếu không cầm được thì sợ rằng huyết thoát thì khí cũng thoát. Khí huyết cùng thoát có thể nguy hại.

Phương thuốc (1) này gọi là **AN LÃO THANG**: 安老湯

人參	NHÂN SÂM	1 lượng. (13)
生黃芪	SINH HOÀNG KỶ	1 lượng.
熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng. (3)
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 đồng cân, sao.
阿膠	A GIAO	1 đồng cân, sao chín.
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	1 đồng cân.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng cân, lấy rượu rửa.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng cân, tẩm hoàng thỏ, sao. (4)

甘草	CAM THẢO	1 đồng cân.
香附	HƯƠNG PHỤ	5 phân, tẩm rượu, sao.
水耳	MỘC NHĨ	1 đồng cân, sao cháy

Lấy nước sắc uống. Uống một, hai thang bột, uống bốn thang bột nhiều, uống mười thang hết hẳn.

Phương thuốc này đã hay bổ ích cho cái khí ở Can Tỳ, cái khí mà đủ thì tự nhiên cầm máu, lại hay dai bổ Thận Thủy, thủy mà đủ thì Can Khí tự nhiên thư thái, Can được thư thái thì Tỳ được tư dưỡng. Như vậy thì Can tàng huyết, Tỳ nhiếp huyết, làm sao còn có bệnh tiết (17), bệnh lậu (18), làm sao còn phải lo sợ có bệnh băng (12), bệnh làm (19) nữa.

oOo

年未老經水斷

NIÊN VỊ LÃO, KINH THỦY ĐOẠN

(Tuổi chưa già, kinh thủy đã hết)

Theo luật thiên nhiên, cái tuổi của phụ nữ cứ 7 tuổi 7 (7 x 7 — 49) thì nước Thiên Quý (Thận) (15) hết, tức là hết đường kinh thủy, thế mà có người chưa tới cái tuổi 49 ấy đã hết kinh thủy trước tuổi của mình. Người ta cho đó là huyết khô quá độ. Nhưng ai biết đó là cái khí ở Tâm Can Tỳ nó bị uất. Nếu cái huyết mà khô thật thì làm sao còn sống ở đời? Người đời hễ thấy nói « kinh thủy bất hành » thì cứ nói vội ngay là « huyết khô », nhưng thật không phải « huyết khô » mà là « kinh bế ».

Ôi! kinh vốn không phải là huyết. Kinh là cái nước Thiên Nhất (7) từ trong Thận chảy ra. Kinh có cái « tinh » chỉ âm, lại có cái « khí » chỉ dương mà màu sắc đỏ. Thế thì tinh là âm, khí là dương; nước là âm, màu đỏ là dương, tức là trong âm có dương vậy.

Thánh Hiền ngày xưa sở dĩ lập ra cái danh từ « kinh thủy » : Kinh là thận kinh, thủy là nước. Kinh thủy là cái nước ở Nhâm Quý Thủy (Thận) (15) nó hóa ra, mà trong cái sự hóa ấy có dương sinh, âm hóa, mà âm dương sinh hóa thì tự nó thường thường có kinh mỗi tháng một lần. Cho nên kinh thủy còn gọi là nước Thiên Quý (15).

Không như người đời cứ theo thói quen gọi là huyết, không suy nghĩ gì ý nghĩa cả. Cho là màu đỏ như máu, thì bèn lấy chữ huyết mà gọi. Thật là cai lầm ngàn đời, không thể nào phá vỡ ra được.

Nếu thật nó là huyết, thì sao không gọi ngay là huyết, mà lại gọi là thủy? Nếu huyết ra thường thì huyết ở đâu ra mà gọi là kinh?

Người đàn bà một khi đã có thai, bèn lấy nước ấy nuôi thai, mà không có kinh nguyệt nữa; một khi đã sanh con thì nước ấy hóa sữa nuôi con mà nhiều tháng không có kinh nguyệt nữa. Nước sữa màu trắng, nước trong bào y (cái nhau) cũng màu trắng mà đều có thể gọi là huyết sao?

Tuổi đến 49 mà nước Thiên Quý (15) hết, tức là hết nước Nhâm Quý Thủy (Thận) (15). Hết nước Nhâm Quý Thủy tức là hết kinh thủy, hết kinh thủy thì hết hành kinh.

Vậy thì kinh thủy là nước ở Thận Kinh, không phải là huyết, nếu mà là huyết, thì sao cái huyết lưu hành trong thân thể con người không thấy nó thiếu. Thế thì kinh mà hết sớm cứ nên trách vào một Thận Thủy.

Đã nói là kinh hết sớm cứ nên trách vào một Thận Thủy mà ta lại bảo là tại cái « khí » ở Tâm Can Tỳ, 3 kinh ấy nó uất lên là tại sao?

Tại vì, tuy là chủ ở Thận Thủy, nhưng dưới Thận Thủy còn có cái khí của Tỳ Thổ, dưới Tỳ Thổ còn có cái khí của Can Mộc; dưới Tâm Hỏa lại có cái khí của Thận Thủy, nghĩa là Tâm Can Tỳ đều có tương quan với Thận Thủy. Nếu 3 kinh ấy mà có một kinh bị uất, tức thì cái khí ấy không

nhập Thận, thì Thận Khí cũng vì vậy mà không thông. Hưởng chi nay cả 3 kinh đều bị uất, mà Thận Khí vốn đã hư rồi thì không thể tràn đầy mà hóa kinh được. Cho nên bế tắc lại mà không hành kinh theo đúng thời kỳ, dù rằng cái tuổi chưa tới 49.

Phép trị tất phải tán cái uất khí ở Tâm Can Tỳ, mà đại bổ cái chân khí của Tâm Can Tỳ thì tinh khí ở Thận tràn đầy mà kinh thủy tự nhiên hành.

Phương thuốc (1) này gọi là :

ÍCH KINH THANG 益經湯 :

人參	NHÂN SÂM (13)	2 đồng.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 — lấy rượu rửa.
生棗仁	SINH TÁO NHÂN	3 — giã nát.
丹皮	ĐƠN BÌ	2 —
沙參	SÀ SÂM	3 —
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — tẩm rượu, sao (4).
柴胡	SÀI HỒ	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tẩm hoàng thổ sao (4)
熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3).
杜仲	ĐỒ TRỌNG	1 đồng, sao đen.
山藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao.

Lấy nước sắc uống. Uống 8 thang mà thông kinh, uống thêm, uống đến khi kinh không bế nữa, lại có thể thụ thai.

Phương thuốc này kiêm trị cả 4 kinh : Tâm, Can, Tỳ, Thận. Rất hay ở cái chỗ bổ mà dễ thông, tán mà dễ khai. Nếu chỉ bổ mà không thông thì không khai được uất mà sinh hỏa, nếu chỉ tán mà không khai thì càng hao khí mà lại thương tinh. Nếu lại đặt ra vấn đề dùng thuốc công phạt để khai phá, dùng thuốc tán nhiệt để tâu tán, thì càng nguy vậy.



種子

2. CHỦNG TỬ

(Trồng giống cầu con)



身瘦不孕

THÂN SÁU BÁT DỤNG

(Người gầy không thụ thai)

Đàn bà có người thân thể gầy còm, lâu năm không mang thai sanh đẻ, hễ mỗi lần giao cảm với nhau, tức thì bề ngoài thân thể bị mệt nhọc. Người ta cho là bởi « khí hư » chứ ai biết đó là bởi « huyết hư ».

Bảo rằng : « huyết » tàng ở Can, « tinh » chứa ở Thận, tinh huyết đầy đủ, mỗi khi giao cảm, tinh huyết bèn tiết ra. Đó là lẽ thường.

Nếu Thận Tinh và Can Huyết đều hư cả, thì tại sao mà hư ? và đã hư thì lấy gì mà tiết ?

Há chẳng biết rằng : Can Khí mà không dẫn xuống thì Thận Tinh không thể tiết ra. Vậy thì Thận Tinh mà tiết ra là bởi nhờ có Can Khí dẫn xuống. Một khi Can Khí dẫn xuống, Thận Tinh đã tiết ra rồi, thì Can bị khô, không còn được chịu sự tưới mát của Thận nữa. Bởi Thận là mẹ của Can, (Thận thủy sinh Can mộc) mẹ đã bị tiết tinh đi thì không thể còn nước để phân chia mà tưới bón nuôi con được.

Như thế thì cây khô là bởi thiếu nước. Đã khô mà lại thiếu nước tất sinh hỏa, mà cái hỏa ấy cứ khuấy động âm thầm để đốt cái tinh khí của Thận cho khô cạn. Bởi vậy, Thận Tinh hư thì Can Huyết cũng hư.

Hướng chi. Người gầy đã mang sẵn cái tinh chất « đã hỏa » trong con người. Nay lại tiết mất cái tinh đi thì nước càng thiếu. Nước đã càng thiếu mà lửa lại càng cháy, thế là cái hình tượng « vị tế » (20) « hỏa ở trên thủy », nghĩa là hỏa nhiều hơn thủy, thì thủy cạn dần.

Tóm lại chỉ bởi người gầy, huyết ít thì càng hay động hỏa, hỏa động mạnh càng dễ tẩu tiết chân tinh. Cái hỏa đã hư lại tảo ấy làm cho huyết hư, nên không hay sinh sản.

Phép trị nên đại bổ thận thủy mà bình can mộc, thủy vượng thì huyết vượng, huyết vượng thì hỏa tiêu. Thế mới thành cái hình tượng « Kỳ tế » (2) « thủy ở trên hỏa » nghĩa là thủy nhiều hơn hỏa thì hỏa phải tắt.

Phương thuốc (1) này gọi là :

DƯỠNG TINH CHỨNG NGỌC THANG 養精種玉湯

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3)
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 đồng cân, sao chín.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng cân, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THUỘC	5 đồng cân, tẩm rượu sao.

Lấy nước sắc uống, uống mỗi ngày một thang trong 3 tháng, có thể khoẻ mạnh mà thụ thai.

Phương thuốc này chẳng những bổ huyết mà nhất là hay bồi đắp chân tinh. Âm tinh mà đầy đủ thì tử cung mới dễ chiêu nạp dương tinh, bởi nó là đồng loại dễ theo với nhau. Âm huyết mà đầy đủ thì tử cung mới dễ cầm giữ dương tinh, bởi nó là đồng phong dễ cảm với nhau. Uống thuốc này nên tiết dục (ít động phòng) 3 tháng để tâm hồn yên tĩnh, tinh thần thanh sáng thì không có lý nào mà không mang thai. Nếu kẻ luôn luôn tham dục (đa dâm) thì chắc là không hiệu nghiệm.

oOo

體肥不孕

THỂ PHI BẤT DỤNG

(Người béo không thụ thai)

Lại có người thân thể béo tốt tuyệt nhiên không ốm đau gì mà chẳng thụ thai. Người ta cho kẻ ấy là khí huyết qua tr đầy đủ, chứ ai biết người đó bởi bệnh thấp nhiều mà chân khí hư.

Ôi! người ta nói cảm thấp là cảm cái thấp khí ở ngoài (ngoại thấp) mà người béo này là sẵn có thấp khí ở trong người (nội thấp), bởi Tỳ Thổ đã tự có bệnh thấp vậy.

Ta thường thấy những người mắc bệnh thấp rất nặng ấy phần nhiều là người béo, mà người béo thì phần nhiều là lấm đăm lấm dãi, bề ngoài coi khoẻ mạnh mà bề trong thật là yếu ớt.

Trong đã yếu thì chân khí suy. khí suy thì thấp khí càng không lưu hành. Thấp khí không lưu hành đi, thế tất nhiên nó ở lại mà thấm vào trong bào thai, lâu ngày, nhiều tháng, bào thai sẽ thành một cái hang đầy đầy những nước.

Vả chẳng người đàn bà mà béo, trong bụng ắt đầy những thịt và mỡ làm cho tử cung bị che lấp, bị ngăn cách không thể chịu lấy dương tinh, lại thêm cái bệnh thủy thấp nặng quá càng dễ biến hóa cái tinh ấy ra nước.

Phép trị tất nhiên phải « tiết thủy, hóa đăm » làm chủ. Nhưng nếu chỉ tiết thủy hóa đăm mà không cấp bổ tý vị thì dương khí không vượng lên mà thấp đăm cũng chẳng tiêu đi.

Nếu chỉ giảm tồn bệnh đăm bệnh thấp mà không bổ ích con tý con vị thì ta thấy là chưa được.

Phương thuốc (1) này dùng:

BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA VỊ 補中益氣湯加味:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
黃芪	HOÀNG KỶ	3 — dùng sống.
白朮	BẠCH TRUẬT	2 lạng, tằm hoàng thổ, sao (4).
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng. lây rượu rửa.
甘草	CAM THẢO	1 —
柴胡	SẠI HỒ	1 —
升麻	THĂNG MA	4 phân.
陳皮	TRẦN BÍ	5 phân.

茯苓 PHỤC LINH 5 đồng
半夏製 BẢN HẠ CHẾ 3 đồng.

Lấy nước sắc uống, uống 8 thang, đàm dãi tiêu hết, lại uống 10 thang, thủy thấp ở bào thai thông lợi ra, thì tử cung khô ráo dễ chịu lấy dương tinh mà có thai.

Phương thuốc này rất hay. Hay ở chỗ nâng Tý khí đưa ngược lên trên để làm mây mưa thì thấp thủy sẽ trở xuống dưới mà thông lợi ra; giúp Vị khí thông tiêu ở dưới để sinh tân dịch thì đàm dãi sẽ chuyển lên trên mà tiêu hóa đi. Bất tất phải dùng đến những vị thuốc mài gọt để giảm sức béo, mà sức béo vẫn không trở ngại; bất tất phải dùng đến những vị thuốc khai phá để lợi thai khiếu, mà thai khiếu vẫn hay thông lợi. Như thế thì dương khí đầy đủ, thấp đàm tiêu tán, tự nhiên hay nhận lãnh hạt giống thì còn lo gì là không thụ thai.

oOo

怯弱不孕

KHIẾP NHƯỢC BẤT DỤNG

(Nhút nhát yếu đuối không thụ thai)

Đàn bà có người khí sức yếu hèn, ăn uống ít ỏi, đã lâu không thụ thai. Người ta cho là chân khí của Tý Vị hư, chứ ai biết đó là chân khí của Thận thiếu.

Ồi! Thận khí ắt phải dẫn lên, mới hay làm cho Tý Vị dễ tiêu hóa. Nếu Thận khí bị hãm ở dưới, không dẫn lên, làm cho người ta kém phần dinh dưỡng của thủy cốc, thì tinh thần sẽ sinh ra khiếp nhược.

Như thế tựa hồ bệnh ở Tý Vị, nhưng cái khí của Tý Vị, thật sinh ra bởi Thận. Bởi vì không có cái thủy khí ở trong Thận thì Vị khí không thể thăng, dâng; không có cái hỏa khí ở trong Thận thì Tý khí không thể vận hóa. Thế thì muốn bồi Tý Vị, há không cấp bồi cái khí của lưỡng Thận sao:

Phép trị : Bồ Thận mà kiêm bổ cả Tý Vị thì 2 khí thủy hỏa ở trong Thận sẽ thăng-đề khi chi-dương lên.

Phương thuốc (1) này gọi là :

THĂNG ĐỀ THANG 升提湯 :

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3).
山萸肉	SƠN DU NHỤC	3 đồng. sao.
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	1 lượng, tằm nước muối.
枸杞子	CÀU KỴ TỬ	2 đồng.
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tằm hoàng thổ, sao (4)
人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13).
生黃芪	SINH HOÀNG KỴ	5 đồng.
柴胡	SÀI HỒ	5 phân

Lấy nước sắc uống. (uống mỗi ngày một thang) uống trong thời gian 3 tháng thì Thận khí đại vượng, uống thêm tháng nữa, tất nhiên thụ thai.

Phương thuốc này là thuốc bổ Khí mà đa số là bổ Tinh, tựa hồ chỉ chú về bổ Tý Vị, chẳng chú ý đến Thận khí. Thế nhưng không biết rằng: Tý Vị khỏe thì tự nhiên dễ sinh tinh, là vì bổ khí và huyết của Tý Vị, chính là bổ tinh và nước của Thận. Hướng hồ lại lấy những dược phẩm bổ tinh làm quán, bổ khí làm thần, quán thần tương xứng, tức là âm dương thủy hỏa giao hòa thì mỗi lúc « sở ngộ » sẽ đều là bộ máy sinh hóa cả, làm sao có thể không sanh đẻ được.

oOo

虛寒不孕

HƯ HẠN BẤT DỤNG

(Hư nhược, hàn lãnh không thụ thai)

Lại có người ăn uống không vận hóa, trong bụng ngăn cách, đầy trướng. nhiều khi còn phát bệnh ói mửa, ỉa chảy, làm cho đã lâu không thụ thai. Người ta cho là bởi cái ăn đình tích, cái khí ngưng trệ, chứ ai biết đó là Tý Vị hư hàn.

Tỳ Vị mà hư hàn là bởi Tâm Thận : Vị Thờ (con Vị thuộc thờ) mà không có Tâm Hỏa thì không sinh hóa, Tỳ Thờ mà không có Thận Hỏa cũng không sinh hóa. Nếu Tâm Thận Hỏa mà suy thì Tỳ Vị Thờ mất sinh khí Tỳ Vị Thờ mà mất sinh khí đã không thể tiêu hóa cơm nước để chuyển vận tinh vi thì tự nhiên không có tân dịch để tưới bón thấm nhuần cho bào thai.

Vậy Tỳ Vị không khỏe, tất nhiên mạch Đái (21) vô lực. Mạch Đái mà vô lực thì có thụ thai cũng vẫn sợ cái thai có thể trụy hạ.

Phép trị : Nên bồi hòa cho Thận, Mạnh-môn và Tâm-bào-lạc để ôn cái hỏa cho 2 kinh Tỳ Vị. Vị Thận, Mạnh-môn và Tâm-bào-lạc là mẹ của Tỳ Vị (hỏa sinh thờ). Mẹ mà khỏe ắt con không yếu, mẹ mà giàu ắt con không nghèo. Đó là ý nghĩa « con có bệnh thì chữa mẹ ».

Phương thuốc (1) này gọi là :

ÔN THỒ DỤC LÂN (22) THANG 温土毓麟汤 :

巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	1 lượng, tầm rượu.
懷山	HOÀI SƠN	5 đồng, sao.
覆盆子	PHÚ BỒN TỬ	1 lượng, tầm rượu, sao.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, tầm hoàng thờ sao (4)
人參	NHÂN SÂM	3 — (13).
神曲	THẦN KHÚC	1 — (23).

Lấy nước sắc uống, uống mỗi ngày một thang. Uống trong thời gian một tháng có thể gieo giống cầu con.

Phương thuốc này không phải dùng nhiều vị mà trị cả 4 kinh. (Mạnh Môn, Tâm Bào Lạc, Tỳ, Vị). Muốn bồi Tỳ Vị phải bồi hòa ở Mạnh Môn, Tâm Bào Lạc trước thì Tỳ Vị không còn phải lo rằng hàn lãnh. Đó là làm cho mẹ con (tâm hỏa sinh Tỳ thờ) nhận nhau hòa hợp một nhà mà khí huyết vượng mới hay khiến cho mạch Đái hữu lực. Mạch Đái đã hữu lực thì còn lo gì cái thai nó trụy hạ.

腰痠腹脹不孕

YÊU TOAN, PHÚC TRƯỞNG BÁT DỤNG

(Lưng đau, bụng trướng không thụ thai)

Đàn bà có người ngang thắt lưng, dọc xương sống đau ê buốt, lai đau giầy trắng, bụng đầy trướng có hòn, không thể ngồi, đứng đau lâu, xoay trảm kế đề cầu tự không được. Người ta cho là quả Thận và ngang lưng hư hàn. Ai biết đó là mạch Nhâm (10), mạch Đốc (24) bị bệnh.

Nghĩa là mạch Nhâm đi ra đằng trước mình, mạch Đốc đi ra đằng sau mình, 2 mạch đều từ mạch Đái (21) mà đi lên đi xuống.

Mạch Nhâm mà hư thì mạch Đái trụt xuống phía trước, mạch Đốc mà hư thì mạch Đái trụt xuống phía sau. Mạch Nhâm, mạch Đốc mà hư cả, ắt là phát ra chứng Sán, Hà (25).

Sán, Hà làm trở ngại cho bào thai mà bên ngoài phát trướng thì bào thai co lại ở trong Sán Hà.

Bào thai co lại, dầu có luôn luôn cấy tinh trùng vào cũng không hấp thụ hay dầu có ăn đến ngọc-yến tâm bồ cũng chẳng ích gì.

Phép trị nên khử Sán Hà trước rồi bỏ ngay cho mạch Nhâm, mạch Đốc thì ngoài không chướng ngại, tự nhiên trong có thể dung nạp.

Như vậy sự vui mừng là có « dục lân » (22) chẳng phải chờ đợi bao lâu.

Phương thuốc (1) này dùng :

THĂNG ĐÀI THANG 升帶湯 :

白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tằm hoàng thổ, sao (4)
人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13).
半夏製	BÁN HẠ CHẾ	1 —
神曲	THẦN KHÚC	1 —
沙參	SA SÂM	5 —

肉桂	NHỤC QUẾ	1	— cao sạch vỏ.
茯苓	PHỤC LINH	3	—
字 莽 粉	BỘT TẸ PHẤN	3	— (Xem phụ chú Nam Khoa)
螢 甲	BIẾT GIÁP	3	— sao.

Lấy nước sắc uống, uống một thời gian dài, thì cái khí mạch Nhâm, mạch Đốc được vượng.

Phương thuốc này hoạt lợi cho lưng và rốn tức là đề dân cái khí của Nhâm và Đốc lên. Cái khí của Nhâm và Đốc lên, tự nhiên bệnh Sản hạ không có cái thể tồn tại, huống chi lại có NHỤC QUẾ đề tán hàn; PHỤC LINH đề lợi thấp; BỘT TẸ đề khử tích; BIẾT GIÁP đề đánh tan chất cứng, thể thì 8 mạch (26) đã thông hòa mà kỳ-kinh (27) không có bệnh.

oOo

便澀, 腹脹, 足浮腫不孕

TIỆN SÁP, PHỤC TRƯỞNG, TỨC PHÙ THŨNG BÁT DỤNG

(Đái gắt, bụng đầy, chân phù thũng, không mang thai)

Lại có người tiểu tiện gắt rit khó khăn, trong bụng đầy trướng, chân phù thũng, không thụ thai. Người ta cho là nhiệt ở tiểu trường. Ai biết đó là cái khí ở Bàng-quang không phân hóa.

Bởi vì cái khí thủy thấp trong con người ắt phải chạy xuống Bàng-quang rồi phân hóa mà đái ra. Nếu Bàng-quang không thể tự phân hóa được thì phải nhờ Thận Khí tương thông mới có thể hóa ra nước mà đái ra.

Nay bàng-quang không nhờ được Thận Khí tương thông thì thủy thấp không phân hóa mà thấm vào trong bào thai, làm cho bào thai biến thành như mảnh ruộng lênh láng những nước làm sao mà sinh vật được. (Biết rằng Bàng-quang và bào thai gần nhau, Bàng-quang có bệnh thì bào thai cũng có bệnh).

Phép trị: Cho mạnh Thận Thủy để hóa cái thấp ở Bào thai; cho tăng Thận Hỏa để tiêu cái thủy ở Bàng-quang. Như vậy Tiên Thiên (Thận) (28) mà đã mạnh, thủy thấp tự nhiên trừ, Bàng-quang đã lợi, bào thai đã ấm, không có lẽ gieo hạt giống mà không được gặt.

Phương thuốc (1) này gọi là:

HÓA THỦY CHỨNG TỬ THANG 化水種子湯:

巴戟	BA KÍCH	1 lượng, bỏ xương, tâm nước muối
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, sao vàng.
人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13).
先絲子	THỎ TY-TỬ	5 — thứ thiết.
芡實	KHIẾM THỰC	5 —
茯苓	PHỤC LINH	5 —
車前子	XA TIỀN TỬ	2 — tâm rượu sao.
肉桂	NHỤC QUẾ	1 — sao sạch vỏ.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang mà hóa được cái khí ở Bàng-quang, uống 1 thang mà trừ được chứng dai gặt, lại uống 10 thang mà tiêu được cái bệnh đầy trướng sưng phù; lại uống một thời gian dài nữa mà Thận Khí khỏe mạnh, bào thai ấm áp, ắt là dễ thụ thai.

Phương thuốc này hoàn toàn bỏ cái khí ở trong Thận mà thông lợi cho Bàng-quang: hoàn toàn cho mạnh cái hỏa ở trong Thận mà là làm ấm cho bào thai. Rất hay ở chỗ bỏ hỏa mà không lo rằng nóng ráo; bỏ thủy mà không phải dùng vị thuốc nhu nhuận, chỉ lấy vài vị thông lợi làm tá, không cần phải xối xả hay gạn lọc. Thật là thêm phần dinh dưỡng tốt tươi này nở vô cùng.

o(0

骨蒸, 夜熱不舉

CÓT CHUNG, ĐẠ NHIỆT BẤT DỰNG

(Trong xương hun nấu lại nóng về đêm không thụ thai)

Đàn bà có người trong xương nung nấu nóng hầm.

lai phát nóng về đêm, khắp mình như lửa, miệng lưỡi khô ráo, ho hắng nhớt dãi, khô mà có con. Người ta cho là « thực hỏa, nên cho tả », nhưng ai biết đó là « hư hỏa nên cho bổ » đâu !

Ôi ! đất ướt lạnh, cây không mọc lên được mà ruộng khô cháy, cây cũng không lớn lên được. vậy trong xương tủy mà nóng thì bào thai bị trở ngại.

(Nói về bào thai, trên liên hệ đến Tâm bào, Tâm-bào thông vào Tâm, Tâm là dương thuộc hỏa ; dưới liên hệ đến Mạnh-môn, giã Mạnh-môn thông vào Thận, Thận là âm thuộc thủy. Thế là bào thai liên hệ đến cả Tâm hỏa và Thận thủy).

Bởi vì bào thai đã thông vào Thận, mà xương tủy phải nhờ Thận thủy tư hóa. Nay Thận thủy không đủ tư hóa cho xương tủy, thì xương tủy nóng quá, thành ra trong xương rỗng không, chỉ còn cái sức nóng cháy của Tâm hỏa, lấy gì mà tư dưỡng cho bào thai. Vậy bào thai không được sự tư dưỡng của xương tủy, làm sao bào thai không nóng.

Phép trị cần phải thanh nhiệt ở trong xương, mà nhiệt ấy là bởi Thận thiếu nước. Vậy phải bổ Thận thủy trước thì cái bệnh nóng trong xương mới có thể hết.

Ý nghĩa . Đất khô mà không lo cháy cả cánh đồng bởi vì đã có mưa mọc thì hẳn là mừng được sự thấm nhuận tưới mát. Vương-Thái-Bộc (45) rằng : « TRẮNG THỦY CHI CHỦ, DĨ CHẾ DƯƠNG QUANG » nghĩa là phải mạnh phần bổ thủy để trị hỏa, chứ không phải tả hỏa để trị bệnh này.

Phương thuốc (1) này gọi là :

THANH CỐT TỬ THẬN THANG 清骨滋腎湯 :

地骨皮	ĐỊA CỐT BÍ	1 lượng, lấy rượu rửa.
丹皮	ĐƠN BÍ	5 đồng.

石斛	THẠCH HỘC	2 đồng
麦冬	MẠCH ĐÔNG	5 — bỏ tim.
元参	NGUYỄN SÂM	5 — lấy rượu rửa.
沙参	SA SÂM	5 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	5 phân, sao, giã nát.
白朮	BẠCH TRUẬT	3 đồng, tằm hoàng thổ sao (4).

Lấy nước sắc uống, uống đến khi bệnh nóng trong xương hết, lại uống tiếp tự nhiên có thể thụ thai.

Phương thuốc này bổ tinh ở trong Thận, thanh nhiệt ở trong xương, không cần thanh nhiệt ở bào thai, mà tự nhiên bào thai không có bệnh đại nhiệt.

Bệnh này gốc bởi xương tủy nóng quá, hấp thụ dương tinh hao nhiều cũng đều khó ráo hết cả, nên khó sanh đẻ. Thật chẳng phải là bệnh bào thai suy yếu không thể hấp thụ dương tinh đâu vậy. Cho nên phải sớm bổ Thận thủy để giảm phần hỏa hữu dư mà tăng phần thủy bất túc, mới dễ gieo hạt giống vậy.

oOo

小腹急迫不孕

TIÊU PHÚC CẤP BÁCH BẮC DỤNG

(Bụng dưới găng bức, không thụ thai)

Đàn bà có người tự cảm thấy trong khoảng bụng dưới rút gò lại làm găng găng bức bội không khoan khoái tự nhiên mà không hay sanh sản. Người ta chẳng biết tại sao? — Nhưng ai biết đó là tại mạch Đái (21) nó gò chặt lại.

Bởi vì cái giày của mạch Đái ở trong khoảng vòng quanh lưng và rốn, bao giờ cũng nên nới ra thông thả không nên gò chặt lại. Nay khí ở Tý Vị thiếu thì khí ở lưng rốn không hoạt lợi. Khí ở lưng rốn không hoạt lợi ắt kéo gò mạch Đái lại, luôn tiện chuyển động kéo gò cả bào thai vào. Bào thai đã thu hẹp lại, hẳn rằng dương

tinh trực xạ vào bào thai, cũng có thể tạm tạm thấu nạp, nhưng cái sức chịu đựng có phần khó khăn, thế tất nhiên bào thai rung động, rồi lại còn không chịu giảm bớt sự phòng dục thì làm sao mà giữ được cái sự « mỗi lần thụ thai là mỗi lần bị hư », Như thế là bởi mạch Đái gò lại mà không hay sanh đẻ.

Phép trị: Vẫn biết rằng: Nên cởi mở sự gò bó cho mạch Đái nhưng mà mạch Đái không thể cởi mở ngay được: nên hoạt lợi cái khí cho lưng rốn nhưng mà lưng rốn cũng không thể hoạt lợi ngay được, ắt phải đại bổ cả khí và huyết cho Tỳ Vị để cho lưng rốn hoạt lợi, mạch Đái khoan hòa, tự nhiên có cái sức duy trì ràng buộc lại.

Phương thuốc (1) này gọi là:

KHOAN ĐÁI THANG 寬帶湯:

人參	NIÊN SÂM	3 đồng (13).
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm.
五味	NGŨ VỊ	3 phân, sao.
熟地	THỰC ĐỊA	5 đồng (3)
建蓮子	KIẾN LIÊN TỬ	20 hạt, không khử tâm.
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — tâm rượu, sao.
杜仲	ĐỔ TRỌNG	3 — sao gần cháy.
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	3 — lấy rượu rửa.
肉苁蓉	NHỤC THUNG DUNG	3 — rửa sạch đất.
補骨脂	BỒ CỐT CHÍ	1 — tâm nước muối sao.
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng tâm hoàng thổ sao(4).

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang bụng dưới không còn cái tinh trạng gò thắt nữa, chỉ uống trong thời gian một tháng tức là thụ thai.

Phương thuốc này bổ cả Tỳ và Thận lại hoạt lợi cái khí cho lưng rốn, tự nhiên mạch Đái khoan hòa thư thái.

Nếu ngờ rằng: « đã muốn cởi mở cho mạch Đái, mà thuốc còn dùng đến NGŨ VỊ, BẠCH THƯỢC là chất toan

thu, thì không tránh khỏi cái sự làm cho mạch Đái thêm phần co rút». Vậy phải biết rằng: Mạch Đái mà găng gáp là bởi khí và huyết hư, huyết hư thì mạch Đái co lại không nở ra, khí hư thì mạch Đái sít lại không thông đạt. Nay dùng BẠCH THUỘC có chất chua là đề bình Can mộc thì Can mộc không khắc Tỳ thổ, dùng NGŨ VỊ, có chất chua là đề sinh Thận thủy, thì Thận thủy thêm nước cho mạch Đái. Như vậy tựa hồ tương phản mà thật là tương tế cho nhau thì còn có ngờ gì!

oOo

下部寒冷不孕

HẠ BỘ HÀN LÃNH BẤT DỤNG

(Hạ bộ hàn lãnh không thụ thai)

Đàn bà có người thân hình giá lạnh, không có lửa sưởi không thể ấm được, đã vậy trong lúc giao cảm, trong âm bộ tuyệt nhiên không có cái khí ấm nóng. Người ta cho là bạc nhược từ lúc bẩm sinh. Ai biết đó là bởi bào thai hàn cực.

Từ xưa, những chỗ đất lạnh cứng thành chai (khí đất bế tắc) thảo mộc không sống được; những vực sâu thâm u thăm thẳm (không có ánh dương) ngư long không thể lớn được. Nay bào thai đã lạnh, làm sao có thể sản sanh.

Ôi! cũng là bào thai cả mà độc nhất cái bào thai này lại lạnh đến thế, không phải là trời phú cho một bạc chất sao? Nhưng mà không biết là không phải thế. Bởi vì bào thai ở trong cái khoảng Tâm và Thận. Bào thai mà lạnh là vì 2 chân hỏa của Tâm Thận suy kém. Cho nên trị bệnh lạnh cho bào thai, ắt phải bồi cả 2 chân hỏa cho Tâm Thận, mà khi dùng thuốc nhất thiết chớ dùng những vị thuốc có tính chất nóng ráo, chỉ nên dùng những vị thuốc có cái khí ôn hòa của ngày xuân để cho 2 khí âm dương hòa hợp bao bọc lấy nhau, hun đúc mà biến hóa nên.

Phương thuốc (1) này gọi là **ÔN BAO ẨM** 温胞饮:

白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tằm hoàng thổ, sao (4)
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	1 lượng, tằm nước muối.
人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13).
山藥	SƠN DƯỢC	3 — sao.
芡實	KHIẾM THỰC	3 — sao.
製附子	CHẾ PHỤ TỬ	3 phân.
杜仲	ĐỖ TRỌNG	3 đồng, sao cháy.
補骨脂	BỒ CỐ CHI	2 — tằm nước muối, sao.
兔絲子	THỎ TY TỬ	3 — tằm rượu, sao.
肉桂	NHỤC QUẾ	2 — cao sạch vỏ.

Lấy nước sắc uống (mỗi ngày một thang), uống một tháng, bào thai ấm lại.

Phương thuốc này hay ở chỗ bỏ Tâm tức là bỏ Thận, ôn Thận tức là ôn Tâm. Khí Tâm Thận đã vượng hẳn là hòa tự nhiên sinh, bào thai hấp thụ được sự ấp ủ đầm ấm của Tâm Thận hẳn là hàn lãnh tự nhiên tan mất, thì còn có lẽ nào thụ tinh mà chẳng thụ thai.

Phương thuốc này không uống thuốc thang, đổi làm thuốc hoàn để uống sớm chiều mỗi ngày, càng tốt.

oOo

嫉妒不孕

TẬT ĐỐ BÁT DỤNG

(Ghen ghét không thụ thai)

Đàn bà có người vẫn cứ ôm bế trong lòng một cá tính hay ghen ghét mà đưa đến sự hiếm hoi không có con. Người ta cho là kẻ ấy bị lòng trời ruộng bỏ. Ai biết đó là bởi Can Khí uất kết.

Ồi! mạch của người có thai, mạch Thốn tay tả phải lưu loát mà hoạt lợi, mạch Quan tay hữu phải thư thả mà khoan hòa, 2 mạch Xích phải hoạt đại mà đằm mạnh lên ngón tay người coi mạch, chứ chưa có ai cả

3 bộ mạch ấy đều mất hết mà lại hay có con đợc. Bởi vì 3 bộ mạch ấy mà mất hết đều là bởi Can mộc, vì Can mộc không thư thái, tất thị làm cho Tâm hỏa và Thận thủy không giao thông với nhau rồi lại xuống xung khắc với Tỳ thổ thì cái sức của lưng rợn yếu đi, cái khí của mạch Nhâm (10), mạch Đái (21) bế tắc lại mà cái cửa bảo thai cũng vì vậy bế tắc luôn.

Phép trị : Giải Can uất để thông khí cho 3 kinh (Tâm, Can, Thận) thì khí huyết điều mà tính tình cũng hòa vui, trong tâm trí cũng đầy những khí xuân dương ôn hòa, thanh sáng.

Phương thuốc (1) này gọi là :

KHAI UẤT CHỨNG NGỌC THANG 開鬱種玉湯 :

當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	1 lượng, tầm rượu, sao.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, tầm hoàng thổ, sao(4).
白苓	BẠCH LINH	3 — bỏ vỏ.
丹皮	ĐƠN BÌ	3 — lấy rượu rửa.
天花粉	THIÊN HOA PHẤN	2 —
香附	HƯƠNG PHỤ	3 — tầm rượu, sao.

Lấy nước sắc uống (mỗi ngày 1 thang), uống 30 thang trong 1 tháng, Can mộc thư thái; uất kết thanh giải; Tâm khí hòa bình. 2 bên vui vẻ hòa hợp với nhau, tự nhiên kết thai trong khoảnh khắc.

Phương thuốc này rất hay. Hay ở chỗ chỉ chuyên giải Can uất, không cần phải trị giắt giảy sang các kinh khác mà Tỳ khí thông hòa, Tâm Thận giao, lưng rốn hoạt lợi, mạch Nhâm, mạch Đái thông hòa, cửa bảo thai mở. Thật là một bí quyết để gieo hạt giống cầu con, lệ như nấu chín nồi canh có đủ 5 mùi mà điều hòa hương vị.

崩漏

3. BĂNG, LẬU

Băng huyết (12) lậu huyết (18)



血崩昏暈

HUYẾT BĂNG HÔN VỤNG

(Bị băng huyết làm đầu mắt mờ tối)

Đàn bà có người bất thần một lúc bị băng huyết làm hai mắt tối om, đầu mắt vùng vùng quay cuồng như muốn ngã xuống đất, chẳng biết nhân sự là gì. Người ta vẫn biết đó bởi « hỏa thịnh quá nên động huyết ». Nhưng hỏa ấy không phải « thực hỏa » mà là « hư hỏa ».

Người đời mỗi khi thấy ai bị băng huyết, luôn luôn vội vàng cho dùng thuốc ngưng huyết, cầm huyết. Tuy cũng có công hiệu trong nhất thời, nhưng nếu không uống thuốc bổ âm huyết để cho hư hỏa xuống thì dầu rằng bấy giờ có chỉ huyết đầy, nhưng rồi lúc khác lại cũng băng mà cho đến nhiều tháng lâu năm cũng không có thể lành mạnh hoàn toàn được. Cho nên trong thuốc bổ âm huyết đã có phép chỉ băng, bắt tất phải chuyên chú sáp huyết mà tự nhiên huyết chỉ.

·Phương thuốc (1) này dùng :

CỐ BẢN CHỈ BĂNG THANG 固本止崩湯:

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3).
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tầm hoàng thỏ, sao (4).
生黃芪	SINH HOÀNG KỶ	3 đồng.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 — lấy rượu rửa.
黑姜	HẮC KHƯƠNG	2 —
人參	NHÂN SÂM	3 — (13).

Lấy nước sắc uống, uống một thang mà băng huyết đình chỉ. Uống 10 thang không tái phát.

Phương thuốc này hay ở chỗ hoàn toàn không nghĩ tới chỉ huyết mà cứ chuyên bổ huyết, lại chẳng những bổ khí mà còn bổ hỏa. Bởi vì huyết băng mà đã đến đầu mặt tối om, xây xẩm, thì huyết ra đã quá nhiều, chừng chỉ còn một khí-tuyến vậy. Cho nên bổ huyết phải bổ cả khí. Nếu chỉ bổ huyết mà không cấp bổ khí thì cái huyết hữu hình không có khí không thể sanh ra mau chóng, và cái khí vô hình không có huyết cũng đến tan biến hết, vì khí huyết phải nương tựa nhau. Bởi vậy, bổ huyết phải bổ khí trước, bổ khí phải bổ hỏa trước.

Phương thuốc này dùng HẮC KHƯƠNG là để dẫn huyết về kinh. Thế là trong phép bổ có cái ý nghĩa thu liễm, cho nên nói rằng trị băng huyết bất tất chỉ huyết, sáp huyết.

oOo

鬱 結 血 崩

UẤT KẾT HUYẾT BĂNG

(Uất nhiệt kết lại làm băng huyết)

Đàn bà có người om bết trong lòng những sự bực giận, nóng nảy rồi nó kết lại làm cho lưỡi khô, miệng khát, ọa mửa ợ chua, mà sinh ra băng huyết. Người ta đều cho là bởi Hỏa rồi trị Hỏa, thế mà có khi công hiệu, khi không công hiệu là tại sao? Bởi không biết đó là Can Khí Uất Kết.

Nếu còn ngờ mà bảo rằng: Can chủ về tàng huyết. Can mà có uất thì Huyết phải uất, nay cho là Can Khí uất mà lại đi đến làm băng lậu sao?

Bởi vì Can có tính cấp táo, Can Khí mà uất kết thì cái tính cấp táo càng cấp táo hơn Can Khí đã quá ư cấp táo thì không tàng huyết mà huyết chảy xuống.

Phép trị vẫn lấy « khai uất » làm chủ, nhưng nếu chỉ khai uất mà không biết bình Can mộc thì Can khí mở rộng, Can Hỏa càng đốt cháy, cũng không thể chỉ được huyết.

Phương thuốc (1) này dùng :

BÌNH CAN, KHAI UẤT, CHỈ HUYẾT THANG 平肝開鬱止血湯:

白芍	BẠCH THUỘC	1 lượng, tẩm giấm sao.
柴胡	SÀI HỒ	1 đồng.
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tẩm hoàng thổ sao(4)
荆芥穗	KINH GIỚI TUỆ	2 đồng sao cháy.
丹皮	ĐƠN BÌ	3 —
生地	SINH ĐỊA	3 — tẩm rượu rửa.
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, lấy rượu sao,
三七根	TAM THẤT CĂN	3 đồng nghiền nhỏ.
甘草	CAM THẢO	2 —

Lấy nước sắc uống. Uống một thang hết ụa mửa, uống 2 thang hết khô miệng khát nước, uống 4 thang hết băng huyết.

Phương thuốc này hay bởi có BẠCH THUỘC để bình Can, SÀI HỒ giải uất. BẠCH TRUẬT hoạt lợi cho lưng rốn thì không lo là huyết đình kết, KINH GIỚI thông hòa cho kinh lạc thì có cái mừng là huyết trở và kinh, lại có ĐƠN BÌ để thanh nhiệt trong xương tủy, SINH ĐỊA để thanh hỏa trong các tạng phủ, ĐƯƠNG QUY, TAM THẤT ở trong thuốc bổ huyết lại còn làm việc chỉ huyết nữa. Như thế tự nhiên tan được uất kết, chỉ được huyết băng.

oOo

閃跌血崩

SIÊM DIỆT, HUYẾT BĂNG

(Bị đánh đòn, bị té ngã làm băng huyết)

Đàn bì có người nhân lúc trèo cao bị té ngã hay bị đánh đòn làm đau nhức mệt mỏi đến nỗi huyết xấu chảy xuống, có vẻ như băng huyết. Rồi hao là băng thật mà dùng những thuốc bổ huyết, sáp huyết để trị băng thì cũng như đóng cửa lại mà bắt giặc, tất nhiên giặc sẽ phá ở trong.

Phải biết rằng: bệnh trạng ấy, khi lấy tay ấn xuống bụng dưới mà bệnh nhân sợ đau không cho ấn xuống tức là thuộc « thực chứng » không phải « hư chứng ».

Thực chứng mà để lâu không trị thì sắc mặt vàng sạm, thân hình khô khạo, đó là bởi huyết ứ lại làm hại, không phải như những bệnh « băng huyết bởi khí hư » đâu.

Vậy bệnh này là ứ huyết, là thực chứng.

Nếu chẳng biết giải thực nhiệt, trục ứ huyết mà vội dùng ngay thuốc bổ sáp thì ứ huyết ở lại nội công, sẽ làm đau vô thời hạn, mà huyết cũ không hóa đi, huyết mới không sinh ra.

Phép trị nên cho hành huyết để thay đổi những huyết còn ứ lại, nên cho hoạt huyết (29) để trị hết đau bởi huyết không thông lợi.

Phương thuốc (1) này dùng:

TRỤC Ứ CHỈ HUYẾT THANG 逐瘀止血湯:

生地	SINH ĐỊA	1 lượng, tằm rượu sao.
大黃	ĐẠI HOÀNG	3 đồng.
赤芍	XÍCH THUỘC	3 --
丹皮	ĐƠN BÌ	1 --
當歸尾	ĐƯƠNG QUY VĨ	5 --
枳壳	CHỈ XÁC	5 -- sao.
龜板	QUY BẢN (yếm rùa)	3 -- tằm giấm sao.
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, bóc vỏ, sao, giã nát.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang còn đau nhẹ, uống 2 thang hết đau, uống 3 thang huyết chỉ hẳn, bắt tất phải uống nữa.

Phương thuốc này rất hay, hay ở chỗ trong bài thuốc lấy hoạt huyết làm chủ, lại nhờ có vị thuốc để tiết hạ những chất đình trệ làm tá. Cho nên trục ứ huyết như thể tảo thanh mà chỉ huyết băng như thể thần thánh.

Hoặc giả ngờ rằng, bệnh đau nhức gân xương thân thể vì đôn, vì té là bệnh bởi ngoại thương làm đau đến trong người thành có nội thương. Như vậy suy ra nội thương không nặng, nhưng đã đến băng huyết thì nội thương cũng không phải là nhẹ, làm sao chỉ trị ứ huyết là bệnh « ngọn » mà không hỏi gì đến chân khí là « gốc ».

Bởi chẳng biết bệnh này, thực ra ngoại thương đã nặng mà nội thương còn nhẹ, thì lý tất nhiên bệnh nặng trị trước, bệnh nhẹ trị sau, cũng như trị một bạo bệnh, nguyên khí của kẻ ấy là « gốc » chưa bị suy yếu thì cái gốc ấy chưa phải nghĩ lối, mà hãy dẹp bỏ ngay cái bạo bệnh là « ngọn » trước, là được rồi. Cho nên « cấp tắc trị kỳ tiêu ». Nhưng cũng có thể nói rằng « hoãn tắc trị kỳ tiêu ». (30) vậy.

oOo

血海大熱血崩
HUYẾT HẢI ĐẠI NHIỆT HUYẾT BĂNG

(Huyết hải nóng quá, băng huyết)

(Huyết hải tức mạch Xung (10))

Đàn bà có người mỗi khi làm việc « phòng dục » (theo đường lối chung của nhân loại) thì kinh thủy liền chảy ra, mỗi lần chảy ra đều như băng huyết. Người ta cho là trong bào thai có thương tích, cho nên đụng chạm vào thì động đến huyết nên huyết chảy ra. Ai biết đó là tử cung và huyết hải nóng quá không giữ lại được mà chảy ra.

Ôi ! tử cung ở dưới bào thai mà huyết hải lại ở trên bào thai. Huyết hải tức mạch Xung, mạch Xung lạnh thì huyết thiếu. mạch Xung nóng thì huyết vọt ra. Vậy bệnh băng huyết này chính là bởi mạch Xung nóng quá.

Nhưng mạch Xung mà nóng thì thường thường bị băng không có khi ngưng mới là phải, sao lại cứ mỗi lần động phòng mới phát, hẳn là có liên hệ gì đến Can và Tỳ nữa chăng ?

Ồi, Tý khỏe thì hay giữ huyết, Can bình thì hay tàng huyết, đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng khi mà người ta chưa nhập phòng thì Quân Hỏa (Tâm) Tướng Hỏa (Can) hai con hỏa ấy yên nhiên bất động. Hỏa mà bất động thì dầu rằng chỉ có một mạch Xung là nóng quá, huyết cũng không đến nổi chảy ra ngoài. Đến khi người ta nhập phòng thì sự cảm hứng làm cho tử cung mở rộng, Quân hỏa, Tướng hỏa khởi lên khuấy động buồng trứng, bởi vậy huyết hải đã tràn đầy không còn có cái thể nào mà cản ngăn cầm giữ được. Khi ấy Can muốn tàng huyết không được mà Tý muốn giữ huyết cũng không thể được, cho nên kinh thủy theo ngay lúc giao cảm mà chảy ra. Thế là chỉ bởi Hỏa làm ra bệnh,

Phép trị nên « tư âm, giáng hỏa » để thanh huyết hải mà điều hòa tử cung, thì cái bệnh « trọn đời phải lo âu » ấy có thể nửa năm trừ hết, nhưng phải « tuyệt dục » 3 tháng mới có thể được.

Phương thuốc (1) này dùng :

THANH HẢI HOÀN 清海丸 :

熟地	THỰC ĐỊA	1 cân (3).
山萸	SƠN DƯỢC	10 lượng, sao.
山萸肉	SƠN DU NHỤC	10 — sao chín,
丹皮	ĐƠN BÌ	10 —
五味	NGŨ VỊ	2 — sao.
麥冬肉	MẠCH ĐÔNG NHỤC	10 —
白朮	BẠCH TRUẬT	1 cân tầm hoàng thổ sao(4)
白芍	BẠCH THƯỢC	1 cân, tầm rượu, sao.
龍骨	LONG CỐ	2 lượng.
地骨皮	ĐỊA CỐT BÌ	10 —
乾桑葉	CAN TANG DIỆP	10 — (lá dâu khô).
元參	NGUYỄN SÂM	1 cân
沙參	SÁ SÂM	10 lượng.
石斛	THẠCH HỘC	10 —

Cộng 14 vị, những vị âm ướt phải phơi hay sao khô, tất cả hợp lại, rồi đem tán nhỏ, luyện mật làm thuốc hoàn, mỗi hoàn bằng hạt ngô lớn. Mỗi ngày uống 2 lần — sớm và tối — mỗi lần uống 5 đồng cân, uống xuống bằng nước lã đun sôi. Uống trong thời gian 6 tháng hết bệnh hoàn toàn.

Bài thuốc này bổ âm huyết mà không lo có tính chất chuyển động bốc lên, cầm huyết mà không dùng đến chất đắng hàn lương. Uống như vậy kê ngày thì chả được bao nhiêu, nhưng hàng tháng thì đã được nhiều, nhờ thuốc thâm lặng chuyển xoay làm cho tử cung mát mẻ, tự nhiên huyết hải chắc chắn, vững vàng.

Trị bệnh nếu không tìm cái gốc để trị mà chỉ tìm cái ngọn để cắt sửa cho đều. Như bệnh này mà chỉ dùng những PHÁT HÔI (tóc đốt cháy), BẠCH PHẢN, HOÀNG LIÊN THÁN, NGŨ BỘI TỬ tán nhỏ để trị những u ấn ở ngoài cho vớt lại, thì sợ rằng càng sáp lại, càng chảy ra, rốt cuộc cũng đến bại vong. Trị bệnh như thế có phải là TRỊ BỆNH TẮT CẦU KỶ BẢN chăng?

oOo

交感出血

GIAO CẢM XUẤT HUYẾT

(Giao cảm với nhau, ra máu)

Đàn bà có người mỗi lần giao cảm với nhau thì huyết đỏ chảy ra. Tuy không đến nổi tệt như băng huyết, nhưng không tránh khỏi sự tổn thương đến cả khí và huyết. Như vậy không trị đề lâu sợ có thể làm ra bệnh « huyết khô, kinh bế ».

Bệnh này bởi vì giao hợp với nhau dùng vào cái lúc kinh thủy sắp hành, dương tinh bắn vào huyết quản, nên xảy ra. Nghĩa là dương cái lúc kinh thủy vượng,

huyết dương muốn vọt ra, mà dương tinh bắn vào thì cái số huyết muốn chảy ra lại thu rút vào. Như vậy đã không chịu được dương tinh để làm thai, thế tất nhiên lại thâu thập cái dương tinh ấy lại mà hóa ra huyết.

Lần sau gặp lúc giao cảm, đàm khí xúc động vào cái dương tinh lần trước thì nó tương cảm nhau, muốn kéo nhau ra, vì vậy huyết cũng theo mà thấm ra.

Phép trị nên thông khí cho bào thai để đem dương tinh hôm trước ra ngoài mà gia tăng những thuốc bổ khí, bổ tinh vào thì sự tổn thương huyết quản đã được bồi bổ chu toàn, không còn phải lo gì nữa.

Phương thuốc (1) này dùng.

DAN TINH CHỈ HUYẾT THANG 引精止血汤:

人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13).
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng tám hoàng thổ sao(4).
茯苓	PHỤC LINH	3 đồng.
熟地	THỤC ĐỊA	1 lượng (3).
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 đồng.
黑芩	HẮC KHƯƠNG	1 —
黃柏	HOÀNG BÀ	5 phân.
荆芥穗	KINH GIỚI TUỆ	3 đồng.
車前子	XA TIỀN TỬ	3 —

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang hết, uống 10 thang không tái phát

Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT để bổ khí, THỤC ĐỊA, SƠN THỦ để bổ tinh, tinh khí vượng thì huyết quản lưu thông. thêm vào đây có PHỤC LINH, XA TIỀN để lợi thủy, thủy đã lợi thì huyết quản cũng lợi, lại thêm có HOÀNG BÀ làm tả sử để chạy thẳng vào trong huyết quản mà dẫn cái tinh cũ ra ngoài huyết quản. KINH GIỚI TUỆ cũng dẫn những bại huyết ở trong huyết quản ra, HẮC KHƯƠNG cầm giữ đầu ống huyết quản.

Trong một phương thuốc như thế thật là khéo điều đình khúc chiết cho nên hay trừ bỏ được mọi bệnh cũ. Nhưng phải cần thận giữ kín phòng the 3 tháng, ngô hầu như chỗ rách không rách thêm, chỗ đã vá không phải vá lại. Nếu không thế, chẳng qua chỉ thu dưỡng được cái công hiệu nhãn tiền mà thôi. Nên cần thận.

oOo

年老血崩

NIÊN LÃO HUYẾT BĂNG

(Tuổi đã già, còn băng huyết)

Đàn bà có người tuổi đã già mà còn băng huyết, rồi hai mắt tối sầm, đầu mặt vừng vừng như muốn ngã xuống đất, chẳng còn biết việc đời là gì. Người ta chỉ biết cho là tuổi già huyết hư. Nhưng biết đâu bởi cái chỗ phong the không cần thận chẳng?

Ôi! đàn bà ngoài cái tuổi 49 đã hết hành kinh thì hẳn là nước Thiên Quý (15) đã cạn. Nước Thiên Quý là nước của Thận tuy đã cạn, nhưng cái hỏa của Thận có khi nó còn hừng động tâm bậy thì huyết thất mở rộng ra. Huyết thất mà mở rộng ra quá độ, ắt chảy ra mà làm lậu, làm băng

Phương thuốc (1) này dùng:

GIA GIẢM ĐƯƠNG QUY BỔ HUYẾT THANG 加減當歸補血湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, lấy rượu rửa
生黃芪	SINH HOÀNG KỶ	1 —
三七根	TAM THẤT CĂN	3 đồng nghìn nhỏ.
桑葉	TANG DIỆP	14 lá.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang huyết chỉ còn ra ít, uống 4 thang không tái phát. Nhưng nếu không biết tự giữ mình cần thận cũng chưa đã chắc tránh được tái phát trọng bệnh.

Ôi ! BỔ HUYẾT THANG này là thần phương để bổ cả khí và huyết, TAM THẤT CĂN là thánh dược để chỉ huyết, thêm vào đó có TANG DIỆP để bổ âm cho thận và có cái công thu liễm rất hay.

Uống thuốc này mà chỉ được cái lậu huyết tạm thời như thế, thực ra cũng đã có kỳ công. Nhưng không nên trách rằng: Sao không trị cho hết hẳn, cũng là một cái công điều trị. Bởi vì âm tinh vẫn đã thiếu mà thuốc này những dược phẩm bổ tinh còn ít.

Nếu muốn được khỏi vĩnh viễn, sau khi uống 4 thang kê trên, lại nguyên phương ấy thêm vào mấy vị sau đây :

白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, tâm hoàng thổ sao(4)
熟地	THỤC ĐỊA	1 lượng (3),
山藥	SƠN DƯỢC	4 đồng, sao vàng.
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm.
五味	NGŨ VỊ	1 — sao, giã nát.

Uống liên tục hàng trăm thang thì trừ bệnh băng lậu đến tuyệt căn.

oOo

少婦血崩

THIỆU PHỤ HUYẾT BĂNG

(Người thiếu phụ bị băng huyết)

Thiếu phụ có người mới mang thai 3 tháng, bèn bị băng huyết mà cái thai cũng theo ra luôn. Người ta cho là bị thương bởi té hay bị đòn mà thế. Ai biết đó là cái lỗi bởi buồng the không cần thận.

Ôi ! người thiếu phụ mà có cái chuyện buồng the với nhau, kể cũng là sự thương, làm sao mà đến băng huyết được.

Bởi vì khí đã nhược, thì tinh dễ tiết ra, tinh tiết ra nhiều quá thì càng động mạnh mà huyết không giữ

vững lại được. Huyết không giữ được thì chảy ra, huyết chảy ra, bào thai không còn chỗ nương nhờ, thì phát ra băng huyết và hư thai là phải.

Phép trị theo lẽ tự nhiên nên cho « bổ khí » làm chủ mà thêm một ít những dược phẩm « bổ huyết » là được.

Phương thuốc (1) này dùng CỐ KHÍ THANG 固氣湯:

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13).
白朮	BẠCH THUẬT	5 đồng tâm hoàng thổ, sao (4)
熟地	THỤC ĐỊA	5 — (3).
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 — lấy rượu rửa.
茯苓	PHỤC LINH	2 —
甘草	CAM THẢO	1 —
杜仲	ĐỔ TRỌNG	3 — sao gàn cháy.
山萸肉	SƠN DU NHỤC	2 — sao chín.
遠志	VIỄN CHÍ	1 — khử tâm.
五味子	NGŨ VỊ TỬ	10 hạt, sao.

Lấy nước sắc uống, uống một thang chỉ huyết, uống liên tục 10 thang nữa, hết hoàn toàn.

Phương thuốc này giữ chân khí kiêm bổ chân huyết thì cái huyết sắp thoát đi giữ lại được hết, và cái huyết đã mất đi mau bù đắp lại.

Phạm những bệnh vì Khí hư mà làm băng lậu ấy phương thuốc này thông trị được hết cả. Đặc biệt trị cái bệnh băng mà làm ra tiểu sản (đẻ non) ấy rất hay là vì không phải nghĩ gì tới chỉ huyết mà những ý vị chỉ huyết nó hàm súc cả ở trong phương thuốc bổ khí.

帶下

4. ĐÁI HẠ

(Nước ở mạch Đái (21) chảy xuống)

(Những bài thuốc trị những bệnh đái hạ này, Đức Trần Tu Viên Người công nhận là hay, nên Người đã trích ra chép vào quyển Nữ Khoa của Người)



白帶下

BẠCH ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái chảy xuống trắng)

Bệnh Đái-hạ tất cả đều thuộc Thấp.

Gọi bệnh Đái ấy là vì nước ở mạch Đái chảy ra, nên lấy chữ Đái mà gọi tên (nay người ta gọi nôm là huyết trắng, là khí hư. Chữ Đái còn đọc là « đơi » nên gọi bệnh bạch đơi thì cũng thế)

Giấy mạch Đái để giữ buộc lấy bào thai, mạch bào thai thông với mạch Nhâm (10), mạch Đốc (24). Mạch Nhâm, mạch Đốc mà có bệnh thì mạch Đái vô lực. Mạch Đái vô lực thì khó mà giữ buộc được bào thai, bào thai bị lỏng lẻo không chặt thì sẽ trượt xuống. Cho nên hệ mạch Đái mà yếu thì bào thai dễ bị trượt xuống.

Còn như tinh khí nếu chẳng đồng hóa với kinh thủy để hành mà ứ đọng lại sẽ thành bệnh Đái Hạ. Và Tỳ khí hư. Can khí uất, thấp nhiệt xâm lấn đều làm ra bệnh Đái hạ, không trị để lâu năm nhiều tháng nó chảy xuống những chất trắng như bọt như mũi, thậm chí còn có mùi hôi nữa. đó là « bạch đái ».

Bệnh Đái Hạ có nhiều loại: Bạch Đái, Thanh Đái, Hoàng Đái, Hắc Đái và Xích Đái, nhưng Bạch Đái nhiều hơn.

Bạch Đái nhiều hơn bởi Can Mộc uất nhiệt xâm lấn Tỳ Thổ, làm cho Tỳ thổ không giữ được tinh khí, không hóa được vinh huyết để làm kinh thủy, thì cái khí thấp thổ của Tỳ bị hãm ở dưới mà làm ra bạch đái.

Phép trị nên đại bổ Can khí làm quán mà thêm những dược phẩm thư Can làm tá sứ, để Can mộc không bị bế tắc ở dưới đất (tức tý thổ) thì tự nhiên khí đất bốc lên trên trời. Thế là chân khí mạnh, bệnh thấp trừ, tự nhiên không có bệnh bạch đái nữa.

Phương thuốc (1) này gọi là HOÀN ĐÁI THANG 完帶湯

白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng, tẩm hoàng thổ, sao(4)
山藥	SƠN DƯỢC	1 lượng, sao.
人參	NHÂN SÂM	2 đồng (13).
白芍	BẠCH THƯỢC	4 — tẩm rượu, sao.
車前子	XA TIỀN TỬ	3 — tẩm rượu, sao.
茯苓	THƯƠNG TRUẬT	3 — sao.
甘草	CAM THẢO	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	5 phân.
黑京芥	HẮC KINH GIỚI	5 —
柴胡	SÀI HỒ	6 —

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang bệnh đã nhẹ, uống 4 thang bệnh đái đã chỉ, uống 6 thang bạch đái khỏi hoàn toàn.

Thuốc này là phép đồng trị cả 3 kinh (tý, vị, can) trong một phương, tán thấp mà ngụ ý bổ thổ, thăng khí mà ngụ ý tiêu thủy, đề; khai đề cái « khí » cho Can Mộc thì Can huyết không bị khô nữa, làm gì còn phải xuống mà xung khắc với Tý thổ; bổ ích « nguyên khí » cho Tý Thổ thì Tý Khí không bị thấp nữa, làm gì mà không phân tiêu được thủy khí.

Còn như bổ Tý mà có kèm cả phần bổ Vị nữa là vì từ Lý mà đạt đến Biểu (tý vị là biểu lý với nhau) bởi vì nếu Vị Khí không mạnh thì Tý Khí không vượng, cho nên bổ Vị chính là để bổ Tý.

青帶下

THANH ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái chảy xuống xanh)

Nước ở mạch Đái chảy xuống có khi màu xanh mà nặng hơn thì ra như màu lục, màu lục xanh xanh, vàng vàng, vẫn đục như nước đậu xanh, nó keo lại dẻo dẻo, dính dính mà mùi thì hôi tanh. Đó là thanh đái. Sở dĩ gọi là Thanh Đái ấy bởi Can kinh bị thấp nhiệt mà làm cho nước ở mạch Đái chảy xuống như nước đậu xanh. Thật rõ ràng là bệnh thuộc Can Mộc, vì Can thuộc mộc, mộc sắc thanh.

Kẻ nói rằng : « Can thuộc mộc, mộc là cây, cây vẫn thích được trời nước. Vậy thấp cũng là một thứ nước để tưới cho cây, thì làm sao cây lại bị bệnh ? » — Bởi chẳng biết : « Can mộc vẫn thích nước, nhưng Can mộc ghét cái thấp, vì thấp là khí của đất không phải thật là nước ». Cái sự ghét ấy hợp với sự sở thích kia, tất nhiên nó trái với bản tính của Can. Bản tính của Can mà bị trái, thì khí của Can nghịch lên.

Khí của Can muốn nghịch lên mà thấp khí muốn hạ giáng, 2 đảng chống đối nhau không cho đi lên mà cũng không đi xuống được, nó đình tích lại ở trung tiêu, rồi chảy xuống mạch Đái mà tiết ra thứ nước màu xanh, màu lục. Nước đó rõ là khí của Can hóa ra mà chảy xuống.

Khí ấy nghịch lên mà nhẹ là nhiệt khí ít thì ra nước màu xanh ; khí ấy nghịch lên mà nặng là nhiệt khí nhiều thì ra nước màu lục. Sự nặng nhẹ ấy không phân chia là trị xanh (nhẹ) thì dễ mà trị lục (nặng) thì khó. Nghĩa là tất cả đều phải giải cái hỏa cho Can mộc, lợi cái thủy cho Bàng quang thì bệnh Đái dù thanh, dù lục cũng đều trừ hết.

Phương thuốc (1) này dùng :

TIÊU ĐẠO TÁN GIA GIẢM 逍遙散加減

茯苓	PHỤC LINH	5 đồng.
白芍	BẠCH THUỘC	5 — lấy rượu rửa.
甘草	CAM THẢO	5 — dùng sống.
柴胡	SÀI HỒ	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	1 —
茵陳	NHÂN TRẦN	3 —
梔子	CHI TỬ	3 — sao.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang màu đã lợt, uống 4 thang màu lục hết hẳn, bắt tất phải uống thêm.

Ồi! lập ra phương « tiêu đạo tán » này là để giải uất nhiệt cho Can, làm sao mà lại trị « thanh đái » hay như thần vậy? Bởi thấp nhiệt lưu ở Can kinh là vì khí ở Can bị uất, mà uất thì tất thị nó nghịch lên, nó nghịch lên, chỉ TIÊU ĐẠO TÁN là hay giải được uất nghịch làm cho Can được thông thả thênh thang, lại thêm có NHÂN TRẦN để lợi thấp, CHI TỬ để thanh nhiệt. Uất nghịch đã giải rồi thì Can Khí được thanh, thấp nhiệt tự nhiên hết. Phương thuốc này thật là kỳ diệu và thần tốc. Nếu chỉ lợi thấp thanh nhiệt để trị Đái mà không hỏi gì đến Can Khí, thì làm sao mà chỉ được bệnh Đái.

oOo

黃帶下

HOÀNG ĐAI HẠ

(Nước mạch Đái chảy xuống vàng)

Nước ở mạch Đái chảy xuống có khi màu vàng, vàng in như nước trà đặc mà mùi hơi tanh. Đó là hoàng đái. Sở dĩ gọi hoàng đái ấy là bởi mạch Nhâm (10) bị Thấp Nhiệt sanh ra.

Mạch Nhâm (10) vốn không có thể dung nạp thủy thấp, làm sao thủy thấp vào được mà hóa ra hoàng đái?

Bởi vì mạch Đái đi ngang, đi vòng quanh lưng rốn rồi mới thông với mạch Nhâm. Mạch Nhâm chạy thẳng lên môi và răng, môi răng là nơi vẫn có một mạch nước không bao giờ hết. Nước ấy chảy thông suốt xuống mạch Nhâm để hóa ra tinh. Nhưng mạch Nhâm có nhiệt khí quấy nhiễu thì nước màu ở bào thai, không hóa ra tinh mà hóa ra thấp.

Thấp là thổ khí bởi thủy làm nên, Nhiệt là hỏa khí bởi mộc sinh ra, thủy thì sắc đen, hỏa thì sắc hồng. Nay thấp với nhiệt hợp lại với nhau rồi, hỏa muốn hóa sắc hồng không được mà thủy muốn trở lại màu đen cũng không được nữa, bèn đúc kết lại nung nấu biến thành một thứ nước vàng, không theo bản sắc của thủy hỏa mà hóa, lại theo thấp khí mà hòa. Bởi vậy mạch Đái chảy ra nước vàng.

Phép trị nên bổ hư cho mạch Nhâm, mà thanh nhiệt cho Thận. Nếu coi thường không suy xét, mà cho sắc vàng là sắc của Tý thổ, hoàng đái là bệnh bởi Tý thổ, rồi cứ đan trị Tý thổ thì làm sao mà trị hết.

Phương thuốc (1) này gọi là:

DỊCH HOÀNG THANG 易 黄 汤 :

山 藥	SƠN DƯỢC	1 lượng.
芡 實	KHIẾM THỰC	1 lượng.
白 朮	BẠCH QUẢ	10 quả, bỏ vỏ, bỏ mang.
黄 柏	HOÀNG BÁ	2 đồng.
車 前 子	XA TIỀN TỬ	1 đồng.

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang, không có thể không hết bệnh hoàn toàn.

Phương thuốc này không những chỉ trị một bệnh hoàng đái, mà bệnh đái khác cũng đều trị được, nhưng trị bệnh hoàng đái thì công hiệu thần kỳ hơn. Bởi SƠN DƯỢC, KHIẾM PHỤC đã chuyên bổ hư cho mạch Nhâm lại hay lợi thủy, thêm vào đó có BẠCH QUẢ dẫn thuốc vào mạch Nhâm càng mau chóng, mà lại còn có XA TIỀN, HOÀNG BÁ để thanh hỏa cho Thận, giải nhiệt cho mạch Nhâm.

黑帶下

HẮC ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái chảy xuống đen)

Nước ở mạch Đái chảy ra màu đen, bệnh mà nặng thì ra như nước đậu đen, xông hơi ra cũng có mùi tanh. Đó là hắc đái. Sở dĩ gọi là hắc đái ấy là bởi « hỏa nhiệt cực ».

Nếu còn ngờ mà bảo rằng: « hỏa nhiệt cực thì hỏa vẫn là sắc đỏ, sao lại thành đen được, hay là « hạ hàn cực » thì mới đen, vì hàn sắc hắc ».

Nào có hay « hỏa sắc đỏ là bản sắc của nó, nhưng nó mà nhiệt cực thì nó có một giả tượng tựa như thủy ». Nay xem những người ấy có những chứng bệnh: trong bụng thì đầy, mà mỗi khi tiện tiện lại buốt như giao cắt; âm môn thì phát thũng; sắc mặt thì đỏ; lâu ngày, thân thể gầy ốm phát vàng; dưới trái tim phiền táo; trong miệng thì nóng khát. Khát phải uống nước mát mới thấy hơi khoan khoái. Ấy là hỏa ở Vị quá vượng hiệp với hỏa Mạnh Môn, Bàng quang, Tam tiêu mà hun nấu, hun nấu đến khô mà biến sắc ra, chứ chẳng có một chút hàn khí nào cả.

Những chứng bệnh như thế mà không đến nỗi phát cuồng là hoàn toàn còn nhờ có Thận Thủy và Phế Kim vô bệnh. nuôi cho những khí chất sinh sinh bất tức để nhuận tâm, thanh vị mà cứu vớt lại.

Tóm lại, sở dĩ thành chứng bệnh Hắc Đái ấy là bởi hỏa kết ở dưới mà chẳng bốc lên đốt ở trên.

Phép trị chỉ nên chú ý về tiết hỏa, thì nhiệt thoái mà thấp tự nhiên trừ.

Phương thuốc (1) này gọi là LỢI HÒA THẮNG 利火湯

黃連	HOÀNG LIÊN	3 đồng sao vàng.
石羔	THẠCH CAO	5 — đốt chín.

垣子	CHI TỬ	3 đồng sao cháy
對哥奴	LƯU KÝ NÔ	3 —
知母	TRI MẪU	2 — sao vàng
大黃	ĐẠI HOÀNG	2 — sao vàng
王不留行	VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — tầm hoàng thổ sao (4).
茯苓	PHỤC LINH	3 —
車前子	XÀ TIỀN TỬ	3 — tầm rươi sao.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang tiền tiện thông lợi mà hết đau buốt, uống 2 thang hắc đại đối ra bạch đại, uống 3 thang bạch đại bớt dần, lại uống thêm 3 thang nữa hoàn toàn hết bệnh.

Nếu ai bảo rằng phương thuốc này quá mạnh về phần thông lợi, thì kẻ đó chẳng biết rằng: cái phép dùng thuốc để trị cái hỏa lúc đương thịnh không được khiến tri. Vì như chữa cháy, mà lại chữa thông thã, hơi hột thì thể lửa mạnh có thể cháy cả cánh đồng.

Nay dùng HOÀNG LIÊN, THẠCH CAO, CHI TỬ, TRI MẪU là cùng một loại được phẩm hàn lương hiệp vào với ĐẠI HOÀNG thì tảo trừ rất mau chóng, mà lại được VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH và LƯU KÝ NÔ lợi thấp cũng rất mau, lại có những vị tá như BẠCH TRUẬT bổ thổ, PHỤC LINH thấm thấp, XÀ TIỀN lợi thủy thì thấp nhiệt không còn có cái cơ đình trú lại, thế là « hỏa thì thoái mà thủy thì tiền ».

oOo

赤帶下

XÍCH ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái (21) chảy xuống đỏ)

Nước mạch Đái có khi chảy xuống nó hồng tựa như huyết mà không phải là huyết cứ rì rì giảm dần không hết dứt. Đó là xích đái.

Xích Đái cũng là bệnh thuộc thấp. Thấp là bởi khí « đất » mà đất thì phải là màu vàng pha trắng (vàng lợt) sao nay không vàng trắng mà lại đỏ. Bởi vì đỏ là thuộc nhiệt, nhiệt thuộc hỏa, hỏa màu đỏ, cho nên mạch Đái chảy ra đỏ.

Hỏa nhiệt ấy không phải chỉ có một cái hỏa ở Manh môn nó quấy nhiễu mà ra thế đâu. Mạch Đái còn thông với Thận. Thận khí còn thông với Can. Đản bà tru tư lẫm thì thương Tỳ, lại uất nộ nhiều thì thương Can. Hỏa ở Can mà cháy mạnh thì xung khắc với Tỳ-thở. (mộc khắc thổ) Tỳ thổ bị khắc thì ăn uống không vận hóa sinh ra thấp nhiệt, cái khí thấp nhiệt ấy nó bị hãm ở khoảng mạch Đái. Về phần Can cũng không tàng huyết, huyết ấy cũng thấm vào mạch Đái. Thế là thấp nhiệt ở Tỳ và huyết ở Can, hai thứ trộn với nhau, chảy ra màu sắc đỏ đỏ như huyết mà không phải là huyết. Như vậy ai bảo xích đái thuộc hỏa là lầm.

Phép trị nên thanh Can Hỏa mà trợ Tỳ Khí.

Phương thuốc (1) này gọi là :

THANH CAN CHỈ LÂM THANG 清肝止淋湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THUỘC	1 lượng, tẩm giấm sao.
生地	SINH ĐỊA	5 đồng, tẩm rượu sao
阿膠	A GIAO	3 — lấy bạch miến sao
丹皮	ĐƠN BÌ	3 —
黃柏	HOÀNG BÀ	2 —
香附	HƯƠNG PHỤ	1 — tẩm rượu sao
牛膝	NGŨ TẤT	2 —
紅棗	HỒNG TÁO	10 quả.
小黑豆	HẮC ĐẬU (nhỏ)	1 lượng sao.

Lấy nước sắc uống. Uống một thang bớt dần dần, uống 4 thang hết hẳn, uống 10 thang không tái phát.

Phương thuốc này chỉ chuyên bổ Can huyết, hoàn toàn không có thông lợi Tỳ Thấp. Bởi vì bệnh xích đái, thuộc hỏa, hỏa nặng hơn thấp.

Hỏa vượng là bởi huyết suy, cho nên bổ huyết tức là đề đề nên hỏa xống mà thêm một chút phần thanh hỏa, chứ không phải lợi thấp. Nếu nhất thiết lợi thấp thì thành ra dẫn hỏa hạ hành, làm cho bệnh chuyển sang phần khác, mà trị khó có công hiệu mau chóng.

Có người nói rằng: « Trong phép trị kể trên, Tiên Sinh nói nên « trợ tỳ khí » nay lại bảo chỉ « bổ can huyết » là thế nào ? — Bởi chẳng biết rằng : dùng THUỐC DƯỢC đề bình Can, thì Can khí tự nhiên được thư thái, Can khí đã thư thái tự nhiên không khắc Tỳ thổ, Tỳ thổ không bị khắc thì Tỳ thổ tự nhiên đã được vượng. Thế là bình Can huyết chính là đề trợ Tỳ khí, mà trợ Tỳ khí không phải nhờ đến dược phẩm SÂM TRUẬT.



妊娠

5. NHÂM THÂN

(Mang thai)



妊娠惡阻

NHÂM THÂN Ó TRỞ

(Khi mang thai, tức ngực, nặng tim trở ngại không cho ăn)

(Thai nghén)

Đàn bà khi có thai rồi, trong tim tức tối, thấy cơm gồm sơ, mà ăn vào thì ợa mửa, thèm của chua, muốn uống nước, mỗi mệt muốn nằm. Người ta không phân biệt rõ ràng, gọi chung ngay là « ó trở », mà cũng chẳng biết đó là chỉ bởi có một Can Huyết bị nóng ráo.

Ồi ! người đàn bà mà thụ thai là nhờ có cái gốc bởi thận khí vượng. Thận khí vượng cho nên hay cầm giữ được dương tinh.

Nhưng thận một khi đã chịu lấy dương tinh để thành thai rồi thì thận thủy phải nuôi dưỡng cái thai, không đủ phần tư nhuận để phân hóa đi cả ngũ tạng.

Trong ngũ tạng có Can là con Thận, Can hằng ngày phải nhờ hơi mẹ (Thận) để được thư thái, nếu trong một ngày mà không có cái nước tân dịch đem nuôi Can thì Can bị khô ráo. Can mà bị khô ráo thì phải đi tìm tòi mà cầu cứu đến mẹ là Thận thủy.

Nếu mẹ lại không đáp ứng thì Can có tình cấp, (nóng nảy muốn làm ngay) cấp thì hỏa động mà khí nghịch lên. Can khi đã nghịch lên thì làm ra chứng ợa mửa, nhấm nhói trong tim.

Chứng ợa mửa tuy không đến nỗi phương hại lắm, nhưng ợa mửa mãi cũng có một phần tổn thương chân khí. Khi mà đã bị tổn thương thì can huyết càng hao tổn.

Bài TỬ VẬT THANG (Xuyên khung, xuyên quy thân, thực địa, bạch thược) chính là bài thuốc đề trị các chứng bệnh trong khi mang thai đề sinh huyết bổ Can, cho Can khỏi bị khô.

Ôi ! bổ Can đề sinh huyết cho Can như thế không phải là không tốt. Nhưng nếu chỉ sinh huyết mà không biết sinh khí thì khí ở Tỳ Vị suy yếu. Tỳ Vị mà bị suy yếu thì càng làm cho ụa mửa thêm.

Ụa mửa nhiều thì chân Khí hư, Khí hư thì sợ rằng có uống TỬ VẬT THANG đề bổ huyết cũng khó mà sinh được huyết. Cho nên trong phần bổ Can huyết ắt phải thêm phần « kiện Tỳ khai Vị » đề bổ khí thì rồi « khí năng sinh huyết » mà cái thai cũng được tư dưỡng.

Hoặc giả còn ngờ rằng : « Khí đã nghịch mà lại còn dùng thuốc bổ khí thì có giúp ích cho sự khí nghịch ấy chăng ? »

Bởi chẳng biết : Người mang thai mà ố trở là bởi Can huyết táo làm cho khí nghịch, nhưng khí nghịch không hại lắm. Và chẳng cái nghịch ấy là bởi « nội hư » mà nghịch, chứ không phải bởi « ngoại tà » mà nghịch.

Ngoại tà mà làm nghịch, nếu trợ khí thì bệnh nghịch càng tăng ; nội hư mà làm nghịch, được bổ khí thì bệnh nghịch chuyên xuôi. Hướng chi nay bổ khí ở trong phần bổ huyết thì âm huyết đủ đề chế ngự dương khí còn có lo gì thượng nghịch nữa.

Phương thuốc (1) này dùng :

THUẬN CAN ÍCH KHÍ THANG 順肝益氣湯

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	3 đống. tầm hoàng thổ sao (4)
茯苓	PHỤC LINH	2 —
熟地	THỰC ĐỊA	5 — (3)
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng. lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — lấy rượu rửa.

麥冬 MẠCH ĐÔNG . 3 đồng, khứ tâm
陳皮 TRẦN BÌ 3 phân
砂仁肉 SA NHÂN NHỤC 1 — sao, giã nát
正蘇子 TÔ TỬ (chính) 1 — sao, giã nát
神曲 THẦN KHÚC 1 — sao (23)

Lấy nước sắc uống. Uống một thang bệnh đã nhẹ, uống 2 thang bình thường, uống 3 thang bệnh khỏi hoàn toàn.

Phương thuốc này bình Can, thì Can khí không nghịch nữa ; bổ thận thì Can huyết không hao nữa, bởi vì bổ khí thì huyết dễ sinh.

Phạm những bệnh ở trở trong khi có thai đều nên lấy phương Thuận Can Ích Khí này mà uống, uống rất hay, ai uống cũng khỏi cả. Công hiệu của nó còn hay hơn TỬ VẬT THANG.

oOo

妊娠口乾咽痛

NHÂM THẦN KHẨU CAN YẾT THỐNG

(Có thai khô miệng, đau cổ họng)

Đàn bà có người khi mang thai ba bốn tháng, tự nhiên thấy miệng lưỡi khô ráo, cổ họng đau đau, không có nước miếng thấm nhuần mà cái thai lại chuyển động, không được yên. Có khi bệnh nặng còn ra huyết như hành kinh. Người ta cho là « hỏa động », ai biết đó là « thủy suy ».

Ôi! nói cái thai thì cái thai nào cũng vẫn là phải nhờ có « Tinh và huyết » cùng kết lại với nhau mà thành thai rồi hàng tháng nuôi thai.

Cổ nhân tuy phân ra mỗi tháng thuộc mỗi kinh lạc nhưng thực ra cũng không bỏ được cái căn bản là « Thận thủy dưỡng thai ». Cho nên Thận thủy mà đủ thì cái thai yên, Thận thủy mà thiếu thì cái thai động.

Như vậy, nếu kẻ nói rằng : « Thận thủy » làm sao có thể động được thai, chỉ « Thận hỏa » mà động thì cái thai mới bị động. Bởi chẳng biết : « hỏa » mà hữu dư là bởi « thủy » bất túc. Thủy bất túc thì hỏa làm dữ mà động thai, cho nên tất nhiên phải bổ thủy mà cái thai được yên. Đó cũng là cái ý nghĩa « ký tế » (2). Chỉ có rằng bổ thủy thì thủy không sinh ngay được, nên bổ Thận thủy tất phải bổ Phế kim trước, kim mà đã sinh thủy thì dễ đề nên cái hỏa xuống. Trong khi bổ thủy chế hỏa nên gia thêm một chút những dược phẩm thanh nhiệt thì cái thai không có cái lý gì mà không yên.

Phương thuốc (1) này dùng :

NHUẬN TẢO AN THAI THANG 潤燥安胎湯

熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3)
生地	SINH ĐỊA	3 đồng
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 —
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khừ tâm
五味	NGŨ VỊ	2 — sáo
阿膠	A GIAO	2 — lấy cấp phần sao
黃芩	HOÀNG CẨM	2 — tâm rượu sao
益母	ÍCH MẪU	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang hết bệnh nóng ráo, uống 2 thang nữa cái thai yên, uống liên tục 10 thang nữa cái thai yên định như bản thạch.

Phương thuốc này chuyên điều bù chân tinh cho Thận và kiêm bổ Phế, nhưng bổ Phế cũng chỉ là ý nghĩa đề bổ Thận, đề Thận thủy vượng thì Thận không bị khô ráo mà Hỏa không còn đốt cái thai nữa thì làm sao có thể không yên thai được.

妊 娠 吐 瀉 腹 痛

NHÂM THẦN THỔ TẢ PHÚC THỐNG

(*Khi mang thai đau bụng vừa thổ vừa tả*)

Đàn bà có người khi mang thai bị đau bụng cuống quýt không thể chịu được, lại còn thương thổ hạ tả, mà cái thai thì động không yên. Thế mà người ta còn cho là nhiệt, chẳng biết đó là bởi « Tý Vị hư hàn thái quá ».

Oi! nguyên khí ở Tý Vị mà bị hư thì bào thai vô lực, ắt sợ rằng sẽ có thể xảy ra băng huyết và hư thai. Hưởng chi lại trên thổ dưới tả thì cái khí của Tý Vị đã hư, nhân vậy lại càng hư thêm. Tý Vị đã hư cực mà muốn cho bào thai vô bệnh có thể được sao?

Nhưng bệnh tình như thế mà cái thai hãy còn không đến nỗi trụy hạ là nhờ có cái Thận khí còn tốt mà nó giữ lại được. Tại sao vậy?

Bởi vì giây bào thai buộc vào Thận mà liên lạc với mạch Tim. Thế là Thận khí trên giao liên với Tim, dưới thông với bào thai, Thận khí còn tốt thì Thận khí giữ thai lại được. Cho nên bào thai có muốn trụy hạ cũng không trụy hạ được. Vả chẳng Thận khí mà kiên cố thì Thận ắt đem « thiếu hỏa » (31) cứu mình mà sinh trưởng cho Tý; Tâm khí mà thông khoái thì Tâm ắt đem « quân hỏa » của mình mà viện trợ cho Vị, thế thì Tý Vị tuy có bị hư nhưng chưa đến nỗi tuyệt, thì bào thai tuy có bị động cũng không đến nỗi trụy hạ.

Vậy muốn giữ vững cái bào thai có lẽ nào mà không cấp bổ cho Tý Vị chẳng?

Chỉ có rằng trong cái lúc khí của Tý Vị « có thể tuyệt mà chưa tuyệt », nếu chỉ bổ Tý Vị không thôi, thì Tý Vị sinh trưởng có phần chậm. Cho nên trong cái lúc bổ Tý Vị, nên bổ cả hỏa cho Tâm và Thận để cho hỏa sinh thổ thì cả hai nối tiếp nhau sinh trưởng mà bảo vệ bào thai, bào thai mới được yên định chắc chắn.

Phương thuốc (1) này dùng :

VIỆN THỔ CỐ THAI THANG 挽土固胎湯

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	2 — tầm hoàng thổ sao (4).
山藥	SƠN DƯỢC	1 — sao
山萸肉	SƠN DU NHỤC	1 lượng sao chín
枸杞子	CÀU KỶ TỬ	3 đồng
兔絲子	THỎ TY TỬ	3 — tầm rượu sao
杜仲	ĐỔ TRỌNG	3 — sao đen
續斷	TỤC ĐOẠN	3 —
炙草	CHÍCH THẢO	1 —
砂仁	SA NHÂN.	3 hạt, sao, giã nát.
附子製	PHỤ TỬ CHẾ	5 phân.
肉桂	NHỤC QUẾ	2 phân cao sạch vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống. uống một thang hết bệnh đi tả, uống 2 thang các bệnh đều hết cả.

Phương thuốc này cứu Tý Vị thổ 8/10, mà trợ TAM Thận hỏa 2/10. Thế là trợ hỏa nhẹ hơn phần cứu thổ, vì thổ muốn tuyết mà hỏa chưa đến nỗi suy lắm. Có nghĩa là « nếu không trọng tễ không thể cứu vớt được khi Thổ muốn tuyết, còn như Hỏa mà suy thì chỉ tiêu tễ cũng đã đủ để cứu trợ ».

Người có thai dùng thuốc lao giờ cũng cấm dùng QUẾ, PHỤ vì sợ có hại đến cái thai. Gặp trường hợp bất đắc dĩ mà phải dùng cũng không nên dùng nhiều. Như trong phương thuốc này những vị hơi có chút nhiệt chỉ dùng đến số « đồng cân », mà vị đại nhiệt cũng chỉ dùng đến số « phân ». Dùng ít như thế chẳng qua là để dẫn hỏa chứ không phải dùng để tráng hỏa.

Nếu bệnh này bảo là « thai nhiệt » mà dùng HOÀNG CAM để thanh nhiệt lương thai thì làm lẫn rất lớn.

妊 娠 小 腹 痛
NHÂM THẦN THIẾU PHÚC THỐNG

(Khi mang thai đau bụng dưới)

Đương khi mang thai đau bụng dưới làm cho cái thai động không được yên, như có tình trạng muốn trụy hạ. Người ta chỉ biết đó là mạch Đái (21) vô lực, ai biết, đó là bởi Tỳ và Thận cả hai đều khuy tổn đâu?

Ôi! bảo thai tuy buộc vào mạch Đái, nhưng thực ra mạch Đái quan hệ đến Tỳ Thận. Nếu Tỳ Thận mà khuy tổn tức thì bảo thai không còn nhờ vào đâu để chịu đựng đầm đàng, cho nên phải bổ cả Tỳ và Thận thì bảo thai mới có thể cố thủ.

Người nào mà bảo rằng: «giày bảo thai thông với Tâm Thận, không thông với Tỳ, thế thì bổ Thận được rồi, việc gì phải bổ Tỳ?»?

Bởi người ấy chẳng biết: Thận là gốc ở tiên thiên (28) Tỳ là gốc ở hậu-thiên (32), tiên-thiên, hậu-thiên coi thật khác xa, thế mà Tỳ không có cái khí của «tiên-thiên-thận» thì Tỳ không thể hóa, và Thận mà không có cái khí của «hậu thiên tỳ» thì Thận cũng không thể sanh. Bởi vậy nay bổ «hậu thiên tỳ» tức là bổ cả «tiên thiên thận», bổ cả tiên thiên, hậu thiên tức là bồi bổ cái khí huyết cho bào thai.

Biết rõ ràng như thế mà lại không lường bổ cả Tỳ Thận sao!

Phương thuốc (1) này dùng:

AN ĐIÊN NHỊ THIÊN THANG 安奠二天湯:

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13).
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — tâm hoàng thổ sao (4).
扁豆	BIÊN ĐẬU	5 đồng sao, bỏ vỏ.
炙草	CHÍCH THẢO	1 đồng.
熟地	THỤC ĐỊA	1 lượng (3).

山 藤	SƠN DƯỢC	5	đồng sao.
山 萸 肉	SƠN DU NHỤC	5	— sao chín.
杜 仲	ĐỔ TRỌNG	3	— sao đen.
枸 杞	CAU KỶ	2	—

Lấy nước sắc uống, uống một thang hết đau, uống 2 thang cái thai yên.

Ôi, cái bệnh động thai này tức là bởi Tý và Thận cả hai đều bị khuy tổn, theo lẽ tự nhiên. nếu chẳng đại dụng cả SÂM, TRUẬT, THỰC ĐỊA là dược phẩm bổ dương bổ âm thì chắc chắn không thể vẫn hồi được trong chốc lát.

Người đời mà sợ dùng SÂM, TRUẬT, hay - có dùng cũng chỉ dùng ít rồi chờ đợi để thu công là bởi không thấy được chứng bệnh đích xác, cho nên ít có công hiệu.

Phương thuốc này mà hay chính là hay ở chỗ dám « dùng nhiều ».

oOo

妊 娠 浮 腫

NHÂM THẦN PHÙ THŨNG

(Khi mang thai phát phù thũng)

Khi mang thai khoảng bốn, năm tháng, chân tay mình mẩy nhừ mỗi, ăn uống không biết ngon, trước sưng 2 chân dần dần khắp mình và đầu mặt đều sưng phù. Người ta cho là bởi « thấp khí » mà thế. Ai biết đó là bởi Tý Khí, Phế Khí đều bị hư.

Ôi! trong khi mang thai, tuy có tính từng tháng mà phân tách ra để dưỡng thai cho tháng nào hợp với kinh mạch tháng ấy. Nhưng thực ra cũng chẳng nên câu nệ vào ngày tháng cho lắm. Tóm lại chỉ nên kiện Tý, bổ Phế làm đại cương.

Bởi vì: Cái thai không có khí thì không sinh, không có huyết thì không thành, mà Tý là đầu mối của huyết. Tý khoẻ thì huyết vượng mà ấp ủ cái thai, Phế chủ về

Khi, Phế thịnh thì khí vượng mà bổ ích cho con. Nếu Tỳ hư thì huyết thiếu, huyết thiếu thì không hay dẫn huyết ra chân tay mình mẩy; Phế suy thì khí thiếu, khí thiếu thì không hay dẫn khí ra ngoài bì phu.

Khi và huyết đều hư cả thì Tỳ Phế không làm việc sẽ sinh ra ăn uống khó tiêu, tinh vi không hóa, thể tất nhiên khi huyết bị hạ hãm không dẫn lên được thì thấp khí bèn nhàn cái chỗ sở hư ấy tụ lại mà thành ra bệnh phu thũng

Như vậy bệnh phu thũng này không phải bởi khi huyết hư sinh ra mà thể du!

Phép trị nên bổ Tỳ huyết và Phế Khí, bất tất phải khử thấp mà tự nhiên trừ được.

Phương thuốc (1) này dùng:

GIA GIẢM BỔ TRUNG ÍCH THANG 加減補中益氣湯

人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13).
黃芪	HOÀNG KỶ	3 — dùng sống
柴胡	SÀI HỒ	1 —
甘草	CAM THẢO	1 phân.
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng lấy rượu rửa
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tằm hoàng thổ sao(4).
茯苓	PHỤC LINH	1 lượng.
升麻	THĂNG MA	3 phân.
陳皮	TRẦN BÌ	3 phân.

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang khỏi, uống 10 thang không tái phát.

Ôi! lập ra phương BỔ TRUNG ÍCH KHÍ là chủ pháp đề thăng đề cái khí của Tỳ Phế. Vậy thì tựa hồ chỉ chuyên có bổ khí mà không có bổ huyết sao?

Nhưng « huyết mà không có khí thì không [sinh]. Vậy thì nay bổ khí tức là đề sinh huyết. Xem như phương DƯƠNG

QUY BỒ HUYẾT THANG (33) mà lại lấy HOÀNG KỶ vi quân, thì biết cái công hiệu « bổ khí để sinh huyết » rành rành vậy.

Hướng chi trong khi Thấp Khí đương nhân cái lúc Tý Phế hư mà xâm lấn, chưa thuận tiện cho việc đại bổ huyết. Vì sợ rằng âm đã quá thịnh mà lại đại bổ huyết thì thành ra tăng mãi phần âm. (Có nghĩa là nước đã nhiều lại còn rót mãi nước vào). Vậy chỉ nên bổ khí mà lấy được phẩm lợi thấp làm trợ tá, thì khí lên mà thủy càng dễ tiêu tan, tức thì huyết cũng theo đó mà sinh ra.

Nhưng trong phương thuốc này trọng dụng PHỤC LINH đến một lượng, chẳng phải là lấy vị thuốc lợi thấp làm quân sao? Chao ôi! trị bệnh thấp của người có thai, nếu không lấy vị thuốc ấy làm quân thì còn lấy vị gì làm quân được. Hướng chi trọng dụng PHỤC LINH ở trong thuốc bổ khí, thì tuy là thấm thấp mà thực là để kiện Tý thanh Phế. Và chẳng, phàm những thuốc khác để trị thấp phần nhiều là bị hao khí, mà chỉ PHỤC LINH hợp dụng với SÂM, TRUẬT để trị thấp thì thật là phần bổ nhiều hơn phần thấm lợi. Bởi vậy, trọng dụng PHỤC LINH để trị thấp mà tức là để bổ khí huyết.

oOo

妊娠腰腹疼, 汗, 渴, 燥狂

HÂM THÂN YÊU PHÚC ĐÔNG,

HÃN, KHÁT, TÁO CUỒNG

(Khi mang thai đau bụng, đau lưng,
ra mồ hôi, khát nước, nóng nảy phát cuồng)

Khi mang thai có người ra mồ hôi nhiều, khát nước muốn uống rất nhiều nước lạnh, mà buồn phiền nóng nảy phát cuồng, lại đau lưng đau bụng mà cái thai như muốn trụt ra. Người ta vẫn biết đó là « hỏa thịnh cực » nhưng chẳng biết hỏa ở kinh nào nó thịnh cực?

↳o là Vị Hỏa đốt cháy, hun nấu cái nước ở bào thai, làm cho nước trong bào thai bị khô cạn, cái thai mất phần dinh dưỡng, cho nên thai động không yên.

Ồi! Vị là cái bình để chứa cơm nước, là cái kinh có nhiều khí, nhiều huyết, để phân dương di ngũ tạng, lục phủ (31). Cũng như vạn vật đều nhờ Thổ khí (đất) để sống, Thổ khí mà hầu thu vạn vật mới sống, Thổ khí mà bạc thì vạn vật tất phải chết.

Nhưng Thổ khí sở dĩ được hậu là hoàn toàn nhờ có hỏa khí để sinh ra. Nay Vị (Vị thuộc Thổ) mà hay chứa đựng cơm nước cũng là nhờ có hỏa khí để tiêu hóa đi.

Như vậy Thổ phải nhờ có Hỏa, mà hỏa thịnh thì lại làm bệnh tai hại đến thế là tại sao? — Bởi chẳng biết rằng: Nếu thổ mà không có hỏa, thì thổ khó phần sinh sản, nhưng thổ mà lại nhiều hỏa quá càng hay đốt cháy đến thủy. Tuy rằng trong thổ phải có hỏa thì thổ mới không chết, nhưng trong thổ cũng phải có thủy thì thổ mới không bị khô ráo. Nay Vị hỏa vượng quá tất nhiên hun đốt Thận thủy đến khô cạn. Thận thủy đã bị khô cạn, thì Vị thổ đã không, có thủy để đủ thấm nhuần cho chính Vị thổ, thì Vị thổ còn lấy gì mà phân chia thấm nhuần cho bào thai. Như vậy thì cái thể của hỏa nung nấu mạnh quá làm cho cái thai phải chịu sự bức bách, làm sao không hạ trụy cho được. Thật đúng ý nghĩa của Nội Kinh (35) dạy rằng: « Nhị dương chi bệnh phát tâm tý ». Nghĩa là Dương Kinh thứ 2 mà có bệnh là tự tâm hỏa và tý thổ phát ra. (Nhị dương là Thủ dương minh đại trường và túc dương minh Vị. Nhưng nghĩa câu này chỉ nói Vị Kinh, không liên can đến đại-trường).

Phép trị ắt nên thêm nước, bớt lửa để cho chân thủy được vượng thì cái thể mãnh hỏa tự nhiên bình. Hỏa đã bình thì bệnh cuồng táo của cái thai cũng tự nhiên yên định.

Phương thuốc (1) này dùng

TỨC PHÂN AN THAI THANG 息 焚 安 胎 湯

生地	SINH ĐỊA	1 lượng, tằm rừu sao.
青蒿	THANH CAO	5 ờg (36).
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tám hoàng thổ sao(4).

茯苓	PHỤC LINH	3	—
人參	NHÂN SÂM	3	— (13).
知母	TRI MẪU	2	— cao sach lông.
天花粉	THIÊN HOA PHẤN	2	—

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang bệnh cuồng đã hơi yên, uống 2 thang bệnh cuồng thật yên, uống 3 thang cái hỏa đã thanh giải hết mà cái thai cũng yên định.

Phương thuốc này về dược liệu có phần nặng, làm cho có người lo rằng mạnh quá, không dám dùng cả. bởi chẳng biết rằng trong cái lúc mang thai mà cái hỏa nó mạnh như thế, nếu không dùng đại tễ làm sao chữa được cháy. Nếu cái hỏa không tắt thì bệnh cuồng không hết, bệnh cuồng không hết thì cái thai yên làm sao được. Huống chi trong phương thuốc này những vị để thêm nước đều dùng những vị có tính chất cam hàn, không có tính chất khổ hàn, thì chớ có quá lo vầy.

oOo

妊娠子懸脅痛

NHÂM THẦN TỬ HUYỀN, HIẾP THỐNG

(Khi mang thai cái thai bị găng làm đau hai bên hông)

Khi mang thai, có người vẫn ấp ủ trong lòng sự uất giận lo âu làm cho cái thai bị động không được yên, hai bên hông buồn bực đau nhức mà nó găng tức như giấy cánh cung kéo thẳng. Người ta chỉ biết đó là bệnh « tử huyền » (cái thai nó găng uốn lên) Ai biết đó là « Can khí bất thông ».

Ồi ! Việc nuôi thai tuy rất quan hệ ở Thận thủy, nhưng nếu Thận thủy mà không có Can huyết tương trợ thì thật là Thận thủy bị kẹt vào cái thế độc lực khó phần chống đỡ. Cho nên việc bảo dưỡng cái thai tất nhiên là nhờ có Thận thủy, nhưng hẳn rằng cũng không có thể không nhìn vào Can huyết, tức là tuy nhờ có Thận thủy mà cũng cần phải có Can huyết tương trợ.

Nếu Can khí mà không bị bế, Can khí mà không bị uất, thì tất là Can huyết vượng. Can huyết vượng tự nhiên có đủ sức tưới bón cho bào thai. Như vậy Can huyết hợp với Thận thủy cùng hiệp lực bảo dưỡng bào thai.

Nay Can khí vì uất nhiệt mà bế lại thì Can huyết ít đi, cái thai không được đủ huyết để ấp ủ, cái thai tất phải nhoi lên. Đó là bởi uất khí mà thế, chẳng nên vội nhận là tự ý cái thai nó nhoi lên mà dùng những dược phẩm để thanh tiết cho cái thai mà làm.

Phép trị cởi mở sự uất kết cho Can khí, thanh bỏ sự táo nhiệt cho Can huyết thì bệnh « tử huyền » tự nhiên yên định.

Phương thuốc (1) này dùng GIẢI UẤT THANG 解鬱湯

人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tầm hoàng thổ sao(4)
白茯苓	BẠCH PHỤC LINH	3 —
當歸身	ĐƯƠNG QUY THÂN	1 lượng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH CHƯỚC	1 lượng, tầm rượu sao.
枳壳	CHỈ XÁC	5 phân, sao.
砂仁	SA NHÂN	3 quả, bỏ vỏ, giã nát.
山梔	SƠN CHI	3 đồng sao.
薄荷	BẠCH HẠ	2 đồng.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang bệnh đau buồn trừ hết, uống 2 thang bệnh tử huyền yên định, uống 3 thang hoàn toàn an kiện. Sau đó, bỏ vị CHI TỬ đi, uống thêm nhiều thang nữa, thì bệnh ấy không tái phát được.

Đó là thánh dược để bình Can khí, giải Can uất. Khi uất đã giải rồi thì Can mộc không khắc Tỳ thổ nữa, khi khí đã bình rồi thì Tâm hỏa không vọng động nữa. Trong phương thuốc này lại còn có những dược phẩm kiện Tỳ, khai Vị, để cho ăn uống được, tự nhiên có tinh có máu phân đi từ phía thì Can và Thận đều có cái cơ được thấm nhuận tưới mát mà bào thai không có lo bị khô ráo, thì còn sợ gì bệnh « tử huyền » không khỏi.

妊 娠 子 喘, 腰 痛

NHÂM THẦN TỬ MINH, YÊU THỐNG

(*Khi mang thai, con trong thai khóc, lưng đau*)

Khi có thai đã được bảy, tám tháng, hốt nhiên đứa trẻ trong thai khóc, mà nơi ngang lưng cứ nhâm nhâm đau. Người ta cho là bởi « thai nhiệt ». Ai biết đó là bởi « phế khí hư » (thiếu hơi thở).

Ôi! đứa trẻ ở trong bào thai, hoàn toàn nhờ hơi thở của mẹ để sinh hóa nên, hễ mẹ thở ra thì con cũng thở ra, mẹ hít vào thì con cũng hít vào, chưa từng có một hơi thở nào mà mẹ con gián đoạn nhau được.

Nay đến thời kỳ cái thai được bảy tám tháng thì hơi thở của mẹ hẳn đã thấm mệt, mà đứa trẻ đã mạnh không thể nào tùy thuộc hơi thở của mẹ để hô hấp nhịp độ được, thế tất nhiên nó bức bách đòi hỏi không chịu chờ đợi sự hơi thở chậm trễ của mẹ nó. Một khi nó đã mất hơi thở liên tục của mẹ nó thì nó khóc lên ở trong bụng. Như thế tưởng là lạ mà xét ra thì có gì là lạ.

Bệnh này gọi là bệnh TỬ MINH, vì KHÍ HƯ là rất phải. (con khóc trong thai là vì thiếu hơi thở).

Phép trị nên đại bổ khí để hơi thở của mẹ và hơi thở của con hòa nhịp với nhau thì bệnh khóc tự nhiên hết.

Phương thuốc (1) này dùng

PHỤ KHÍ CHỈ ĐỀ THANG 扶氣止喘湯

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
黃芪	HOÀNG KỶ	1 — dùng sống
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khử tâm.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng cân, lấy rượu rửa.
橘紅皮	QUẤT HỒNG BÌ	5 phân
甘草	CAM THẢO	1 đồng
天花粉	THIÊN HOA PHẤN	1 đồng

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang ngưng tiếng khóc, uống 2 thang không khóc nữa.

Phương thuốc này dùng SÂM, KỶ, MẠCH ĐÔNG để bổ phế khí, phế khí mà vượng thì cái khí ở bào thai cũng được vượng. Như thế mà bảo rằng hơi thở của đứa con trong bào thai không theo hơi thở của mẹ để làm nhịp độ hô hấp cho đều, thì không thể nghe được.

-oOo

妊 娠 小 便 下 血, 病 名 胎 漏
NHÂM THẦN TIỂU TIỆN HẠ HUYẾT,
BỆNH DANH THAI LẬU

(*Khi mang thai tiểu tiện ra huyết, gọi là bệnh « thai lậu »*)

Khi mang thai, cái thai vẫn yên không bị động và bụng cũng vẫn thường không đau, thế mà trong lúc đi tiểu tiện có khi ra huyết. Người ta chỉ biết thế là « huyết hư, thai lậu ». Ai biết đó là « dương khí bất túc » làm cho xúc động đường kinh mà huyết chảy ra.

Ôi! Huyết là đề mát thai, mà cái huyết mát ở trong thai ấy phải nhờ có Khí đề bảo vệ. Nếu Khí mà hư thì bị hãm lại không đi lên được, tất phải đi xuống. Khí đi xuống thì cái Huyết mát thai ấy cũng theo mà đi xuống.

Bởi vì Khí là đề bảo vệ cho Huyết, Khí đã hư thì Huyết không nơi nương tựa. Huyết đã không nơi nương tựa, tất nhiên táo cấp mà sinh ra nhiệt tà. Huyết đã nhiệt thì nó động (nếu huyết mát thì nó tĩnh) mà đã động thì nó chảy ra ngoài không thể ngăn lại. Như thế thì làm sao mà bảo rằng huyết chẳng chảy xuống ư!

Phép trị nên bổ cái huyết bất túc mà tả cái hỏa hữu dư thì huyết tự nhiên chi.

Phương thuốc (1) này dùng

TRỢ KHÍ BỔ LẬU THANG 助氣補漏湯

人參	NHÂN SÂM	1 lang (13).
白芍	BẠCH THƯỢC	5 đồng tầm rượu, sao.
黃芩	HOÀNG CẨM	3 — tầm rượu, sao đen.
生地	SINH ĐỊA	3 — tầm rượu, sao.
益母草	ÍCH MẪU THẢO	1 —
續斷	TỤC ĐOẠN	2 —
甘草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà huyết ngưng, uống 2 thang không bị lậu trở lại.

Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM để bổ dương khí, khí vượng thì huyết có chỗ nương tựa mà không kẽ hở nào có thể thấm lậu ra được ; dùng HOÀNG CẨM để tiết âm hỏa, hỏa tiết đi thì huyết không nhiệt mà không có cái cơ muốn động nữa. Khí và huyết đã hòa hiệp thì huyết quy kinh mà đều được yên nơi, yên chỗ cả, làm sao còn có cái lo tiết lậu nữa.

oOo

妊 娠 跌 損

NHÂM THẦN ĐIỆT TỐN

(Khi mang thai té ngã bị thương)

Khi mang thai, có người lỡ chân té ngã bị tổn thương, làm tổn thương đến cả cái thai, rồi chuyển đau trong bụng, tình thế của cái thai như muốn trụt ra. Người ta chỉ biết đó là bệnh « ngoại thương » (đau đớn nhưc nhói ngoài thân thể). Ai biết đó là bởi « nội thương » (khi huyết suy tổn từ bên trong).

Nói chung : Người mang thai, trong mình không có bệnh gì cả, mà cái thai lại khỏe mạnh chắc chắn, nếu có ngẫu nhiên bị nghiêng ngã té què ra chẳng nữa, cái thai vẫn còn có thể là vô sự. Nay chỉ bởi khi huyết bên

trong đã suy yếu sẵn, cho nên hơi có đặng chạm chuyên động đến thân thể là cái thai bèn có vẻ không được yên.

Nếu chỉ làm những phép nắn bóp, xoa bóp, để trị ngoại thương thì hẳn là đã khó có công hiệu lại còn có thể bởi trị ngoại thương mà đi đến hư thai đó. Không thể không cần thận.

Vậy tất nhiên phải đại bổ khí huyết mà thêm một chút thuốc có tính cách lưu hành cái ứ huyết, thì ứ huyết tan mà cái thai được yên. Nhưng trong phần đại bổ khí, đại bổ huyết đó, nên cho thuốc bổ huyết nhiều hơn thuốc bổ khí, ấy là được.

Phương thuốc (1) này dùng:

CỨU TỒN AN THAI THANG 救損安胎湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, tằm rượu, sao.
白芍	BẠCH THƯỢC	3 đồng tằm rượu, sao,
生地	SINH ĐỊA	1 lượng tằm rượu sao.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng tằm hoàng thổ sao(4)
炙草	CHÍCH THẢO	1 —
人參	NHAN SÂM	1 — (13).
蘇木	TÔ MỘC	3 — cỡ nhỏ.
乳香	NHŨ HƯƠNG	1 —
沒藥	MỘT DƯỢC	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hết đau nhức, uống 2 thang cái thai yên không có cái thể trụy hạ, bắt tất phải uống đến 3 thang.

Phương thuốc này rất thần diệu ở chỗ đã đánh tan được ứ huyết mà không phương hại đến cái thai, lại hay bổ khí bổ huyết mà không bị ngưng trệ, thật là thông khí lợi huyết mà không hại gì, lại khỏi cả bệnh đau nhức vi té ngã. Nói ngay, cả những người không có thai mà bị té ngã làm đau buồn nhức nhối cũng có thể dùng phương thuốc này.

妊娠多怒墮胎

NHÂM THẦN ĐA NỘ NỌ THAI

(*Khi mang thai nóng giận nhiều quá, hư thai*)

Đàn bà, có người sau khi có thai — bất luận là thai đã thành hình hay chưa thành hình — cái thai cứ thường bị hư ấy. Người ta đều bảo là bởi « khí huyết suy yếu quá, không thể giữ vững được cái thai ». Ai biết đó là bởi « cái tính nóng nảy, hay tức giận nhiều làm cho Can hỏa động lên quá mức » mà sinh ra.

Ồi ! Can vốn là để chứa đựng huyết, một khi nóng giận thì Can đã không chứa huyết lại còn khó giữ huyết lại.

Bởi vì Can tuy là thuộc mộc, mà thực ra Can giữ một chức vị tương hỏa. Cái tính tương hỏa của Can muốn yên tĩnh mà lại rất khó làm cho yên tĩnh, không muốn động mà lại rất dễ gây nên động.

Như vậy là Can không chứa huyết mà tương hỏa của Can muốn động, lại thêm nóng giận quá thì cái khí thể nó phi việt lên không thể sinh hòa khí sức cho cái thai, ắt chuyển đi xâm phạm đến tinh khí. Tinh khí bị tổn thương thì cái thai không được nuôi dưỡng, thế tất nhiên nó trụ hạ. Đùng như ý nghĩa Nội Kinh (35) nói rằng: « Tráng hỏa thực khí » nghĩa là hỏa mạnh quá thì tiêu tán cái khí.

Phép trị nên bình Can hỏa, hoạt lợi cho cái khí ở lưng và rốn, để khí sinh ra huyết mà huyết mát cho hòa thì ngũ tạng có thể được.

Phương thuốc (1) này dùng :

LỢI KHÍ TIẾT HỎA THANG 利氣洩火湯 :

人參 NHÂN SÂM 3 đồng (13).

白朮 BẠCH TRUẬT 1 lạng tám hoàng thổ, sao(4)

七草 CAM THẢO 1 đồng

- 熟地 THỰC ĐỊA 5 — thứ cứu chung rất tốt (37)
索絳 ĐƯƠNG QUY 3 — lấy rượu rửa.
白芍 BẠCH THƯỢC 5 — tằm rượu, sao.
芡實 KHIẾM THỰC 8 — sao.
黃芩 HOÀNG CẨM 2 — tằm rượu, sao.

Lấy nước sắc uống. Uống sáu bảy thang cái thai được yên vậy.

Phương thuốc này cái danh tuy là lợi khí, mà thực là bổ khí. Nhưng bổ khí mà không thêm vị thuốc để tiết hỏa thì khí vượng mà hỏa không thể blub, thành ra lại hại đến khí, cho nên gia HOÀNG CẨM ở trong thuốc bổ khí để tiết hỏa, lại có THỰC ĐỊA, QUY, THƯỢC để mát gan mà mạnh chân thủy thì huyết không khô ráo mà khí được điều hòa, nóng giận hết mà hỏa tự nhiên bình, bất tất phải lợi khí mà khí tự nhiên lợi.

○○○

妊娠中惡

NHÂM THẦN TRÚNG ÁC

(Khi mang thai trúng ác khí)

Đàn bà có người khi mang thai trong mình, hay khạc nhổ nhiều đàm dãi. Hốt nhiên gặp phải luồng hơi nóng nặc, lạnh lẽo như có tà ma tấp vào người, tức thì trong bụng đau mà cái thai cứ nhoi đầu lên. Người ta nghi là bệnh « tử huyền » (cái thai ươn người lên đập vào hông). Ai biết đó là bệnh trúng khí độc mà cái thai không yên.

Phàm những cái khí bất chính (tức tà khí) rất dễ làm cho thai bị cảm. Cho nên người đàn bà khi có thai, hẳn rằng, không nên vào đảng hương nơi miếu mạo và đến những chỗ am thanh, cảnh vắng, đèn sầu, động cỏ. Những nơi tịch mịch đó có nhiều những tung tích tà ma, rất dễ xúc phạm đến cái thai. Hướng chi người có thai thường hay lắm đàm dãi, mà vì đàm dãi ấy làm cho đầu mặt dễ bị xây xậm, thậm

chỉ có khi còn nhìn không thật, nói không đúng. Cổ ngữ có câu : « quái bệnh đa sinh ư đàm », nghĩa là những bệnh quái dị sinh ra phần nhiều bởi đàm. Thật đúng vậy ư !

Phép trị, theo lẽ tự nhiên, nên chú về trị đàm. Nhưng trị đàm nhiều tất nhiên đi đến hao khí. Khí mà hư hao đi thì đàm càng khó tiêu, thai càng hay máy động. Vậy tất nhiên phải bổ khí để sinh huyết, bổ huyết để hóa đàm, mà trong đó thêm một ít vị thuốc để thanh đàm nữa thì khí huyết đầy đủ mà đàm cũng dễ tiêu hóa đi.

Phương thuốc (1) này dùng

TIÊU ÁC AN THAI THANG 消惡安胎湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, lấy rượu rửa
白芍	BẠCH THUỘC	1 lượng, tẩm rượu ; sao
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, tẩm hoàng thổ, sao (4)
茯苓	PHỤC LINH	5 —
人參	NIÊN SÂM	3 đồng (13).
甘草	CAM THẢO	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	5 phân.
天花粉	THIÊN HOA PHẤN	3 đồng
蘇葉	TÔ DIỆP	1 đồng
沉香	TRẦM HƯƠNG	1 đồng, giã nhỏ nát.

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này đại bổ khí và huyết, có nghĩa là cứ bổ chính tự nhiên trừ tà. Nếu ai kia dùng những chất kim thạch để hóa đàm đều là người « lập dị, hiếu kỳ » ý muốn có công hiệu mau chóng, nhưng không biết là nó hao tổn chân nguyên khí của người ta một cách âm thầm đó. Nên cần thận coi chừng.

小 產

6. TIÊU SẢN

(Đẻ non, đẻ thiếu tháng)



畏寒腹痛小產

ÚY HÀN PHÚC ĐÔNG TIÊU SẢN

(Sợ lạnh, đau bụng, đẻ non)

Đàn bà, khi mang thai, có người vì sợ lạnh, rồi đau bụng, mà hư thai. Người ta chỉ biết đó là « hạ bộ bị lạnh quá ». Ai biết đó là vì « chân khí hư không giữ được thai ».

Ôi ! bào thai đã kết thai được là nhờ có chân hỏa của Tiên thiên (28) — Chân hỏa của Tiên Thiên tức là chân khí của Tiên thiên — Vậy thì thành được thai là nhờ có khí, mà giữ được thai cũng nhờ có khí. Hễ khí mà vượng thì thai khỏe mạnh chắc chắn, nếu khí mà suy thì thai hư.

Cái thai một ngày một lớn mà cái khí một ngày một kém đi, nay lại bị gió lạnh ở ngoài nhiễm vào thì hỏa khí ở trong càng kém đi. Hỏa khí đã suy kém thì cái thai không còn được nhờ để trưởng dưỡng. Bởi vậy, những cái thai như thế nhiều khi bị hư.

Nếu đương cái lúc đau bụng, tức thì dùng ngay loại NHÂN SAM, CÁN KHƯƠNG để khử hàn bổ khí thì hết đau bụng mà yên thai. Đừng như người ta câu nệ rằng, thuốc cho người có thai cấm không dám dùng những loại thuốc đó. Ấy bởi vậy mà đến nỗi hư thai, tình thế chỉ còn một hơi thở thoi thóp, trở thành không cứu vãn được, có phải là oan uổng không ?

Phương thuốc (1) này dùng :

HOÀNG KỶ BỔ KHÍ THANG 黄芪補氣湯 :

生黄芪 SANH HOÀNG KỶ 2 lượng.

當歸 ĐƯƠNG QUY 1 lượng, lấy rượu rửa.
肉桂 NHỰC QUẾ 5 phân cạo sạch vỏ, cắt nhỏ

Lấy nước sắc uống. Uống 5 thang khô.

Bệnh này nếu nhận định là « hàn » rồi dùng những loại thuốc cay nóng khô ráo mà hoàn toàn không nói gì đến bổ khí bổ huyết thì sợ rằng sẽ đến vong dương (38) mà biến ra nguy chứng.

oOo

大便乾結小產
ĐẠI TIỆN CAN KẾT TIỂU SẢN,
(Đại tiện khô kết, đẻ non)

Đàn bà khi mang thai có người trong mình nóng rạo nuồn bức, miệng khô khát nước, lưỡi lở loét, 2 môi sưng bứt nẻ, đại tiện khô kết lại vài ba ngày mà không thông lợi được rồi đến đau bụng mà đẻ non. Người ta đều bảo bởi « thực hỏa ở đại trường ». Ai biết đó là bởi « huyết nóng làm tiêu tước cái thai ».

Ôi ! Cái thai phải nhờ có huyết để nuôi dưỡng. Huyết mà ôn hòa thì thai mạnh lớn. Nếu huyết mà nóng quá thì thai bị hao mòn.

Nay cái huyết mà đề tưới mát cho cái thai thì huyết ấy vốn đã bị hư hao. Âm huyết mà hư hao, tất thị trong huyết có hỏa ; âm huyết mà hư hao, tất thị dương khí sinh hỏa nhiệt. Dương hỏa và âm hỏa 2 cái hỏa xúm vào mà đốt thì cái thai bị bức bách không chịu được, dù nó muốn ở yên mà không trụ hạ cũng không được.

Phép trị nên « thanh » cái hỏa ở trong bào thai mà bổ thủy bổ tinh cho Thân.

Phương thuốc (1) này dùng :

GIA GIẢM TỬ VẬT THANG 加減四物湯

熟地 THỰC ĐỊA 5 đồng (3).

白芍	BẠCH THUỘC	3 đồng dùng sống.
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, tẩm rượu, sao
川芎	XUYỀN KHUNG	1 đồng
山梔	SƠN CHÍ	1 — sao.
山萸肉	SƠN DU NHỤC	2 — sao chín.
山藥	SƠN DUỘC	3 — sao.
丹皮	ĐƠN BÌ	3 —

Lấy nước sắc uống. Uống bốn năm thang khỏi hoàn toàn.

Bởi cái hỏa ấy là hư hỏa thì chỉ nên thanh, mà thanh nó ở trong phần thuốc bổ, chứ không phải là thực hỏa mà có thể tả nó được.

Nếu chỉ dùng một vị thuốc có tính chất thanh lương để giáng hỏa mà không hỏi gì đến bào thai, (xem rằng bào thai bệnh này là hư hỏa hay thực hỏa) thế tất nhiên càng gọi cho lạnh thì sức nóng càng tăng mà sinh khí của con Vị cũng tau biến vậy.

Bởi vì Vị là nhờ cả hai dương kinh (Tâm hỏa, Tý Vị hỏa) đề tư dưỡng cho ngũ tạng (34). Nếu Vị dương mà không sinh thì không thể tiêu hóa đến tinh vi để lấy chất máu mà sinh ra âm huyết. Như vậy mà bảo rằng : không dần dần biến thành « lao sái » (39) thì có lẽ ít lắm

oOo

大怒小產
ĐẠI NỘ TIỂU SẢN
(Giận quá, đẻ non)

Đàn bà mang thai có người sau một cơn tức giận quá, hốt nhiên đau bụng thổ ra huyết, nhân vậy rồi mà bị hư thai. Lại sau khi bị hư thai rồi mà vẫn còn đau bụng chưa hết. Người ta cho là « cái hỏa ở cơn giận của Can chưa nguôi ». Ai biết đó là bởi « huyết không về kinh » của nó mà đến thế.

Ồi ! Bản vị của Can là chứa huyết (huyết thuộc âm) mà cái tính của Can lại rất cấp táo. Khi nóng giận lên huyết không thể chứa ở giây bào thai mà thông với Tâm Thận, tất thị Can huyết xung trở lại mà đoạn tuyệt con đường về với Tâm Thận, làm cho bào thai mất sự nuôi dưỡng của thủy hỏa (thận thủy, tâm hỏa) bởi vậy hư thai.

Còn như cái thai đã bị hư rồi mà hãy còn đau bụng như khi thai chưa bị hư, đó là bởi mất sự viện trợ của Tâm Thận rồi, Can khí muốn về với Tâm, Tâm không chịu, muốn về với Thận, Thận không nhận, cho nên huyết vẫn còn động, khó phần yên tĩnh mà cái bệnh đau bụng chưa hết.

Phép trị nên dẫn huyết của Can về với Can. Nhưng nếu chỉ dẫn Can huyết mà không dẫn Can khí thì khí nghịch lên không chuyển xuống tức thị huyết cũng nghịch lên không trở về dễ dàng được.

Phương thuốc (1) này dùng:

DẪN KHÍ QUY HUYẾT THANG 引氣歸血湯:

白芍	BẠCH THUỘC	5 đồng tầm rượu, sao.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 — lấy rượu rửa.
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — tầm hoàng thổ, sao (4).
甘草	CAM THẢO	1 —
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	3 —
丹皮	ĐƠN BÌ	3 —
煨姜	THÂN KHƯƠNG	5 phân.
香附	HƯƠNG PHỤ	5 —
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 đồng khử tâm.
鬱金	UẤT KIM	1 — tầm giấm, sao.

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này cái danh là dẫn khí mà thực ra là để dẫn huyết, mà dẫn huyết cũng là để dẫn khí. Khi về với Can, huyết cũng về với Can, khí huyết đều về với Can cả thì hết đau bụng.

跌閃小產
DIỆT SIÉM TIỂU SẢN
(Té ngã đau nhức, đẻ non)

Đàn bà khi mang thai có người lỡ chân té ngã đau đơn nhức nhối rồi sảy ra tiểu sản mà huyết chảy ra những hòn cục tím tím đầu mặt quay cuồng choáng váng tối om như muốn đứt hơi thở. Người ta đều bảo « huyết ứ đọng lại làm bệnh ». Ai biết bởi « huyết thất » (ồ máu) bị tổn thương.

Oi! huyết thất với bào thai, 2 đảng liên kết với nhau. Té ngã mà đau đến bào thai thì huyết thất cũng bị đau. Nhưng bào thai đau mà ra huyết thì đau ít, huyết thất đau mà ra huyết thì đau nhiều. Vì đau ít là đau ở bụng, đau nhiều thì xung lên tới Tim. Tuy cùng là một sự tổn thương mà khi chưa bị tiểu sản và khi đã bị tiểu sản rồi, sự trị bệnh của hai trường hợp ấy đều khác nhau.

Khi chưa bị tiểu sản mà cái thai không yên thì nên lưu ý vào cái thai chứ không thể coi thường mà « khử huyết ».

Khi đã bị tiểu sản tức là huyết đã bị băng mất nhiều rồi thì nên tán ứ huyết nhưng chớ có nặng về mặt « phát khí ».

Bởi vì thai đã bị hư rồi, huyết cũng đã bị thoát rồi thì huyết thất trống rỗng, chỉ còn lại có chân khí mà thôi. Nếu khi ấy mà lại làm tổn thương chân khí nữa thì làm sao mà giữ cho chân khí không bị thoát được. Cho nên phải bổ khí để sanh huyết, khi huyết mới đã sanh ra rồi thì huyết ứ tự nhiên tan biến.

Phương thuốc (1) này dùng

LÝ KHÍ TÁN Ứ THANG 理氣散瘀湯

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
生黃芪	SANH HOÀNG KỶ	1 lượng
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rửa.
茯苓	PHỤC LINH	2 —

紅花	HỒNG HOA	1 —
丹皮	ĐƠN BÌ	3 —
炭基	THÁN KHƯƠNG	5 phân

Lấy nước sắc uống Uống 1 thang chỉ huyết, uống 2 thang hết quay cuồng, uống 3 thang hoàn toàn yên định.

Phương thuốc này, dùng NHÂN SÂM, HOÀNG KỶ để bổ khí, khi vượng thì huyết có thể thu nhiếp; ĐƯƠNG QUY, ĐƠN BÌ để sanh huyết, huyết sau thì ứ huyết khó mà lưu lại; HỒNG HOA, THÁN KHƯƠNG để hoạt huyết, huyết hoạt thì bệnh quay cuồng có thể hết; lại thêm PHỤC LINH để lợi thủy, thủy lợi thì huyết tự nhiên về với kinh của nó.

oOo

行房小產

HÀNH PHÒNG TIỂU SẢN

(Làm truyện « khoái » trong phòng, đẻ non)

Đàn bà có người khi đã mang thai, còn say mê điên cuồng sự khoái lạc trong phòng, để sau đó xảy ra « tiểu sản » rồi lại « băng huyết » không ngừng nữa. Người ta cho là « hỏa động quá cực ». Ai biết đó là bởi « khí thoát ».

Nói chung: Tất cả những người đàn bà mà có thai được, là hoàn toàn nhờ có Thận thủy để tưới mát cho cái thai. Nếu cái nguồn Thận thủy ấy mà thiếu thì Tương hỏa càng dễ sôi sục lên Hỏa đã sôi sục lên mà lại còn ham phòng dục thì hỏa động lên, tinh tiết ra, làm cho Thận thủy bị khô cạn. Thận thủy đã khô cạn thì Tương hỏa càng đốt cháy. Thế là Thận thủy và Tương hỏa cùng giao nhau làm bệnh thì cái thai không ở yên được phải trụt ra.

Khi thai đã bị trụt ra rồi mà hỏa hầy còn làm dữ, chưa dập tắt đi được, cho nên huyết theo cái hỏa ấy chảy ra thành băng, khó có cái thể cầm giữ lại được. Như vậy người ta bảo là « hỏa động quá cực » vẫn không phải là làm lắm.

đau. Nhưng huyết mà băng là gốc bởi khí hư, hỏa mà thịnh là gốc bởi thận thủy thiếu. Thận thủy đã thiếu thì nguồn sống của khí cạn đi. Nguồn sống của khí đã bị cạn thì khí làm sao có thể không bị thoát được.

Như vậy, bệnh hỏa động làm băng huyết là thuộc « tiêu » (ngọn) mà bệnh khí thoát làm hư thai là thuộc « bản » (gốc). (tiêu, bản (30)).

Nếu điều trị chỉ chăm chăm cầm giữ chân huyết là cái ngọn mà không mau mau cố định cho chân khí là cái gốc, thì khí bị tán không thể thu hồi mau chóng được. Khí không thu hồi ngay được thì huyết làm sao mà sanh ra được.

Nếu chẳng đại bổ khí là bồi bổ cho cái gốc thì thận thủy khó cạn không thể lớn mau được, tất thị Tương hỏa càng đốt cháy. Cũng như việc trồng cây chẳng chăm lo cái gốc mà chỉ điều chỉnh cái ngọn thì kết quả không có thể tốt lên được.

Phương thuốc (1) này dùng :

CỐ KHÍ ĐIỀN KINH THANG 固氣填經湯 :

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13).
黃芪	HOÀNG KỶ	1 lượng, dùng sống.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng tầm hoàng thổ sao (4).
熟地	THỤC ĐỊA	1 lượng.
當歸	ƯƠNG QUY	5 đồng lấy rượu rửa.
三七	TAM THẤT	3 — nghiền nát.
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	2 —

Lấy nước sắc uống. Uống một thang cầm huyết, uống hai thang thân thể bình yên, uống 4 thang khỏi hoàn toàn.

Phương thuốc này hay ở chỗ bắt tất phải thanh hỏa mà chỉ bổ khí và bổ tinh, cho nên công hiệu độc nhất như thần. Nghĩa là chỉ lấy những chất thuốc ôn nhuận để trừ đại nhiệt, bởi vì cái bệnh nhiệt này vì khí huyết hư mà sinh ra cho nên chỉ bổ hư để tả hỏa Đó là ý nghĩa điều trị ở phần gốc vậy.

痢疾

13. LY TẬT

(*Bệnh ly*)

Xét rằng: Trị bệnh ly thì điều hòa thông đạt khí huyết làm chủ, mà môn thuốc trị ly thì lấy THUỘC DƯỢC THANG làm tông phương, nhưng THUỘC DƯỢC thì lại thiên về lương dược, mà dùng thì thường không công hiệu. Mấy phương thuốc sau đây, tuy dùng QUY, THUỘC, MỘC HUƠNG nhưng phân loại mà dùng CẨM, LIÊN, không dùng ĐẠI HOÀNG. Thật là tận thiện, tận mỹ.

火邪内伤辨

HÒA TÀ NỘI THƯƠNG BIỆN

(*Phân biện hỏa tà ly, nội thương ly*)

Bệnh ly bởi ngoại cảm nhiệt tà (hỏa tà) mà ly ra máu, thì máu hãn là đỏ tươi; mạch hãn là hồng mà hoãn; miệng hãn là khát mà muốn uống nước lạnh; tiểu tiện hãn là buốt mà đỏ đục.

Bệnh ly bởi nội thương mà ly ra máu thì máu không đỏ tươi mà tím bầm hay là hơi đỏ và trắng lạt; mạch hãn là tế mà tri hay phù sắc mà không; miệng hãn là không khát, mà có khát thì muốn uống nước nóng; tiểu tiện hãn là không đỏ, không buốt mà có đỏ thì không đục không nóng.

Đó là một bi quyết phân tách rõ ràng.

痢疾

LY TẬT

(*Bệnh ly*)

Bệnh ly bởi cảm «thấp nhiệt» (âm ướt mà lại nóng) mà sinh ra, khi ly ra thấy vừa đỏ vừa trắng, như

臨產

7. LÂM SẢN

(Tới ngày sanh)



血虛難產

HUYẾT HƯ NAN SẢN

(Thiếu máu khó sanh)

Đàn bà mang thai có người tới ngày sanh mà còn đau bụng vài ba ngày không sanh ngay ra được. Người ta đều bảo rằng: « Khí sức suy yếu » không thể rặn ra được. Ai biết đó là trong bào thai ít huyết mà huyết lại keo rít đưa trẻ khó trở mình choãi ra.

Ôi! cái thai mà thành được là nhờ có tinh khí ở Thận, cái thai mà nuôi dưỡng được là nhờ có huyết ở ngũ tạng lục phủ (34), huyết mà vượng thì dễ sanh, huyết mà suy thì khó sanh. Cho nên trước khi sanh nên uống thuốc bổ huyết, nếu bổ huyết mà không thấy sanh huyết ngay được thì phải dùng thuốc bổ khí. Nhưng nếu chỉ thuần bổ khí thì sợ rằng, khí vượng hơn huyết (dương vượng hơn âm) tức là khí thừa huyết thiếu sẽ làm lệch cân cân thăng bằng thì cũng có hại.

Bởi vậy, chỉ nên bổ cả khí và huyết, để khi có sức đùn đẩy ra mà huyết thì dồi dào cũng giúp sức vào, tức thì đưa trẻ ở trong đó tự nhiên cuộn cuộn chuyển mình mà ra dễ dàng. Như thế thì còn có lo gì cái sự khó cạn keo rít nữa.

Phương thuốc (1) này dùng TỐNG TỬ ĐƠN 送子丹:

生 黃 芪	SANH HOÀNG KỶ	1 lượng.
當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 — lấy rượu rửa.
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khử tâm.
熟 地	THỤC ĐỊA	5 đồng (3).
川 芎	XUYỀN KHUNG	3 —

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang là sanh ra dễ dàng mà hẳn rằng không có cái nạn sanh ngang, đẻ ngược.

Phương thuốc này chỉ một vị HOÀNG KỶ là để bổ khí còn những vị kia là để bổ huyết. Thế thì huyết vượng mà khí được trường dưỡng, khí vượng mà huyết được nương nhờ, cả khí và huyết đầy đủ làm cho bào thai có màu mỡ trơn tru, tự nhiên dễ sanh.

Vì như con thuyền gặp lúc nước cạn, tuy có dứng đến nhiều nhân lực cũng khó mà đùn đầy đi được. Nhưng ngẫu nhiên gặp được lúc nước thủy triều (huyết) dâng lên đầy dẫy thì con thuyền nhẹ nhàng hoạt bát trên mặt nước, lại được lúc thuận gió (khí) đưa đi, tất thị đi nhanh mà không chậm trễ.

oOo

交骨不開

GIAO CỐT BẤT KHAI

(2 xương giao nhau, không mở ra)

Đàn bà có người khi sanh đưa trẻ ra đến cửa âm môn, rồi mà nó không ra nữa, lúc đó là lúc một mất một còn, rất nguy cấp. Người ta bảo tại học nước vỡ trước, nước ở trong chảy ra hết, làm khô cạn, không còn đủ màu nhớt cho đưa trẻ ra, mà đến t.ế. Ai biết đó là bởi « giao cốt bất khai ».

Giao cốt bất khai: phía trên âm môn có 2 cái xương ở 2 bên, 2 đầu xương phía trên có cái khớp nối liền với nhau, 2 đầu xương phía dưới thì mở ra 2 bên, gọi là giao cốt. Khi chưa sanh thì xương ấy khép lại, đến lúc sanh thì xương ấy tự động mở ra. Bởi vì cái thớ thịt ở chỗ cửa âm môn nó mọc chênh chéch mà cái bì nó lại mọc có bề ngang và bề dài, làm cho chỗ cửa có thể co giãn, hoặc mở to rộng ra, hoặc khép nhỏ hẹp lại, để mình đưa trẻ tuy to nó vẫn ra được. Khi đưa trẻ vừa ra khỏi, cái xương ở cửa ấy chưa đóng lại, có thể thò tay vào thăm dò mà lấy bào y (nhau) ra. Có khi cái xương ấy không đóng lại, thì ruột có thể cũng sa xuống luôn.

Như vậy, càng thấy rõ là cái xương giao cốt ấy mà không mở ra, thì đưa trẻ thật khó mà sanh ra.

Nhưng sở dĩ cái xương ấy mà hay mở ra khép lại được là nhờ có « khí và huyết » làm chủ. Nghĩa là: huyết vượng mà khí suy thì đưa trẻ dù có quay đầu xuống, cái cửa ấy cũng không mở ra. Khí vượng mà huyết suy, thì cái cửa ấy có mở ra, đưa trẻ cũng khó quay đầu xuống.

Bởi vậy, nhờ có khí để mở giao cốt, nhờ có huyết để đưa trẻ trở mình.

Cho nên muốn sanh cho thuận cho dễ mà không đại bổ cả khí và huyết thì không thể được; muốn giao cốt mở ra mà không thêm thuốc khai cốt vào trong phương thuốc bổ khí huyết để hợp trị cả hai thì không thể được. Dùng như vậy là bất tất phải dùng thuốc « thôi sanh » (40) mà tự nhiên đưa trẻ cũng được sanh ra mau chóng. Thế là mẹ con đều được vuông tròn.

Phương thuốc (1) này dùng GIẢNG TỬ THANG 降子湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng
人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13)
川芎	XUYÊN KHUNG	5 —
紅花	HỒNG HOA	1 — sao
川牛膝	XUYÊN NGƯU TẤT	3 —
柞木枝	TẠC MỘC CHI	1 lượng.

Lấy nước sắc uống. Uống một thang ắt giao cốt mở ra mà đưa trẻ được sanh ra.

Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM để bổ khí; KHUNG, QUY để bổ huyết; HỒNG HOA để hoạt huyết; NGƯU TẤT để dẫn xuống; TẠC MỘC CHI để mở giao cốt cho rộng cửa. Sở dĩ như vậy mà thu được công hiệu như thần là chỉ vì dùng thuốc khai ở trong thuốc bổ. Nếu chỉ dùng có một vị TẠC MỘC để mở rộng giao cốt thì phải chờ khi đầu đưa trẻ tới cửa sản môn sẽ dùng, nhất thiết không thể dùng sớm được.

氣 逆 難 產

KHÍ NGHỊCH NAN SẢN

(Hơi đưa ngược khó sanh)

Khi đi sanh, có người lên xuống bàn đẻ, chờ chực đến vài ba ngày mà cái thai không xuống, rồi uống thuốc thôi sanh (40) cũng chẳng có công hiệu gì. Người ta cho là bởi giao cốt (xem bài trên) không mở ra. Ai biết đó là bởi « khí nghịch lên, chẳng thuận hành ».

Ôi! Giao cốt mà không mở ra, cố nhiên là khó sanh. Nhưng nếu thật vậy thì phải thấy đầu đưa trẻ ở ngay cửa chỗ giao cốt mà nó không thể ra được thì mới đúng là bởi giao cốt bất khai.

Nhưng nếu đầu đưa trẻ chưa đến cửa chỗ sanh thì không phải bởi giao cốt bất khai mà là bởi khí nghịch không thuận hành, làm cho đưa trẻ khó xoay mình mà ra.

Nếu đầu đưa trẻ chưa đến cửa chỗ sanh mà cho uống thuốc mở giao cốt vội quá, huyết sẽ ra trước mà biến sinh nhiều chứng bệnh phi thường. Như thế thì cái cửa chỗ sanh chớ có coi thường mà mở ra, thật là vạn phần cần thận.

Nói chung, khi sanh sản, nhất định chớ có lên bàn đẻ sớm quá, và khi ấy đưa trẻ chưa chuyển đầu xuống thì khó mà sanh ngay ra được. Không sanh ngay ra được thì phải chờ đợi, mà người mẹ thấy phải chờ đợi lâu không sanh, thì trong lòng không tránh khỏi sự sợ hãi. Sợ hãi thì tinh thần khiếp nhược Tinh thần khiếp nhược thì khí đi xuống, không đi lên được. Khi không đi lên được thì nó quay ngược lên Thượng tiêu mà làm ra đầy trướng. Khi đã bị đầy trướng thì khí khó lưu hành, khí không được thư thái, cho nên cái thai không xuống được, vì khí càng nghịch lên thì càng bế tắc.

Phương thuốc (1) này dùng THỤ KHÍ THANG 舒氣湯:

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng. lấy rượu rửa
川芎	XUYÊN KHUNG	5 đồng
白芍	BẠCH CHUỘC	5 — lấy rượu, rửa
紫蘇梗	TỬ TÔ NGẠNH	3 —
牛膝	NGŨ TẤT	3 —
陳皮	TRẦN BÌ	1 —
柴胡	SÀI HỒ	8 phân.
葱白	THÔNG BẠCH (củ hành)	7 củ (tươi khô cũng được)

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang nghịch khí chuyển xuống, đưa trẻ tức thì sanh ra.

Phương thuốc này lợi khí mà thật là bổ khí. Bởi vì khí mà nghịch lên là khí hư, mà khí hư là bởi sự sợ hãi. Nay bổ khí thì sự sợ hãi tự nhiên êm, sợ hãi đã êm thì nghịch khí tự nhiên chuyển xuôi, khí đã chuyển xuôi thì đưa trẻ tự nhiên thuận chiều mà ra. Hà tất phải dùng đến thuốc thời sanh, thuốc khai cốt cho nó đa sự

oOo

脚手先下
CƯỚC THỦ TIÊN HẠ
(Chân hay tay ra trước)

Trong khi sinh sản, có đưa bé không ra xuôi được, mà chân ra trước hay tay ra trước. Người ta bảo là « Hoàn sanh đảo sản », = sanh ngang để ngược, cái triệu chứng rất nguy rất nghịch, mà không biết cái thuật để chuyển nghịch làm thuận, chuyển nguy ra an.

Ôi, đưa bé khi ở trong bào thai nó ngồi ngay thẳng, mặt bé trai hướng về phía sau, mặt bé gái hướng ra phía trước. Đến khi sanh đầu nó ắt xoay chiều mà xuống. Đó là sự kỳ diệu của Thiên địa tạo hóa, sức người không

thè miễn cưỡng làm được, nhưng hẳn rằng phải nhờ có sức người giúp đỡ. Nói sức người đây không phải nói sản phụ phải cố sức, mà nói sản phụ phải đầy đủ khí huyết. Bởi khí huyết mà thiếu, tất thì cái thai ra ngược. Vì người mẹ đã yếu thì cái thai nó cũng yếu, nó muốn xoay đầu xuống mà sức yếu không xoay xuống được, cho nên chân tay thò ra trước. Thiệt không đáng lấy làm lạ.

Cần nhất lúc ấy nên yên lặng bình tĩnh, chớ làm gì tỏ ý lo sợ để cho người sản phụ phải lo sợ. Trước tiên lấy cái kim châm nhẹ vào tay vào chân đứa bé, tất nhiên đứa bé bị đau mà co lại, rồi lập tức dùng CHUYỀN THIÊN THANG để cho sanh khí sanh huyết. Đó là giúp cho sức đùn đẩy ra thì nghịch tự nhiên thuận, nguy tự nhiên an, còn có lo gì truyện sanh ngang để ngược.

CHUYỀN THIÊN THANG 轉天滂：

人參	NHÂN SÂM	2 lượng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 — lấy rượu rửa
川芎	XUYỀN KHUNG	1 —
川牛膝	XUYỀN NGƯU TẤT	3 đồng
升麻	THĂNG MA	4 phân
附子製	PHỤ TỬ CHẾ	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống một thang đứa trẻ chuyển mình, lại uống luôn thang nữa tự nhiên xuôi xuống sanh ra.

Phương thuốc này rất hay, như dùng NHÂN SÂM để bổ khí, KHUNG QUY để bổ huyết, người ta ai cũng biết. Nhưng mà dùng THĂNG MA, NGƯU TẤT thì sợ rằng có người chưa biết được cái hay đó. Nghĩa là đứa bé nằm nghiêng, nếu không dùng cách nâng lên thì đầu nó khó quay, đầu nó quay rồi mà không giúp sức đẩy xuôi thì mình nó khó xuống. Bởi vậy đã dùng THĂNG MA để nâng lên, lại dùng NGƯU TẤT để kéo xuống, thêm vào đó có PHỤ TỬ là muốn cho tất cả các kinh mạch đều thông đạt để khí huyết đều mạnh thì sanh ra mau chóng.

子 死 產 門

TỬ TỬ SẢN MÔN

(Cái thai chết ở sản môn)

Đàn bà mang thai, khi đi sanh có người ngồi bôn cõ (lên bàn đẽ) ba, bốn ngày, đưa bé đã ra đến cửa âm môn mà giao cốt không mở làm cho đứa bé không ra được, phải chết ngay ở đấy mà người sản phụ hãy còn sống, cho người sản phụ uống thuốc mở giao cốt cũng vô hiệu.

Đương cái lúc chi nguy phi thường ấy, may mà người sản phụ không chết, chính là vì cái thai ấy đã chết rồi thì bào thai trụt xuống, mẹ con đã ly khai nhau, hơi thở của mẹ đã thu lại được, chưa đến nỗi với hơi thở của con cùng tuyệt một lúc.

Phép trị, hãy cứu ngay lấy mẹ, bất tất phải hỏi đến cái thai nữa. Nhưng mà cái thai nó nằm chết ở sản môn làm bế tắc mất cửa dưới, thì cũng có thể đưa người mẹ đến chỗ chết.

Lúc ấy công việc cứu nguy chi tranh nhau một chận tơ kẽ tóc, phải cấp dùng ngay phép tống xuất. Nghĩa là bồ huyết để sanh thủy, bồ khi để sanh huyết, để cho khí huyết đều vượng cả, thì cái tử thai có thể ra mà sanh mạng của người mẹ có thể còn.

Nếu chỉ dùng thuốc giáng hạ để trục cái tử thai ra, vị tất cái tử thai đã ra mà hơi thở của người mẹ đã bị thoát trước khi ấy. Như vậy đâu phải là « thiện sách » (kế hoạch hay).

SƠN (tên tác giả) này đã đích thân thấy trạng chứng ấy thường cho dùng CỨU MẪU ĐƠN, cứu sống cho người đã được rất nhiều, cho nên ghi lại đây.

CỨU MẪU ĐƠN 救母丹:

人參	NHÂN SÂM	1 lang (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 — lạng rượu rửa

川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
益母草	ÍCH MẪU THẢO	1 —
赤石脂	XÍCH THẠCH CHI	1 đồng
芥穗	GIỚI TUỆ	3 — sao đen.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà cái tử thai nó ra.

Phương thuốc này có KHUNG, QUY để bổ huyết, NHÂN SÂM để bổ khí, để cho khí và huyết đều vượng cả thì trên dưới thăng giáng đều hòa, khí huyết trực tống mau chóng, hưởng chi lại có ÍCH MẪU THẢO hay hạ tử thai, XÍCH THẠCH CHI hay trừ ứ huyết, thì tự nhiên một mạch mà ra không một chút trở ngại hay tri trệ.

oOo

子 死 腹 中

TỬ TỬ PHÚC TRUNG

(Cái thai chết trong bụng)

Đàn bà mang thai, có người tới nhà sanh, áo bọc nước đã vỡ sáu, bảy ngày rồi mà không thấy đứa bé ra. Người ta cho là cái tật « nan sản ». Ai biết đó là « cái thai đã chết ở trong bụng ».

Ôi, đứa bé, nó mà bị chết ở sản môn thì dễ phân biệt, chứ nó mà bị chết ở trong bụng thì khó biết :

Bởi vì, đầu đứa bé nếu đã ra đến sản môn rồi mà nó bị chết, tất nhiên đầu nó bất động, dù lấy tay đùn đẩy nó cũng bất động như thường. Nếu hẵng nó chưa chết, lấy tay dợt nhẹ tóc nó, tất nó thụt vào. Thế nên nói rằng : « dễ phân biệt »

Còn như đứa bé mà bị chết ở trong bụng, làm sao biết được. Nhưng thực ra cũng có thể phân biệt mà biết được

Phàm cái thai đã bị chết ở trong bụng thì xem mặt mẹ nó mà vẫn tươi như cũ, không có màu sắc ám đen.

Đó là đứa bé đã chết mà mẹ nó còn có thể cứu vãn để sống. Nếu mặt mẹ nó đã có màu sắc thâm đen. Đó là đứa bé đã chết mà mẹ nó cũng không có thể cứu vãn để sống.

Cứ lấy diêm ấy mà phân biệt tử sanh chắc là đúng phẫm phấp không sai.

Nhưng đã biết rằng, đứa bé đã chết ở trong bụng mà không dùng thuốc để lấy ra thì rất nguy. Nếu dùng thuốc mà lại dùng bá đạo (41) để hạ tiết ra, thì cũng lại rất nguy.

Bởi vì khi sanh sản đã chờ chực sáu bảy ngày hẳn là hơi sức của người mẹ yếu mệt, nếu con dùng bá đạo để làm mạnh mà trục cái tử thai, thì sợ rằng, cái tử thai có ra được thì mẹ nó cũng chết theo luôn.

Vậy tất nhiên nên bồi bổ cho mẹ nó, để khí huyết của mẹ nó khỏe lên thì cái tử thai tự nhiên xuống.

Phương thuốc (1) này dùng LIÊU NHI TÁN 療兒散

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 — lấy rượu rửa
牛膝	NGŨ TẤT	5 đồng
鬼白	QUỶ CŨU	3 — nghiền nát.
乳香	NHŨ HƯƠNG	2 — ép hết dầu

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang. cái tử thai xuống mà người mẹ được sống.

Nói chung: Khi sanh mà người mẹ khoẻ mạnh thì đứa bé bao giờ cũng xoay chuyển cái đầu trước để xuống. Nhưng vì người mẹ thiếu sức khoẻ, để đến nỗi đứa bé không thể xoay chuyển cái đầu xuống, đã vậy, lại dùng thuốc thời sanh (40) làm cho hao tổn khí huyết của đứa bé, thì hơi sức của nó không thông đạt được, nó phải phất buồn mà chết ở trong bụng. Sự kiện ấy thật bởi « tay kẻ làm thầy thuốc tầm thường » giết nó.

Bởi vậy những người mắc bệnh « nan sản » hẳn rằng không thể dùng thuốc thôi sanh, chỉ nên bổ khí bổ huyết để mạnh sức cho người mẹ, vẹn toàn cho đứa con. Chính đó mới là vô cùng công hiệu, vì chỉ chăm chăm cứu bản. Như vậy, ai bảo rằng : « cứu bản không phải là để thôi sanh ».

o(0o

胞衣不下

BÀO Y BÁT HẠ

(Cái nhau không xuống)

Sản phụ có người đã sanh đứa bé ra rồi mà cái nhau còn sót lại ở trong bụng không ra được, làm cho tâm ý buồn phiền nóng nảy, có khi muốn xây xâm tới tăm cả mày mắt. Người ta bảo tại « cái cuống nhau chưa nhả ra ». Ai biết đó là bởi « máu ít mà khô cạn làm cho cái nhau dính liền lại ở trong bụng.

Người ta hề thấy cái nhau không xuống thì sợ nó xung lên tim, nhưng thật ra chỉ sợ rằng nhau không xuống thì cái ứ huyết nó không hành đi có thể làm ra bệnh « huyết vưng » (máu vưng lên mặt làm u mê tăm tối) chứ nó không xung lên.

Phép trị nên đại bổ khí huyết, để khí sanh ra huyết, huyết nhiều thì nhuận hoạt để tống cái nhau ra mà ứ huyết cũng theo ra.

Phương thuốc (1) này dùng

TỔNG BÀO THANG 送胞湯:

當歸	DUƠNG QUY	2 lượng, lấy rượu rửa
川芎	XUYỀN KHUNG	5 đồng
益母草	ÍCH MẪU THẢO	1 lượng
乳香	NHŨ HƯƠNG	1 lượng, không phải ép dầu đi
沒藥	MỘT DƯỢC	1 — — —
黑芥穗	HẮC GIỚI TỤỆ	3 đồng

Lấy nước sắc, khi uống hòa XẠ HƯƠNG 5 ly vào thuốc nước cùng uống, uống xong cái nhau ra liền

Phương thuốc này KHUNG, QUY đề bổ khí huyết. KINH GIỚI đề dẫn huyết về kinh; những vị ÍCH MẪU, NHŨ HƯƠNG đề trục ứ huyết mà đẩy cái nhau ra. Khi mà huyết mới đã sanh ra rồi thì huyết cũ khó dính lại, thanh khí đã thượng thăng thì trục khí và ứ huyết tự nhiên hạ giáng. Như vậy còn có lo gì sự dính trệ nữa.

Tóm lại, nhau là một vật, chẳng nương tựa vào con, trục thì nương tựa vào mẹ. Con tuy đã ra rồi, nhưng cái khí sức ở cuống nhau vẫn chưa đã hết ngay, thế là chính nó còn có sanh khí, cho nên thường nó có thể ở lại đấy mà không thối nát.

Vậy có thể thấy rằng : cái nhau ở lại trong bụng mà không đến nơi giết người thì cứ cho bồi bổ đi tự nhiên nó xuống.

Nếu có người bảo rằng, cái nhau đã có sanh khí mà lại còn cho bồi khí bổ huyết thì cái nhau nó mạnh lên, nó bền chặt ở đấy sao ?

Đó là chẳng biết : Khi con chưa ra mà bồi thì ích lợi cho con, ích lợi cho con thì cái khí của cái nhau nó liền kết lại. Khi con đã ra rồi mà bồi thì ích lợi cho mẹ, ích lợi cho mẹ thì khí của cái nhau nó thoát đi.

Bởi vậy, dùng thuốc bồi mà cái nhau lại phải ra.

oOo

Lại có người, khi đã sanh đứa bé năm sáu ngày rồi mà cái nhau vẫn còn ở lại trong bụng, dùng hàng trăm kế để cho ra mà nó không ra, thế mà người sản phụ vẫn tuyệt nhiên không có tình trạng xây xầm nóng buồn. Người ta cho là bởi « ứ huyết làm dính liền lại ». Ai biết đó là bởi « khí sức thiếu không đủ để đun đẩy ra »

Ôi ! Lấy cái lý mà nói; nếu trong bụng mà có ứ huyết tất nhiên xây xăm rồi phát ra những bệnh như có ma làm. Nay yên nhiên vô sự thì chắc là trong bụng không có ứ huyết

Trong bụng không có ứ huyết mà cái nhau nó ra, đó là thanh khí đưa lên mà trọc khí đưa xuống. Nay cái nhau không ra, thì rõ ràng là thanh khí bị hãm ở dưới, khó mà lên được thì trọc khí bốc lên cũng khó mà xuống được.

Nhưng trọc khí đã bốc lên thì phải phát ra phiền táo, thế mà nay cũng yên nhiên không phiền táo. Vậy thì thanh khí, trọc khí cả 2 cùng không bốc lên. Nay lại bỏ khí thì sẽ làm cho trọc khí bốc lên sao ?

Bởi chẳng biết, thanh khí đi lên, trọc khí đi xuống là cái lý nhất định, chưa có khi nào thanh khí đi lên mà trọc khí cũng đi lên.

Nếu ở trong phương bỏ khí mà khéo phân ra 2 đường thanh trọc, thì sự thăng thanh khí chính là để giáng trọc khí.

Phương thuốc (1) này dùng :

GIA VỊ BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG 加味補中益氣湯:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
生黃芪	SINH HOÀNG KỶ	2 lượng
柴胡	SÀI HỒ	3 phân
炙草	CHÍCH THẢO	2 --
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
白朮	BẠCH TRUẬT	5 phân tầm hoàng thổ sao(4).
升麻	THĂNG MA	3 --
陳皮	TRẦN BÌ	2 --
萊服子	LAI BẶC TỬ	5 -- sao, đập nát

Lấy nước sắc uống Uống 1 thang mà cái nhau ra.

Ôi, phương thuốc BỒ TRUNG ÍCH KHÍ là phương thuốc để nâng cái khí lên, không phải là phương thuốc để trục ra, thì làm sao có thể đẩy cái nhau ra được.

Bởi chẳng biết, trọc khí mà không xuống là vì thanh khí không lên, nay cho thuốc nâng lên thì thanh khí lên mà trọc khí tự nhiên xuống, bất tất phải dùng đến phép tổng xuất, huống chi lại có mấy phân LAI BẮC TỬ để trị trọc khí thì thanh thăng trọc giáng, không đến nỗi 2 bên nó chống cự nhau.

Thật là công hiệu thần kỳ có một.

oOo

氣虛血暈

KHÍ HƯ HUYẾT VỤNG

(*Khí suy yếu, huyết vụng lên*)

Đàn bà mang thai có người vừa mới sanh đứa bé ra, hốt nhiên hoa mắt tối xầm, ghê sợ muốn ụp mửa, trong tâm không còn nhớ chủ đích, thần hồn hoang mang thoát viêt ra ngoài. Người ta cho là bởi « ác huyết chạy vào Tim » Ai biết đó là bởi « khí sức suy hư muốn thoát » mà đến thế.

Bởi vì người đàn bà khi mới sanh, hẳn là máu ra nhiều, thì ở máu bị vơi cạn, mà máu ở tim trước kia để tưới mát cho thai, nay thai ra thì máu ấy cũng theo ra, thế là tim không có máu để dưỡng, chỉ còn nhờ cậy có cái khí, mà cái khí rất nhỏ nhoi.

Nay khí lại suy hư muốn thoát, thì thiên quân (tim) không có hỗ trợ, chỉ còn có chút tàn huyết muốn chảy về đề cứu, mà huyết ấy lại không phải là chính huyết thì không thể về với bản kinh cho nên thành ra chứng « huyết vụng ».

Phép trị ắt nên đại bổ cả khí và huyết, chứ nhất định không thể chỉ trị một bệnh huyết vụng được.

Nếu có kẻ còn ngờ mà bảo rằng : « huyết vượng là bởi nhiệt huyết thương xung, mà lại còn bổ huyết thì không tránh khỏi sự giúp thêm cho cái thể thương xung nó tăng lên »

Bởi kẻ ấy chẳng biết rằng : « huyết mới mà không sanh ra thì huyết cũ chẳng tiêu đi, cho nên việc bổ huyết để sanh tân huyết, chính là để sanh hoạt cho tân huyết mà trực cứu huyết ».

Huyết là vật hữu tình, khó mà sanh ra được mau chóng (bổ âm khó) Khí là vật vô hình, dễ làm cho mạnh lớn (bổ dương dễ) vì vậy, bổ khí để sanh huyết càng dễ hơn là bổ huyết để sanh huyết.

Phương thuốc (1) này dùng :

BỔ KHÍ GIẢI VƯỢNG THANG 補氣解暈湯 :

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
生黃芪	SANH HOÀNG KỶ	1 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, (không phải rửa rượu)
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	3 đồng
炭姜	THÁN KHƯƠNG	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà huyết thôi không vượng lên, uống 2 thang mà con Tâm yên định, uống 3 thang mà huyết mới sanh ra, uống 4 thang mà huyết vượng thì bệnh vượng huyết không tái phát.

Phương thuốc này là thuốc để giải trừ bệnh huyết vượng. vì dùng SÂM, KỶ để bổ khí là làm cho khí vượng mà sinh huyết ; dùng ĐƯƠNG QUY để bổ huyết là làm cho huyết vượng để dưỡng khí. Khí huyết cả 2 đều vượng thì con Tâm yên định; lại dùng HẮC GIỚI TUỆ để dẫn huyết quy kinh ; dùng THÁN KHƯƠNG để dẫn dương khí hành ứ huyết thì ứ huyết tiêu đi mà chính huyết về, bắt tất phải giải trừ bệnh vượng mà bệnh vượng tự nhiên giải trừ.

血 暈 不 語
HUYẾT VỤNG BÁT NGŨ
(Huyết vụng lên, không nói được)

Lại có người đàn bà khi vừa sanh đứa bé ra khỏi lòng, tức thì xây xâm tối tăm mà mặt rồi không nói được nữa. Đó là khi và huyết cả 2 cùng bị thoát. Thật là ở vào tình trạng « bất cứu » Nhưng cứu mà đúng phép thì may ra cũng còn có cơ sống được.

SƠN (tên tác giả) này nhận lãnh được bí quyết của KỶ THIÊN SƯ (Kỳ bá) sao dám rằng bí ẩn mà không tuyên bố nơi đây :

Nghĩa là ngay lúc ấy, lấy ngay cây kim bạc khêu vào giữa huyết my tâm (tức chỗ sống mũi thẳng lên chỗ 2 bên lòng mày giáp nhau), hễ có máu chảy ra, tức thì nói được. Kế đó lấy 1 lượng NHÂN SÂM sắc ngay cho uống để cấp bổ sẽ sống được. Hay là hốt phương thuốc ĐƯƠNG QUY BỔ HUYẾT THANG (33) theo đúng nguyên phương mà HOÀNG KỶ làm bội gấp 5 lần, sắc ngay cho uống, cũng sẽ sống được.

Trong 2 phương thuốc ấy, thật không có thể gia thêm PHỤ TỬ, vì tính của PHỤ TỬ là hay tẩu thì không có kinh mạch nào là không thông suốt, nếu uống vào sẽ lại dẫn những thuốc bổ khí bổ huyết ấy tẩu tán đi mà không cố thủ, thì không thể chuyên chủ rót chất thuốc bổ ấy vào trong bào thai. Không bằng dùng SÂM, QUY, KỶ cứu ngay cái khí huyết như muốn tuyệt kia được tụ lại mà không bị tán đi.

Bởi vì sản phụ mà bị xây xâm tối tăm, hoàn toàn bởi ở máu rỗng không. Ở máu rỗng không thì không có máu để dưỡng Tâm. Cho nên lữ là đầu ngọn của Tâm, Tâm mà đã không có máu để làm chủ thì lữ làm sao mà nói ra tiếng được.

Nói về huyết my tâm, trên thông với óc, dưới thông với lưỡi, cái đường giây của nó liên lạc với Tim. Nên khi ở my tâm là làm cho óc với lưỡi thông với nhau thì thanh khí ở Tim bốc lên, tự nhiên ứ huyết đi xuống. Sau đó dùng SÂM, KỶ, ĐƯƠNG QUY để bổ khí mà sinh huyết, thì khí và huyết cả hai cùng tiếp tục sinh hoạt lại, làm gì còn đến nỗi xâm tẩm tối tăm nữa.

Nếu chỉ dùng có mỗi SÂM, QUY, KỶ không thôi, cũng có thể sống được, nhưng mà kết quả mau chóng không bằng khiêu ở my tâm trước hay hơn. Người ta chỉ biết phương pháp châm cứu ở my tâm mà không biết rằng phương pháp khiêu ở my tâm hay hơn là châm cứu. Vì cứu thì chậm, khiêu thì nhanh, càng nhanh càng dễ « hồi sanh ».

(Mậu Tu rằng: trong phương thuốc này nếu thêm 3 phần BẠCH CHỈ tán nhỏ cũng có thể được).

oOo

腸 下

TRƯỜNG - HẠ

(Ruột sa xuống)

Sanh đẻ mà sa ruột ra cũng là một nguy chứng. Người ta cho là bởi « cái cửa nơi sanh không đóng lại » Ai biết đó là bởi « khí sức suy yếu, bị hãm ở dưới, mà không thể thu lại được ».

Ôi ! Khí hư mà bị hạ hãm, theo lẽ tự nhiên nên dùng thuốc thăng đề, đề thăng đề cho khí lên. Nhưng sợ rằng người mới sanh có ứ huyết ở trong, nếu cho thăng khí lên thì huyết cũng đi lên, sẽ lại sảy ra bệnh ứ huyết xung lên tim. Vậy thì không thể thăng đề khí lên được.

Rõ ràng là khí bị hạ hãm mà không được thăng đề thì sẽ dùng phương pháp nào để trị ? — Thì cứ nghĩ xem :

Khí mà đã bị hạ hãm là khí đã suy hư. Vậy khí hư cứ cho bổ khí, đề khí vượng, sức khỏe, tự nhiên nên thăng thì nó thăng; nên giáng thì nó giáng. Như vậy chắc là ứ huyết xuống không đến nỗi thượng nghịch, mà cũng hẳn là ruột nó phải lên không đến nỗi sa xuống.

Phương thuốc (1) này dùng :

BỔ KHÍ THĂNG TRƯỜNG THANG 補氣升腸湯

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (3).
生黃芪	SINH HOÀNG KỶ	1 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 — lấy rượu, rửa
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, tằm hoàng thổ sao (4)
川芎	XUYỀN KHUNG	5 — lấy rượu, rửa.
升麻	THĂNG MA	1 phân.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang ruột lên.

Phương thuốc này chỉ thuần là bổ khí, không nghĩ gì đến việc đưa ruột lên, ngay như có dùng một phân THĂNG MA cũng chẳng qua là đề dẫn cho khí lên. Bởi vậy phải biết rằng: THĂNG MA mà dùng ít thì nó thăng khí, nếu dùng nhiều thì nó thăng huyết ».

○ Lại cũng còn một phương pháp ngoại trị làm cho ruột lên. Lấy 49 hạt TY MA NHÂN, đập cho thật nát nhỏ, nắn thành như cái bánh (tự nó có dầu dính lại) đặt lên giữa đỉnh đầu để nó nâng ruột lên. Khi ruột đã lên hết rồi, thì phải lấy ra rồi lau rửa đi tức khắc. Nếu để lâu, sợ sẽ bị thò ra máu. (Ty Ma Nhân là hạt Thầu dầu).



產後

S. SẢN HẬU

(Sau khi sanh)



敗血攻心暈狂

BẠI HUYẾT CÔNG TÂM VỤNG CUỒNG

(Sanh rồi, máu xấu đánh vào tim làm cuồng vọng)

Đàn bà có người sau khi sanh hai, ba ngày rồi phát nóng, ác lộ (nước dơ) không chảy ra, máu đã thối, đánh vào tim làm cho kêu gào nói năng cuồng loạn, thậm chí lấy sức mạnh nhảy chồm lên chạy đi. Người ta cho là bởi « có tà nhiệt ở Vị kinh (dạ dày). Ai biết đó là bởi « huyết thiếu, không đủ để dưỡng tim ».

Ôi, người ta khi đẻ rồi, huyết theo bào thai ra hết, thì 8 mạch (26) rỗng không, các tạng phủ đều bị thiếu thốn, chỉ còn một chút huyết ở Tâm bào để hỗ trợ cho Tâm quân.

Nay các tạng phủ kia, khi đã mất sự nuôi dưỡng thì đều muốn được Tâm cung cấp cho, mà Tâm đã không được sự hỗ trợ của huyết, chỉ còn nhờ cái huyết lực nhỏ nhỏ của Tâm bào. Tâm bào cũng thiếu, đã không thể đoái hoài đến nội tâm, lại cũng không thể phân chia cấp phát ra các tạng phủ khác.

Bởi vậy, có cái bệnh trạng nóng ráo buồn phiền không thể tả, cái nóng ấy tựa hồ đại nhiệt mà thật ra chỉ là hư nhiệt.

Phép trị nên đại bổ huyết cho Tâm để các tạng phủ khác cũng được chia xớt phần nuôi dưỡng mà không quấy nhiễu đến Tâm quân, thì Tâm quân được an hòa thư thái.

Phương thuốc (1) này dùng AN TÂM THANG 安心湯:

當歸 ĐƯƠNG QUY 2 lượng

川芎 XUYỀN KHUNG 1 lượng

生地	SINH ĐỊA	5 đồng, sao
丹皮	ĐƠN BÌ	5 đồng
生蒲黄	SINH BỒ HOÀNG	2 —
乾荷葉	CAN HÀ DIỆP (lá sen khô)	1 lá.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà bệnh cuồng yên định, nước dơ cũng bài tiết ra.

Phương thuốc này đã dùng KHUNG, QUY để dưỡng huyết mà lại còn dùng SINH ĐỊA, ĐƠN BÌ để mát huyết, thì phương thuốc này có thể rằng người mới sanh không nên dùng. Bởi chẳng biết rằng, chứng bệnh này nguyên nhân phạm vào cả « hư » và « nhiệt » cho nên trong phương hồ hư huyết phải có vị mát huyết, mà cái vị mát đó không làm hại gì, huống chi lại có HÀ DIỆP để cho 7 khiếu (42) cùng được thông lợi mà dẫn tà nhiệt ra ngoài. Thế thì chẳng những không hại đến Tâm mà lại còn có BỒ HOÀNG làm tá đề phân giải cái nước dơ ra.

Tuy nhiên, phương thuốc này chỉ có thể cho dùng tam đề yên định bệnh cuồng vọng, chứ không có thể cho dùng nhiều mà mang tiếng chê trách. Nên cẩn thận.

oOo

少腹疼

THIẾU PHÚC ĐÔNG

(Sanh rồi, bụng dưới đau)

Sau khi sanh, bụng dưới đau cuồng quýt, đau quá kết thành một hòn, càng lấy tay ấn xuống càng đau. Người ta bảo là « Nhi chầm thống » = đau chỗ đứa bé gối đầu. Ai biết đó là bởi « huyết ứ đọng lại làm đau ».

Ôi, người xưa bảo « nhi chầm » là nơi đứa bé gối đầu. Vậy sao khi đứa bé còn ở trong thai, nó gối không đau, nay đã sanh rồi, đứa bé không gối nữa lại đau. Như vậy, có thể biết rằng, không phải đau ở chỗ nhi chầm.

Đã không phải đau vì nhi chậm thì vì đau mà đau ?
Vì huyết không tan đi, ứ kết lại thành hòn cục mà đau.

Nếu người đàn bà khoẻ mạnh mà là người huyết hữu dư, không phải là người huyết bất túc thì cũng có thể dùng thuốc phá huyết để trừ ứ mà không phương hại. Nhưng mà (huyết có thông hoạt thì ứ huyết mới hết, nếu huyết kết lại không thông hoạt thì ứ huyết làm bệnh) không bỏ huyết để cho huyết thông hoạt mà trừ ứ, lại phá huyết để huyết hao tổn đi mà trừ ứ, thì dù cái huyết ứ kết ấy có tiêu tan, kết quả cũng không tránh khỏi sự hao mòn.

Cho nên, chẳng bằng trong phương pháp bỏ huyết có phương pháp hành huyết trừ ứ thì khí và huyết không hao tổn mà ứ huyết cũng tiêu tan bằng hết.

Phương thuốc (1) này dùng:

TÁN KẾT ĐỊNH ĐÔNG THANG 散 結 定 疼 湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, lấy rượu rửa
川芎	XUYỀN KHUNG	5 đồng, lấy rượu rửa
丹皮	ĐƠN BÌ	2 —
益母草	ÍCH MẪU THẢO	3 —
乳香	NHŨ HƯƠNG	1 — ép bỏ dầu
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	2 —
山查	SƠN TRÁ	3 — sao cháy
桃仁	ĐÀO NHÂN	7 hạt, bỏ vỏ, sao, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hết đau, bắt tất phải uống thang thứ hai.

Phương thuốc này trừ ứ huyết ở trong phần bỏ huyết; tiêu huyết hòn ở trong phần sinh huyết, thế là rất thần diệu ở chỗ không phải trị bệnh đau mà tự nhiên hết đau.

Còn như kẻ nào hễ thấy nói đau nơi « nhi chậm » liền dùng ngay những loại DIÊN HỒ, TÔ MỘC, BỒ HOÀNG, LINH CHI để tiêu hóa cái huyết cục đi, không nói gì đến bỏ huyết. Kẻ ấy không đủ để nói truyện.

Lại có người sanh rồi cũng đau bụng dưới như vậy, nhưng lấy tay ấn xuống chỗ bụng thì bớt đau. Người ta cũng cho là « nhi châm thống ». Ai biết đó là « huyết hư » mà thế.

Ôi, khi mà sanh rồi, máu ra quá nhiều, ò máu trống rỗng mà làm đau bụng, 10 người có đến 9 người sanh rồi cũng bị đau như thế. Đó là « hư thống » không phải « thực thống ».

Nói chung: Hễ người hư thống đều nên cho bổ, mà người sản hậu bị hư thống thì lại càng nên cho bổ lắm.

Nếu có người bảo rằng: « bệnh đau về huyết hư, tất nhiên nên dùng thuốc bổ huyết, nhưng mà những dược phẩm đề bổ huyết, lại có nhiều chất nhuận hoat, mà chất nhuận hoat ấy uống vào sẽ làm chướng ngại cho Đại trường ».

Nói như thế, không biết rằng: « sản hậu thì huyết hư, huyết hư thì đại trường bị khô ráo nhiều, khô ráo mà được nhuận hoat thì đúng với sở cầu, chứ còn có chướng ngại gì ».

Phương thuốc (1) này dùng TRƯỜNG NINH THANG 勝甯湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, lấy rượu rửa
熟地	THỰC ĐỊA	1 — cứu chưng (37)
人參	NHÂN SÂM	3 đồng, (13)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm
阿膠	A GIAO	3 — lấy cạp phần sao
山藥	SƠN DƯỢC	3 — sao
續斷	TỤC ĐOẠN	2 —
甘草	CAM THẢO	1 —
肉桂	NHỤC QUẾ	3 phân, cạo sạch vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang bớt đau, uống 2 thang hết đau, uống được nhiều thang càng tốt.

Phương thuốc này, bỏ khi mà không lo quá bề tắc, bỏ huyết mà không lo quá trĩ trệ. Khi được bỏ mà khi huyết đã sanh ra thì bất tất phải trị đau, tự nhiên hết đau.

oOo

氣 喘

KHÍ SUYỄN

(Sanh rồi, lên cơn thở)

Có người sanh rồi mà đến phát suyễn (hơi thở thiếu, gò rút ngực lại, ngắc cổ lên, há mồm mà thở, thở ra hít vào có tiếng kêu khò khò, như vậy liên hồi) thật là một chứng bệnh chí nguy, nếu không cấp trị, chết ngay lập tức. Người ta chỉ biết thế là bởi « khi huyết đều suy yếu » mà không biết đó là « khi huyết đã sắp thoát đi hết ».

Ôi! khi huyết mà đã thoát, làm sao còn phát suyễn được. Bởi sanh rồi, huyết tuy đã thoát, nhưng mảy còn phần khí chưa thoát hết, phần chưa thoát hết ấy phải đòi hỏi hơi thở mà phát suyễn

Nói chung tất cả mọi bệnh mà đã đến thoát thì khi bị thoát trước. Khi mà khí bị thoát thì vẫn chưa liên quan gì đến huyết. Nhưng người đàn bà sau khi sanh rồi mà bị thoát thì huyết thoát trước. Khi mà huyết đã bị thoát thì còn có cơ trông mong vào chân khí cho nên chứng bệnh tuy nguy cấp mà còn có chỗ « có thể cứu » đó là vì còn có khí mà phát suyễn.

Nghĩa là Phế chủ về khí. Khi khí phát suyễn lên, tựa hồ thực chứng mà quả là đã suy hư. Đương cái lúc nguy cấp ấy mà huyết lại muốn thoát nữa thì khó sống vào phần. Nay Phế bởi vì huyết thoát mà phát suyễn thì Phế cũng chỉ còn một chút hơi thở nhỏ nhỏ. Vậy phải cứu nguy cho khí. Nếu không cấp cứu ngay cho khí mà bảo rằng khí không cùng với huyết cùng thoát thì có lẽ ít lắm. Bởi vậy, sự cứu chân huyết còn có thể chần chờ mà sự bỏ cho chân khí phải cấp tốc.

Phương thuốc (1) này dùng:

CỨU THOÁT HOẠT MẪU THANG 救脫活母湯 =

人參	NHÂN SÂM	2 lạng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 — lấy rượu rửa
熟地	THỰC ĐỊA	1 —
枸杞子	CÀU KỶ TỬ	5 đồng
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 lạng, khử tâm
阿膠	A GIAO	2 đồng, lấy cáp phần sao
肉桂	NHỤC QUẾ	1 — gọt sạch vỏ, nghiền nhỏ
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	2 —
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 — sao chín.

Lấy nước sắc uống. Uống một thang thử nhẹ, uống 2 thang thử đã bớt, uống 3 thang bệnh thử được yên bình, uống 4 thang bệnh khỏi hoàn toàn.

Phương thuốc này đã trọng dụng NHÂN SÂM để tiếp nối lấy cái khí nguyên dương, lại hẳn phải có những loại THỰC ĐỊA, SƠN DU, KỶ TỬ đại bổ tinh huyết cho Can Thận. Sở dĩ vậy, chính là sợ rằng, nếu quá ư bổ dương, vạn nhất lỡ ra huyết cũng theo với dương mà chấn động lên để sanh thêm bệnh thì cũng không phải là kể sách kiện toàn. Cho nên bổ Thận trước mà từ từ bổ Phế khí sau, thì âm huyết được làm chủ để dương khí có chỗ thu hồi. Thế là « âm bình, dương bi » (=âm thủy thì an bình dương hỏa thì tiềm tàng ấp ủ) bệnh suyễn tự nhiên yên định. Nhưng lại sợ, sau khi để mà dùng thuốc bổ âm thì chất béo chất trệ vào làm khó tiêu hóa, cho nên thêm NHỤC QUẾ để bổ hỏa ở Mạnh môn, để hỏa khí có căn bản mà giúp cho NHÂN SÂM dễ sinh khí và vận hành. THỰC ĐỊA, SƠN DU để hóa tinh, sinh huyết, lại còn thêm có KINH GIỚI để dẫn huyết về với kinh của nó. Thế là âm dương khí huyết điều hòa mà trị bệnh có thể như thần.

血崩

HUYẾT BĂNG

(Sanh rồi, băng huyết)

Thiếu phụ có người sau khi sanh chừng nửa tháng bị băng huyết làm cho đầu mặt tối tăm quay cuồng, mắt nhìn như thấy cả thánh thần quỷ quái. Người ta đều cho là « ác huyết xung Tâm ». Ai biết đó là bởi cái nỗi « không gìn giữ nơi phòng the ».

Ôi, sau khi sanh chừng nửa tháng, khí huyết mới điều hòa, còn ở giai đoạn chưa phục hồi hoàn toàn, tức là đường huyết tuy đã sạch, nhưng sự tổn thương ở bào thai chưa khỏi dứt, thì hẳn là phải gia tăng phần cẩn thận nuôi dưỡng.

Nếu khí huyết mới phục hồi mà đã đồng lòng tinh đường dâm dục, dễ đến nỗi băng huyết không ngừng mà tinh thần mờ tối, thấy nghe mơ màng, đó là cả 2 kinh Tâm và Thận cùng bị tổn thương, chứ không những cửa trong cửa ngoài của bào thai bị chấn động mà thôi. Những chứng bệnh ấy ở người sản hậu rất nguy.

Người điều trị có cho chỉ sáp hay cho thặng đề cũng đều không thể cứu. Nếu bỏ phương pháp đại bổ khí huyết thì chả còn phương pháp nào hơn.

Phương thuốc (1) này dùng :

CỨU BẠI CẦU SINH THANG 救敗求生湯 :

人參	NHÂN SÂM	2 lượng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 lượng, lấy rượu rửa
白朮	BẠCH TRUẬT	2 — tâm hoàng thổ sao (4)
熟地	THỰC ĐỊA	1 — (3).
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 đồng, sao chín
山藥	SƠN DƯỢC	5 — sao
棗仁	TÁO NHÂN	5 — sao, để sống
附子	PHỤ TỬ CHẾ	1 phân hay 1 đồng.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang tinh thần yên định, uống 2 thang hết quay cuồng xây xâm, uống 3 thang huyết chi. Nếu uống 1 thang thấy hiệu nghiệm, uống liên tiếp mấy thang nữa, giảm bớt được nửa phần, uống luôn mười thang nữa, sẽ mừng được tái sinh.

Phương thuốc này bổ khí để phục hồi nguyên dương ở những đầu đầu trở về. Dương trở về mà khí cũng trở về tự nhiên có thể cầm huyết mà tinh thần minh mẫn ; thêm tinh mà bản mạnh trường sinh.

oOo

惡心嘔吐
Ó TÂM ẢO THỔ

(*Sanh rồi, trong bụng góm sợ, ói mửa*)

Đàn bà có người sau khi sanh, Vị khí nghịch lên, trong bụng góm sợ, muốn ói ụa, có khi làm cho thở. Người ta chỉ biết đó là « Vị hàn ». Ai biết đó là « cả Thận cũng hàn ».

Ói, Thận với Vị, khí mạch tương quan, Vị khí mà hàn thì Vị khí không vận hành vào Thận, Thận khí mà hàn thì Thận khí không lưu hành đến Vị. Thế là Thận với Vị cùng giao với nhau làm bệnh.

Vì rằng: sanh rồi, huyết ra quá nhiều thì nước ở trong Thận cũng cạn đi nhiều. Nước ở Thận cạn đi thì dù hự hỏa cũng không sanh ngay được. Hỏa mà đã không sanh ra thì hiện tượng bệnh hàn tự nhiên phát xuất.

Phép trị thật nên cho bồ hỏa vào trong Thận thủy. Hẳn rằng trong Thận thủy mà có hỏa, tức có phần ôn cho Vị hỏa, thế là « thủy ở trên hỏa », thì rồi Thận thủy không lo sợ đại nhiệt mà Vị hỏa có cái vui mừng « ký tế » (2). Nếu hỏa mà không có thủy dưỡng thì « hỏa ở trên thủy » lại thuộc về « Vị tế » (20).

Phương thuốc (1) này dùng

ÔN THẬN CHỈ ẬU THANG 温腎止嘔湯：

熟地	THỰC ĐỊA	5 đồng
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	1 lượng, tằm nước muối, sao
人參	NHÂN SÂM	3 đồng, (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng tằm hoàng thỏ (4) sao
泡姜	BÀO KHƯƠNG	1 đồng
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 — sao chín
茯苓	PHỤC LINH	2 —
白豆蔻	BẠCH ĐẬU KHẤU	1 quả, bỏ vỏ, lấy nhân giã nát
橘紅	QUẤT HỒNG	5 phân, lấy nước gừng, rửa.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hết ới nữa, uống 2 thang không tái phát, uống 4 thang khỏi hoàn toàn.

Phương này phần thuốc bổ Thận nhiều hơn phần thuốc trị Vị, nhưng mà trị Thận vẫn là để trị Vị. Vì rằng Thận khí mà thăng đằng thì bệnh Vị hàn tự nhiên giải tán, hết tất phải dùng đến thuốc đại nhiệt mà cũng « Ôn vị khứ hàn ».

oOo

惡寒身顫

Ó HÀN THÂN ĐÀN

(Sanh rồi, sợ lạnh run người)

Đàn bà có người sanh rồi, phát nóng, sợ lạnh run cả người, cổ khan, khát nước. Người ta cho là « sản hậu bị thương hàn » Ai biết đó là « khí và huyết đều hư » tức là chính khí suy. không chống nổi với tà khí mà đến thế.

Nói chung : chính khí của con người mà được « thực » không bị « hư » thì hẳn là tà khí không thể xâm nhập được (nghĩa là người khoẻ mạnh thì không bị cảm mà người yếu thì hay bị cảm). Nay người sản phụ sau khi

sanh bị mất máu đã nhiều thì 8 mạch (26) đều bị hư, lòng da trống trải không đủ sức đề bảo vệ, thì tà khí càng dễ xâm nhập tức là dễ bị cảm. Mà cái cảm ấy bất tất phải là cái gió ở ngoài cửa lọt vào mà nhiễm tạp thân thể, chỉ ngay trong buồng kín có một chút cử động sơ hở thì cũng nhân sức yếu ấy mà lọt vào làm ra cảm.

Nhưng người sản phụ dễ bị cảm mà cũng dễ hết cảm, cho nên nếu có bị ngoại cảm thì cũng nên điều trị nội thể, chứ quyết không thể cho uống những thứ thuốc phát tán bay bạ được.

Bởi vì, cái bệnh sợ lạnh kia là cái lạnh trong mình sinh ra; cái bệnh phát nóng kia là cái nóng bởi sức yếu sinh ra và cái bệnh lạnh run cả chân tay mình này kia cũng là bởi chân khi suy yếu sinh ra.

Vậy cứ trị nội hàn thì ngoại hàn tự nhiên tiêu tán, cứ trị nội nhược thì ngoại nhiệt tự nhiên giải trừ; cứ tráng nguyên dương thì bệnh lạnh run người tự nhiên an định.

Phương thuốc (1) này dùng:

THẬP TOÀN ĐẠI BỔ THANG 十全大補湯:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — tầm hoàng thổ (4) sao
茯苓	PHỤC LINH	3 —
甘草	CAM THẢO	1 —
川芎	XUYÊN KHUNG	1 — lấy rượu rửa
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 — lấy rượu rửa
熟地	THỰC ĐỊA	5 — (3)
白芍	BẠCH THƯỢC	2 — tầm rượu, sao
黃芪	HOÀNG KỶ	1 — dùng sống
肉桂	NHỤC QUẾ	1 — cạo sạch vỏ, cắt nhỏ.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang các bệnh khỏi hoàn toàn. Phương thuốc này chỉ bổ cái « hư » cho khí huyết mà

không phải nghĩ đến việc giải tán cái « thực » của phong tà. Nghĩa là chính khi mà đầy đủ thì tà khí tự nhiên tiêu trừ, chứ không phải tiêu trừ tà khí, bởi vì vẫn không có tà khí.

Ôi, người đời hễ thấy người sản phụ nóng mình, liền cho uống ngay thuốc phát tán mà không suy nghĩ gì, thật là đưa đến bại vong mau chóng.

oOo

喘嗽，四肢浮腫

SUYỄN THÁU, TỨ CHI PHÙ THŨNG

(*Sanh rồi, ho suyễn, bốn tay chân phù thũng*)

Đàn bà có người sanh rồi, 4 tay chân phù thũng. luôn luôn hết nóng lại lạnh, hết lạnh lại nóng hơi thở suyễn và ho, trong bụng bị ngăn cách không thông lợi, hai bên hông đau chướng, miệng ứa ra nước chua. Người ta bảo « bại huyết chảy vào các kinh lạc rồi thấm ra tay chân mà khí nghịch lên ». Ai biết đó là « Can và Thận cả 2 đều hư mà âm khí chẳng ra được để giao hòa với dương khí.

Ôi, sanh rồi, khí huyết bị hao tổn nhiều quá, lẽ tự nhiên làm cho THẬN THỦY thiếu đi, THẬN THỦY mà thiếu thì không thể dưỡng CAN làm cho huyết ở CAN (can thuộc kinh Túc quyết âm) bị khô cạn. Huyết ở CAN bị khô cạn thì CAN HỎA (tương hỏa) càng đốt cháy.

Bởi vậy, CAN HỎA : trên khắc Phế kim, Phế kim chịu sự hình phạt của CAN HỎA, sức Phế kim không thể chống nổi CAN MỘC, mà sinh ra bệnh ho suyễn đầy chướng ; Dưới khắc Tỳ thổ, Tỳ thổ bị sự lấn ép của CAN MỘC, sức Tỳ thổ không thể chống nổi với THẬN THỦY mà bệnh tứ chi phù thũng sinh ra.

Nhưng cái sức vượng của Can Hỏa, chỉ là giả trạng chứ không phải thực trạng, mà cái sức giả trạng ấy tựa hồ hữu dư mà thực ra thì bất túc.

Cho nên khi cơn nóng, khi cơn lạnh, luôn luôn qua lại không nhất định. Đó là theo cái « khí » lúc thịnh lúc suy làm ra nóng lạnh, nóng đó không phải là chân nhiệt mà lạnh đó cũng không phải là chân hàn.

Bởi vậy, Can khí nghịch lên bụng lên cách và hiệp mà làm ra bất lợi, thì 2 bên hiệp là bộ vị của Can mà mùi chua là khí vị của Can. Thế thì ợ chua và đau 2 bên hung hiệp là trạng chứng bởi Can bị hư, vì không được Thận thủy nuôi dưỡng.

Phép trị, nên bổ huyết để dưỡng Can, bổ tinh để sinh huyết, tinh huyết mà đủ thì khí tự nhiên thuận hành và những bệnh nóng lạnh, ho suyễn, phù thũng, hết một bệnh mà hết thì các bệnh đều hết cả.

Phương thuốc (1) này dùng CHUYỀN KHÍ THANG 轉氣湯 :

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
茯苓	PHỤC LINH	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — tâm hoàng thổ sao (4)
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu, rửa
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — tâm rượu, sao.
熟地	THỰC ĐỊA	1 lượng (3)
山藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao
柴胡	SÀI HỒ	5 phân
芡實	KHIẾM THỰC	3 đồng, sao
故紙	CỐ CHỈ	1 — tâm nước muối, sao
山萸肉	SƠN DU NHỤC	3 — sao chín

Lấy nước sắc uống. Uống 3 thang kiến hiệu, uống 10 thang khoẻ.

Phương thuốc này đều là dược phẩm để bổ tinh bổ huyết, sao lại gọi tên là CHUYỀN KHÍ THANG ? Bởi chẳng biết « khí » mà nghịch lên là bởi khí hư nên nó nghịch mà khí hư ấy là khí ở Can Thận bị hư. Vậy hư

thì phải bỏ mà bỏ tinh huyết cho Can Thận, chính là bỏ khí cho Can Thận. Vì khí hư nó nghịch thì khí vượng nó thuận cho nên bỏ khí tức là chuyển khí. Khí mà chuyển xuôi thì các chứng đều hết, tức là âm ra với dương, tự nhiên không có cái lo âm dương ngăn cách nhau nữa.

oOo

氣血兩虛, 乳汁不下

KHÍ HUYẾT LƯƠNG HƯ, NHỮ TRÁP BẤT HẠ

(*Sanh rồi, khí và huyết đều hư, không có sữa*)

Đàn bà có người, sau khi sanh rồi, tuyệt nhiên không có một giọt sữa. Người ta cho là « ống mạch sữa bị bế tắc ». Ai biết đó là bởi « khí huyết đều khô cạn ».

Ôi, nước sữa là bởi khí và huyết hóa ra thành sữa, không có huyết thì thực không thể sanh ra sữa mà không có khí cũng không thể sanh ra sữa. Nhưng trong 2 đường khí và huyết hóa ra sữa ấy thì huyết hóa ra sữa cũng không bằng khí hóa ra sữa mau chóng hơn.

Người sản phụ khi mới sanh, huyết đã bị thiếu đi quá nhiều, thì huyết tự hộ vệ cho huyết còn chẳng đủ, làm sao có thể hóa ra sữa được. vậy hoàn toàn chỉ nhờ có chân khí còn đủ để cho huyết hành mà hóa ra sữa.

Sau khi sanh vài ba ngày mà không có giọt sữa nào thì có thể là « khí thì suy mà huyết thì thiếu ». Vì rằng khí mà vượng thì sữa nhiều, khí mà suy thì sữa ít, khí mà khô thì sữa cũng khô, đó là cái thể tất nhiên.

Người ta có kẻ không biết, thiếu sữa thì đại bổ khí huyết là thần diệu. Vì không có khí thì không thể hóa ra sữa mà không có huyết cũng không thể sanh ra sữa. mà lại đi tìm những vị thuốc để thông mạch sữa thì có khác nào tời kẻ đói mà xin ăn, tời kẻ nghèo mà đòi tiền, chẳng!

Phép trị nên bỏ khi đẻ sanh huyết, bất tất phải khai khiếu để thông mạch sữa.

Phương thuốc (1) này gọi là SANH NHŨ ĐƠN 生乳丹:

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
黃芪	HOÀNG KỶ	1 — dùng sống
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 -- lấy rượu, rửa.
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng. khử tâm.
木通	MỘC THÔNG	3 phân
桔梗	CÁT CẢNH	3 —

THẤT KHỔNG TRƯ ĐỀ (móng giò heo) 2 cái, nướng chín, cạo bỏ vỏ đen ngoài.

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang, sữa ra như suối chảy.

Phương thuốc này chuyên bổ khí huyết để sanh ra sữa, mà đúng là sữa sinh ra bởi khí huyết, vì rằng sanh rồi thì khí huyết bị khô cạn mà không có sữa, chứ không phải ống mạch sữa bế tắc mà không có sữa đâu.

Phương thuốc này gọi tên là SANH NHŨ chính là có đường lối để sanh ra sữa, bất tất phải thông phải khai mà sữa tự nhiên chảy ra.

oOo

鬱結, 乳汁不通

UẤT KẾT, NHŨ TRÁP BÁT THÔNG

(Sanh rồi, bực giận kết lại, mạch sữa không thông)

Đàn bà có người sau khi sanh đẻ, chợt có việc gì bất như ý, bèn làm cho hai bầu sữa đầy rục lên đau nhức mà mạch sữa thì tắc lại không thông nữa. Người ta cho là « cái hỏa ở Dương minh Vị kinh nóng quá ». Ai biết đó là bởi « Can khí uất kết ».

Ôi, Vị thuộc Dương minh kinh mà Vị là một phủ nhiều khí nhiều huyết. Việc mà hóa ra sữa vẫn thuộc về

Dương minh, Vị kinh. Nhưng sau khi sanh tuy có thiếu huyết đi mà thật ra cái khí chưa suy giảm hết thì làm sao đến nỗi hoàn toàn không có huyết mà bảo rằng mạch sữ không thông là tại Vị hỏa thịnh cực.

Như vậy thì mạch sữ không thông chưa có thể bảo rằng tại Dương minh Vị hỏa hết thủy.

Bởi vì máu ở Vị thổ, phải nhờ có máu ở Can mộc cùng thông hòa với nhau mới có thể hóa thành sữ. Nay người sản hậu 2 bầu sữ găng lên làm đau, không phải bởi không có sữ, rõ ràng là bởi Can mộc và Vị thổ kết lại thì có muốn hóa thành sữ cũng không được, thế thì không bởi « Can khí uất kết » là gì?

Phép trị nên thông hòa cái khí cho Can mộc rất nhiều để cho cái huyết ở Dương minh Vị được sanh hoạt đều thì mạch sữ tự nhiên thông, bất tất phải chú ý đến việc thông mạch sữ.

Phương thuốc (1) này dùng:

THÔNG CAN SINH NHỮ THANG 通肝生乳湯:

白芍	BẠCH THUỘC	5 đồng, tằm giấm. sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 — lấy rượu rửa
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tằm hoàng thổ, sao (4)
熟地	THỰC ĐỊA	3 — (3)
甘草	CAM THẢO	3 phân
木冬	MẠCH ĐÔNG	3 đồng, khử tâm.
通草	THÔNG THẢO	1 —
柴胡	SÀI HỒ	1 —
遠志	VIỄN CHÍ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang thì mạch sữ thông, bất tất phải uống thang thứ hai. Thật rất thần hiệu thay.

手傷胞胎淋漓不止

THỦ THƯƠNG BÀO THAI LÂM LY BẤT CHỈ

(Trong khi sanh, bị tay bà đỡ làm rách bào thai.

máu ra lâm ly không ngừng)

Đàn bà có người, trong lúc đang đẻ, bị bà đỡ cho tay vào âm môn thăm dò làm rách bào thai, rồi mà máu cứ rỉ rỉ ra mãi không thôi, làm cho đau buốt, dù muốn nín yên trong chốc lát cũng không thể được. Người ta bảo « bào thai đã bị rách không thể vá lại được ». Ai biết rằng nói thế là không phải.

Ôi! bị thương mà rách ở ngoài da đã có thể làm cho lành da được thì rách trong bụng lại không có thể trị liệu cho lành được sao?

Nếu có kẻ bảo rằng: « rách ở ngoài da có thể ngoại trị đề lên da, chứ rách ở trong bụng thì dù có linh đơn cũng không thể vá lại được ». Vậy thì rách ở trong bụng mà ngoại trị, cố nhiên vô hiệu, tại sao nội trị lại có thể không công hiệu được.

Thử nghĩ coi: Vì những chất độc làm cho lở ngứa ngoài da, làm cho ung thư trong trường vị, còn có thể uống thuốc đề lên da lên thịt. Hướng chỉ việc này bất quá chỉ là bất cần mà sảy ra vết thương nhỏ, chứ không phải tại ác độc mà thế, làm sao rách lại không vá được.

Phương thuốc (1) này dùng HOÀN BẢO ẤM 完胞飲:

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — tâm hoàng thò (4) sao
茯苓	PHỤC LINH	3 đồng
生黃芪	SANH HOÀNG KỶ	5 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lượng, tâm rượu, sao
川芎	XUYỀN KHUNG	5 đồng

桃仁 ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.
紅花 HỒNG HOA	1 đồng
益母草 ÍCH MẪU THẢO	1 —
白朮 BẠCH CẬP	1 — tán nhỏ.

Lấy 2 cái da dê, một của heo và một của dê, luộc lên lấy nước, rồi lấy nước ấy mà sắc thuốc uống vào lúc đói. Uống 10 thang khỏi hoàn toàn.

Ôi, bào thai mà bị rách, thì nên dùng những dược phẩm để và bào thai, sao lại dùng những thuốc bổ khí bổ huyết?

Bởi vì, cái người khi sanh đẻ mà đã đến nỗi phải thò tay thăm dò, rồi làm rách bào thai, thì người ấy là người sanh đẻ khó khăn. Mà sanh đẻ đã khó khăn thì tất là khí huyết hư. Đến khi đã sanh được rồi thì cái khí huyết vốn đã hư ấy lại bị hư thêm nữa.

Vậy thì, bởi « hư » mà bị « tổn » rồi lại bị « tổn » mà « hư » thêm. Hư tổn ấy nếu không bổ khí bổ huyết thì cái chỗ bào thai rách ấy làm sao lành lại như trước được.

Nay mà đại bổ khí huyết, thì đúng như là đang đói mà cho ăn, đang khát mà cho uống, tất nhiên tinh thần khí huyết được tái tạo cho mạnh lớn lên. Tinh thần khí huyết đã mạnh lớn lên thì cái chỗ rách ở bào thai tự nhiên lành lặn, sự thành công chỉ trong tuần lễ.

oOo

產後肝癢

SẢN HẬU, CAN NUY

∴ (Sanh rồi, ngứa gan bứt rứt)

Đàn bà có người sau khi sanh rồi, trong âm hộ sa xuống một vật, hình như miếng lụa, hoặc có sừng, hoặc 2 nhánh. Người ta cho là « thuộc loại sanh đẻ khó khăn,

phải rặn quá sức mà lòi ra». Ai biết đó là bởi «Can nuy». N्हĩa là lá gan không tàng huyết, bủn rùn lười biếng không muốn làm việc mà thế.

Oi, sanh rồi làm sao có thể thành bệnh «Can nuy» được?

Bởi vì, trước khi chưa sanh, trong thời gian mang thai, làm việc khó nhọc quá, lại có khi xúc động vì những sự bực giận quá lạ chẳng! để đến nỗi Can không tàng huyết, huyết thiếu đi quá nhiều, cho nên khi sanh rồi, màng mỡ của gan cũng theo huyết mà ra, hình nó như cái da con mà thực ra không phải da con. Nếu da con mà bị sa xuống thì hình nó như trái cà, mà nó chỉ ra đến chỗ sản môn chứ không thể lòi ra ngoài sản môn. Chỉ có màng mỡ của gan hể mà bị lòi ra thì thường thường lòi ra ngoài sản môn 6 hay 7 phân tây.

Còn như có người nào mà bị nó lòi ra rồi dính vào quần hay vào chiếu mà khô rụng đi một miếng như bàn tay. Đó là da con lòi ra mà rụng đi. Người ấy sẽ bị chết ngay, làm sao mà sống lại được.

Phép trị nên đại bổ khí huyết mà thêm chút ít được phẩm để thăng đề thì khí và huyết của gan được vượng sẽ dễ phân dưỡng nuôi sinh sống Gan mà đã được cái sức nuôi sống thì cái màng mỡ ấy tự nhiên thu vào.

Phương thuốc (1) này dùng THU MÒ THANG 收膜湯:

生 黃 芪	SANH HOÀNG KỶ	1 lạng
人 參	NHÂN SÂM	5 đồng (13)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — tâm hoàng thổ (4) sao
白 芍	BẠCH THƯỢC	5 — tâm rượu, sao cháy.
當 歸	ĐƯƠNG QUY	3 — lấy rượu rửa.
升 麻	THĂNG MA	1 — (thứ xanh).

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang thu vào tức khắc.

Nếu có người còn ngờ mà bảo rằng: «sản hậu cấm dùng BẠCH THƯỢC vì sợ rằng BẠCH THƯỢC phạt mất căn nguyên của sinh khí là lầm.

Nghĩa là huyết bệnh thuộc Can thì càng phải dùng THUỘC, mà dùng THUỘC ở trong thuốc đại bổ thì THUỘC cũng giảm cái tính toan thu đi rồi, làm sao lại không có thể dùng THUỘC.

Hướng chi mùng mỡ mà trụt xuống chính là phải nhờ có cái sức toan thu của THUỘC để giúp cho THĂNG MA thăng đề khí huyết lên.

Như vậy muốn thu công mau chóng, không dùng THUỘC thì còn dùng gì ?

oOo

產後肉線出

SẢN HẬU, NHỤC TUYẾN XUẤT

(Sanh rồi, lòi ra một sợi giây thịt)

Đàn bà có người, khi sanh rồi, chỗ đường đi tiểu tiện, lòi ra một sợi giây thịt dài 5 hay 10 phân tây, hề đụng vào thì đau buốt muốn chết. Người ta cho là « bảo thai sa xuống ». Ai biết đó là « giây mạch Đái (21) bị hư mà trụt ra ».

Ôi ! Mạch Đái buộc vào ở khoảng mạch Nhâm (10) Mạch Đốc (21). Mạch Nhâm ở đằng trước, mạch Đốc ở đằng sau, 2 mạch ấy mà khoẻ thì mạch Đái được bền chặt, 2 mạch ấy mà yếu thì mạch Đái lỏng lẻo mà trụt ra.

Người đàn bà, khi sanh rồi, bị mất máu quá nhiều, máu mất đi thì lấy gì mà nuôi mạch Nhâm, mạch Đốc. Mạch Nhâm, mạch Đốc không được nuôi dưỡng thì mạch Đái yếu đi không có sức mà thăng đề lên, cho nên khi tiểu tiện thì nó theo đường tiểu mà lòi ra.

Mạch Đái mà lỏng lẻo thường thường còn làm đau ở lưng chẳng sang rốn. Hướng chi nó sa xuống mà lòi ra ngoài sản môn thì mất cái sự điều khiển tự nhiên của nó, làm sao lại không bị đau như muốn chết được.

Phương thuốc (1) này dùng **LUỖNG THU THANG** 兩收湯:

人參	NHÂN SÂM	1 lượng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	2' — tâm hoàng thổ (4) sao
川芎	XUYỀN KHUNG	3 — lấy rượu, rửa
熟地	THỰC ĐỊA	2 — (3)
山藥	SƠN DƯỢC	1 — sao
山萸肉	SƠN DU NHỤC	4 đồng, sao chín
芡實	KHIÊM THỰC	5 — sao
扁豆	BIÊN ĐẬU	5 — sao, bỏ vỏ
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	3 — tâm nước muối, sao
杜仲	ĐỔ TRỌNG	5 — sao đen
白朮	BẠCH QUẢ	10 quả, bỏ vỏ, bỏ màng, đập nát

Lấy nước sắc uống. Uống một thang sơi giã thịt thu lại được một nửa, uống 2 thang thu vào hết.

Phương thuốc này bồi bổ cho Nhâm, Đốc mà vẫn bồi bổ cả cho lưng và rốn, bởi vì mạch Nhâm, Đốc liền với lưng rốn. Nếu chỉ bồi bổ Nhâm, Đốc mà không bồi bổ lưng rốn thì Nhâm, Đốc không được trợ lực, Mạch Đái nhờ cái gì mà thăng đề lên.

Bởi vậy, bồi bổ cả 2, thì Nhâm, Đốc được •lưng rốn hỗ trợ và mạch Đái cũng nhờ cái sức của Nhâm, Đốc mà thu vào.



附 生 化 編
PHỤ SINH HÓA BIÊN

(Mục «SINH HÓA BIÊN» này tuy nói là phụ
thêm, nhưng nội dung nói kỹ như một quyển
sách nói về «sản hậu»)

附 生 化 編

PHỤ SINH HÓA BIÊN

(Phụ thêm bài nói về Sinh hóa)



新 產 治 法

TÂN SẢN TRỊ PHÁP

(Phép trị bệnh cho người mới sanh)

Nói chung : Tất cả mọi bệnh mà phát ra, hầu hết đều bởi « khi huyết suy, Tỳ Vị hư », nhưng nói riêng về người đàn bà sau khi sanh mà có bệnh thì vấn đề « khi huyết suy, Tỳ Vị hư » lại càng bị suy hư nhiều hơn.

Bởi vậy ĐAN KHÊ (44) luận về bệnh sản hậu bảo rằng : « Người đàn bà mới sanh mà điều trị hẳn là phải « đại bổ khi huyết » trước, dù có bệnh gì thì cũng sẽ trị sau ».

Lời nói ấy, thật đã nói lên hết cái ý chính về việc trị bệnh sản. Nói như vậy, thật không phải là đặt vấn đề trị bệnh cho người mới sanh vào sự « bất vấn » nghĩa là không cần hỏi đến đâu. Chỉ có ý bảo rằng « điều hòa khi huyết là phần gốc, mà trị bệnh chỉ là phần ngọn vậy ».

Ôi ! Người ta sau khi sanh rồi, phần nhiều hay sợ hãi, hao mòn, mệt mỏi mà khi huyết đã bị hư đi mất nhiều, cho nên có nhiều chứng bệnh nó hay nhấm cái lúc suy hư ấy mà xâm nhập rất dễ.

Ví dụ : Đại khái, có bệnh đầy hơi thì đừng chuyên dùng thuốc háo tán ; Có bệnh ăn không tiêu thì đừng chuyên dùng thuốc tiêu đạo ; Bệnh nhiệt không thể dùng HOÀNG CẨM, HOÀNG LIÊN, vì CẨM LIÊN lạnh quá thì hại huyết (máu cũ khi sanh chưa ra hết) nó đình trệ lại ; Bệnh hàn không thể dùng QUAN QUẾ, PHỤ TỬ, vì QUẾ PHỤ nóng quá thì tán huyết sẽ làm băng.

Còn như trung khí (Tỳ Vị Khí) suy hư mà bị ngoại cảm như: Thấy rõ là biểu chứng thuộc Thái dương kinh (46) nhiều, hầu như có thể cho phát hãn. Nhưng ở người mới sanh mà dùng MA HOÀNG (47) để phát hãn thì chân dương đã kiệt rồi, lại kiệt thêm.

Thấy rõ bệnh chứng thuộc Dương-minh kinh (48) nhiều, hầu như có thể cho hạ (xô). Nhưng ở người mới sanh mà dùng THỪA KHÍ (49) để cho hạ thì chân âm đã suy rồi, lại suy thêm.

Tai bị ù điếc, hai bên hông bị đau là bởi Thận kinh suy yếu mà ác lộ (nước dư của máu khi sanh) đình chỉ lại, chớ dùng SÀI HỒ THANG (52).

Miệng nói lảm nhảm; bờ hơi cứ toát ra; tựa hồ bệnh tà, là bởi nguyên khí suy nhược; chứ cũng không phải là đồng loại với bệnh « Vị khí thực nhiệt ».

Bệnh quyết nghịch (50) là bởi dương khí suy hư, bất luận nhiệt quyết hay hàn quyết, nếu không đại bổ dương khí thì không thể cứu được nghịch mà đem dương khí trở lại.

Bệnh kinh (51) gân thịt bị phong là bởi âm huyết thiếu, bất luận là cương kinh hay nhu kinh, nếu không tư bổ vinh huyết thì không thể dãi dề các đường gân mà thông hoạt các đường gân kinh lạc.

Phát nóng lạnh, một thoáng lại nóng, một thoáng lại lạnh, không có định giờ; tựa hồ như bệnh ngược (sốt rét rừng) nếu đem thuốc trị bệnh ngược mà cho uống sẽ kéo dài liên miên khó trị hết.

Nói năng lảm nhảm, tinh thần thẳng thốt, tựa hồ bệnh tà (ma). Nếu đem thuốc trị tà mà cho uống sẽ đến nguy vong.

Mất máu nhiều quá, máu khô cạn đi làm cho đại tiện táo kết lại thì uống bài SINH HÓA THANG (xem mục « Sinh hóa Tổng luận » trang dưới) mà gia NHỤC THUNG DUNG, chớ không thể đem NHUẬN TRƯỞNG, THỪA KHÍ (49) mà thông được.

Ra mồ hôi nhiều quá, tân dịch khô đi mà đái rất thì uống bài SINH HÓA THANG gia SÂM KỶ, tất nhiên sinh tân dịch mà thông đái.

GIA SÂM SINH HÓA THANG (xem mục « Sinh hóa tổng luận » trang dưới) luôn luôn dùng, cứu được cái dương khí khi muốn tuyệt.

TRƯỜNG SINH HOẠT MỆNH ĐƠN (xem mục « thương thực » ở dưới) thường thường uống, tiến thực cho Tỷ Vị lúc lâm nguy.

Âm hộ sa xuống, sưng đau và đi tiêu lòi đom, phần nhiều bởi chân khí ở trên hư mà ở dưới bị hãm thì dùng BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53).

Miệng cảm không nói được, gân tay co rút lại là bởi chân huyết nóng rạo làm ra tựa hồ trứng phong thì uống bài GIA SÂM SINH HÓA.

Trong lòng run run sợ hãi, uống bài SINH HÓA THANG chiêu thêm ĐÌNH CHÍ HOÀN (72).

Bên ngoài nhiều tà khí làm tâm thần hoảng hốt uống bài QUY TỶ THANG (51) chiêu thêm AN THẦN HOÀN (71)

Vì khí nghịch mà buồn trường lạnh đầy, uống SINH HÓA THANG thêm vị MỘC HƯƠNG làm tá.

Vì thương thực mà ợ chua sợ cơm, uống LỤC QUÂN TỬ THANG (55) thêm vị MẠCH NHA, THẦN KHÚC rất hay.

Còn những vị như TÔ MỘC, NGA TRUẬT, THANH BÌ, CHỈ XÁC là loại thuốc làm cho hao khí, phá huyết và những phương pháp làm cho ra mồ hôi, cho hạ, cho thổ, chỉ có thể trị bệnh cho người mạnh khỏe chứ không thể trị bệnh cho người mới sanh.

Đại khái, trị bệnh cho người mới sanh, trước phải hỏi ngay vấn đề « ác lộ » thế nào, đã ra hết chưa?

Nếu huyết kết lại thành hòn làm đau trong bụng chưa trừ đi được thì không thể vội dùng SÂM TRUẬT để bỏ.

Nếu trong bụng đã hết đau rồi thì còn nghi ngại gì mà không dùng BỔ TRUNG (53).

Đến như bệnh vong dương (38) làm toát mồ hôi; chân khí suy yếu làm lên cơn thở rốc mà thường uống GIA SÂM SINH HÓA THAN; cũng chỉ là « tòng quyền ».

Lại như bệnh vong âm làm bốc nóng và huyết bị băng làm lạnh tay chân, xây xâm mà uống ngay nguyên phương SINH HÓA THANG là lúc « cấp cứu ».

VƯƠNG THÁI BỘC (45) rằng : Trị bệnh ở hạ bộ, hay bỏ cho hạ bộ, đều có cấp trị và hoãn trị. Hoãn trị thì các đường kinh thông đạt mà khí lực ít; cấp trị thì khí vị trọng hậu mà khí lực nhiều, cho nên :

Phép trị bệnh sản hậu nên tuân theo ĐẠN KHÊ (44) mà cố bản.

Việc uống thuốc nên bắt chước THÁI BỘC mà lần lần gia tăng.

Phàm đã nhận lấy trọng trách về vấn đề sinh tử mà người ta giao phó cho mình thì nên đề ý vào việc cứu vớt sự nguy nan cho người ta.

Muốn cầu được cái sự « cúi xuống không hồ với đất; ngẩng lên không thẹn với trời » cho được đầy đủ thì phải đề lòng vào việc yêu thương người.

Như vậy việc điều trị các chứng bệnh về sản hậu, tuy chưa được tinh tường cho hết; nhưng khi gặp các chứng bệnh đều cứ vịn theo cách trị nghiệm của bạn « cận lương » (ở gần làng. Có ý nói Đạn Khê và Thái Bộc) làm bằng cứ, thì cũng có phần bổ ích nhỏ nhỏ chứ chưa hẳn là không.

生化總論

SINH HÓA TỔNG LUẬN

(Tổng luận về «sinh hóa»)

Ôi ! Ta thấy người đời trị bệnh « Sản » :

Huyết hờn chưa tiêu hết thì dùng SINH ĐỊA, HỒNG HOA để hành huyết, TÔ MỘC, NGUU TÁT để công phá huyết.

Hay là hư hàn đầy trướng thì dùng Ô DƯỢC, HƯƠNG PHỤ để thuận khí, CHỈ XÁC, HẬU PHÁC để tiêu dẫn khí.

Thậm chí còn dùng THANH BÌ, CHỈ THỰC, NGÀ TRUẬT, TAM LĂNG để hạ khí mà yên định bệnh suyễn, HOÀNG CẨM, HOÀNG LIÊN, CHI TỬ, HOÀNG BÁ để thoát nhiệt mà trị bệnh phiền.

Đến như bệnh huyết bị kết đã quá nặng, còn dùng THỪA KHÍ THANG (49) cho hạ, để đến nỗi huyết đã kết rồi lại càng kết thêm.

Bồ hời ra nhiều, tàn dịch cạn đi làm cho tiểu tiện bí sáp, còn dùng NGŨ LINH TÁN (56) cho thông đại, để đến nỗi tiểu tiện đã bí rồi lại càng bí thêm.

Thiền cạn như vậy. Sao bằng SINH HÓA THANG (Xem trang dưới) là bài thuốc chủ chốt để trị bệnh huyết kết hờn kết cục.

Phàm những người mới sanh mà huyết hờn chưa tiêu hết hay lại có bệnh gì khác, tất cả đều lấy bài SINH HÓA THANG làm chủ chốt, rồi tùy theo chứng bệnh mà gia giảm và khi uống đừng suy tính rằng đã uống là bao nhiêu thang gì cả, nghĩa là một ngày một đêm cứ việc uống liên tiếp 3 hay 4 thang càng tốt, uống mãi, uống đến khi nào hết bệnh mới thôi.

Còn như người mới sanh rồi trong khoảng 1 hay 2 ngày huyết hờn chưa tiêu hết, mà khi huyết đã thoát đi mất nhiều thành ra hư chứng, hoặc làm ra hờn vụng

(đầu mặt xây xâm tối tăm) hoặc làm ra quyết nghịch (tay chân lạnh, khi nghịch lên) thậm chí mồ hôi ra như hạt châu (mồ hôi ra, không chảy đi, đọng lại ở mặt tròn tròn như hạt châu), hơi trong miệng thổi ra lạnh dần dần, buồn phiền, khát nước, hơi thổi suyễn cấp, thì bất luận huyết kết hờn làm đau bụng đã hết hay chưa. Trong khi cấp cứu nên tống quyền mà dùng ngay nguyên phương SINH HÓA THANG thêm vào NHÂN SÂM 3 hay 4 chỉ cùng sắc uống ngay, uống đến khi thấy tình thế các bệnh đã hơi bớt thì giảm NHÂN SÂM đi mà cứ nguyên phương ấy uống thật nhiều.

Nếu huyết hờn đã tiêu đi hết rồi, mà thấy có những chứng bệnh như trên, thì cứ dùng ngay GIA SÂM SINH HÓA THANG (xem trang sau) đừng có nghi ngại rằng, thuốc có SÂM là bổ mà phải sợ vậy.

Phương thuốc này xử dụng mà được đúng bệnh đúng thuốc thì hẳn là không có một chút sai lầm.

Trời là Đấng đại sinh, cũng là Đấng đại hóa. Đại sinh, đại hóa có nghĩa là sinh sinh hóa hóa rất rộng lớn mà vô cùng. Nay lấy 2 chữ «sinh hóa» ấy mà đặt tên cho bài SINH HÓA THANG này, thật không lý gì mà bảo là không đúng vậy.

Trong nguyên phương SINH HÓA THANG của TIỀN THỊ (57) xưa có THỰC ĐỊA. Người đời thấy vậy, mỗi khi trị bệnh sản, dùng ngay TỬ VẬT (58). Nhưng trong TỬ VẬT, THỰC ĐỊA có tinh hàn hay làm trệ huyết, THƯỢC DƯỢC toan hàn không có chất bổ lại tổn thương sinh khí. Thật không phải là vạn toàn.

Nay được bài SINH HÓA này để thay cho TỬ VẬT lại bỏ cả THỰC ĐỊA ở nguyên phương. Thuốc rất là bình ổn cho việc vừa trị sản, vừa trị bệnh mà uống vào công hiệu thấy ngay.

Ồi, chả còn có phải nghi ngại gì về việc «trị sản thì trở ngại cho việc trị bệnh, hay trị bệnh thì trở ngại cho việc trị sản» cả.

SINH HÓA THANG 生化湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	8 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	3 —
桃仁	ĐÀO NHÂN	14 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
黑姜	HẮC KHƯƠNG	5 phân
炙草	CHÍCH THẢO	5 —

Lấy rượu trắng và nước đồng tiện, 2 thứ bằng nhau (tùy theo nhiều ít) sắc uống nóng. (Nếu sợ rượu, sợ nước đồng tiện thì lấy nước lã).

oOo

GIA SÂM SINH HÓA THANG 加參生化湯:

人參	NHAN SÂM	3 đồng, có thể bội lên 5 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	2 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
炙草	CHÍCH THẢO	4 phân
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống nóng.

Nếu huyết kết hờn làm đau bụng thì gia NHỤC QUẾ 7 phân.

Khát nước thì gia MẠCH ĐÔNG (khứ tâm) 1 đồng cân, NGŨ VỊ TỬ 10 hạt.

Mồ hôi ra nhiều thì gia MA HOÀNG CÂN 1 đồng cân.

Nếu huyết hờn hầy còn mà không đau bụng thì gia CHÍCH HOÀNG KÝ 1 đồng cân để chỉ hãn.

Thương thực vì cơm vì miến thì gia THẦN KHỨC, sao (23) 1 đồng cân, MẠCH NHA sao 5 phân. Thương thực vì thịt thì gia SƠN TRÁ 1 đồng, SA NHÂN NHỤC 4 phân, sao.

oOo

血 暈

HUYẾT VỤNG

(Máu xông lên đầu mặt)

Người ta sau khi sanh con khỏi lòng rỗi, mắt nhìn thấy những đom đóm đen, đầu quay cuồng xây xầm tối om, không còn biết nhân sự là gì. Bệnh ấy, nếu không phải bởi mỗi mệt khó nhọc quá mà chân khí suy kiệt, tinh thần hôn ám, tức là bởi huyết thoát quá nhiều mà chân khí suy như muốn tuyệt, cho nên tinh thần không tự chủ (cũng như chủ không giữ nhà) mà làm ra « vụng ». Nên uống ngay bài SINH HÓA THANG, khi uống cứ uống, đừng có kể là bao nhiêu thang, cốt ý chỉ ra công cứu vãn.

Nếu bảo là còn có huyết còn ở trong bụng chưa tiêu hết mà tin hẳn vào cở phượng, rồi nhận định là ác huyết nó xung kích lên tim mà kinh thường dùng ngay thuốc háo tán vô bổ; hay nhận định là đàm hỏa nó xông ngược lên đầu mà vội vàng dùng ngay thuốc tiêu giáng vô bổ. Thật là sai lầm không ít.

oOo

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	3 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	6 đồng
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
炮仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.
炙草	CHÍCH THẢO	5 phân
荆芥穗	KINH GIỚI TUỆ	4 phân, sao đen
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả

Lấy nước sắc uống nóng.

Trị 3 loại bệnh-huyết vụng (lao vụng, hư vụng, đàm hỏa vụng) sau khi sanh.

Nói chung, những người mệt mỏi khó nhọc quá (lao vụng) mà làm vụng, và những người âm huyết thoát, dương

khí thoát, hãn thoát (hư vụng) mà làm vụng ấy, đều nên liên tiếp uống phương thuốc này, đều gia NHÂN SÂM 3 hay 4 đồng, chắc chắn không phải nghi ngại SÂM là vị bổ mà sợ. Còn như đàm hỏa nhắm lúc suy hư (đàm hỏa vụng) mà bốc lên làm vụng ấy, cứ phương thuốc này thêm QUẤT HỒNG 4 phân, nếu suy yếu quá cũng nên gia NHÂN SÂM. Tất cả không thể dùng những loại thuốc như CHỈ XÁC, HẬU PHÁC để phá khí, TAM LĂNG, NGA TRUẬT để phá huyết, ngay như SƠN TRẠ là vị thuốc có tính chất hòa hoãn cũng có thể hại đến tính mạng chớ có chuyên dùng.

Nếu như trong bụng còn có huyết hờn mà làm lâu lắm thì uống thêm ÍCH MẪU HOÀN (59) hay là LỘC GIÁC HÔI (60) hay là NGUYÊN HỒ TÁN (61) một chút ít.

Phạm những thuốc mà uống để cho tiêu huyết hờn huyết cục ấy, chỉ uống vào thấy bớt thì thôi, không thể uống nhiều, vì nó chỉ là tòng quyền trong lúc cấp cứu vậy.

oOo

厥 症

QUYẾT CHỨNG

(Bệnh phát lạnh (50))

Khi sanh rồi dùng sức quá nhiều, hao mòn mệt mỏi hại Tỳ, khí lạnh đưa lên mà phát quyết, đầy bụng ợ ngược hơi thở ngắn và thiếu, phải lấy hơi mà thở tựa như bệnh suyễn. sự hô hấp khi thở khi ngừng, trái với mức độ thường. Người ta còn bảo đó là « Ác lộ chưa sạch cái máu dư khi sanh còn đọng lại bị thổi » làm ra bệnh.

Không biết đó là bởi « hình thể đã thoát, khí mạch đã hư » sao ?

Bệnh ấy tất nhiên phải dùng GIA SÂM SINH HÓA THANG mà gia tăng phân lượng, uống 2 thang liên tiếp thì

khi huyết vượng mà tinh thần tự nhiên sinh, quyết nghịch tự nhiên hết. Chứ không thể dùng KHUNG, QUY trong số mấy đồng cân, CÂN KHƯƠNG trong số 5 hay 6 phân mà có thể hồi dương và phục thần được.

Nếu uống thuốc vào mà lại thấy khát nước thì dùng bài SINH MẠCH TÁN (26) hay bài ĐỘC SÂM THANG (có một vị SÂM) thay nước trà mà uống để cứu bệnh khó rão cho các tạng.

Nếu tứ chi nghịch lãnh kèm cả đường tiết hay kiết lý tựa như thương hàn âm chứng thì cũng khó mà uống TỬ NGHỊCH THANG (63) được. Lại cũng chỉ dùng GIA SÂM SINH HOA THANG, hội dụng SÂM, gia PHỤ TỬ một miếng để mạnh được lực cho SÂM, QUY mà chỉ quyết nghịch và hồi dương.

Lập 2 phương thuốc sau đây, phân chia ra phương uống trước, phương uống sau mà điều trị. Nghĩa là phương uống trước để trị bệnh khi huyết hờn hầy còn làm đau, phương thuốc sau để trị bệnh lúc huyết hờn đã hết không làm đau.

oOo

加 参 生 化 汤
GIA SÂM SINH HÓA THANG
(Xem mục Sinh hóa tổng luận)

Trị bệnh sản hậu phát quyết mà còn đau bụng vì huyết hờn chưa hết, đó là phương thuốc uống trước (dùng gia KỶ, TRUẬT).

oOo

TU VINH ÍCH KHÍ PHỤC THẦN THANG 滋 阴 益 气 复 神 汤 :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
黄 芪	HOÀNG KỶ	1 — tầm mặt chích
白 木	BẠCH TRUẬT	1 — tầm hoàng thò (4) sao

當歸	ĐƯƠNG QUY	3	—
炙草	CHÍCH THẢO	4	phân
陳皮	TRẦN BÌ	4	—
五味子	NGŨ VỊ TỬ	10	hạt
川芎	XUYÊN KHUNG	1	đồng
熟地	THỤC ĐỊA	1	— sao chín khô.
麥芽	MẠCH NHA	1	—
大棗	ĐẠI TÁO	1	quả.

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh sản hậu phát quyết mà bệnh huyết hờn làm đau bụng đã trị hết, đó là phương thuốc sau.

Nếu tay chân lạnh gia PHỤ TỬ 5 phân.

Bờ hơi nhiều gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng cân.
TÁO NHÂN sao đen 1 đồng cân.

Miệng nói lảm nhảm, mắt thấy mơ hồ gia ÍCH TRÍ NHÂN, BÁ TỬ NHÂN, LONG NHÃN NHỤC mỗi thứ 1 đồng.

Đại tiện thực gia NHỤC THUNG DUNG 2 đồng cân.

Đại khái: Bệnh vửng, bệnh quyết trong thời gian sản hậu, 2 bệnh ấy cũng là đồng loại. Nhưng bệnh « vửng » phát ra từ lúc bắt đầu sanh, bệnh chứng tựa hồ gấp hơn bệnh quyết, mà bệnh « quyết » thực ra bởi « vửng » biến chứng sinh ra.

Nên biết rằng: Bệnh « vửng » là lúc còn có huyết hờn làm đau thì KỶ, TRUẬT không thể gia thêm; Bệnh « quyết » là lúc không còn có huyết hờn làm đau thì THỤC ĐỊA dùng không phải nghi ngại.

血崩

HUYẾT BĂNG

(Huyết ra như trút xuống)

Sanh rồi mà huyết ra nhiều quá thì phải xem xét cho rõ về màu sắc của huyết đỏ tươi hay tím bầm; hình sắc con người là hư hay thực.

Nếu máu tím mà có cục có hòn thì đó là «bại huyết đang ra» chờ cho hòn cục ấy ra hết, tự nhiên nó cầm lại, không phải nghĩ gì về «băng».

Nếu huyết ra mà đỏ tươi thì đó là vì: sợ quá thương Tâm, Tâm không sinh huyết; giận quá thương Can, Can không tàng huyết; khó nhọc quá thương Tỳ, Tỳ không giữ huyết mà huyết không về với kinh của nó, nên làm băng thì phải trị băng.

Bài SINH HÓA THANG là thuốc hành huyết mà trong đó có bồ huyết. Nếu băng mà nhẹ thì cứ dùng nguyên phương cũng được.

Nhưng nếu bồ hơi ra nhiều mà hơi thở ngắn đi, thậm chí đến hình thể bị thoát thì nên uống bài GIA SÂM SINH HÓA THANG (Xem mục Sinh hóa tổng luận) để bồ khí.

Nếu sanh rồi ngoài nửa tháng mới làm băng thì lại nên uống bài THANG CỨ ĐẠI BỒ THANG (ở dưới) để trị. Bệnh băng này là vì hư cực mà phát thì phải dùng thuốc bình ôn để bồi bổ từ từ, chứ chưa có thể công hiệu mau chóng, phải uống tới vài chục thang mới trừ hết được. Đâu có thể dùng những loại dược lực nhỏ mọn như TÔNG LƯ BỈ hay DU BỈ đốt thành tro thành than mà uống, lại có thể trị được bệnh lớn đó chăng!

SINH HUYẾT CHỈ BĂNG THANG 生血止崩湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —

黑 姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
炙 草	CHÍCH THẢO	5 —
桃 仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, bỏ vỏ, sao, giã nát
荆 芥	KINH GIỚI	5 phân, sao đen
烏 梅 肉	Ô MAI NHỤC	5 — đốt cháy
北 蒲 黃	BẮC BỒ HOÀNG	5 — sao cháy
大 棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống. Cữ ăn đồ nóng như tiêu, gừng và đồ sống đồ lạnh.

oOo

THĂNG CỬ ĐẠI BỔ THĂNG 升舉大補湯:

Uống để thêm vinh huyết, bổ vệ khí (Nếu có còn huyết cục làm đau bụng thì chỉ uống bài thuốc trên).

黃 芪	HOÀNG KỶ	4 phân, dùng sống
白 朮	BẠCH TRUẬT	4 — tằm hoàng thổ (4) sao
陳 皮	TRẦN BÌ	4 —
人 參	NHÂN SÂM	2 đồng, (13)
炙 草	CHÍCH THẢO	4 phân
升 麻	THĂNG MA	4 —
當 歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
熟 地	THỰC ĐỊA	2 — (3)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khử tâm
川 芎	XUYÊN KHUNG	1 —
白 芷	BẠCH CHÍ	4 phân
黃 連	HOÀNG LIÊN	3 — sao
荆 芥 穗	KINH GIỚI TUỆ	4 — sao cháy.

Lấy nước sắc uống nóng.

Nếu bỏ hơi ra nhiều gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng cân, PHỤ TIÊU MẠCH sao 1 nắm nhỏ.

Đại tiện bất thông gia NHỤC THUNG IUNG 1 đồng cân, cầm dùng ĐẠI HOÀNG.

Đầy hơi mại MỘC HUƠNG 3 phân vào thuốc khi uống.

Có đàm gia BỐI MẪU 3 phân và 1 chút TRÚC LỊCH KHUƠNG TRÁP (68).

Ho lạnh gia HẠNH NHÂN 10 hạt, CÁT CẢNH 5 phân, TRI MẪU sao 1 đồng cân.

Sợ sệt gia TẢO NHÂN sao cháy, BẢ TỬ NHÂN mỗi thứ 1 đồng.

Thương thực vì cơm gia THẦN KHỐC, MẠCH NHA mỗi thứ 1 đồng (Nếu mẹ đẻ sữa nuôi con thì bỏ MẠCH NHA, vì Mạch Nha làm mất sữa).

Thương thực vì thịt, gia SƠN TRA, SA NHÂN NHỤC mỗi thứ 8 phân.

Mỗi Thang thuốc đều nên thêm ĐẠI TẢO 1 quả để dẫn thuốc.

oOo

氣短似喘

KHÍ ĐOẢN TỰ SUYỄN

(Hơi thở ngắn tựa như suyễn)

Bệnh này bởi « huyết thoát » làm mệt nhọc quá, khí không nường tựa vào đầu, thành ra hô hấp, khi thở khi ngừng, trái với mức độ thường. Không thể nhận đó là bởi « đàm hỏa » mà lại dùng những phương thuốc để tán khí, hóa đàm được.

Nên đại bổ huyết làm chủ. Nếu không còn ra huyết hờn, nên uống ngay GIA SÂM SINH HÓA THANG mà dùng cả KỶ, TRUẬT, và bỏ ĐẢO NHÂN gia THỰC ĐỊA. Lạnh chân gia PHỤ TỬ CHẾ 1 đồng cân. Rồi uống tiếp BỔ KHÍ DƯƠNG VINH THANG để trị.

Trị bệnh hơi thở thiếu và ngắn, sau khi vừa mới sanh, uống liên tiếp vài ba thang rồi lại uống phương thuốc sau đây.

BỒ KHÍ DƯỠNG VINH THANG 補氣養榮湯 :

Trị bệnh sau khi sanh, hơi thở rút ngắn và mệt, không ra huyết hờn, không đau bụng, nên uống :

黃芪	HOÀNG KỶ	1 đồng
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — tâm hoàng thổ sao (4)
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
人參	NHÂN SÂM	3 — (13)
陳皮	TRẦN BÌ	4 phân
吳草	CHÍCH THẢO	4 —
熟地	THỤC ĐỊA	2 đồng (3)
川芎	XUYÊN KHUNG	2 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân.

Tay chân lạnh, gia PHỤ TỬ CHẾ 1 đồng cân.

Bồ hơi nhiều, gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng cân, PHỤ TIÊU MẠCH sao 1 nắm nhỏ.

Khát nước, gia MẠCH ĐÔNG khứ tâm 1 đồng cân, NGŨ VỊ TỬ 10 hạt.

Đại tiện bất thông, gia NHỤC THUNG DUNG 1 đồng cân; MA TỬ NHÂN 1 nắm nhỏ.

Thương thực vi miễn vi cơm vi thịt, gia vị theo như phương thuốc trên.

oOo

寒 熱
HÀN NHIỆT
(Nóng lạnh)

Nói chung: Tất cả những người mới sanh rồi thì vinh huyết vệ khí đều hư hao, dễ bị phát nóng lạnh. Nên uống SINH HÓA THANG trong đó chỉ thêm một tý chút được vị có tính chất cay ngọt để phát tán.

Những người mới sanh rồi thì Tý Vị suy hư, dễ bị đình trệ. Nên uống SINH HÓA THANG trong đó chỉ thêm một ít chút dược phẩm có tính chất ôn dần để tiêu hóa.

Người đời hễ thấy nóng mình thì bảo ngay là ngoại cảm mà đề ý phát tán; hễ thấy đầy hơi thì bảo ngay là thực tích mà vội dùng tiêu đạo, đều là không phải cả.

Đại khái: Phép trị bệnh cho người mới sanh, trước nên hành huyết hòa huyết, rồi nên bổ khí bổ huyết. Đó là công hiệu lớn.

Còn như trị bệnh nhiệt, nhẹ thì dùng PHỤC LINH có tính chất đậm thấm, nặng thì dùng HẮC KHƯƠNG có tính chất cam ôn.

Nếu có người hỏi « đã đại nhiệt mà còn uống KHƯƠNG » là tại sao? Thì trả lời rằng: « nhiệt ấy không phải là cái nhiệt hữu dư, nó chỉ là âm hư mà sinh ra nội nhiệt vậy, HẮC KHƯƠNG hay nhập Phế để lợi Phế khí, lại hay nhập Can để dẫn thuốc sinh huyết. Nhưng hẳn rằng HẮC KHƯƠNG có dùng chung với âm dược thì bệnh nhiệt mới tự trừ ». Nếu thiên về bổ khí tức bổ dương mà chuyên dùng SÂM KỶ với HẮC KHƯƠNG thì cũng chưa phải là chi thiện.

oOo

中 風

TRÚNG PHONG

(Trúng gió)

Sanh rồi, trúng gió, làm méo mồm, xéch mắt, đó là bởi khí và huyết đều suy hư quá, ắt phải đại bổ làm chủ, cũng chỉ gia giảm trong phương SINH HÓA THANG ấy mà uống. Nếu mạch tay tả bất túc thì thuốc bổ huyết nhiều hơn thuốc bổ khí, mạch tay hữu bất túc thì thuốc bổ khí nhiều hơn thuốc bổ huyết, (Vì Tâm thuộc huyết, Tâm ở tay tả, Phế thuộc Khí. Phế ở tay hữu).

Nhất thiết không thể dùng những thứ thuốc phát tán như bài TIÊU TỤC MỆNH THANG (61) được.

oOo

傷寒, 疫, 瘧

THƯƠNG HÀN, DỊCH, NGƯỢC

(Thương hàn, dịch chứng và ngược tật)

Sanh rồi, nếu có người bị bệnh thương hàn hay dịch chứng (khi trời bất chính làm rã dịch, ôn dịch, dịch tả v.v.. Người ta thường nói « thời khí hay rải trời ») hay ngược tật (sốt rét cơn hay sốt rét rùng) thì cũng đặt nặng vấn đề trị sản mà nhẹ phần trị ngoại tà. Nghĩa là « đại bổ khí huyết » làm chủ.

Kẻ Trị giả rất nên nghĩ kỹ, chớ nghĩ lầm là « ngoại tà chưa trị dùng ngay CHI TỬ THỈ THANG (65) và những thuốc SÀI, CẨM, LIÊN, BÀ, hẳn rằng những thuốc ấy không thể dùng được, chi nên luôn luôn dùng SINH HÓA THANG là « đủ » vậy. Bởi vì trong Sinh hóa thang đã có XUYỀN KHUNG là vị cay hay phát tán, HẮC KHƯƠNG hay trừ hư nhiệt.

Dù có những chứng đại tiện bí hay phiền khát cũng chỉ nên ửng nhiều SINH HÓA THANG để bổ huyết, sinh tân dịch. Một khi tân dịch đã sinh thì hết khát mà nhị tiện thông. Nếu bảo là nhiệt mà dùng những thuốc hàn như nói trên thì chỉ làm cho trung khí hư hàn thêm. Thật là rất lầm.

oOo

類傷寒症

LOẠI THƯƠNG HÀN CHỨNG

(Bệnh tựa như thương hàn) (66)

Sau khi sanh trong vòng 7 ngày, có người phát nóng, sợ lạnh, nhức đầu, chớ nhận là bệnh thương hàn thuốc.

Thái dương kinh (46); Đẳng miệng, khô cổ, tai ã điếc, hông hiệp đau, chớ nhận là bệnh thương hàn thuộc Thiếu dương kinh (67); Sốt nóng mỗi ngày lên cơn đúng giờ, có mồ hôi, nói nhảm, đại tiện bế, chớ nhận là bệnh thương hàn thuộc Dương minh kinh (48) đã truyền nhập phủ làm trong dạ dày có táo phần mà cho hạ.

Những chứng ấy phần nhiều bởi lao quỵen quá hại Tỳ, làm cho vận hành chậm, tiêu hóa kém, khi huyết khô khao, tràng vị nóng ráo. Đó không phải là thực chứng, chỉ là « hư chứng » tựa như thực chứng nên cho « bổ ».

Kẻ Trị giả cần thận, chớ dùng MA HOÀNG THANG(47) để trị cái bệnh tương tự với bệnh thương hàn ở Thái dương kinh đó; chớ dùng ĐẠI SÀI HỒ THANG (52) để trị cái bệnh tương tự với bệnh thương hàn thuộc Thiếu dương kinh đó, và cũng đừng nghĩ đến 3 bài THỪA KHÍ THANG (49) để trị cái bệnh tương tự với Vị kinh thực nhiệt ở Dương minh kinh đó. Tất cả những chứng bệnh ấy nó chỉ là những bệnh giống với bệnh thuộc Tam dương kinh đó mà thôi.

Gián hoặc có người, khi mới sanh mắc phải bệnh kể trên, mà lầm lẫn cho hãn, cho hạ, có khi may mà không phương hại gì; là vì nhờ người sản phụ đó, tuổi còn trẻ, sức còn khoẻ. Chứ nếu phải người hư nhược mà cũng lầm cho hãn, cho hạ như thế, sẽ đưa người ta đến chỗ « bất cứu » rất nhiều.

Ta (Tác giả) thường thấy có kẻ cho phát hãn quá đến thành bệnh « kinh » (51) mà lầm cho hạ đến thành bệnh « bành trướng ». Lại có khi cho hãn mà thành « hãn thoát bất cấm », cho hạ mà thành « hạ tả bất chỉ ». Thật nguy thay!

Sách Phụ nhân lương phương rằng: Người mới sanh mà đại tiện bí thì cứ thông thả chờ xem, hễ thấy rõ là đầy bụng bực bội, muốn đi tiêu không được, chắc hẳn

là nó kết ở trực tràng, bấy giờ mới dùng mật heo cho uống để nhuận trường. Nếu đại tiện bị mà ăn uống vẫn như thường, trong bụng không sao cả, thì dù đã mấy ngày rồi mà không đi tiêu thì cũng chỉ cho thuốc bổ mà thôi.

Xưa Trọng Cảnh (43) rằng : « những người bị thất huyết không thể phát hàn ». Đan Khê (44) rằng : « người sản hậu nhất thiết không thể cho phát biểu ». 2 vị Tiền Hiền nói thế, chứ không bảo rằng : người sản hậu thật không có kiêm chứng thương hàn, mà cũng không bảo hẳn rằng : MA HOANG THANG, SÀI HỒ THANG và 3 bài THỪA KHÍ THANG không đối chứng để trị bệnh vậy.

Thật ra chỉ sợ kẻ Hậu học, chấp nhất ở một môn thuốc nào đó mà coi thường việc trị bệnh sản hậu, câu nệ vào một phương thuốc đã lập thành nào đó mà điều trị lầm lẫn vậy.

Ôi ! Ai biết dùng SINH HÓA THANG để trị bệnh cho người sản hậu thực có bệnh thương hàn, vì trong SINH HÓA THANG có KHUNG có KHƯƠNG cũng có thể tán hàn vậy

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯 :

Trị bệnh « loại thương hàn » phát nóng, nhức đầu.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
防風	PHÒNG PHONG	1 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
炙草	CHÍCH THẢO	1 đồng
土活	KHƯƠNG HOẠT	4 —
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống. (có bản chép bỏ ĐÀO NHÂN, mà có HẮC KHƯƠNG, nhưng không có bệnh huyết bôn làm đau bụng thì mới bỏ đi).

DUỠNG CHÍNH THÔNG U THANG 養正通曲湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	6 —
炙草	CHÍCH THẢO	5 phân
桃仁	ĐÀO NHÂN	15 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
麻子仁	MA TỬ NHÂN	2 đồng, sao
肉苁蓉	NHỤC THUNG DUNG	1 — cạo sạch đất, lấy rượu rửa.

Bồ hơi nhiều, đại tiện thực, gia HOÀNG KỶ 1 đồng cân, MA HOÀNG CĂN 1 đồng cân, NHÂN SÂM 2 đồng cân.

Khô miệng khát nước, gia NHÂN SÂM, MẠCH ĐÔNG mỗi thứ 1 đồng cân.

Bụng đầy, đại tiện thực, gia MẠCH ĐÔNG 1 đồng cân, CHỈ XÁC 6 phân, NHÂN SÂM 2 đồng cân, NHỤC THUNG DUNG 1 đồng cân.

Bồ hơi ra, nói nhảm, đại tiện thực là bởi khí huyết suy kiệt, tinh thần bâng hoảng, nên dưỡng vinh huyết, an tinh thần, gia PHỤC THẦN, VIÊN CHÍ, NHỤC THUNG DUNG mỗi thứ 1 đồng cân, NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT mỗi thứ 2 đồng cân, HOÀNG KỶ, BẠCH CHỈ mỗi thứ 1 đồng cân, BẢ TỬ NHÂN 1 đồng cân.

ĐẠI KHÁI: Người sản hậu mà bị thương hàn là bởi « âm dương bất hòa » và « bại huyết bất tán ». Nhưng 2 thứ khác nhau:

Bại huyết bất tán cũng phát nóng lạnh mà có khi đau xót, nên dùng những loại ĐÀO NHÂN, QUY VĨ, HỒNG HOA.

Âm dương bất hòa thì hẳn là không đau xót, tuy rằng có phát nóng, nhưc đầu, đau hốc, đau lưng, đại tiện bí kết, nhưng mà người sản hậu đã mất máu thì cấm cho hàn, cấm cho hạ, chỉ nên gia giảm trong bài SINH HÓA THANG để dưỡng huyết thông trệ, rất là bình ổn thỏa đáng.

類 中 風

LOẠI TRÚNG PHONG

(Bệnh tựa như trúng phong)

Sanh rồi, khí huyết hư hao quá mạnh, các cơ thể gân xương không được nuôi dưỡng cho nhu nhuận. Hốt nhiên cảm miệng nghiêng răng, các đường gân tay chân co quắp, rồi gân cổ cứng nhắc, thân thể cũng làm dữ hơn như 2 bệnh kinh (51) tất cả tựa như bệnh trúng phong đều nên tìm gốc bệnh mà trị, chớ thiên vào một môn mà chấp né dùng những thuốc trị phong, tiêu đàm để làm suy giảm sức khoẻ thêm cho người sản phụ đó.

Phép trị, trước nên uống SINH HÓA THANG để sinh tân huyết, uống vài thang gia thêm SÂM để cho bổ khí mà cứu cái huyết đã thoát đi. Nếu thật có đàm hỏa thì có thể thêm một chút những loại QUẤT HỒNG BÍ, HOÀNG CẨM sao và TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẮP (68). Còn HOÀNG BẢ, HOÀNG LIÊN nhất thiết không được dùng. Cần thận!

THIÊN MA HOÀN 天麻丸:

Trị bệnh sản hậu trúng phong, tinh thần hoảng hốt, tiếng nói ngọng ngượng, tứ chi không thuận lợi.

天麻	THIÊN MA	1 đồng
防風	PHÒNG PHONG	1 —
川芎	XUYÊN KHUNG	7 phân
羌活	KHƯƠNG HOẠT	7 phân
人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
遠志	VIỄN CHÍ	1 —
柏子仁	BÁ TỬ NHÂN	1 —
山藥	SƠN DƯỢC	1 —
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm.
酸棗仁	TOAN TÁO NHÂN	1 — (sao hắc)

細辛	TẾ TÂN	4 phân
胆星	ĐÀM TINH	8 phân
石膏	THẠCH XƯƠNG BỒ	1 đồng

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, lấy Thần sa làm áo, mỗi lần uống 60 hay 70 hoàn, uống với nước lã sôi (hoàn bằng hạt đậu nhỏ).

oOo

TU VINH HOẠT LẠC THANG 滋榮活絡湯

Trị bệnh sản hậu, thiếu máu, cấm khẩu, cứng gân cò, các đường gân rút lại.

川芎	XUYỀN KHUNG	1 đồng 5 phân
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
熟地	THỰC ĐỊA	2 — (3)
人參	NHÂN SÂM	2 đồng (13)
黃芪	HOÀNG KỶ	1 —
茯神	PHỤC THẦN	1 đồng
天麻	THIÊN MA	1 đồng
炙草	CHÍCH THẢO	4 phân
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
荆芥穗	KINH GIỚI TUỆ	4 —
防風	PHÒNG PHONG	4 —
姜活	KHƯƠNG HOẠT	4 —
黃連	HOÀNG LIÊN	8 phân, tâm nước gừng sao.

Có đàm, gia TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRÁP, BẢN HẠ.
Khát nước, gia MẠCH ĐÔNG (khử tâm) CÁT CĂN.

Nếu có thương thực thì gia SƠN TRÁ, SA NHÂN đề tiêu nhục thực, gia THẦN KHỨC (23) MẠCH NHA đề tiêu cốc thực.

Đại tiện bí gia NHỤC THUNG DUNG 1 đồng 5 phân
Bồ hôi nhiều gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng.
Run sợ gia HẮC TÁO NHÂN 1 đồng.

oOo

附 履
PHỤ KÍNH

(Phụ thêm phương thuốc trị bệnh « Kinh ») (51)

GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
桂枝	QUẾ CHI (cành)	5 phân
人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
炙草	CHÍCH THẢO	5 phân
姜活	KHƯƠNG HOẠT	5 —
天麻	THIÊN MA	5 —
麻黃根	MA HOÀNG CĂN	1 đồng
附子	PHỤ TỬ	1 miếng mỏng
羚羊角	LINH DƯƠNG GIỐC	8 phân

Trị bệnh tựa như kinh mà có ra mồ hôi.

Nếu không có mồ hôi thì bỏ MA HOÀNG CĂN, gia PHÔNG PHÔNG, TÁO NHÂN sao đen.

oOo

類 疹
LOẠI NGƯỢC

(Bệnh tựa như sốt rét ngã nước)

Sanh rồi, nóng lạnh trở qua trở lại, hằng ngày cứ đúng giờ lên cơn, chứng bệnh tựa như sốt rét ngã nước (ngược) mà không thể đem thuốc sốt rét để trị được.

Bởi vì khí huyết hư mà nóng lạnh đổi thay làm bệnh, nguyên khí hư mà ngoại tà có thể xâm nhập, có khi ngày nhẹ đêm nặng, có khi cứ mỗi buổi chiều lên cơn, tựa như bệnh ngược mà không phải là bệnh ngược.

Phép trị nên tư bổ khí huyết đề tiết nóng lạnh. Nếu cơn nóng lạnh mà có mồ hôi, có thể gia những loại như MA HOÀNG CĂN đề cho chỉ ngay. Nếu chỉ trên đầu có mồ hôi mà chân không có, thế là dương bị lẻ loi, âm như muốn tuyết, thật là nguy chứng, nên cấp dùng ngay những loại như THỰC ĐỊA, XUYÊN QUY. Nếu nhẹ có thể tạm dùng SINH HÓA THANG gia KHƯƠNG HOẠT, PHÒNG PHONG và LIÊN TU THÔNG BẠCH (củ hành cả rễ) một chút ít đề phát tán.

Còn những phương thuốc như SÀI HỒ THANH CAN THANG (69) hay những vị như THƯỜNG SƠN, THẢO QUẢ đều không thể dùng.

滋 榮 養 氣 扶 正 湯

TU VINH DƯỠNG KHÍ, PHỤ CHÍNH THANG

Trị bệnh sản hậu nóng rét, có mồ hôi, lên cơn dùng giờ

人 參	NHÂN SÂM	2 đồng (13)
臭 黃 芪	CHÍCH HOÀNG KỶ	1 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 —
川 芎	XUYÊN KHUNG	1 —
熟 地	THỰC ĐỊA	1 — (3)
木 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khừ tâm
麻 黃 根	MA HOÀNG CĂN	1 —
當 歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
陳 皮	TRẦN BÌ	4 phân
炙 草	CHÍCH THẢO	5 phân
大 棗	ĐẠI TÁO	1 quả

Lấy nước sắc uống.

oOo

GIA GIẢM DƯỠNG VỊ THANG 加 減 養 胃 湯

Trị bệnh sản hậu, nóng lạnh qua lại, nhức đầu không có mồ hôi.

人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
白朮	BẠCH LINH	1 —
半夏	BÁN HẠ	8 phân
川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	4 phân
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
蒼朮	THƯƠNG TRUẬT	1 —
蒼香	HOẮC HƯƠNG	4 phân
炙草	CHÍCH THẢO	4 —

Thêm gừng làm thang. sắc lấy nước uống.

Có đàm gia TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRÁP (68) BÁN HẠ, THẦN KHÚC.

Nếu sốt rét lâu không hết, uống chung với SÂM TRUẬT CAO để trợ cho sức thuốc.

oOo

SÂM TRUẬT CAO 參朮膏

BẠCH TRUẬT 1 lượng (lấy nước gạo tằm một đêm, đập nhỏ, sấy khô).

NHÂN SÂM 1 lượng. Đổ 6 chén nước, đun lấy lại 2 chén, lại sắc 2 lần như thế nữa, số thuốc lấy được cộng 6 chén, đổ chung vào siêu đem nấu lên còn lại thật đặc, còn lại độ một chén, uống lúc đói. Khi uống pha vào chút nước cháo và chút rượu.

oOo

汁

HÃN

(Bệnh ra mồ hôi)

Phạm những người sau khi sanh con ra khỏi lòng rồi mà mồ hôi toát ra là bởi khó nhọc quá thương Tỳ, kinh hải quá thương Tâm, sợ sệt quá thương Can, không

thê dùng ngay thuốc liêm hãn được, nên uống vài thang SINH HÓA để tiêu huyết hờn, hết đau bụng, rồi uống tiếp ngay GIA SÂM SINH HÓA THANG để chỉ cái hư hãn.

Nếu mỗi mẹt quá mà mồ hôi cứ dầm dấp ra hoài, hình sắc đều suy kém đi, đó là « vong dương thoát hãn » nghĩa là dương khí mất đi, mồ hôi toát ra. Mồ hôi ra nhiều là dương khí mất đi, dương khí mà mất đi thì âm huyết cũng đi theo, như vậy rất nên bội dụng SÂM để cứu cái nguy ác đó, lúc bấy giờ không phải câu nệ rằng trong bụng còn có huyết hờn làm đau. Nếu sau khi uống SAM KỶ rồi mà mồ hôi vẫn cứ ra, chỉ ra mồ hôi đầu mà lưng và chân không có, hẳn là bệnh nan trị.

Phạm hễ mồ hôi toát ra mà lấy tay lau đi không kịp là bệnh bất trị. Mồ hôi toát ra mà lại còn thờ như bệnh suyễn đó là « hư cực », nếu uống thuốc bổ mà không chịu ấy cũng là bệnh bất trị.

oOo .

MA HOÀNG CĂN THANG 麻黄根汤:

Trị bệnh sản hậu, dương khí hư làm mồ hôi ra hoài không ngưng.

人 参	NHÂN SÂM	2 đồng, (13)
当 归	ĐƯƠNG QUY	2 —
黄 芪	HOÀNG KỶ	1 — 5 phân, mật chích
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 sao
桂 枝	QUẾ CHI	5 phân. cành nhỏ
麻 黄 根	MA HOÀNG CĂN	1 đồng
浮 小 麦	PHỦ TIÊU MẠCH	1 nắm lớn, sao.

Lấy nước sắc uống, khí huyết hư muốn thoát, mồ hôi ra nhiều, chân tay lạnh, gia HẮC KHƯƠNG 4 phân, PHỤ TỬ CHẾ 1 miếng.

Khát, gia MẠCH ĐÔNG (khử tâm) 1 đồng, NGŨ VỊ TỬ 10 hạt.

Người béo bạch, lắm mồ hôi, gia TRÚC LỊCH (68)
1 chén con, nước gừng một muổng con để thanh đàm hỏa.

Sợ gió lạnh, gia PHÒNG PHONG, QUẾ CHI (cành nhỏ)
mỗi thứ 5 phân.

Huyết hờn không ra hết, gia THỰC ĐỊA 1 đồng.

Mỗi buổi chiều uống thêm:

BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN 八味地黄丸:

山萸肉	SƠN DU NHỤC	8 đồng
山藥	SƠN DƯỢC	8 —
丹皮	ĐƠN BÌ	8 —
雲苓	VÂN LINH	8 —
澤瀉	TRẠCH TÁ	5 —
熟地	THỰC ĐỊA	8 — sao rõ thật khô
五味子	NGŨ VỊ TỬ	5 —
炙黃芪	CHÍCH HOÀNG KỶ	1 lượng, nướng than, không tâm mật.

Tán nhỏ, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 3 đồng cân.

Mồ hôi ra nhiều mà tiểu tiện bất thông là bởi nước
tân dịch cạn đi, đừng uống thuốc lợi thủy, và đừng để
gió lạnh lọt vào.

oOo

盜汗

ĐẠO HÃN

(Bệnh ra mồ hôi trộm)

Lại có người sản phụ, nhiều khi trong giấc ngủ ra
mồ hôi, mà khi tỉnh dậy thì hết mồ hôi, khác nào như
kẻ trộm rình mò khi người ta ngủ. Đó gọi là mồ hôi
trộm (đạo hãn) không phải mồ hôi tự nó ra khi thức
tỉnh (chính hãn).

Sách Tập chứng bản rằng : « tỳ hãn là dương hư, đạo hãn là âm hư. Đạo hãn nên uống ĐƯƠNG QUY LỤC HOÀNG THANG (70) » Nhưng ĐƯƠNG QUY LỤC HOÀNG THANG không phải là phương thuốc trị đạo hãn cho người sản phụ đầu, người sản phụ có bệnh đạo hãn chỉ điều trị cả khí và huyết mới được.

CHỈ HÃN TÁN 止汗散 :

人參	NHÂN SÂM	2 đồng (13).
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
熟地	THỤC ĐỊA	1 — 5 phân (3)
麻黃根	MA HOÀNG CĂN	5 phân
黃連	HOÀNG LIÊN	5 — tầm rượu sao
浮小參	PHỦ TIỂU MẠCH	1 nắm lớn, sao
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh sau khi sanh ra mồ hôi trộm.

Lại lấy MAU LỆ 5 đồng cân đốt cháy; TIỂU MẠCH KHỨC 5 đồng (cám tẻ) sao vàng, 2 thứ tán nhỏ, hòa chung với nhau mà xát vào người.

oOo

口渴兼小便不利

KHÁU KHÁT KIÊM TIỂU TIỆN BẤT LỢI

(Khát nước và tiểu tiện bất lợi)

Sanh rồi, buồn phiền, nóng ráo, khô cổ, khát nước và tiểu tiện không thông lợi. Bởi vì khi sanh máu ra nhiều, mồ hôi ra nhiều, mà đến thế.

Phép trị nên trợ Tỳ. Phế dễ thăng đề khí huyết lên thì dương thăng âm giáng, nước thấm vào kinh lạc mà tân dịch được tư nhuận, cơm ăn vào da dầy mà khí mạch lưu hành mạnh mẽ, tự nhiên tiểu tiện thông hòa mà bệnh khát cũng hết.

Nếu bảo bệnh khát này là hỏa vượng mà dùng CẨM LIÊN, CHI, BẮ để giáng hỏa ; nếu bảo bệnh tiêu tiện bất thông này là thủy đình trệ mà dùng NGŨ LINH TÁN (56) để thông lợi. Điều trị như thế đều là lầm cả. Nhất định phải nhằm cái sự hao tổn ấy mà ôn bổ cho người ta thì mới có thể được.

SINH TÁN CHỈ KHÁT ÍCH THỦY ÂM 生津止渴益水飲:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tâm
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
生地	SINH ĐỊA	3 —
黃芪	HOÀNG KỶ	1 —
葛根	CÁT CĂN	1 —
升麻	THĂNG MA	4 phân, sao
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
茯苓	PHỤC LINH	8 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	15 hạt.

Nếu bờ hơi nhiều, gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng, PHỤ TIỂU MẠCH (sao) 1 nắm lớn.

Đại tiện táo, gia NHỤC THUNG DUNG 1 đồng 5 phân.

Khát quá uống thêm SINH MẠCH TÁN (62), cứ dùng không phải nghi ngại.

oOo

妄言妄見

VỌNG NGÔN, VỌNG KIẾN

(Nói lầm nhảm, nhìn báng quơ)

Sau khi sanh rồi, có người miệng nói lầm nhảm, mắt nhìn lảo lợ, là bởi khí và huyết suy kém đi, thần hồn không nương tựa vào đầu.

Kẻ Trị giả nên suy luận xem bệnh huyết kết bòn làm đau bụng có lay không? Rồi cần nhắc trong cái

khoảng nguyên phương SINH HÓA THANG và GIA SÂM SINH HÓA THANG (xem mục Sinh hóa tổng luận) hay BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53) mà gia AN THẦN HOÀN (71) hay ĐÌNH CHỈ HOÀN (72) đề chiêu với thuốc thang, cứ uống đến khi nào sức thuốc được đầy đủ, thì bệnh tự nhiên hết. Chớ bảo bệnh này là bệnh tà ma mà lấy « nước phép » phun đề trừ, làm như vậy chỉ đi đến chỗ « bất cứu »

Ta (Tác giả) thường trị bệnh này, uống những phương thuốc trên đến hơn 10 thang mới kiến hiệu. Theo đạo đời xưa dạy :

« Bệnh hư như thể bệnh tà.

Muốn trừ tà, trước phải là bổ hư : »

AN THẦN SINH HÓA THANG 安神生化湯 :

Trị bệnh sản hậu còn đau bụng vì huyết hờn chưa ra hết mà vọng ngôn vọng kiến.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
柏子仁	BÁ TỬ NHÂN	1 —
人參	NHÂN SÂM	1 hay 2 đồng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 hay 2 đồng
茯神	PHỤC THẦN	2 đồng
桃仁	ĐÀO NHÂN	12 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
黑姜	HẮC KHƯƠNG,	4 phân
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
益智仁	ÍCH TRÍ NHÂN	8 — sao, bỏ vỏ
陳皮	TRẦN BÌ	3 —
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

TU VINH, ÍCH KHÍ, PHỤC THẦN THANG 滋榮, 益氣, 復神湯 :

Trị bệnh sản hậu, huyết hờn đã ra hết không đau bụng nữa mà vọng ngôn vọng kiến.

黃芪	HOÀNG KỶ	1 đồng, mặt chích
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao.
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 đồng, khử tâm, sao
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
柏子仁	BÁ TỬ NHẠH	1 — sao
茯苓	PHỤC LINH	1 —
益智仁	ÍCH TRÍ NHÂN	1 — sao, bỏ vỏ
人參	NHÂN SÂM	2 — (13)
熟地	THỤC ĐỊA	2 — (3)
陳皮	TRẦN BÌ	3 phân
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
棗仁	TÁO NHÂN	1 đồng, sao đen
五味子	NGŨ VỊ TỬ	10 hạt
蓮肉	LIÊN NHỤC	5 đồng 5 phân, khử tâm
眼肉	NHÂN NHỤC	1 — 5 phân
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả

Lấy nước sắc uống nóng.

Người sản hậu, dù huyết bị băng hay huyết bị thoát; dù khí bị suyễn hay khí bị thoát; dù tinh thần bị hôn ám hay tinh thần bị thoát; — tuy có phân chia ra khí huyết, âm dương như vậy, mà tinh thần thoát khứ đi thì cũng chỉ là một. Nghĩa là chỉ bởi sanh rồi khí huyết âm dương suy kém, tinh thần giảm sút mà thôi. Nếu bảo là khí thực, là đàm hỏa thì lắm rất nhiều.

Huyết hôn chưa ra hết làm đau, dùng ngay GIA SÂM SINH HÓA THANG (xem bài Sinh hóa tổng luận) trong đó hành huyết mà có bổ huyết. không đến nỗi làm cho huyết đình trệ.

Huyết hôn đã ra hết không làm đau nữa, dùng THĂNG CỬ ĐẠI BỔ THANG (xem mục huyết băng) trong đó có một chút HOÀNG LIÊN cho giáng hỏa để trị bệnh huyết thoát mà dẫn huyết về với kinh của nó.

Dùng BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53) bội dụng SÂM và gia một chút PHỤ TỬ cho trợ lực với SÂM để trị bệnh khí thoát mà thu khí về với nguồn của nó.

Dùng TỬ VINH, ÍCH KHÍ, PHỤC THẦN THANG gia thêm một chút vị thuốc trị đàm để thanh tâm hỏa mà an thần cho ngôi vị quản chủ (Tâm).

oOo

傷 食

THƯƠNG THỰC

(Vi ăn làm đau)

Đàn bà có người sau khi sanh rồi, ăn uống không có chừng mực, không có kiêng cử làm tổn thương đến Tỳ Vị. Phép trị nên kiện Tỳ, bổ Vị và xem rằng, ăn uống phải thức gì mà làm tổn thương rồi gia thêm những vị thuốc tiêu dẫn vào trong thang SINH HÓA mà dùng. Ví dụ :

Gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA để tiêu cơm miến ; gia SƠN TRÁ, SA NHÂN để tiêu chất thịt ; gia NGÒ THỦ, NHỤC QUẾ để tiêu tích vi hàn lãnh. Nếu con người yếu quá thì gia NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT. Thế là vừa tiêu vừa bổ cùng điều hòa, không có lý gì mà không an mạnh.

Ta (Tác giả) thường thấy có kẻ Trị giả chỉ biết chăm chăm làm cho chất ăn được tiêu mau chóng, mà không hỏi gì tới sức khỏe, để cho khi sức càng suy kém đi mà ăn vào lại càng đầy trướng lên. Như vậy, có thể nào không cần thận chăng !

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯

Trị bệnh huyết hờn chưa hết, lại mắc bệnh thương thực, tích thực.

川 芎	XUYÊN KHUNG	2	—
當 歸	ĐƯƠNG QUY	5	—
黑 姜	HẮC KHƯƠNG	4	phân.

天草 CHÍCH THẢO 4 —

桃仁 ĐÀO NHÂN 10 hạt, bỏ vỏ, sao, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Biết rõ thương thực vì thức ăn, gi thì cũng gia vị như đã nói trên.

TRƯỜNG SINH HOẠT MỆNH ĐƠN 長生活命丹

NHÂN SÂM (13) 3 đồng cân đổ một chén rượu nước, sắc lấy lại độ một chén, rồi hòa 3 muống OA TIÊU PHẤN vào mà uống. OA TIÊU PHẤN hay dân thuốc khai vị (OA TIÊU PHẤN = cơm khê trong nồi, tán nhỏ thành bột)

Nếu uống phải thuốc lạnh mà làm đau thì thêm vài ba miếng gừng lớn.

Danh hiệu của phương thuốc này : NIÊN SÂM gọi là HOẠT MẠCH THẢO ; OA TIÊU PHẤN gọi là HOẠT MẠNH ĐƠN. Phương thuốc này đã từng chữa sống được vài chục người.

Nếu ăn phải đồ lạnh mà đình tích lại lâu ngày, làm cho Tỳ Vị suy yếu quá, thuốc không thể chuyển vận được, thì có thể dùng phép xoa bóp, nghĩa là lấy miếng THẦN KHÚC đập nát ra, đem sao thật nóng lên, đồ ra khăn dày, túm lại mà chườm vào bụng rất hay.

Phạm những người làm mà uống nhiều thuốc tiêu quá, để đến nỗi lại đầy bụng lên, phải bỏ cơm cháo mấy ngày, cũng chỉ dùng phương thuốc chườm này là hay.

oOo

傷氣

THƯƠNG KHÍ

(Vì khí làm đau)

Sau khi sanh, bực giận quá, khí nghịch lên, làm cho trong bụng ngăn cách không được hoạt lợi, huyết kết hờn lại làm đau. Nên dùng MỘC HƯƠNG SINH HÓA THANG huyết hờn tự nhiên tiêu hóa, mà khí nghịch tự nhiên tan biến, không trái nghịch nhau.

Nếu coi nhẹ phần « sản », coi nặng phần « khí » mà dùng những loại MỘC HƯƠNG, Ô DƯỢC, CHỈ XÁC, SA NHÂN để thiên về trị khí thì nguyên khí lại bị hại mà bệnh đầy hơi càng gia tăng.

Lại như sau cơn giận rồi mà lại ăn cơm ngay làm cho vị khí nhược mà đình trệ buồn bực, thì cần thận chớ dùng những loại thuốc như MỘC HƯƠNG BÌNH LANG HOÀN (73) LƯU KHÍ ẨM TỬ (74) càng làm cho hư nhược thêm.

MỘC HƯƠNG SINH HÓA THANG 木香生化湯 :

Trị bệnh sản hậu vị khí (hơi) làm đau.

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	6 —
陳皮	TRẦN BÌ	3 phân
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 —

Khi uống mài vài phân MỘC HƯƠNG vào thuốc mà uống.

oOo

健脾, 化食, 散氣湯

KIỆN TỶ, HÓA THỰC, TÁN KHÍ THANG :

白朮	BẠCH TRUẬT	2 đồng, sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
人參	NHÂN SÂM	2 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	4 —

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh sản hậu thương thực, thương khí mà không đau bụng vì huyết hờn. Lại nên xem rõ thương thực vì thừ ăn gì mà gia vị. (phép gia vị đã nói ở mục thương thực kể trên).

Dại khái: bực giận mà khí nghịch lên và ăn uống làm đình trệ lại, 2 chứng bệnh ấy của người sản hậu. Kể

khéo trị ấy hẳn cho bổ khí bổ huyết trước mà thêm chút ít vị đề điều can thuận khí thì bệnh giãn tiêu tan; thêm chút ít vị đề kiện Tỳ tiêu đạo thì bệnh đình thực thuận hành. Nếu chỉ chuyên trị khí, tiêu thực thì không những là vô ích mà còn có hại.

oOo

咳 嗽

KHÁI THẤU

(Ho khan, ho đàm)

Đàn bà có người sau khi sanh phòng 6 hay 7 ngày cảm gió lạnh, lúc ho khan, lúc ho có đàm, nghẹt mũi khó thở, tiếng nói khàn khàn, sợ lạnh, chớ dùng MA HOÀNG. Ho có đàm mà mỗi khi ho giựt đau 2 bên hốc sườn, chớ dùng SÀI HỒ. Nên gia giảm trong phương SINH HÓA THANG mà trị

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯:

Trị bệnh sản hậu cảm lạnh, ho háng nghẹt mũi khan tiếng.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
杏仁	HẠNH NHÀN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
桔梗	CÁT CẢNH	4 phân
知母	TRI MẪU	8 — sao.

Lấy nước sắc uống. Có đàm thì gia BÁN HẠ KHÚC (75) Suy yếu mà có hồ hởi thì gia NHÀN SÂM.

Tóm lại người sản hậu không có thể dùng thuốc phát hãn.

oOo

GIA SÂM AN PHẾ SINH HÓA THANG 加參安肺生化湯

Trị bệnh sản hậu mệt mỏi suy yếu, mà cảm hàn, ho lắm đàm.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
人參	NHÂN SÂM	1 — (13)
橘紅	QUẤT HỒNG	3 phân
半夏	BÁN HẠ	7 —
杏仁	HẠNH NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.
桑白皮	TANG BẠCH BÌ	2 đồng
知母	TRI MẪU	1 đồng, cạo sạch lông, sao.
桔梗	CÁT CẢNH	4 phân
甘草	CAM THẢO	4 —

Thêm gừng, lấy nước sắc uống. Đàm sát không long gia Trúc lịch (68) một chén con, nước gừng một muống con.

oOo

嘔吐
ÂU THỔ
(Ua mửa)

Sanh rồi, khó nhọc quá, tổn thương đến tạng phủ, hàn tà xâm nhập vào tràng vị làm cho khí nghịch lên ua mửa mà ăn vào không xuống được. Lại có khi vì ứ huyết chưa sạch mà ua mửa. Cũng có khi vì hơi tanh của đàm vào dạ dày, thực quản gớm sợ mà ua mửa.

Nên tùy theo chứng bệnh mà điều trị.

GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯:

Trị bệnh sản phụ ợ ngược không ăn được vì ứ huyết chưa sạch:

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	5 phân
砂仁	SA NHÂN	5 —
藿香	HOẮC HƯƠNG	5 —
淡竹葉	ĐẠM TRÚC DIỆP	7 lá.

Lấy nước sắc uống, pha thêm 2 muống con nước gừng vào mà uống.

oOo

ÔN VỊ ĐÌNH KHƯƠNG TÁN 溫胃生薑散:

Trị bệnh khi sanh ngoài 7 ngày, ứ huyết đã sạch rồi mà làm ợ ngược.

人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	2 — sao
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
丁香	ĐINH HƯƠNG	4 —
陳皮	TRẦN BÌ	5 —
前胡	TIỀN HỒ	5 —
藿香	HOẮC HƯƠNG	5 —
炙草	CHÍCH THẢO	5 —

Thêm 3 miếng gừng mỏng. Lấy nước sắc uống.

oOo

THẠCH LIÊN TÁN 石蓮散:

Trị bệnh sản phụ ứa sữa, tức ngực, mờ mắt chói vàng.

石蓮子	THẠCH LIÊN TỬ	1 lạng 5 đồng, bỏ vỏ, bỏ tim
白茯苓	BẠCH PHỤC LINH	1 —
丁香	ĐINH HƯƠNG	5 phân

Cùng tán nhỏ. Mỗi lần uống 5 phân với nước cháo.

oOo

SINH TÂN ÍCH DỊCH THANG 生津益液湯:

Trị bệnh sản phụ mệt nhọc yếu đuối, phiền khát, lấm mồ hôi, ứa sữa:

人參	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khử tâm
茯苓	PHỤC LINH	1 —
炙草	CHÍCH THẢO	5 phân
竹葉	TRÚC DIỆP	7 lá

浮小麥 PHÚ TIÊU MẠCH 1 nắm
瓜萹根 QUA LÂU CĂN 2 đồng
大棗 ĐẠI TÁO 2 quả.

Lấy nước sắc uống. Khát nhiều quá gia LÔ CĂN 5 đồng.

oOo

霍亂

HOẮC LOẠN (67)

(Đau bụng cứng quýt rồi rít)

Sanh rồi, khí huyết lao thương quá, tạng phủ thiếu thốn nhiều, ăn uống vào, khó mà vận hóa cho kịp, rồi lại cảm gió lạnh làm cho âm dương không điều hòa, muốn thăng không thăng được, muốn giáng không giáng được, thanh khí, trọc khí rối loạn ở Tỳ Vị, hơi nóng, hơi lạnh không phân biệt, tà khí, chính khí đánh nhau ở trong bụng làm ra bệnh hoắc loạn.

Nên xem rằng có còn đau bụng vì huyết hờn hay không rồi phân cho kỹ mà trị :

SINH HÓA LỤC HÒA THANG 生化六和湯 :

Trị bệnh sản hậu, huyết hờn chưa ra hết mà đau bụng hoắc loạn.

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
吳草	CHÍCH THẢO	4 —
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
蒼香	HOẮC HUƠNG	4 —
砂仁	SẢ NHÂN	6 —
茯苓	PHỤC LINH	1 đồng
生姜	SINH KHƯƠNG	3 phiến.

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

PHỤ TỬ TÁN 附子散:

Trị bệnh sản hậu, huyết hờn không còn nữa mà đau bụng hoặc loạn làm trên thở dưới tả, khí đưa ngược, chân tay lạnh.

附子	PHỤ TỬ	5 phân
丁香	ĐINH HƯƠNG	4 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 —
当归	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
白朮	BẠCH TRUẬT	1 —
陈皮	TRẦN BÌ	4 phân
甘草	CAM THẢO	4 —

Tất cả tán nhỏ, mỗi lần 1 đồng cân, uống với nước cháo.

oOo

ÔN TRUNG THANG 温中汤

Trị bệnh sản hậu, huyết hờn không còn nữa mà đau bụng hoặc loạn vừa thở vừa tả, không chỉ đi được.

人参	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — 5 phân
当归	ĐƯƠNG QUY	2 —
厚朴	HẬU PHÁC	8 phân
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 —
茯苓	PHỤC LINH	1 đồng
草薢	THẢO QUẢ	6 phân bỏ vỏ, lấy nhân.

Thêm 3 phiến gừng sống, lấy nước sắc uống nóng. Nếu ăn không xuống thêm SA NHÂN NHỤC 5 phân.

oOo

**水 腫
THỦY THŨNG**

(Phà nước)

Sanh rồi có người tay chân phù thũng, nghênh nghênh những nước, làm cho làn da trông lũng bóng. Đó là Tý

hư không chế ngự được thủy, Thận hư không lưu hành được thủy. Như vậy đầu có thể dùng thuốc lợi thủy mà trị được,

Đại khái : Tất cả chỉ dùng LỤC QUÂN TỬ THANG và NGŨ BÌ ÂM, 2 phương thuốc ấy, rồi tùy theo chứng bệnh mà thêm vào những loại như TÔ DIỆP, HẬU PHÁC, TRẦN BÌ, BÀN HẠ, MỘC HƯƠNG thì không thể bảo rằng không khang an.

LỤC QUÂN TỬ THANG (55)

oOo

NGŨ BÌ ÂM 五皮飲

TANG BẠCH BÌ, ĐẠI PHÚC BÌ, PHỤC LINH BÌ, SINH KHƯƠNG BÌ và TRẦN BÌ 5 vị bì ấy cân lượng bằng nhau tùy ý nhiều ít, lấy nước sắc uống nóng.

oOo

Lại có người vì ác lộ (nước dư của máu khi sanh) không ra hết, đình lưu lại ở bàng lạc làm ra phù thũng.

Nếu bệnh ấy chỉ coi đại khái rồi cho là thủy thũng khí thũng mà lấy thuốc trị thủy trị khí để trị thì là lầm lẫn.

‘Bệnh ấy không phải là thủy thũng, khí thũng, mà là « huyết thũng » chỉ nên uống ĐIỀU KINH TÁN để cho huyết hành thì thũng tự nhiên tiêu.

ĐIỀU KINH TÁN 調經散 :

沒藥	MỘT DƯỢC	1 đồng (tán riêng, thật nhỏ.
琥珀	HỒ PHÁCH	1 — tán riêng thật nhỏ
肉桂	NHỤC QUẾ	1 —
赤芍	XÍCH THUỢC	1 — sao khô
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 — sao khô

3 vị sau này tán chung thật nhỏ. Xong, trộn chung cả vào với nhau, mỗi lần uống 5 phân, uống với rượu, có chế vào rượu chút nước gừng. Cứ vậy mà điều phục, tự nhiên hết thũng.

oOo

LƯU CHỨ 流注

Máu dư chảy đi các nơi rồi ngưng lại nơi nào đó làm ung.

Sanh rồi, nước dư của máu (ác lộ) không bài tiết ra hết, chảy vào những chỗ các đốt xương lưng, tay chân hay xương thịt rồi ngưng lại làm sưng dần dần hay kết thành hòn cục, lâu ngày làm đau nhức mà tay chân thàn thê mệt mỏi lười biếng. Nên dùng ngay SÂM QUY SINH HÓA THANG uống trong đề tiêu cái huyết trệ ấy. Ngoài dùng THÔNG UẤT PHÁP mà chườm đề trị cái bệnh sưng, đừng có thông thả. Như vậy chưa thành ung thì nó tiêu, mà đã thành ung thì nó vỡ.

SÂM QUY SINH HÓA THANG 参归生化汤:

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng 5 phân
当归	ĐƯƠNG QUY	2 —
人参	NHÂN SÂM	2 — (13)
炙草	CHÍCH THẢO	5 phân
黄芪	HOÀNG KỶ	1 đồng 5 phân dùng sống
肉桂	NHỤC QUẾ	5 phân
馬蹄香	MÃ ĐỀ HƯƠNG	2 đồng.

Lấy nước sắc uống.

oOo

葱熨法

THÔNG UẤT PHÁP

(Phép chườm bằng hành nướng)

Lấy một nắm hành (tươi hay khô cũng được) nướng chín, giã nát, nắn thành như cái bánh, đặt vào chỗ đau, phủ lên trên vài ba lần cái khăn dày, rồi hơi vật gì nóng hay chai nước nóng mà áp lên trên.

Bệnh này nếu chẳng bồi bổ khí huyết, gìn giữ sự ăn uống, cẩn thận sự đi lại ra vào thì cũng có thể khó sống.

Nếu sưng đẩy lên làm đau nhức mà đi lại ăn uống vẫn như thường thì đó là bệnh chưa nặng, hình thể chưa suy, dễ trị.

Nếu cứ sưng dần dần, mềm mại chỉ hơi đau, mà sưng ra vào đi lại mỗi mệt lười biếng, ăn uống ít ỏi thì rất là khó trị.

Nếu chưa thành nung hay chưa vỡ mủ là khí huyết đều hư, nên uống **BÁT TRẦN THANG** (77).

Sợ lạnh ngày một tăng là dương hư, nên uống **THẬP TOÀN ĐẠI BỒ THANG** (xem bài ở hàn thân đản ở mục sản hậu).

Say khi uống thuốc hồ mà lại nóng quá là âm huyết hư nên uống **TỬ VẬT THANG** (58) gia **SÂM, TRUẬT, ĐƠN BÌ**

Nếu ợ ngược là vị khí hư nên uống **LỤC QUÁN TỬ THANG** (55) gia **BẢO KHƯƠNG, CÀN KHƯƠNG**.

Ăn uống ít, thân thể mệt mỏi là Tỳ khí hư, nên uống **BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG** (53)

Bốn tay chân lạnh, đi đại vật là Thận khí hư, nên uống **BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG** gia **ÍCH TRÍ NHÂN** một đồng cân.

oOo

中 滿

TRUNG MÃN

(Trong bụng đầy)

Đàn bà có người khí sức vẫn yếu, tới khi sanh lại làm cho mệt nhọc thêm, trung khí (tỳ vị) thiếu thốn, hung cách không hoạt lợi, chuyên vận chậm chạp, bèn thành bệnh « trung mãn »

Bệnh trung mãn phần nhiều bởi thương thực và khí uất mà ác lộ lại đình trệ, đại tiện táo kết. Đó là khí huyết lưỡng hư, nên cho đại bổ khí huyết ngay. Nếu chỉ biết

răng thương thực thì tiêu thực, uất khí thì giải uất, ác lộ thì cho thông, táo kết thì cho hạ. Như vậy vị khí càng suy tồn thêm, đầy chướng càng gia tăng, thanh khí không thượng thăng, trọc khí không hạ giáng, thấp nhiệt đình tích lại, lâu ngày trở thành bệnh « bành trướng ».

Nếu khi mới sanh uống ngay SINH HÓA THANG để cho tiêu huyết hờn, rồi uống GIA SÂM SINH HÓA THANG để kiện Tỳ Vị, thì không có bệnh trung mãn này.

GIA GIẢM BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG 加減補中益氣湯

Trị bệnh trung khí suy yếu mà hơi đầy, rồi vì uống những thuốc hao khí mà thành bệnh trướng.

人參	NHÂN SÂM	5 phân (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
白苓	BẠCH LINH	1 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	4 phân
白芍	BẠCH THƯỢC	4 — sao
木香	MỘC HƯƠNG	3 —
藜蘆子	LA BẠC TỬ	4 —

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

KIỆN TỖ THANG 健脾湯

Trị bệnh dưới hộc bụng kết hờn và vì uống những thuốc tiêu đạo thành bệnh trướng.

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
白苓	BẠCH LINH	1 —
白芍	BẠCH THƯỢC	1 — sao

神曲	THẦN KHÚC	1 — (23)
吳茱	NGÔ THỦ	1 —
大腹皮	ĐẠI PHÚC BÌ	4 phân
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
砂仁肉	SA NHÂN NHỤC	5 —
麥芽	MẠCH NHA	5 —

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

DUƠNG VINH SINH HÓA THANG 養榮生化湯

Trị bệnh đau bụng, đại tiện không thông, vì uống thuốc hạ mà thành bệnh trướng.

當歸	ĐƯƠNG QUY	4 đồng
白芍	BẠCH THƯỢC	1 — sao
白苓	BẠCH LINH	1 —
人參	NHÂN SÂM	1 — (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
陳皮	TRẦN BÌ	5 phân
大腹皮	ĐẠI PHÚC BÌ	5 —
香附	HƯƠNG PHỤ	5 —
肉苁蓉	NHỤC THUNG DUNG	1 đồng, rửa sạch đất
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ giã nát.

Lấy nước sắc uống nóng.

Phạm hễ uống nhầm phải thuốc tiêu thực, hao khí mà đến nỗi mệt nhọc bỏ cơm thì uống TRƯỜNG SINH HOẠT MẠNH ĐƠN (xem mục thương thực) rất hay.

oOo

怔忡驚悸

CHINH XUNG KINH QUÝ

(Run khiếp sợ hãi)

Sanh rồi, vì lo sợ mệt mỏi quá lại mất máu rất nhiều thì trong tim máy động không yên là bệnh chinh xung.

Trong lòng nơm nớp kinh hãi, có vẻ như có người sắp đến bắt mình là bệnh kinh quý.

Trị bệnh ấy chỉ điều hòa Tỳ Vị thì Tâm chí yên định, thần khí thanh sáng tự nhiên khỏi.

Nếu huyết hờn chưa tiêu hết, nên uống SINH HÓA THANG để bổ huyết mà thông hành huyết khối, bắt tất phải uống đến thuốc an thần, định chí.

Khi huyết khối đã tiêu, huyết thống đã liết, nên uống.

GIA GIẢM DƯỠNG VINH THANG 加減養榮湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	2 —
茯神	PHỤC THẦN	1 —
人參	NHÂN SÂM	1 — (13)
棗仁	TÁO NHẬN	1 — sao hắc
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khử tâm
遠志	VIỄN CHÍ	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
黃芪	HOÀNG KỶ	1 — mật chích
眼肉	NHÂN NHỤC	1 — 5 phân
陳皮	TRẦN BÌ	4 phân
炙草	CHÍCH THẢO	4 phân.

Thêm gừng 3 phiến, lấy nước sắc uống.

Nếu buồn phiền mà là hư nhiệt không phải thực nhiệt thì gia TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRÁP (68) mà bỏ XUYÊN KHUNG, MẠCH ĐÔNG.

oOo

DƯỠNG TÂM THANG 養心湯

Trị bệnh sản hậu, máu trong tim không điều hòa, tinh thần trong tim không yên định.

炙黃芪	CHÍCH HOÀNG KỶ	1 đồng
茯苓	PHỤC THẦN	8 phân
川芎	XUYÊN KHUNG	8 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng,
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 — 8 phân, khử tâm
遠志	VIỄN CHÍ	8 phân
柏子仁	BÁ TỬ NHÂN	1 đồng
人參	NHÂN SÂM	1 — 5 phân (13)
炙草	CHÍCH THẢO	4 phân
五味	NGŨ VỊ	10 hạt.

Thêm gừng vài phiến, lấy nước sắc uống nóng.

oOo

心痛

TÂM THỐNG

(Đau Tim)

Phạm hễ thấy mặt nhợt, cảm gió lạnh và ăn phải của lạnh, thường bị đau bụng, thì thế tục gọi ngay là bệnh « Tâm thống » = đau tim.

Ôi ! Tâm có thể làm đau chăng ? Tâm mà thiếu máu thì run sợ kinh hãi không yên mà thôi. Nếu thật là bệnh Tâm thông thì tay chân biến sắc ra màu xanh đến cả các đốt của các ngón nữa mà sớm đau, chiều có thể bị chết.

Trường hợp này chỉ là VỊ HOẢN THỐNG (78) nghĩa là đau trong Vị hoản, không phải đau trong Tâm. Bởi vì Vị hoản ở dưới Tâm, Tâm khí uất xuống Vị hoản, Vị hoản chống cự lại mà làm đau.

Phép trị nên tán hàn khí ở trong Vị, tiêu chất lạnh ở trong Vị, tất nhiên dùng SINH HÓA THANG rồi thêm những thứ thuốc để khử hàn, tiêu thực, không có lý gì mà không yên. Nếu cứ đau ề ề liên miên, rồi xoa bóp mà thấy bớt, thì hỏi ngay nếu không còn ra huyết cục nữa, nên gia tăng thuốc bổ.

Nói đại thể : Khi sanh rồi mà đau tim hay đau bụng 2 chứng đau ấy giống giống nhau. Nhưng hết thấy đều bởi thức ăn nguội lạnh và khí lạnh, nó công lên tim thì đau tim, nó công xuống bụng thì đau bụng, đều nên dùng SINH HÓA THANG mà gia NHỤC QUẾ NGÔ THỪ là những vị thuốc có tính chất ôn tán.

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	5 phân
肉桂	NHỤC QUẾ	8 —
吳茱萸	NGÔ THỪ	8 —
砂仁肉	SA NHÂN NHỤC	8 —
炙草	CHÍCH THẢO	5 —

Thêm gừng 3 phiến, lấy nước sắc uống nóng. Nếu đau vì ăn phải đồ lạnh thì gia tăng NGÔ THỪ, NHỤC QUẾ. Đau vì ăn phải miếng thì gia THẦN KHỨC, MẠCH NHA. Đau vì ăn phải thịt thì gia SƠN TRÁ, bội SA NHÂN. Đại tiện bất thông thì gia NHỤC THUNG DUNG.

oOo

腹 痛

PHÚC THỐNG

(Đau Bụng)

Trị bệnh đau bụng cho sản phụ, phải hỏi ngay là đau có kết hòn ở trong bụng không? Nghĩa là đau có kết hòn là đau bụng máu, đau không có kết hòn là đau bụng lạnh.

Đau có kết hòn chỉ uống SINH HÓA THANG gia NGUYỄN HỒ SÁCH 1 đồng. Sắc uống. Khi uống hòa thêm THẮT TIỂU TAN 2 đồng cân (79) vào cùng uống.

Đau không có kết hòn thì đó là cảm gió lạnh mà làm đau. Nên uống :

GIA GIẢM SINH HOA HANG 加減生化湯：

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
黑薑	HẮC KHƯƠNG	4 phân
吳草	CHÍCH THẢO	4 —
防風	PHÒNG PHONG	7 —
吳茱	NGÔ THỦ	6 —
白豆蔻	BẠCH ĐẬU KHẤU	5 — bỏ vỏ, lấy nhân
枝梗	QUẾ CHI cành nhỏ	7 —

Nếu có đau vì những chất ăn thì phép gia vị theo như đã nói ở mục thương thực.

Nếu hết đau rồi thì chỉ uống nguyên phương SINH HÓA. Còn những vị ngoài phương SINH HÓA THANG thì bỏ đi.

oOo

腰痛
YÊU THỐNG
(Đau Lưng)

Chỗ ngang lưng là thuộc Thận, mà Thận bộ của phụ nữ liên hệ với bào thai. Sau khi sanh, Thận khí bị lao thương, bào thai khuy tổn, thân thể con người còn suy yếu chưa bình phục rồi gió nhiễm vào làm đau lưng.

DƯỠNG VINH TRẮNG THẬN THANG 養榮壯腎湯

Trị bệnh sản hậu cảm gió lạnh, làm đau lưng không thể chuyển xoay.

當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	8 phân
防風	PHÒNG PHONG	4 —
獨活	ĐỘC HOẠT	8 —
桂心	QUẾ TÂM	8 —
杜仲	ĐO TRỌNG	8 —

特斷 TỤC ĐOẠN 8 —
桑寄生 TANG KÝ SINH 8 —

Thêm 3 phiến gừng sống, lấy nước sắc uống nóng.
Nếu uống 2 thang rồi mà chưa hết đau, thì đó là thuộc
Thận hư, cứ uống như vậy gia THỰC ĐỊA 3 đồng.

oOo

GIA VỊ ĐẠI TẠO HOÀN 加味大造丸

Trị bệnh sau khi sanh đã lâu ngày rồi khi huyết
đều suy mà yếu Thận đau lưng.

胡桃肉 HỒ ĐÀO NHỤC 12 cái
破故紙 PHÁ CỔ CHỈ 8 lạng, tằm rượu, sao
杜仲 ĐỔ TRỌNG 1 cân, tằm nước gừng sao
đứt hết xơ.

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi hoàn 5
đồng cân, mỗi lần uống một hay hai hoàn, uống với giấm
lông nhạt.

oOo .

脇痛

HIỆP THỐNG

(Đau hai bên hốc bụng)

Đau hai bên hốc bụng là bởi khí và huyết của CAN
kinh. « Khi thì trệ, huyết thì hư »

Khi trệ thì uống TỬ QUÂN TỬ THANG (55) gia
THANH BÌ, SÀI HỒ.

Huyết hư thì uống TỬ VẬT THANG (58) gia SÀI
HỒ, NHẠN SÂM, BẠCH TRUẬT.

Nếu cứ dùng ầu những thứ thuốc có tính chất thơm
cay nóng ráo thì càng tổn thương cái khí thanh hòa của
con người.

BỒ CAN TÁN 補肝散：

山 菜	SƠN THỦ	2 đồng
當 歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
五 味	NGŨ VỊ	10 hạt
黃 芪	HOÀNG KỶ	8 phân
川 芎	XUYÊN KHUNG	6 —
熟 地	THỰC ĐỊA	1 đồng, 5 phân (3)
木 瓜	MỘC QUA	1 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 —
獨 活	ĐỘC HOẠT	8 phân
棗 仁	TÁO NHÂN	1 đồng, sao hắc.

Thêm một phiến gừng sống, lấy nước sắc uống nóng.

oOo

徧 身 痛

BIẾN THÂN THỐNG

(Đau khắp mình)

Đau nhức khắp thân thể là bởi sau khi sanh rồi, chân khí suy hư, các đốt xương lỏng lẻo, mạch máu chảy tản mát mà máu trong kinh lạc phần nhiều bị trở ngại trì trệ, cho nên gân mạch lười biếng, các đốt xương không hoạt lợi, lưng dưới lưng trên không thể nghiêng ngã chuyển xoay, tay chân không thể vận động, lại thêm cả nóng mình như dầu.

Nếu lắm mà bảo là thương hàn rồi cho uống thuốc phát biểu để cho ra mồ hôi thì gân mạch giết mạnh, tay chân phát lạnh, biến chứng rất nhiều. Nên uống.

SẤN THỐNG TÁN 趁痛散

當 歸	ĐƯƠNG QUY	1 đồng
甘 草	CAM THẢO	8 phân
黃 芪	HOÀNG KỶ	8 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	8 —
獨 活	ĐỘC HOẠT	8 —

肉桂	NHỤC QUẾ	8 phân
桑寄生	TANG KÝ SINH	1 đồng
牛膝	NGUU TÁT	8 phân
薤白	GIỚI BẠCH	5 củ

Thêm 3 phiến gừng sống; lấy nước sắc uống nóng.

oOo

小腹痛

TIỂU PHÚC THỐNG

(Đau bụng dưới)

Sanh rồi trong bụng lỏng lẽo rỗng không, khi huyết suy kém, nhân bị cảm lạnh hay uống phải nước lạnh, thì khí lạnh ấy cũng kích xuống mà làm cho bụng dưới đau; lại có người vì những hòn huyết nhỏ ở bụng dưới chưa ra hết làm đau; lại có người vì máu lạnh hay thiếu máu mà làm đau dưới rốn. Đều nên uống.

GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
炙草	CHÍCH THẢO	4 phân
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
前胡	TIỀN HỒ	1 đồng

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

TẢ 瀉

(Ỉa chảy)

Sau khi sanh rồi mà bị bệnh tiết tả. Đại khái chỉ bởi «chân khí suy hư, thực ăn đình tích vì thấp thủy tri trệ». Ai mà không biết rằng: «Khí hư thì nên cho bổ; thực tích thì nên cho tiêu mà thấp trệ thì nên cho khô».

Nhưng mà ác lộ chưa sạch thì chưa thể câu nệ như thế được. Phải uống ngay vài ba thang SINH HÓA để cho hóa cựu huyết, sinh tân huyết. Khi tân huyết đã sinh rồi, nhiên hậu mới bỏ khi đề tiêu thực, táo thấp đề lợi thủy, thì không có cái sự làm lẫn rã, vít cái thấp trệ lại, tăng phần hư tổn thêm.

Nếu đau bụng mà tả ra nước trong, sôi bụng mà cơm cháo không tiêu thì lấy thuốc « hàn tả » mà trị.

Nếu tả ra nước phân vàng sẫm lại đau ở giang môn lấy thuốc « nhiệt tả » mà trị.

Nếu vì ăn uống quá no, tổn thương Tỳ Vị mà tả ra hơi như trứng thối thì lấy thuốc « thực tích » mà trị.

Nếu Tỳ Vị suy yếu, ăn ít, mà ăn vào thì sôi ruột muốn tả ra cho hết mới chịu được thì lấy thuốc « hư hàn tả » mà trị.

Nói chung: Nếu hư hàn tiết tả mà đến nỗi hôn mê không biết gì thì đó là chứng bệnh suy nhược quá, hình thể muốn thoát. Hẳn là phải dùng ngay NHÂN SÂM 2 đồng, BẠCH TRUẬT, PHỤC LINH mỗi thứ 2 đồng, PHỤ TỬ 1 đồng, sắc uống mới có thể hồi sinh.

Nếu xem mạch thấy PHỦ HUYỀN mà án xuống lại bất động, tức là bị trúng hàn. Đó là bởi âm đã mất đi rồi mà dương cũng muốn thoát. Nên đại bổ cả khí và huyết mà gia PHỤ TỬ, HẮC KHƯƠNG mới có thể lấy lại được nguyên dương, hướng chi ở trường hợp của người sản hậu sao !

• GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯

Trị bệnh sản hàn, huyết hờn chưa tiêu hết mà bị tiết tả.

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
白芍	BẠCH LINH	2 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 phân
黑姜	HẮC KHƯƠNG	5 —

炙草	CHÍCH THẢO	5 —
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
蓮肉	LIÊN NHỤC	1 đồng, sao.

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

健脾利水生化湯
KIẾN TỶ LỢI THỦY SINH HÓA THANG

Trị bệnh sản hậu, huyết hờn đã tiêu hết ma bị liết tả.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
茯苓	PHỤC LINH	1 — 5 phân
歸身	QUY THÂN	2 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
陳皮	TRẦN BÌ	5 —
炙草	CHÍCH THẢO	5 —
人參	NHÂN SÂM	3 đồng, (13)
肉果	NHỤC QUẢ	1 quả, nướng chín, bỏ vỏ
白朮	BẠCH TRUẬT	1 đồng, ảm hoàng thổ sao (4)
澤瀉	TRẠCH TẢ	8 phân.

Lấy nước sắc uống nóng.

Nếu hàn tả gia CÂN KHƯƠNG 8 phân.

Hàn thống gia SA NHÂN 8 phân, BẢO KHƯƠNG 8 phân.

Nhiệt tả gia HOÀNG LIÊN sao 8 phân.

Đau bụng, tả thuần nước, cơm cháo, không tiêu hóa gia SA NHÂN 8 phân, MẠCH NHA, SƠN TRÁ mỗi thứ 1 đồng.

Ợ chua, đi tả ra có mùi hôi gia THẦN KHÚC, SA NHÂN mỗi thứ 8- phân.

Tả ra thuần nước gia THƯƠNG TRUẬT 1 đồng để táo thấp.

Tất cả các loại tả đều nên gia THĂNG MÁ từ sao 8 phân, LIÊN NHỤC 1 đồng 5 phân.

oOo

完 教 不 化

HOÀN CỐC BẤT HÓA

(Đại-tiện ra còn nguyên cơm không tiêu)

Sau khi sanh mà đại tiện đi ra còn nguyên các chất ăn không tiêu hóa là bởi sanh rồi, khó nhọc mệt mỏi làm tổn thương Tỳ Vị mà sự tiêu hóa chuyển vận chậm chạp. Bệnh này còn gọi là bệnh « tòn tiết » (tả ra cơm cháo).

Mới sanh được vài ba ngày, huyết hờn chưa tiêu hết, dù rằng Tỳ Vị suy nhược thì thuốc bổ cũng vẫn chưa thể dùng ngay được. Hãy uống SINH HÓA THANG gia ÍCH TRÍ, SA NHÂN để tạm ôn Tỳ khí, mà đợi chờ cho huyết hờn tiêu hết, rồi thì cho uống thuốc bổ ngay, như SÂM, KỶ, TRUẬT để bổ khí, NHỤC QUẢ, MỘC HƯƠNG để ôn Vị, THĂNG MA, SÀI HỒ để thanh Vị khí, TRẦN BÌ, BẠCH LINH, TRẠCH TẢ để lợi thủy, mới có thể được.

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯

Trị bệnh mới sanh còn trong 3 ngày, huyết hờn chưa tiêu hết mà đi đại tiện ra nguyên chất ăn, không tiêu hóa.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
益智	ÍCH TRÍ	1 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
茯苓	PHỤC LINH	1 đồng, 5 phân.

Lấy nước sắc uống nóng.

SÂM LINH SINH HÓA THANG 參苓生化湯

Trị bệnh mới sanh còn trong 3 ngày, huyết hờn đã tiêu hết mà đi đại tiện ra nguyên chất ăn, không tiêu hóa.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —

黑 姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
炙 草	CHÍCH THẢO	5 —
人 参	NHÂN SÂM	2 đồng, (13)
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
白 芍	BẠCH THƯƠNG	1 — 5 phân, sao
益 智	ÍCH TRÍ	1 — bỏ vỏ, sao
白 朮	BẠCH THUẬT	2 — tằm hoàng thổ sao (4)
肉 果	NHỤC QUẢ	1 quả, nướng chín, bỏ vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Nếu : Tả nước nhiều gia MỘC THÔNG, TRẠCH TẢ mỗi thứ 8 phân.

Đau bụng gia SA NHÂN 8 phân.

Khát gia MẠCH ĐÔNG 1 đồng, khứ tâm, sao NGŨ VỊ 10 hạt.

Hàn tả gia HẮC KHƯƠNG 1 đồng. MỘC HƯƠNG 4 phân

Thực tích gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA mỗi thứ 8 phân đề tiêu cơm tiêu miến, SA NHÂN, SƠN TRA mỗi thứ 5 phân đề tiêu nhục thực.

Tả lý lâu ngày không hết, Vị khí suy nhược, đại tiện ra nguyên chất ăn, không tiêu hóa, nên ôn trợ Vị khí uống LỤC QUẢN TỬ THANG (55) gia MỘC HƯƠNG 4 phân, NHỤC QUẢ 1 quả.

oOo

LY 痢

(Bệnh đi lý)

Sanh rồi, trong ngoài 7 ngày, mắc bệnh lý, dù xích lý hay bạch lý mà lý cấp hậu trọng (trong bụng bắt phải đi cầu rất gấp, mà ra tới cầu lại chỉ ngồi mà rặn) rất là khó trị.

Bởi vì muốn điều khí hành huyết để khứ tả trục lý thì sợ rằng nguyên khí của người sản hậu càng suy hư đi. Muốn tư huyết ích khí để đại bổ cho người sản hậu thì sợ rằng tả độc của bệnh lý càng nặng. Cho nên chỉ uống

SINH HÓA THANG, bỏ HAC KHƯƠNG đi, mà lấy MỘC HƯƠNG, PHỤC LINH thay vào, thì vừa tiêu ác lộ, vừa trị lý, thế là song hành để trị cả 2 bệnh mà không trái nghịch nhau.

Nếu ngoài 7 ngày đã mắc bệnh lý, rặn quá « lòi giôm » ra, nhàu vảy lại bị « sa đi » nữa, cả 2 bệnh cùng hành thì nên gia tăng thuốc bổ, chứ không còn phải nghi ngờ gì.

Nhất định cấm không được dùng HƯƠNG LIÊN HOAN (80).

GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯

Trị bệnh mới sanh trong vòng 7 ngày mà bị đi lý:

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
炙草	CHÍCH THẢO	5 phân
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
白芍	BẠCH LINH	1 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	4 phân.

Lấy nước sắc uống, mỗi khi uống mài MỘC HƯƠNG vài phân hòa vào thuốc.

Đau bụng, lý ra máu lờn lợt gia SA NHÂN 8 phân.

Nếu tả lâu ngày, không cầm được, mà nguyên khí bị hãm ở dưới làm cho giang môn như muốn lòi ra mà lý ra trắng, đó là chân khí của Tý thổ hư tổn nhiều quá. Nên uống LỤC QUAN TỬ THANG (55) và BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53) gia MỘC HƯƠNG, NHỤC QUẢ, SINH KHƯƠNG.

Nếu lý nhiệt ra máu đỏ là thuộc huyết nhiệt nên uống TỬ VẬT THANG (58) gia NHÂN SÂM, KINH GIỚI.

Nếu thương thực vì miễn, nên uống SINH HÓA THANG gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA.

Nếu thương thực vì thịt, nên uống SINH HÓA THANG gia SƠN TRẠ, SA NHÂN.

Nếu lý ra vừa đăm vừa máu mà dưới rốn quặn đau, nên uống ĐƯƠNG QUY, XUYÊN KHUNG, ĐÀO NHÂN, HẬU PHÁC, HOÀNG LIÊN sao, NHỤC QUẢ, và CAM THẢO.

HẾT

附註女科

PHỤ CHÚ về NỮ' KHOA

của

DỊCH GIẢ

附註女科
PHỤ CHÚ NỮ' KHOA

của
DỊCH GIẢ



- | | |
|-------------------------|-------------------------------|
| 1 — THUỐC | 18 — LẬU |
| 2 — KỶ TẾ | 19 — LÂM |
| 3 — THỰC ĐỊA | 20 — VỊ TẾ |
| 4 — HOÀNG THÒ | 21 — ĐÁI |
| 5 — ÁT QUỶ | 22 — DỤC LÂN |
| 6 — LUYỆN HÌNH | 23 — THẦN KHÚC |
| 7 — THIÊN NHẤT | 24 — ĐỐC |
| 8 — THÁI ÂM | 25 — SÁN, HÀ |
| 9 — BẮC PHƯƠNG HÀN THỦY | 26 — BÁT MẠCH |
| 10 — XUNG NHÂM | 27 — KỶ KINH |
| 11 — THIẾU ÂM | 28 — TIÊN THIÊN |
| 12 — BĂNG HUYẾT | 29 — HOẠT HUYẾT |
| 13 — NHÂN SÂM | 30 — HOÃN TÁC TRỊ KỶ BẢN |
| 14 — HUYẾT HẢI | 31 — THIẾU HÓA |
| 15 — THIÊN QUỶ | 32 — HẬU THIÊN |
| 16 — LONG LÔI HÓA | 33 — Đương Quy Bò Huyết Thang |
| 17 — TIẾT | 34 — NGŨ TẠNG |

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| 35 — NỘI KINH | 58 — TỨ VẬT THANG |
| 36 — THANH CAO | 59 — ÍCH MẪU HOÀN |
| 37 — CỬU CHUNG | 60 — LỘC GIÁC HÔI |
| 38 — VONG DƯƠNG | 61 — NGUYÊN HỒ TÁN |
| 39 — LAO, SÁI | 62 — SINH MẠCH TÁN |
| 40 — THỜI SANH | 63 — TỨ NGHỊCH THANG |
| 41 — VƯƠNG ĐẠO, BÁ ĐẠO | 64 — TIÊU TỤC MỆNH THANG |
| 42 — THẤT KHIẾU | 65 — CHI TỬ THỈ THANG |
| 43 — TRỌNG CẢNH | 66 — LOẠI THƯƠNG HÀN |
| 44 — ĐẠN KHÊ | 67 — THIẾU DƯƠNG |
| 45 — VƯƠNG THAI BỘC | 68 — TRÚC LỊCH |
| 46 — THÁI DƯƠNG | 69 — Sài Hồ Thanh Can Thang |
| 47 — MA HOÀNG | 70 — Đương quy Lục hoàng thang |
| 48 — DƯƠNG MINH | 71 — AN THẦN HOÀN |
| 49 — THỪA KHÍ | 72 — ĐỊNH CHÍ TÁN |
| 50 — QUYẾT | 73 — Mộc Hương Bình Lang Hoàn |
| 51 — KÍNH | 74 — LƯU KHÍ ẦM TỬ |
| 52 — ĐẠI SÀI HỒ THANG | 75 — BÁN HẠ KHỨC |
| 53 — BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG | 76 — HOẮC LOẠN |
| 54 — QUY TỶ THANG | 77 — BÁT TRẦN THANG |
| 55 — Lục Quân Tử (Tứ Quân Tử) | 78 — VỊ HOẢN THỐNG |
| 56 — NGŨ LINH TÁN | 79 — THẤT TIỂU TÁN |
| 57 — TIỀN THỊ | 80 — HƯƠNG LIÊN HOÀN |



PHỤ CHÚ NỮ KHOA

của

DỊCH GIẢ

- 1.— **THUỐC 藥** : Tất cả các vị thuốc nên sao tẩm bào chế đúng như lời chỉ dẫn của các bài ở trong sách này. Lại nên lựa chọn thuốc tốt và coi chừng thuốc giả. Vì phương thuốc hay mà thuốc xấu thuốc giả và bào chế không đúng sẽ mất công hiệu.
- 2.— **KÝ TẾ 既濟** : Quẻ Ký tế trong kinh Dịch : « Thủy hỏa ký tế » thủy ở trên hỏa, nghĩa là thủy và hỏa cũng như âm và dương tương giao với nhau, giúp sức cho nhau đã thành sự. Có nghĩa là Tâm hỏa và Thận thủy đã giao với nhau thì bệnh đã hết. Ký tế trái với Vị tế.
- 3.— **THỰC ĐỊA 熟地** : Nên chọn Thực địa nấu kỹ thật tốt. Nếu người Tý Vị hư hàn thì phải tẩm nước gừng hay tẩm rượu sao thật kỹ sẽ dùng.
- 4.— **HOÀNG THỔ 黄土** : Đất vàng (đất thó) mua ở tiệm Sanh dược, đem về hòa với nước, tùy theo nhiều ít, hòa sền sệt, hòa cho đều, rồi bỏ BẠCH TRUẬT vào mà tẩm, để khô sẽ sao, sao vàng.
- 5.— **ẤT QUÝ 乙癸** : Ất và Quý là 2 thiên can ở trong 10 thiên can. 10 thiên can ứng thuộc với ngũ tạng lục phủ thì Ất thuộc Can, Quý thuộc Thận. Nói Ất với Quý là nói Can với Thận.
- 6.— **LUYỆN HÌNH 煉形** : Theo pháp thuật của Đạo Gia luyện chuyển kim đơn mà uống để trường sinh bất lão, để thành tiên. Như bài CỬU HOÀN ĐƠN và CỬU CHUYỀN KIM ĐƠN của Bão Phác Tử.

- 7.— **THIÊN NHẤT** 天 — Trong Hà Đồ Kinh Dịch nói « Thiên nhất sinh thủy » nghĩa là Trời là số một, sinh ra thủy trước. Trong ngũ hành, thủy đứng thứ nhất. Con người khi bằm sinh, sinh 2 quả Thận trước (Thận thuộc Thủy). Cho nên nói thiên nhất là nói Thận.
- 8.— **THÁI ÂM** 太陰 : Thái Âm là một kinh trong tam âm kinh : Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm.
Tam âm kinh đều thuộc ngũ tạng. Tam âm kinh có thủ, tam âm, tức tam âm là lục âm kinh.
Thủ Thái âm thuộc Phế kim, Túc Thái âm thuộc Tỳ thổ. Âm khí từ trên trời xuống, khi bắt đầu xuống gọi là Thái âm.
Khi tà khí từ Dương kinh chuyển sang Thái âm kinh làm ra những bệnh : tự nhiên là lỏng, đau bụng, khô cổ, khát nước. Bệnh thuộc lý chứng. Mạch xích bộ, Thốn bộ đều trầm, trầm thực nên cho hạ, trầm tế nên cho ôn. Bệnh Thương hàn chuyển sang kinh Thái âm, đã là khó trị.
- 9.— **BẮC PHƯƠNG HÀN THỦY** 北方寒水 : Bắc phương là một phương trong ngũ phương. Hàn là một khí trong ngũ khí. Thủy là một hành trong ngũ hành cũng như Thận là một tạng trong ngũ tạng. Có nghĩa là phương bắc thuộc khí hàn, hành thủy, thủy sắc hắc thuộc 1 hàn. Nói bắc phương hàn thủy là nói Thận.
- 10.— **XUNG, NHÂM** 衝任 : Mạch Xung, mạch Nhâm.
Theo y học nhập môn : Mạch Xung khởi từ huyết Khí xung và kinh Túc Dương minh gần tiền âm qua xương sống sang bụng lên đến trên yết hầu ra mồm mép. Con gái khi bắt đầu có kinh gọi là Huyết hải.
Mạch Nhâm khởi từ huyết Trung cực lên bụng tới huyết Thừa tương theo quanh mặt vào mắt và lưỡi. Là một nguồn lực dinh dưỡng của bào thai.

Theo Tổ Văn: Mạch Xung, mạch Nhâm đều ở trong « Kỳ kinh bát mạch ». Mạch Xung thuộc Huyết hải, mạch Nhâm chủ về Bào thai, 2 mạch cùng nhờ nhau để mà có con.

11.— THIẾU ÂM 少陰: Thiếu âm là một kinh trong tam âm kinh: Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm.

Tam âm kinh đều thuộc ngũ tạng. Tam âm kinh có thủ tam âm, tức tam âm là lục âm kinh.

Thủ Thiếu âm thuộc Tâm hỏa, tức Thiếu âm thuộc Thận thủy. Âm khí từ trên trời xuống, xuống sau Thái âm, gọi là Thiếu âm.

Khi tà khí từ Thái âm kinh chuyển sang Thiếu âm kinh làm ra những bệnh miệng lưỡi khô ráo, khát nước. Bệnh đã thâm nhập lý chứng. Mạch xích bộ, thốn bộ đều trầm, trầm thực hữu lực nên cho hạ, trầm vi vô lực nên cho ôn. Bệnh Thương hàn chuyển sang kinh Thiếu âm là đã nặng hơn khi còn ở Thái âm

12.— BĂNG HUYẾT 崩血: Huyết trong bào thai tự nhiên đổ ra trụt ra rất nhiều như nước chảy, như núi đổ la băng.

13.— NHÂN SÂM 人參: Nhân sâm có củ dài tới 50 hay 60 phân lậy, có đầu minh tay chân tựa như hình người, nên gọi Nhân sâm. Nhân sâm là vị thuốc rất bổ cho nguyên khí. Nhưng nay rất ít có, mà có, phần nhiều là sâm giả mà giá lại quá cao. Vậy dùng sâm gì tốt cũng được, chẳng hạn như chính Dã sơn sâm, Nhị hồng sâm v.v... Nhưng khi dùng nên giã một chút nước gừng tự nhiên, rồi tằm vào sâm cho vừa đủ ẩm ẩm, để khô, sao nóng là được.

14.— HUYẾT HẢI 血海: Cũng như huyết thất (= ò máu) tức mạch Xung.

- 15.— **THIÊN QUÝ** 天 癸 : Quý là nói Nhâm Quý. Nhâm Quý là 2 thiên can cuối cùng ở trong 10 thiên can : giáp ất, bính đinh, mậu kỷ, canh tân, nhâm quý.
Nhâm quý thuộc phương bắc, hành thủy, tức là « bắc phương nhâm quý thủy ». Con người có Thận thuộc thủy, nước ở trong Thận gọi là nước « thiên chân ». Nên gọi thiên quý. Hay nói Bắc phương Nhâm quý thủy cũng là nói Thận thủy.
- 16.— **LONG LÔI HỎA** 龍 雷 火 : Long = rồng, Lôi = sấm, ý nói rồng nằm mà gầm như sấm cũng như nói phục hỏa = cái hỏa còn ẩn nấu. Long lôi hỏa là một danh từ nói thay cho cái hỏa ở Can kinh còn ẩn nấu.
- 17.— **TIẾT** 泄 = Bài tiết ra, tiết tả ra, chảy mạnh ra.
- 18.— **LẬU** 漏 = Giọt, tức là máu hay nước tiểu ở âm hộ nhỏ ra một hai giọt mỗi lần, ví như nhà giọt, gọi là bệnh lậu.
- 19.— **LÂM** 淋 = Ri ri, lằm nhằm chảy ra, tức là kinh nguyệt có đã nhiều ngày không sạch, mà cứ ri ri chảy ra. Gọi là bệnh lâm.
- 20.— **VỊ TẾ** 未 濟 : Quẻ Vị tế trong kinh Dịch : « hỏa thủy vị tế » hỏa ở trên thủy, nghĩa là thủy và hỏa cũng như âm và dương chưa tương giao với nhau, chưa giúp sức cho nhau để thành sự. Có nghĩa là Tâm hỏa và Thận thủy chưa giao với nhau thì hãy còn bệnh. Vị tế trái với Kỳ tế.
- 21.— **ĐẠI** 帶 (cũng như đới) = Cái đai. Mạch Đại là một mạch trong 8 mạch ở Kỳ kinh. Mạch Đại gốc từ mạch Túc Thiếu âm lên đến huyết Quốc trung để sang Túc Thái dương mà hợp với Thận đến đốt xương sống thứ 14 ra đi quanh một vòng ngang lưng. Trong 12 kinh mạch và 7 kinh kia trong Kỳ kinh đều chu lưu lên xuống, chỉ có mạch Đại là đi quanh ngang lưng một vòng; như đánh đai lưng, nên gọi mạch Đại.

- 22. — DỤC LÂN 毓麟** Dục = nuôi, Lân = con kỳ lân, một loài thú hiền. Dục lân có ý nói sanh nuôi được con hiền.
- 23. — THẦN KHÚC 神曲** = Men thần. Theo đúng phép người ta lấy LỤ, THẢO, THUƠNG NHĨ THẢO, THANH CAO, HẠN NHÂN tán nhỏ trộn với MIẾN và ĐẬU ĐỎ đóng thành bánh để lên men, đó là chính Thần Khúc, chủ để khai Vị tiêu thực. Người ta đóng bánh Thần Khúc hay đóng vào ngày 5 tháng 5, tức tiết Đoan ngo. Nay dùng nên tìm cho được chính Thần Khúc, dùng dùng Thần Khúc thường mà vô hiệu, vì mấy người thương mai thường trộn các thứ cần thuốc lại, bất luận cần thuốc gì, rồi đóng bánh, đóng bao, in nhãn hiệu, nói chính Thần Khúc tốt lắm. Đó là Thần Khúc giả. Nếu không tìm được chính Thần khúc thì tạm dùng thay vào đó bằng chút ít Trần bì hay Mộc hương, Hương phụ còn hơn.
- 24. — ĐỐC 督** : Mạch Đốc là một mạch trong 8 mạch của Kỳ kinh. Đốc có nghĩa là đốc suất tổng quát tất cả dương mạch trong thân người. Mạch Đốc khởi từ huyết Hạ cực và dọc xương sống lên đến huyết Phong phủ vào óc.
- 25. — SÁN, HÀ 疝 疝** Sán = Âm khí tích lại ở trong bụng, lại cảm thêm khí lạnh ở bên ngoài làm cho vĩnh vệ không thông hòa, huyết khí lưu nhược, cho nên thành sán, làm đau bụng dưới thông xuống 2 giây trắng cũng đau buốt, khó đi đại tiểu tiện. Bệnh sán ở nam nhân là bệnh thiên trụ.
- Hà = khí kinh đang hành, cảm lạnh hay Tỳ hư, hay uất giận, huyết không hành nữa, ngưng tích lại thành hà làm cho nóng lạnh, ăn không tiêu, kinh không hành, mặt bủng da vàng v.v...
- Bệnh hà thường hay lẫn với bệnh « Trưng ». Hà kết hờn ở trong bụng, nhưng ấn chỗ này chạy chỗ khác, không ở nguyên một chỗ như Trưng.

- 26.— **BÁT MẠCH** 八脉 = 8 mạch trong Kỳ kinh : Dương duy, Âm duy, Dương kiêu, Âm kiêu, Đốc, Nhâm, Xung, Đái.
- 27.— **KỶ KINH** 奇經 = Kinh lạ (khác). Kinh mạch trong con người có chính kinh và Kỳ kinh, chính kinh có 12, kỳ kinh có 8. Chính kinh và kỳ kinh không thông hòa với nhau.
- 28.— **TIÊN THIÊN** 先天 = Một danh từ thay cho quả Thận. Nghĩa là xem trong Hà đồ, khi âm dương sắp định vị thì « thiên nhất » sinh ra thủy trước. Nên gọi Tiên thiên. Con người khi bắt đầu thụ thai thì sinh 2 quả Thận trước. (Thận thuộc thủy). Bởi vậy nói Tiên thiên là nói Thận. Sinh ra thể chất mạnh khỏe nói là Tiên thiên hữu dư, thể chất yếu đuối nói là Tiên thiên bất túc. Tiên thiên khác với Hậu thiên.
- 29.— **HOẠT HUYẾT** 活血 Hoạt = sống, hoạt lợi, sinh hoạt. Hoạt huyết là làm cho huyết lưu thông hoạt lợi để huyết có phần sinh hoạt cho tươi tốt.
- 30.— **HOÃN TẮC TRỊ KỶ BẢN, CẤP TẮC TRỊ KỶ TIÊU**
(緩則治其本 急則治其標) Tiêu, bản, hoãn, cấp là danh từ của nhà Y-Học nói cho gọn dễ hiểu. Nghĩa là phép trị bệnh có cấp trị (trị gấp), hoãn trị (trị thông thả) mà bệnh thì có bệnh hạng tiêu (ngọn) mới phát, bệnh hạng bản (gốc) phát đã lâu.
Những bệnh mới phát có tính cách cần kíp, như đau bụng, thổ tả, bí đái v.v... thì phải trị cho hết ngay, đó là « cấp tắc trị kỷ tiêu ». Con những bệnh đã lâu như ho hen gầy ốm v.v..., thì phải trị thông thả, trị dần dần, đó là « hoãn tắc trị kỷ bản ».
Tuy nhiên, tùy bệnh, tùy trường hợp cũng có khi tiêu bản đồng trị, cũng có khi bất văn tiêu bản, hễ cứ thấy bệnh gì cần gấp thì phải trị bệnh ấy trước.
Tóm lại, suy cho chi lý « tiên trị kỷ tiêu mà cũng tiên trị kỷ bản ».

31.— THIẾU HỎA 少火 = Cái hỏa nhỏ bé. Thận nói chung là thuộc « thủy » nhưng phân ra 2 quả Thận mà nói thì tả Thận thuộc thủy, hữu Thận thuộc hỏa, cái hỏa này là thiếu hỏa. Lại nói tả vi Thận, hữu vi Mạnh môn thì cái hỏa này là Mạnh môn hỏa.

32.— HẬU THIÊN 後天 : Một danh từ thay cho Tý Vị. Nghĩa là khi sanh ra ở giữa khoảng trời đất kể từ trên xuống. Trời đứng trước, người đứng ở trên mặt đất để sống là đứng sau trời. Nên gọi hậu thiên. Khi đã sanh ra thì phải điều dưỡng cho Tý Vị để sống. (Tý Vị thuộc thổ, thổ là đất). Bởi vậy nói Hậu thiên là nói Tý Vị.

Điều dưỡng sung túc gọi là Hậu thiên hữu dư, điều dưỡng khiếm khuyết gọi là Hậu thiên bất túc. Hậu thiên khác với Tiên thiên.

33.— ĐƯƠNG QUY BỒ HUYẾT THANG 當歸補血湯 :

黃芪 HOÀNG KỶ	1 lượng, nướng than, cho chín
當歸 ĐƯƠNG QUY	2 chỉ, lấy rượu rửa.

Lấy nước sắc uống, uống lúc đói. CHỦ TRỊ khí huyết hư hàn mà phát nóng, mặt đỏ phiền khát, mạch to mà rỗng.

Bài thuốc này cái danh là bồ huyết, sao lại dùng Kỳ nhiều hơn Quy? Bởi huyết hư thì phải bổ khí, dương có sinh thì âm mới lớn, cho nên Kỳ bổ khí nhiều hơn Quy bồ huyết.

34.— NGŨ TANG 五藏 : Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận là 5 Tang. Tang có nghĩa là chứa đựng, chứ không tiết tả ra. Chứa đựng đến đầy thì thôi, không thể quá, chứa đầy quá hay vơi đi là có bệnh.

LỤC PHỦ 六腑 : Vị, Đám, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang là 6 phủ. Phủ có nghĩa là phủ kho, nơi để thâu nạp vào, rồi lại chuyển đưa ra, chứ không giữ lại. Nếu không thâu vào, không chuyển ra mà giữ lại là có bệnh.

- 35.— NỘI KINH** 內經 = Bộ sách Nội Kinh (Không có nghĩa là Kinh sách trong Nội điện, vì nguyên bản không có chú thích). Nội Kinh có 2 Bộ: Nội Kinh Tố Vấn và Nội Kinh Linh Khu. 2 bộ sách do Huỳnh Đế và Kỳ Bá (Huỳnh đế và 6 bày tôi là Kỳ Bá, Quý du khu, Bá cao, Thiệu sư, Thiệu du và Lôi công cùng Vấn đáp, nhưng Kỳ Bá nói nhiều hơn, cho nên sách chỉ chép Vấn đáp với Kỳ Bá) đời Thương cổ, vua tôi vấn đáp nhau mà chép nên. Nội Kinh là Thánh kinh khai sáng ra khoa học Đông Y đầu tiên.
- 36.— THANH CAO** 青蒿: Tục gọi cây Thanh hao. Bông, lá, gốc, rễ đều dùng được cả. Nhưng khi dùng, nếu dùng thứ nào chỉ dùng riêng một thứ, không nên dùng lẫn lộn, nghĩa là không nên dùng mấy thứ đó trong một thang thuốc (bông thì đừng lá, lá thì đừng rễ v.v...). Nếu dùng chung sẽ thành tật, khó trị hết.
- 37.— CỬU CHUNG** 九蒸 = 9 lần nấu chín. Củ Sinh địa rửa sạch đất, bóc sạch vỏ, nấu 9 đêm, phơi 9 ngày, nghĩa là đêm nấu, ngày phơi, gọi là Thục Địa cửu chung, cửu sái, như vậy có cả âm và dương điều hòa là thứ Thục Địa tốt (phương pháp cổ).
- 38.— VONG DƯƠNG** 亡陽 = dương khí trong người đã hết. Cũng như nói « thoát dương » = dương khí trong người đã thoát ra. Bệnh đến vong dương là bệnh nguy hiểm. Nghĩa là dương khí không liên lạc với âm huyết nữa, bốc lên đầu lên mặt, toát mồ hôi (mồ hôi ra, có khi lỏng chảy lau không kịp lại chảy ra; có khi đông đặc lại ở một từng giọt tròn như hạt châu mà không chảy đi) 2 tay khờ khoàng, người lạnh, chân tay lạnh mà lại bắt quạt, tinh thần mệt mỏi, 6 bộ mạch như muốn tuyệt.
- 39.— LAO, SÁI** 勞 瘵 Lao = hao mòn, tinh thần khí sức hao mòn vì làm việc quá sức, ăn chơi quá độ thành lao

Lao có nhiều thứ lao : lao tâm, lao lực, lao phổi, lao xương, lao ruột v.v... Nhưng tất cả phân ra 2 loại lao : Nhiệt lao thuộc dương, hư lao thuộc âm.

Nhiệt lao thuộc dương làm bệnh khô miệng, lở lưỡi, đau cổ họng, nước mắt, nước mũi chảy ra dính nhờm nhớp, lòng bàn tay bàn chân buồn phiền như nhối, tiểu tiện đỏ vàng, đại tiện táo kết. Nếu đã đến ngửa cổ họng, nói khàn khàn không thành tiếng là chết.

Hư lao thuộc âm làm bệnh đàm nhớt nhò ra màu trắng, da dầy đưa hơi ngược lên, miệng tanh gớm, ăn uống vào khó tiêu muốn ói ra, tiểu tiện nhiều khi đi ra đùng đục trắng trắng, đại tiện lỏng. Nếu đã đến ỉa lỏng hoài không trị hết là chết.

Còn có loại ho hắng mà rồi dần dần gầy mòn đi chỉ ngồi gục mà ho mà thở không nằm ngửa được đó là cả âm lao dương lao hợp lại làm bệnh.

Lao nặng quá gọi là Sái. Lao Sái là bệnh nan trị.

40.-- THÔI SANH 催生 = Thôi thúc bắt sanh ra, đun đẩy cho ra. Trong trường hợp người sản phụ đến giờ sanh mà không sanh ra được thì phải dùng phép, dùng thuốc Thôi sanh mà thúc đẩy ra. Nếu chưa đến giờ sanh, hay mặc dù đau bụng nhiều mà cũng chưa đến giờ sanh lại cho uống thuốc Thôi sanh để bắt sanh ra là chí nguy đó, nên cẩn thận.

41.-- VƯƠNG ĐẠO, BÁ ĐẠO 王道 霸道 = Cách điều trị của những người Đông Y phân ra 2 đạo : vương đạo và bá đạo.

Vương đạo là những người phần nhiều dùng nhân đức để trị bệnh, nghĩa là trong cách trị bệnh chỉ cần giữ sức khoẻ cho bệnh nhân trước, dù rằng bệnh nhỏ bệnh thường cũng chăm chăm giữ sức khoẻ để trị bệnh.

Bá đạo là những người phần nhiều dùng mưu thuật để trị bệnh, nghĩa là trong cách trị bệnh bất luận đến sức khoẻ của bệnh nhân, dù rằng sanh mạng của bệnh nhân đó nguy cấp, cũng cứ hăm hăm làm phương pháp mạnh để trị bệnh.

Trong việc trị bệnh, Vương đạo, Bá đạo khác nhau một trời một vực.

42. — THẤT KHIẾU 七 疾 = 7 lờ: tai 2, mắt 2, mũi 2, miệng 1 cộng là thất khiếu thuộc dương. Còn 2 khiếu nữa là đại tiện, tiểu tiện, 2 khiếu này thuộc âm. Cộng chung lại là người ta có cửu khiếu.

43. — TRỌNG CẢNH 仲 景 = Họ Trương. tên Cơ, tự là Trọng Cảnh, Người đất Nam Dương, đời Đông Hán bên Tàu, đỗ Hiếu Liêm (cử nhân) làm quan Thái Thú đất Trường Sa. Người đời thường gọi Ngài là Trương Cơ, Trương Trọng Cảnh, Trương Trường Sa. Ngài làm sách Thương hàn luận, cứu đời rất nhiều dù Biển Thước cũng không hơn. Đời sau tôn Ngài là Y Thánh. Ngài đứng đầu hàng « tứ thánh » : TRƯƠNG, LƯU, CHU, LÝ (Trương Trọng Cảnh, Lưu Hà Gian, Chu Đan Khê, Lý Đông Viên).

44. — ĐAN KHÊ = Họ Chu, tên Chấn Hanh, tự là Ngạn Tu. Người đất Nghĩa Ô, cuối đời Nguyên bên Tàu. Người đời thường gọi Ngài là : Chu Chấn Hanh, Chu Ngạn Tu, Chu Đan Khê. Học giả tôn Ngài là Đan Khê tiên sinh. Ngài thường nói rằng : « Kể sỹ nếu giỏi một nghề y trị, đem lòng nhân ái suy rộng ra mọi người thì dù không làm quan ở đương thời cũng là làm quan » ; gã chép rất nhiều sách : Đan Khê tâm pháp, Cách trị dư luận v.v... Ngài đứng thứ 3 trong hàng « Tứ Thánh » : TRƯƠNG, LƯU, CHU, LÝ. : (Trương Trọng Cảnh, Lưu Hà Gian, Chu Đan Khê, Lý Đông Viên).

- 45.— VƯƠNG THÁI BỘC** 王太僕 = Họ Vương, tên Bãng, hiệu là Khải Huyền Tử. Năm Bảo Ứng đời Đường, Ngài làm quan Thái Bộc Lệnh. Nên gọi Vương Thái Bộc. Ngài chép sách Huyền châu mật ngữ, làm Tổ Văn chú và Hoàng cực kinh thế chú.
- 46.— THÁI DƯƠNG** 太陽 = Thái dương là một kinh trong tam dương kinh : Thái dương, Dương minh, Thiếu dương. Tam dương kinh đều thuộc lục phủ. Tam dương kinh có thủ tam dương, tức tam dương là lục dương kinh. Thủ Thái dương thuộc Tiểu trường, tức Thái dương thuộc Bàng Quang.
- Dương khí từ dưới đất bốc lên, khi bắt đầu bốc lên gọi là Thái dương, đứng đầu cả tam dương.
- Khi tà khí rơi bắt đầu cảm nhiễm vào Thái dương kinh làm ra những bệnh như đau, nóng mình, cứng xương sống. Bệnh thuộc biểu chứng. Mạch Xích lộ, Thốn bộ đều phù, nên cho phát hãn
- 47.— MA HOÀNG THANG** 麻黃湯 = Bài thuốc uống cho phát hãn. Trong bài thuốc có MA HOÀNG 3 chỉ, QUẾ CHI TRIÊM 2 chỉ, HẠNH NHÂN 10 hạt, CAM THẢO 6 phân, SINH KHƯƠNG 3 phiến, HẠNH 2 củ (tươi khô cũng được) sắc uống nóng, cho ra mồ hôi. Chủ trị bệnh thuộc Thái dương biểu chứng mạch Phù Khẩn, cảm hàn, không có mồ hôi mới uống được. (Nam phụ sức lực khoẻ mạnh mà bệnh phát mùa lạnh mới uống được. Người yếu và người có thai không uống được). Uống một lần thấy có phát hãn rồi thì thôi, không cần uống thêm. Nếu không đúng bệnh, không đúng mạch, không nên phát hãn mà uống vào sẽ biến chứng khó trị.
- 48.— DƯƠNG MINH** 陽明 = Dương Minh là một kinh trong tam dương kinh : Thái dương, Dương minh, Thiếu dương.

Tam dương kinh đều thuộc lục phủ. Tam dương kinh có thủ tam dương, tức tam dương là lục dương kinh. Thủ Dương minh thuộc Đại Trường, Túc Dương minh thuộc Vị.

Dương khí đã lên đến độ cực sáng, cực thịnh, đứng giữa 2 dương kinh : Thái dương và Thiếu dương. Nên gọi Dương minh.

Khi tà khí ở Thái dương kinh 2, 3 ngày không trị hết truyền sang Dương minh kinh làm ra những bệnh như nổi mẩn, khô lỗ mũi, nóng miệng, không ngủ. Bệnh cũng còn thuộc biểu chứng. Mạch Xích bộ, Thốn bộ đều trướng, nên cho thanh nhiệt giải cơ.

49. — THỪA KHÍ 承氣 = Thừa khí có 3 bài : ĐẠI THỪA KHÍ THANG, TIÊU THỪA KHÍ THANG và ĐIỀU VỊ THỪA KHÍ THANG, đều là thuốc để cho hạ (xả). Đại thừa khí là thuốc cho hạ mãnh cấp ; Tiêu thừa khí là thuốc cho hạ tri hoãn ; Điều vị thừa khí là thuốc cho hạ dễ thuận lợi hòa trung.

Đại thừa khí thang trong có ĐẠI HOÀNG, HẬU PHÁC, CHỈ THỰC, MANG TIÊU mỗi thứ 2 đồng 5 phân. Trước đem HẬU PHÁC, CHỈ THỰC bỏ vào siêu, đổ độ hơn chén nước, nấu lên, còn lại độ 7 phân, rồi bỏ ĐẠI HOÀNG vào, đun sôi lên độ vài phút, xong rót ra, bỏ bã đi, lại đổ nước thuốc ấy vào siêu, bỏ MANG TIÊU vào đun sôi lên, đem ngay ra rót uống, uống vào nếu thấy hạ được rồi thì thôi, không uống nữa. Nếu chưa hạ được thì lại bỏ mấy vị đã nấu ấy vào siêu, đổ 7 phân nước nữa vào đun lên mà uống lần nữa sẽ hạ.

Tiêu thừa khí thang trong có ĐẠI HOÀNG 5 chỉ, CHỈ THỰC, HẬU PHÁC mỗi thứ 2 chỉ (không có mang tiêu) cách nấu, cách uống như trên.

Điều vị thừa khí thang trong có ĐẠI HOÀNG 4 chỉ, CAM THẢO 1 chỉ, MANG TIÊU 1 chỉ, cách nấu, cách uống như trên.

Cả 3 bài Thừa khí. Nếu không đúng bệnh, không dùng mạch, không nên cho hạ, mà uống vào sẽ sinh nhiều chứng bệnh khác khó trị.

50. - QUYẾT 厥 = chân tay lạnh mà khí nghịch lên. Bệnh thuộc Quyết âm kinh, âm khí hết thì biến sinh ra quyết nghịch.

Quyết nghịch có hàn quyết, nhiệt quyết.

Hàn quyết thì âm nang hay âm lộ co rút lại mà chân tay lạnh.

Nhiệt quyết thì tân dịch khô cạn không dật ra từ chi làm nước đáỉ đỏ mà chân tay ấm. Nghĩa là nhiệt khi trầm phục xuống mà sợ lạnh, hay hư hàn quá mà phát táo. Gọi là bệnh quyết.

51. - KÍNH 瘕 = Cứng, gân thịt bị phong làm dũ mà co rút lại cứng nhắc. Nhưng kính có cương kính, nhu kính. Dương mà cực là cương kính, gân thịt cứng nhắc, thuộc phong chứng.

Âm mà cực là nhu kính, gân thịt mềm nhũn, thuộc quyết chứng.

52. - ĐẠI SÀI HỒ THANG 大柴胡湯 :

柴胡 SÀI HỒ 3 chỉ

黄芩 HOANG CẨM

白芍 BẠCH THUỘC

枳壳 CHỈ XÁC

半夏 BẠN HẠ 1 chỉ 4 phân mỗi thứ.

SINH KHƯƠNG 3 phiến, ĐẠI TẢO 2 quả, tất cả bỏ vào sắc khi gần được bỏ vào ĐẠI HOANG 3 chỉ, đun sôi vài phút rót ra uống nóng. Thông lợi được thì thôi. Chủ trị bệnh thuộc kinh Thiếu dương chuyển sang lý chứng.

53. - BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG 补中益气汤 :

人參 NHÂN SÂM 3 chỉ tầm gừng sao

黃芪	HOÀNG KỶ	3	— tâm mật sao
川歸	XUYÊN QUY	3	—
白朮	BẠCH TRUẬT	3	— sao
升麻	THĂNG MA	2	—
柴胡	SÀI HỒ	2	—
陳皮	TRẦN BÌ	2	—
甘草	CAM THẢO	1	—

Thêm gừng táo sắc nóng. CHỮ TRỊ trung khí suy, tinh thần kém, hình thể gầy ốm.

54.— QUY TỶ THANG 歸脾湯 :

人參	NHÂN SÂM	3	chi, tâm gừng sao
黃芪	HOÀNG KỶ	3	— tâm mật sao
川歸	XUYÊN QUY	3	—
白朮	BẠCH TRUẬT	3	— sao.
茯神	PHỤC THẦN	3	—
遠志	VIỄN CHÍ	2	— chế
龍眼肉	LONG NHÃN NHỤC	1	—
木香	MỘC HƯƠNG	5	phân
甘草	CAM THẢO	1	chi, thêm gừng, táo.

Lấy nước sắc uống.

CHỮ TRỊ bệnh tinh thần không yên định, ít ăn, ít ngủ và quy Tâm hỏa về với Tỳ thổ.

55.— LỤC QUÂN TỬ THANG 六君子湯 :

人參	NHÂN SÂM	2	chi, tâm gừng sao
白朮	BẠCH LINH	3	—
白朮	BẠCH TRUẬT	3	— sao
甘草	CAM THẢO	1	—
陳皮	TRẦN BÌ	1	— phân
半夏	BÁN HẠ	7	phân, thêm gừng 3 phiến táo 1 quả.

Lấy nước sắc uống.

Chủ trị Tý Vị hư hàn; kém ăn, đầy bụng, nóng âm.
TỨ QUÂN TỬ THANG 四君子湯: tức là bài LỤC QUÂN TỬ THANG ở trên mà bỏ TRẦN BÌ, BẮN HẠ đi, sắc uống. Chủ đề bổ khí, trợ Tý.

56.— NGŨ LINH TÁN 五苓散:

猪苓	TRƯ LINH	3 chỉ
茯苓	PHỤC LINH	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	3 —
澤瀉	TRẠCH TẢ	3 —
肉桂	NHỤC QUẾ	5 phân.

Tán nhỏ, mỗi lần uống 1 chỉ với nước lã sôi, hay là sắc lấy nước uống cũng được. Chủ trị bệnh thương hàn đã ngoài 6 ngày mà còn là biểu chứng và đề thông lợi tiểu tiện, tiêu phù thũng.

57.— TIỀN THỊ 錢氏. Họ Tiền, tên Ất, tự là Trọng Dương. Người đất Tiền Đường đời Tống bên Tàu. Ông chép sách Thương hàn chỉ vi luận 5 quyển.

58.— TỨ VẬT THANG 四物湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	2 chỉ
川歸	XUYÊN QUY	3 —
熟地	THỰC ĐỊA	5 —
白芍	BẠCH THUỘC	3 —

Lấy nước sắc uống. Chủ đề dưỡng huyết, bổ âm huyết. Nếu muốn có hành huyết, lương huyết thì đổi ĐƯƠNG QUY làm QUY VĨ, đổi THỰC ĐỊA làm SINH ĐỊA, đổi BẠCH THUỘC làm XÍCH THUỘC.

59.— ÍCH MẪU HOÀN 益母丸 = Cây ÍCH MAU THẢO lấy cả thân cây hoa lá cành, nhiều ít tùy ý, cắt nhỏ rửa sạch, giã nát, nấu lấy nước, gạn lọc, cô đặc lại thành cao, pha ít chút đường đen, bỏ lọ đậy kín uống dần. Chủ đề điều kinh cầu tự. Tức là Cao Ích Mẫu.

60.— LỘC GIÁC HÔI 鹿角灰 = Miếng sừng hươu đốt cháy
giã nát ra uống. Chủ đề cầm máu.

61. NGUYÊN HỒ TÁN 元胡散 :

元胡索	NGUYÊN HỒ SÁCH	1 lượng
肉桂	NHỤC QUẾ	8 chỉ
木香	MỘC HƯƠNG	2 —

Tán nhỏ, mỗi lần 2 chỉ, uống với nước nóng pha chút nước gừng. Chủ đề tán huyết chỉ thống. Nguyên Hồ Sách hay Huyền Hồ Sách, hay Diên Hồ Sách cũng là một.

62.— SINH MẠCH TÁN 生脉散 : NHÂN SÂM, NGŨ VỊ
TỬ mỗi thứ 3 chỉ, MẠCH MÔN ĐÔNG (khử tâm) 2
chỉ. Lấy nước sắc uống, đề chỉ khát sinh tân.

63.— TỨ NGHỊCH THANG 四逆汤 :

乾姜	CÀN KHƯƠNG	5 chỉ
附子	PHỤ TỬ	2 — 5 phân
甘草	CAM THẢO	1 lượng.

sắc uống, đề cứu lý, hồi dương.

64.— TIỂU TỤC MỆNH THANG 小续命汤 :

防己	PHÒNG KỶ	
肉桂	NHỤC QUẾ	
杏仁	HẠNH NHÂN	
黄芩	HOÀNG CẨM	
白芍	BẠCH THUỘC	
甘草	CAM THẢO	
人参	NHÂN SÂM	
川芎	XUYÊN KHUNG	3 chỉ mỗi thứ
麻黄	MA HOÀNG	7 phân
附子	PHỤ TỬ	1 chỉ
防风	PHÒNG PHONG	1 — 5 phân.

Thêm gừng, táo sắc uống. Trị bệnh trúng phong.

65.— CHI TỬ THÌ THANG 梔子豉湯:

梔子	CHI TỬ	4 quả
豉	ĐẬU THÌ	6 chỉ.

Lấy nước sắc uống, uống vào để cho thổ ngay ra.
Trị bệnh thương hàn đầy trướng bí tắc.

66 — LOẠI THƯƠNG HÀN 類傷寒 — Loại thương hàn cũng gọi là Phó thương hàn. Nghĩa là bệnh thì bắt đầu là phát lạnh run người rồi dần dần phát nóng mà phát bệnh một cách tri hoãn, nhẹ hơn chính thương hàn.

Cách điều trị cũng tựa như trị bệnh chính thương hàn.

67.— THIẾU DƯƠNG 少陽 — Thiếu dương là một kinh trong Tam dương kinh: Thái dương, Dương minh, Thiếu dương.

Tam dương kinh đều thuộc lục phủ. Tam dương kinh có thủ tam dương, tức tam dương là lục dương kinh. Thủ Thiếu dương thuộc Tiểu trường, tức Thiếu dương thuộc Hâm.

Dương khí còn non nớt, kém với Dương minh, nên gọi Thiếu dương.

Khi tà khí ở Dương minh 3, 4 ngày không trị hết truyền sang Thiếu dương làm ra những bệnh tai ù điếc, hông hiệp đau, nóng lạnh, ưa mưa đảng miệng. Bệnh cũng còn là biểu chứng, nhưng đã đến giai đoạn nặng bệnh, nếu vài ngày không trị hết sẽ chuyển sang âm kinh, thành lý chứng. Mạch Xích bộ, Thốn bộ đều huyền, nên cho hòa giải.

68.— TRÚC LỊCH 竹瀝 — Nước tự nhiên cây tre non. Phép lấy. Lấy một đoạn tre non dài độ 30 hay 40 phân trừ 2 mấu 2 đầu, lấy dao xẻ dọc quăng giữa 5 — 3 cái, đem khúc tre hơ trên lửa hay nướng than hồng.

xoay trở chung quanh cho thấu cho đều, đem ra, cầm 2 đầu khúc tre vặn lại (vặn ngay lúc đang nóng) nước tre non chảy ra, lấy chén hứng lấy mà dùng, gọi là nước Trúc lịch. Trị bệnh âm hư sinh nhiệt mà khát nước.

TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRÁP 竹瀝姜汁 — Nước trúc lịch có pha gừng. Phép lấy nước Trúc lịch khương traps cũng lấy đoạn tre, cũng xẻ, cũng hơi lửa, cũng vặn như trên, nhưng trong chỗ tre xẻ ra có đặt mấy miếng gừng tươi vào đấy, gọi là Trúc lịch khương traps. Chủ trị nóng âm, ới mửa khát nước.

69. — SÀI HỒ THANH CAN THANG 柴胡清肝湯 :

柴胡	SÀI HỒ	1 chỉ 5 phân
山梔	SƠN CHI	1 —
黃芩	HOÀNG CẨM	1 —
人參	NHÂN SÂM	1 —
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
連翹	LIÊN KIỀU	8 phân
桔梗	CÁT CẢNH	8 —
甘草	CAM THẢO	5 —

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh hàn nhiệt vắng lai.

70. — ĐƯƠNG QUÝ LỤC HOÀNG THANG 當歸六黃湯 :

黃芩	HOÀNG CẨM	5 phân
黃連	HOÀNG LIÊN	5 —
黃柏	HOÀNG BÁ	5 —
生地	SINH ĐỊA	5 —
熟地	THỤC ĐỊA	5 —
川歸	XUYÊN QUY	5 —
黃芪	HOÀNG KỶ	3 chỉ

Lấy nước sắc uống. Một bài thuốc thành đề trị bệnh đạo hàn (bổ hơi trộm).

71.— AN THẦN HOAN 安神丸:

黃連	HOÀNG LIÊN	6 chỉ
甘草	CAM THẢO	1 — 5 phân
正硃砂	CHÍNH CHU SA	5 chỉ

(Nếu muốn thêm ĐƯƠNG QUY 2 chỉ 5 phân, SINH ĐẠ 1 chỉ 5 phân cũng được) cùng tán nhỏ, cho thêm 1 chút bột gạo vào trộn chung với thuốc đã tán nhỏ, đổ vào chút nước trộn cho đều, đem xào lên cho chín, liệu vừa dẻo dẻo, đem ra viên, viên nhỏ bằng hạt tằm, phơi khô lấy bột CHU SA làm áo. Mỗi lần uống 15 — 20 viên. Trị bệnh trong tâm buồn phiền, nóng nảy, hoảng hốt, không ngủ được.

72.— ĐỊNH CHÍ TÁN 定志散:

人參	NHÂN SÂM	1 lượng
白朮	BẠCH LINH	3 —
遠志	VIỄN CHÍ	2 —
菖蒲	XƯƠNG BỒ	2 —

(Nếu muốn thêm HỔ PHÁCH 3 chỉ, UẤT KIM 2 chỉ cũng được) cùng tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, hoàn to bằng hạt ngô, lấy bột CHU SA làm áo, mỗi lần uống 5 — 10 viên. Trị bệnh đăm mê tâm khiêu, sợ sệt, hoảng hốt, hay quên.

73.— MỘC HƯƠNG BÌNH LANG HOÀN 木香枳榔丸:

木香	MỘC HƯƠNG	1 lượng
枳壳	CHÍ XÁC	1 —
青皮	THANH BÌ	1 —
杏仁	HẠNH NHẬN	1 —
枳榔	BÌNH LANG	1 —
郁李仁	ỨC LÝ NHẬN	2 —
半夏曲	BÁN HẠ KHỨC	2 —

Tất cả tán nhỏ, đề dầy. Lấy TẠO GIÁC 2 lượng, sắc lên cho đặc lại, bỏ bã đi, gạn lọc rồi, cho vào chút

mật, đun sôi lại cho thật đặc thêm, đem ra luyện với thuốc đã tán, làm hoàn to bằng hột ngô, mỗi lần uống vài chục hoàn, uống lúc đói, uống với nước nóng có chế chút nước gừng, để khoan hung, lợi cách, phá đàm, trọc âm, khoái khí, tiêu thực.

74.— LƯU KHÍ ÁM TỬ 流氣飲子 :

紫蘇	TỬ TÔ	5 phân
烏藥	Ô DƯỢC	5 —
青皮	THANH BÌ	5 —
桔梗	CÁT CẢNH	5 —
陳皮	TRẦN BÌ	7 phân rượu
白朮	BẠCH LINH	7 —
川歸	XUYÊN QUY	7 —
白芍	BẠCH THƯỢC	7 —
川芎	XUYÊN KHUNG	7 —
黃芪	HOÀNG KỶ	7 —
枳實	CHỈ THỰC	7 —
半夏	BÁN HẠ	7 —
防風	PHÒNG PHONG	1 —
甘草	CAM THẢO	4 phân
檳榔	BINH LANG	1 chỉ
木香	MỘC HƯƠNG	3 phân.

Thêm KHƯƠNG, TÁO, sắc uống. Trị bệnh khí nghịch thượng công, vai và lưng nhức, hông hiệp đầy trướng đau tức.

75.— BÁN HẠ KHÚC 半夏曲 : BÁN HẠ (tùy ý nhiều ít) cắt nhỏ bỏ vào nồi, đổ nước vào đun chín, gạn nước ấy đi. Đổ nước khác vào lại đun sôi kỹ, lại gạn đi. Luộc lại, gạn đi như vậy 9 lần. Đem ra phơi khô tán nhỏ, trộn nước lã luyện làm hoàn, hoàn to như hạt ngô lớn. Lấy rơm nếp, sắp ướt, rải dưới đất, chỗ kín gió, đặt tờ giấy vào giữa, rải BÁN HẠ HOÀN vào trên tờ giấy, lại lấy tờ giấy nữa dày lên trên. lấy rơm sắp ướt phủ kín, phủ dày lên trên, để yên

7 ngày. BÀN HẠ thành meo. Dem ra phơi chỗ thoáng gió cho thật khô. Để dành đợi khi dùng, càng để lâu càng tốt. Khi dùng tùy theo bệnh chứng mà dùng nhiều ít. BÀN HẠ KHỨC người có thai cũng dùng được.

76.— HOẮC LOẠN 寒 亂 HOẮC : huy hoắc, mau chóng, gấp rút. LOẠN : rối loạn, cuồng quýt. Nghĩa là đau bụng hoắc loạn, cũng gọi là bệnh « giáo trường sa » nghĩa là nó vặn ruột lại.

Chứng bệnh này bởi cái mầm độc hoắc loạn nó xâm nhập trong ruột mà phát. Bệnh trạng làm ra đau bụng cuồng quýt, trên thổ, dưới tả, mạch nhỏ, tiếng khản, rút gân, cơ thịt lại đau nhức, 10 đầu ngón tay khuyết trũng xuống, quá lắm toàn thân phát lãnh, không khéo điều trị, chỉ mấy tiếng đồng hồ là không thể cứu được.

Mầm hoắc loạn sinh ra bởi ăn uống đồ sống lạnh, cảm nhiễm thử thấp, âm dương thác loạn không điều hòa, mưỡn thăng không thăng, mưỡn giáng không giáng được.

Nhớ rằng, khi phát bệnh chớ có ăn uống một chút cơm cháo nào cả, phải để thổ tả ra cho đến hết mới trị được. Nếu khi đang bệnh chỉ ăn một chút cơm cháo xuống cở họng là sẽ nguy.

Phải chờ khi bệnh đã yên hẳn rồi mới có thể dùng một vài tý nước cháo lỏng mà thôi.

77.— BÁT TRÂN THANG 八珍湯 :

人參	NHÂN SÂM	2 chi
白朮	BẠCH LINH	3 —
甘草	CAM THẢO	1 —
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
川歸	XUYÊN QUY	2 —
熟地	THỤC ĐỊA	3 —
白芍	BẠCH THỰC	1 —
砂仁	SA NHÂN	1 —

(Bài thuốc này tức là bài **BÁT VẬT THANG** khí **TRUẬT** gia **SA NHÂN**) **SINH KHƯƠNG**, **ĐẠI GẢO**, lấy nước sắc uống, để hòa khí huyết, tráng tỳ vị.

78.— VỊ HOÀN THỐNG 胃皖痛 (có người đọc là Vị can thống) Vị = dạ dày. **HOÀN** = màng. Vị có thương hoàn, trung hoàn, hạ hoàn, Vị hoàn thống = nói chung là đau cả màng trong dạ dày.

79.— THẤT TIỂU TÁN 失笑散: **BỒ HOÀNG** 蒲黄, **NGŨ LINH CHÍ** 五灵脂 2 thứ cân lượng bằng nhau (tùy ý nhiều ít) tán nhỏ, mỗi lần lấy 2 đồng cân đổ chút giấm vào, trộn cho nhiên, xong đổ vào một chén nước lã, đun sôi lên, uống lúc đói, uống nóng. Trị bệnh khí thống ở Tim và Tiểu trường.

80.— HƯƠNG LIÊN HOÀN 香連丸:

黄連	HOÀNG LIÊN	5 lượng
甘草	CAM THẢO	1 —

Cắt nhỏ, bỏ vào nồi, đổ nước vừa sâm sắp ớt, hòa chút mật, trộn cho đều, đem đun cách thủy, cho cạn, lấy ra phơi khô, lại cho nước, cho mật, cho thuốc vào nồi mà đun mà phơi như vậy 9 lần. Phơi khô sao giòn, thêm **MỘC HƯƠNG** 1 lượng, cùng tán nhỏ luyện hồ làm hoàn, hoàn nhỏ nhỏ, mỗi lần 10 hoàn uống với nước cháo hay rượu. Trị bệnh tỵ.



MỤC - LỤC NỮ - KHOA



1. MỤC ĐIỀU KINH

Hành kinh trước ngày định kỳ.	225
Hành kinh sau ngày định kỳ.	227
Hành kinh trời sục không đúng kỳ.	229
Kinh thủy đang có, một thoáng đã hết, một thoáng lại có và còn có cơn nóng cơn lạnh vãng lai.	230
Kinh thủy trong một tháng đã hành rồi lại hành nữa.	231
Kinh thủy vài ba tháng một lần hành.	233
Kinh chưa hành đã đau bụng.	235
Sau khi hành kinh rồi đau bụng dưới.	236
Trước ngày sắp hành kinh, dưới rốn quặn đau.	237
Trước ngày hành kinh, thò ra huyết.	238
Trước ngày hành kinh, đại tiện ra máu.	240
Trước ngày hành kinh, ỉa chảy.	242
Tuổi đã già còn hành kinh trở lại.	243
Tuổi chưa già, kinh thủy đã hết.	244

2. MỤC CHỨNG TỬ

Người gầy không thụ thai.	247
Người béo không thụ thai.	248
Nhút nhát yếu đuối không thụ thai.	250
Hư nhược, hàn lãnh không thụ thai.	251
Lưng đau, bụng trướng không thụ thai.	253
Đái gắt, bụng đầy, chân phù thũng không thụ thai.	254
Trong xương hun nấu, lại nóng về đêm không thụ thai	255
Bụng dưới găng bức không thụ thai.	257
Hạ bộ hàn lãnh không thụ thai.	259
Ghen ghét không thụ thai.	260

3. BỆNH BĂNG HUYẾT

Bị băng huyết làm đầu mắt mờ tối.	262
Uất nhiệt kết lại làm băng huyết.	263
Bị đánh đòn, bị té ngã làm băng huyết.	264
Huyết hải nóng quá, băng huyết.	266
Giao cảm với nhau, ra máu.	268
Tuổi đã già còn băng huyết.	270
Người thiếu phụ bị băng huyết.	271

4. MỤC ĐÁI HẠ

Nước mạch đái chảy xuống trắng.	273
Nước mạch đái chảy xuống xanh.	275
Nước mạch đái chảy xuống vàng.	276
Nước mạch đái chảy xuống đen.	278
Nước mạch đái chảy xuống đỏ.	279

5. MỤC NHÂM THẦN

Khi mang thai tức ngực, nặng tim không cho ăn (thai nghén).	282
Có thai khô miệng, đau cuống họng.	284
Khi mang thai đau bụng, vừa thò, vừa tả.	286
Khi mang thai đau bụng dưới.	288
Khi mang thai phát phù thũng.	289
Khi mang thai đau bụng, đau lưng, ra mồ hôi, khát nước nóng nảy phát cuồng.	291
Khi mang thai, cái thai bị găng làm đau ở bên hông	293
Khi mang thai, con trong bụng khóc, lưng đau.	295
Khi mang thai, tiểu tiện ra huyết. Gọi là bệnh « thai lậu ».	296
Khi mang thai, te ngã bị thương.	297
Khi mang thai, nóng giận nhiều quá, hư thai.	299
Khi mang thai, trúng ác khí.	300

6. MỤC TIỂU SẢN (Đẻ thiếu tháng)

Sợ lạnh, đau bụng, đẻ non (đẻ thiếu tháng)	302
Đại tiện khô kết, đẻ non	303
Giận quá, đẻ non.	304
Té ngã đau nhức, đẻ non.	306
Làm truyện khoái trong phòng, đẻ non	307

7. MỤC LÂM SẢN

Thiếu máu khó sanh	309
2 xương giao nhau, không mở ra	310
Hơi đưa ngược, khó sanh.	312
Chân hay tay ra trước	313
Cái thai chết ở Sản môn.	315
Cái thai chết trong bụng.	316
Cái nhau không xuống.	318
Khí suy yếu, huyết vừng lên.	321
Huyết vừng lên, không nói được.	323
Ruột sa xuống.	324

8. MỤC SẢN HẬU

Sanh rồi, máu xấu đánh vào tim làm cuồng vạng.	326
Sanh rồi, bụng dưới đau.	327
Sanh rồi, lên cơn thờ.	330
Sanh rồi, băng huyết.	332
Sanh rồi, trong bụng góm sọ, ói mửa.	333
Sanh rồi, sợ lạnh run người.	334
Sanh rồi, ho suyễn, bốn tay chân phù thũng.	336
Sanh rồi, khí và huyết đều hư, không có sữa.	338
Sanh rồi, bực giận kết lại, mạch sữa không thông.	339
Trong khi sanh, bị tay bà đỡ làm rách bào thai, máu ra lâm ly không ngừng.	341
Sanh rồi, lá gan bủn rủn.	342
Sanh rồi, lòi ra một sợi giây thịt.	344

9. PHỤ SINH HÓA BIÊN

Phép trị bệnh cho người mới sanh	347
Tổng luận về «sinh hóa».	351
Máu xông lên đầu mặt.	354
Bệnh phát lạnh.	355
Huyết ra như trút xuống	358
Hơi thở ngắn tựa như suyễn.	360
Nóng lạnh.	361
Trúng gió	362
Thương hàn, dịch chứng và ngược lại.	363
Bệnh tựa như thương hàn.	363
Bệnh tựa như trùng phong.	367
Bệnh tựa như sốt rét ngã nước.	369
Bệnh ra mồ hôi.	371
Bệnh ra mồ hôi trộm.	373
Khát nước và tiểu tiện bất lợi	374
Nói lầm nhảm, nhìn băng quơ.	375
Vì ăn làm đau.	378
Vì khí làm đau.	379
Ho khan, ho đàm.	381
Ụa mưa.	382
Đau bụng cuồng quýt rối rít.	381
Phù nước.	385
Máu dư chảy đi rồi ngưng lại làm ung.	387
Trong bụng đầy.	388
Run khiếp sợ hãi.	390
Đau tim.	392
Đau bụng.	393
Đau lưng.	394
Đau hai bên hốc bụng.	395
Đau khắp mình.	396
Đau bụng dưới.	397
Ỉa chảy.	397
Đại tiện ra còn nguyên cơm không tiêu.	400
Bệnh đi lỵ.	401

10 — PHỤ CHÚ về NỮ KHOA

của

DỊCH GIẢ

403

NAM KHOA * NỮ KHOA

SÁCH THUỐC TRỊ BÁC CHỨNG THEO ĐÔNG Y
Nguyên do phát bệnh. Lý do dùng thuốc.
Bệnh nào thuốc ấy rất rõ ràng, như một gia sư
trong gia đình, mà là một bùa hộ mạng.

Văn Phòng Dịch Giỏ
199, Nguyễn Cư Trinh, Saigon 2



NAM KHOA * NỮ KHOA
IN LẦN THỨ NHẤT 1.000 QUYỀN VÀ
150 QUYỀN GIẤY ĐẶC BIỆT. IN TẠI
ÁN QUÁN ĐOÀN VIÊN 131. CỐNG
QUỖNH. SAIGON 2, GIẤY PHÉP SỐ
54/73 - BDVCH/PHBCNT/ALP/TP NGÀY
05-01-1973. GIẤY PHÉP NÀY THAY
THẾ GIẤY PHÉP SỐ 3216-PTUDV/KS
ALP/TP NGÀY 16-8-73.



GIÁ : 1.450 \$